NGUYỄN VÁN THOA

TRA-AM
vā sư
VIÊN-THĀNH

MÔN ĐỒ BA-LA VÀ TRA-AM ẤN-HÀNH



THƯ VIỆN HUỆ QUANG ẢNH ẤN - 2017

PHẬT LỊCH 2517

TRA-AM

và

SƯ VIÊN-THÀNH

(1879 — 1928)



— THIẾU NỮ THỦ —



CHÂN DUNG SƯ VIÊN-THÀNH

KÍNH TẶNG MẸ

LỜI PHI LỘ

Thầy tôi khuất bóng nay đã 46 năm. Tôi cũng đã trải qua mấy chục năm trường, đem tài sức hữu hạn của mình chung lo hành đạo và hóa đạo, cho đến bây giờ tuổi gần bảy mươi, mà ân hưởng của Thầy tôi ngày nào vẫn thấy còn đầm ấm bên lòng. Tình Thầy trò ngoài cái nghĩa là tình thiện tri thức được xông ướp trong mùi hương đạo, còn có nghĩa của một thứ tình gắn vó túc duyên không sao nói hết được.

Tôi xuất gia theo Thầy năm mười bảy. Cũng là số tuổi đời mà Thầy tôi xả vọng tầm chơn. Đến năm hai mươi tuổi, tôi được thiện duyên thọ cụ túc giới. Trong giới đàn nầy tôi đồ thủ Sa Di, và lúc trở về chùa, tôi cảm thấy nỗi hoan hỷ sâu xa nơi Thầy tôi đối với con đường đạo tương lai mà tôi đã bước được một bước đầu. Nỗi hoan hỷ đó, ngày nay hồi tưởng lại, cũng còn thấy tình Thầy như đám

mây lành phủ bóng trên người. Tôi không khỏi bùi ngùi tưởng tượng Thầy, đã không được như tôi, mà đơn độc một mình một bóng trở về chùa lặng lẽ sau khi đỗ thủ Sa Di và thọ Cụ Túc giới; bấy giờ Thầy đã hai mươi hai tuổi, mà Sư Tổ thì đã thị tịch trước đó rồi.

Có lẽ nhờ túc duyên hiếm có, nên mỗi bước đường đạo của tôi đều gần như bước trùng lên dấu bước của Thầy, khiến cho mỗi lần nghĩ nhớ thời gian quá khứ của đời mình, tôi thấy bóng dáng của mình lồng trong bóng dáng vĩ đại của Thầy.

Trước khi thị tịch, Thầy có di ngôn cho tôi rằng, cảnh Trà Am chỉ là cảnh tạm cho Thầy tu dưỡng mà thôi, chứ tâm chí của người tu Phật thì lấy thế giới chúng sanh làm nhà; nơi nào đủ thiện duyên hành đạo và hóa đạo thì hãy đến. Rồi Thầy trao tay một bộ kinh Pháp Hoa và tập Lược Ước Tùng Sao, vốn là tập sách ghi chép các sáng tác thi văn của Thầy. Từ đó, đi đâu tôi cũng mang theo hai bộ sách ấy. Kinh Pháp Hoa thì để tụng niệm, lấy đó làm kim chỉ nam bước theo, đưa về cứu cánh nhất thừa của Chư Phật. Lược Ước Tùng Sao thì để hằng đọc và hằng nhớ di âm và thâm tình trời biển của Thầy.

Tâm nguyện tôi là làm sao có cơ duyên thuận tiện để sao dịch và ấn hành «Lược Ước Tùng Sao». Nhưng năm nầy qua năm khác, giữa cảnh đời náo nhiệt thì Phật sự cũng đa đoan, cho nên tâm nguyện chưa thành tựu. Nhân gặp Phật tử Nguyễn văn Thoa, có ý biên soạn về cuộc đời và thi văn của Thầy, tôi vô cùng hoan hỷ trao cho tập «Lược Ước Tùng Sao», và nhận phần ấn loát.

Tập sách được viết gồm có hai phần, phần đầu là tiểu sử, phần kế là dịch trọn thi văn. Sau khi đọc xong bản thảo, tôi gởi ngay đến Thượng Tọa Trí Quang nhờ đọc và viết bài tựa. Tôi cũng muốn có thêm nhiều ý kiến bổ túc khác, hầu cho tập sách được hoàn bị, nên đã nhờ Thầy Nguyên Hồng, hiện là Khoa Trưởng Phân khoa Giáo Dục; Thầy Tuệ Sỹ, nguyên Giáo sư Phật học Viện Đại Học Vạn Hạnh; Giáo sư Bửu Cầm, Giáo sư Trường Đại Học Văn Khoa Saigon; Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, đọc và nhuận sắc.

Việc ấn loát được giao phó cho nhà in Hoa Sen của Phật Học Viện Nhatrang. Vì xa cách tác giả, vì phương tiện eo hẹp của nhà in, nên sách không tránh khỏi những lỗi lầm đáng tiếc. Mong tác giả hoan hỷ cho điểm nầy.

Nói về tình riêng, thì việc ấn hành là để tưởng nhớ và báo đáp công ơn muôn một của Thầy. Nói về nghĩa chung, thì tôi mong được nương bóng Thầy để đóng góp cho gia tài Văn học Phật giáo Việt Nam.

Phải qua một năm sách mới in xong. Tôi viết mấy lời phi lộ nơi đây. Tôi không quên tán thán công đức biên soạn và phiên dịch của tác giả, cảm tạ Thượng tọa Trí Quang, và các Thầy Nguyên Hồng, Tuệ Sỹ, Giáo sư Bửu Cầm, Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, đã hỗ trợ cho công trình của tập sách nầy.

Tu Viện Quảng Hương Già Lam
Mùa Phật đản 2518, đầu mùa hạ năm Giáp Dần.
Thiên Thệ Tử THÍCH TRÍ THỦ

Chân thành cảm tạ :

— **Chuyết Nghiệp Lão Tiên Sinh Nguyễn Hữu Chương**, một bậc Thầy, một người bạn vong niên, đã cùng chúng tôi đọc, bình luận tác phẩm LƯỢC ƯỚC TÙNG SAO trong những ngày buồn nhất của đổ vỡ.

— **Hòa Thượng Thích Trí Thủ** đã cho mượn tác phẩm Lược Ước Tùng Sao, cung cấp nhiều giai thoại quý báu về Sư Viên Thành và đã đọc lại bản thảo, sửa chữa cho nhiều sai lầm, thiếu sót.

— **Thượng Tọa Thích Như Ý** tọa chủ Tra Am, đã cho mượn tất cả văn kiện, tài liệu và bỏ công sưu tầm giúp chúng tôi nhiều thơ văn trong việc tái dựng lịch sử Tra Am.

— **Giáo Sư Bửu Cầm** và **Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương** đã đọc và chỉ dẫn cho nhiều điều cần thiết.

— **Quý cụ Trưởng Tộc** Phòng Định Viễn và họ Nguyễn Khoa đã cho chúng tôi tham khảo ngọc phổ quý phòng và thế phổ quý họ.

SOẠN GIẢ

Tựa

Bổn sư tôi, thầy Thích Chánh-Giáo, vốn là đệ-tử ngài Đắc-ân và học với ngài Tra-am. Mỗi khi nói đến hai ngài, Thầy nói với giọng khác thường, cực kỳ thân mà kính. Tôi chưa nghe giọng ấy, vô tình hay hữu-ý, đã có với ai. Tôi biết người gọi là ngài Tra-am, là do đó.

Khi vào Huế học Phật, tiếng Tra-am nghe càng hấp dẫn. Hương-thừa của cao-tăng vẫn còn thơm động. Tuy vậy, không hiểu tại sao tôi đã chưa đến đó, dầu bạn học liên hệ Tra-am đã có, bạn học khác rủ đi cũng nhiều. Trong thời gian nầy, thỉnh-thoảng chỉ nghe anh ruột tôi, nhưng là bạn nhỏ và rất thân với Văn-đàm, vẫn hay ngâm-nga cái câu mà ông này bái phục và nói cho. Đó là câu «thế phi dũng liệt trượng-phu, đại giải-thoát, hán hà dĩ kham thử» nằm trong bài tựa ngài Tra-am viết cho kinh Pháp-bảo đàn. Điều lạ là thầy tôi nói với tôi về ngài Tra-am nhiều lắm. Thầy cũng là người khá rành và thích thi văn. Nhưng đã không nói đến câu nầy. Thì ra cái khoái nhân cách với cái khoái khẩu khí có trường hợp vẫn khác nhau.

Năm 24 tuổi tôi mới đến Tra-am. May cho tôi là cảnh tuy có vẻ suy tàn, nhưng ý vị vẫn còn. Còn đến nổi Tra-am mới đáng nói là «tình cảnh» Nổi bâng-khuâng xúc-cảm của tôi đã vượt ngoài cái nghe cũ. Người ta chỉ cho tôi tháp ngài. Tôi đã nhìn với cái nhìn chiêm ngưỡng.

Tôi nói may cho tôi, vì nếu tôi đến chậm thì hết đến nổi sau đó, đến lại mấy lần, tôi đã bực thầm, bụng bảo dạ, «thực hết rồi» Tra-am sau này chỉ là của người sau, tương phản đến nổi, so với vài chổ xuống suối Tra-am (may mà còn vài chổ ấy), thấy mà ngao ngán.

Cũng vì tâm-trạng nầy mà có lần tôi định viết một cuốn sách về ngài Tra-am. Tôi đem ý định nầy nói với Hòa-Thượng Trí-Thủ, đệ-tử của ngài, thì được Hòa-Thượng cho đọc Lược-ước tập, tập sách biên chép bằng tay những thi văn của ngài Tra-am. Lại được viết lúc ngài còn tại thế: quí ở chổ đó. Đọc xong, tôi bỏ ý định của tôi. Lý do thật đơn giản. ngài Tra-am quả có một cái gì cảm mà nói không được. Nói ra, chỉ làm mờ đến lạc mất hình bóng mình cảm thấy mà thôi.

Điều đáng nói là thời ngài Tra-am, kinh sách Phật-học chưa thể sưu-tầm lại cho đủ. Nếu phải học qua sách, thì sách lúc đó không thể nào tạo cho ngài Tra-am có được kiến thức Phật-pháp như Lược-ước tập. Ấy vậy mà ngài đã có, rồi độc giả sẽ thấy.

Ngài Tra-am là hạt lúa đã xay đã giã ra gạo rồi. Ai chưa biết gạo là gì, mà phải tìm hiểu lúa của gạo, lức của gạo, thì cái văn học ấy không phải của ngài Tra-am, dẫu rằng đừng nghĩ ngài hoàn-toàn thiếu cái học nầy.

Tuy nhiên, tôi nói là nói cái tôi thấy, tôi nghĩ. Cái đó chưa phải của ngài. Vậy độc giả hảy đọc thẳng Lược-ước tập.

Lược-ước tập được dịch như thế nào, sửa chữa ra sao, việc ấy có Hòa-thượng Trí-Thủ lo. Hòa-thượng lo thì xứng

đáng. Vì Hòa-thượng là đệ-tử và đã học với ngài Tra-am. Thêm nữa, Hòa-thượng vốn cũng rành và thích văn thơ, nhất là văn thơ Hán. Tôi thì chỉ nói về Lược-ước tập do sự đọc nguyên văn mà thôi.

Cái nhan đề Lược-ước tập do chính ngài Tra-am đã định nghĩa, qua câu nói mà Hòa-thượng Trí-Thủ nói cho tôi nghe «chỉ đưa người, không đưa xe ngựa» Nguyên ngài Tra-am dùng một đoạn gỗ, bổ đôi một thân cây, bắc cầu để qua con suối vào am, đặt tên Lược-ước-kiều. Rồi tên ấy, được ngài đặt luôn cho tập thi văn của ngài do đệ-tử chép lại.

Vậy là Tra-am ngày nay không còn nơi cảnh, nhưng còn trong sách nầy. Sách nhỏ như cái cầu nhỏ. Nhưng chỉ nhỏ đối với kẻ muốn đi xe ngựa. Muốn đi xe ngựa thì chỉ có thể đi về hoàng-thành Huế để rồi đi lên bãi xương ba đồn, không thể qua cầu Lược-ước mà vào Tra-am. Dẫu rằng cái cầu ấy chỉ chân không là qua được liền. Vào Tra-am dễ mà khó đến thế đó, huống chi vào Tra-am trong sách.

Xưa, nguyên chữ sơn môn là để tả Thiền vốn như núi: núi cao sừng sững trước mắt mà cửa núi không dễ gì bước lên. đi bằng chính cái chân của mình, thì Thiền cũng lên thấu huống chi vào Tra-am.

Tháng 6, 2516
TRÍ-QUANG

DUYÊN KHỞI

Tập sách nhỏ này được hình thành do sự tìm hiểu của chúng tôi suốt sáu năm qua, sau bao nhiêu biến động thời cuộc và tâm tư, mãi đến nay mới được hình thành một cách sơ sài. Thiết tưởng nên có đôi lời thưa trước cùng bạn đọc.

Cách đây 6 năm, sẵn mang nhiều đổ vỡ của tuổi 19, chúng tôi tìm khuây khỏa ở sách vở Thiền tông và dạo chơi khắp đó đây. Tình cờ, một buổi đầu Xuân lạc lối vào Tra Am và mấy bài kệ đề trên tháp Sư Viên Thành đi vào mắt chúng tôi. Vừa ngạc nhiên, vừa thích thú, chúng tôi lần vào chùa và được Thượng Tọa Tọa Chủ Thích Như Ý kể chuyện sơ lược về Sư Tổ Viên Thành : một Công Tôn phong lưu tao nhã, cháu Hoàng tử Nguyễn Phúc Bính, huyền tôn vua Gia Long, bỏ đời xuất gia từ thuở thiếu niên, trong hoàn cảnh xuống dốc của đạo Pháp và lịch sử nước nhà, là Sư Tổ khai sơn Tra Am và còn một sự nghiệp tinh thần chưa ai khai thác.

Chúng tôi đâm ra thao thức suy nghĩ về thân thế ly kỳ và nguồn thơ thanh thoát của sư, liền tìm vào chùa xin phép ở lại

nhiều lần và có công sưu tầm thơ văn của sư để thỏa mãn lòng hiếu kỳ mãnh liệt của mình. Nhưng vỏn vẹn trước sau chúng tôi chỉ tìm thấy được hơn 10 bài thơ chữ hán, 5, 7 bài thơ chữ nôm, vài ba câu đối mà Thượng Tọa Tọa Chủ có nhã ý đọc lại cho nghe từ các tài liệu rời rạc.

Băn khoăn ngày một tăng thêm, chúng tôi quyết khám phá hành tung khác thường của Sư để hiểu rõ văn chương, tư tưởng của người, ngõ hầu tìm cho mình một lối thoát trong cơn khủng hoảng trầm trọng, Bởi thế, không quản khó khăn, chúng tôi tìm về Phòng Định Viễn Quận Vương, gốc gác chôn nhau cắt rốn của sư, sưu tầm ngọc phổ, hầu chuyện cùng các bậc phụ lão, bà con gần xa còn sống, sang chùa Ba la mật, nơi Sư gặp gỡ Viên Giác Đại Sư Nguyễn Khoa Luận, một đóa kỳ hoa của họ Nguyễn Khoa, tìm lại dư vang hồi Sư trú trì ở đây và lên Tra Am ở lại gần một tháng, tái dựng quảng đời siêu thoát của Sư bên cạnh suối chảy thông reo.

Công việc đang tiến hành, rồi Biến có Mậu Thân bùng nổ vào năm 1968, tất cả tài liệu quý báu ấy đều mất sạch. Chúng tôi vẫn kiên nhẫn làm lại trong sự cố gắng không ngừng. May thay, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, đại đệ tử còn lại, gửi cho mượn tập Lược-Ước Tùng-Sao, tác phẩm duy nhất của Sư được Hòa Thượng trân tàng tại Saigon. Nhưng vài ba đổ vỡ sâu xa nào đó bắt ép chúng tôi bỏ dở gần hai năm dài. Mãi đến nay, thân hữu khuyến khích mãi, chúng tôi mới bắt đầu viết lại, nhưng vẫn nghĩ rằng đây chỉ là bước đầu tiên trong hành trình đi vào Sư. Hy-vọng gặp hoàn cảnh thuận tiện, sáng sủa, chúng tôi sẽ trở lại Sư đầy đủ cẩn thận hơn.

Vì thế, tập này được thực hiện do lòng cảm mến chân thành của chúng tôi đối với Sư qua phút giây gặp gỡ siêu thời gian và cảm thông niềm đồng điệu. Mai sau, những học giả tài hoa, đứng đắn sẽ đặt Sư vào mạng mạch dòng Thiền Việt Nam, hay đặt Sư vào nguồn văn học nước nhà đầu thế kỷ hiện đại, để xiển dương những nét đặc sắc về triết lý hay văn chương.

Biết đâu tập tài liệu thô sơ này sẽ giúp được phần nào trong muôn một, đó chính là niềm mong mỏi của soạn giả vậy.

Chúng tôi cũng xin bộc bạch ở đây, vì sự đi lại ngày mỗi khó khăn trong giai đoạn chiến tranh, vì tài liệu, sách vở mất mác quá nhiều trong Biến Cố Mậu Thân, nên chúng tôi chưa thể làm việc đứng đắn hơn. Nhất là học thức thô thiển, kém cỏi của chúng tôi, chắc chắn còn nhiều nhầm lẫn, khiếm khuyết trong tập sách nhỏ này.

Dám mong các bậc xem rộng biết nhiều mở lòng chỉ giáo. Chúng tôi xin vô cùng hoan hỉ đón nhận.

Đàlạt — Cuối mùa đông 1971
Viết tại nơi tiểu trú bên hồ Xuân-Hương

THIẾU NỮ THỦ
Nguyễn văn Thoa

DẪN NHẬP

Có thể bảo rằng ít khi Phật Giáo nước nhà lại lâm vào cảnh bi đát như cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX này, đến nỗi các nhà hữu tâm đã thở dài gọi bằng danh từ Thời đại Mạt Pháp.

Ở đây, chúng tôi chỉ phác họa nét chính yếu về tình hình Phật Giáo đương thời để thấy rõ vị thế Sư Viên Thành, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi qua tập sách nhỏ này. Thực tâm, chúng tôi không có ước vọng làm công việc tường tận, tỉ mỉ của nhà khảo sát Phật Giáo Sử nước nhà.

Ngay từ thời Nam Bắc phân tranh (1558 — 1802), mặc dù được vua chúa sùng thượng, đạo pháp cũng đã suy vi rồi. Công nghiệp hoằng dương của các Tổ sư Trung Hoa chỉ là ngọn đèn lóe lên một lúc rồi lại chìm dần vào bóng đêm đen. Phật Giáo bấy giờ mất hẳn địa vị độc tôn. phải bắt tay cầu hòa theo thế chân vạc với Nho Giáo và Lão Trang. Thiền phong cao vút thuở Lý Trần không còn mấy chút hơi hám có thể bừng dậy như xưa nữa.

Tiếp đến nhà Nguyễn trị vì (1802), tuy dốc lòng cung phụng đạo pháp, nhưng các vua chỉ là những trưởng giả hảo

tâm xây chùa, đúc chuông, dựng bia hơn là những đại thiện tri thức xiển dương mạng mạch đạo pháp. Thật sự, các vua quan niệm Phật pháp như là phương tiện cầu phúc, tránh họa. Đức Phật trở thành vị thần linh nghiễm nhiên chủ tể trời đất và hộ lực nhà vua trong sứ mệnh cai trị muôn dân.

Giới đầy đủ khả năng tán trợ đạo pháp thì quan niệm mù lòa như thế, giới bảo tồn, duy trì đạo pháp lại càng tệ hại hơn : tăng đồ phần nhiều thiếu hẳn căn bản giáo lý cao siêu, chỉ lo đua đòi theo thế tục để cầu danh lợi hơn là tinh tiến hành trì giáo pháp để mau giải thoát và cứu vớt chúng sinh· Thậm chí, còn dựa vào thế lực ông Hoàng này, bà Chúa nọ, để tranh dành địa vị tọa chủ các chùa chiền to lớn, nhiều, bổng lộc, hay chạy chọt cho được sắc tứ Tăng Cương, Trú Trì đến nỗi xảy ra hiềm khích, xung đột giữa chốn sơn môn. Cao tăng liễu đạo hiếm hoi như sao buổi sáng : Nhất Định, Giác Ngộ, Diệu Giác, Liễu Tính, Giác Linh. v. v... Kịp hồi nhà Nguyễn sắp mất (1883), đất nước lọt về tay thực dân Pháp, Dưới manh tâm hủy diệt quốc hồn và chia rẽ dân tâm, Thiên chúa Giáo được đề cao và Phật Giáo bị bạc đãi, xuyên tạc. Tăng đồ vẫn mơ màng trong giấc ngủ say và quần chúng vẫn đắm đuối trong ngu mê lầm lạc. Đến đây, Phật Giáo sử nước nhà được viết bằng những trang thảm não. Phật Giáo chỉ còn là hiện thân một thứ mê tín dị đoan, dùng để trừ tà đuổi quỷ, làm phương kế sinh nhai cho một số thầy cúng khắp nơi. Họ có hẳn vợ con, sinh sống như người thường, đầy đủ thói xấu rượu chè cờ bạc, chỉ khác là hàng ngày ê a kinh kệ đem bán ở các đám giỗ đám ma, đàn chay, cầu hồn. v. v... Tìm kiếm hết sức, may ra ở Bắc còn tổ Vĩnh Nghiêm, Tế Các ; ở Trung có Tâm Tịnh Tuệ Pháp, Phúc Tuệ ; ở Nam có tổ Khánh Hòa là những đuốc pháp cuối cùng le lói đến nhỏ lệ trước đại nạn đạo pháp diệt vong.

Sư Viên Thành bước chân vào cửa Phật trong những ngày đại bất hạnh này : (1896).

Mang một tâm sự đau đớn, ê chề trước gia đình và thời cuộc, tìm nguồn an ủi ở triết lý sắc không của Như Lai để cầu

mong phương thế thoát khổ trong giai đoạn đạo pháp suy tàn như vậy, vị thế của Sư — như sẽ thấy — giống một đại thiện tri thức hiện thân cứu độ chúng sinh và tân lương mạng mạch đạo pháp nước nhà. Thái độ thủy chung của Sư là giữ sạch bàn tay và quay mặt trước vũng lầy thế sự. Sư đúng là đóa hoa lan nở muộn thơm ngát trong kẽ đá giữa vườn chiều hoang vu lộng gió. Sư đã hiện hữu như một nối tiếp những ngày đi xuống với những ngày chớm vươn lên của Phật Giáo nước nhà : Sau khi Sư viên tịch, từ 1928 trở đi, trước làn sóng cách mạng toàn diện cơ cấu Phật Giáo Trung Hoa do Thái Hư Đại Sư lãnh đạo, Phật Giáo nước nhà bắt đầu rùng mình chuyển bước. Những nhà hữu tâm tiền phong tiếp chân nhau xây đắp cơ sở khắp Bắc Trung Nam và phát triển cho đến hôm nay.



PHÀM LỆ

1) Chúng tôi gọi đối tượng nghiên cứu là Sư Viên Thành không gọi bằng Thượng Nhân, Thiền Sư hay Đại Sư, Hòa Thượng, chủ ý không phải kém trọng vọng, nhưng danh xưng này — đối với chúng tôi — bao hàm một ý nghĩa thân mật, kính trọng vô cùng bình đẳng. Đó là danh xưng thơm ngát khói trầm trong các bộ Ngữ lục : sư vân sư thuyết kệ vân v.v...

2) Các bản đồ A.B.C. giúp bạn đọc thấy rõ hơn những chi tiết liên hệ đã trình bày. Xem bản đồ A, quý vị trong phòng Định Viễn có thể tìm được chi phái của mình. Xem bản đồ B, quý vị trong pháp phái Tra Am và Ba la mật có thể thấy được pháp đăng truyền xuống mỗi đời. Cũng thế, bản đồ C giúp quý vị trong họ Nguyễn Khoa có thể theo dõi được sự diên cách của các thế hệ xưa nay. Chỉ hiềm chúng tôi chỉ ghi chú rõ về đối tượng cần thiết liên hệ của chúng tôi.

3) Những bài thơ, bài văn nào không có số tờ và số mặt AB đính kèm, tức là không có trong Lược Ước Tùng Sao, đều do sự sưu tầm thêm của chúng tôi từ các bản văn rời rạc còn sót lại hay do thân hữu, quyến thuộc của Sư Viên Thành đọc lại. Bài nào đáng hoài nghi về phương diện tác quyền, chúng tôi đều đính lời phụ chú.

4) Một đôi bài văn thơ trích dẫn, nếu có vài chỗ khác với nguyên tác trong Lược Ước Tùng Sao, đều có phụ chú hiệu khám, trừ những bài đã được khắc trên gỗ, đá, để chúng tôi hoàn toàn lấy theo nguyên văn ở đây, vì xét rằng những bài ấy đã được nhuận sắc kỹ từ cảo bản trước khi đem giao thợ khắc thực hiện, nên phải có giá trị hoàn hảo và xứng đáng được chọn trích tuyển hơn cả.

5) Còn nhiều hoài nghi, khó hiểu trong thơ nôm của Sư Viên Thành chưa được chú thích rõ ràng vì thiếu các bản văn có giá trị bảo đảm, vì lời đọc lại khác nhau ở mỗi người. Đành phải chờ đợi thời gian thuận tiện, sau khi tìm được những tài liệu đáng tin cậy hơn mới giải thích được mỹ mãn.

6) Chúng tôi chỉ chú thích kỹ càng những điển tích liên quan đến nội điển, ngoài ra, những điển tích khác chỉ giải thích rõ ràng thôi.

7) Gần 30 hình ảnh được đưa vào sách để làm bằng chứng cho việc khảo sát của chúng tôi, đồng thời cũng giúp bạn đọc thấy rõ hơn nhiều chi tiết khác.

8) Những danh từ viết tắt :

ĐVQV	:	**Định Viễn Quận Vương.**
Ct	:	**Công tôn.**

BLM	:	chùa Ba la Mật.
S	:	Sư
SVT	:	Sư Viên Thành.
T.A	:	Tra Am.
VGĐS	:	Viên Giác Đại Sư.
ĐS	:	Đại Sư Viên Giác.
LƯTS	:	Lược Ước Tùng Sao.
LƯTS 51A LƯTS 28A28B	}	xem tác phẩm Lược Ước Tùng Sao tờ 51 mặt A, tờ 28 mặt A và 28 mặt B

9) Một bài phụ lục về Viên Giác Đại Sư ở cuối sách để bạn đọc hiểu rõ hơn cuộc đời của ĐS mà chúng tôi không tiện viết ở phần đầu.

10) Một danh sách liệt kê các tài liệu tham khảo để soạn tập sách này được ghi rõ và đính kèm để quý vị tiện tra cứu những điểm đáng hoài nghi.



THIÊN I

KHÁI QUÁT VỀ THÂN THẾ SƯ VIÊN-THÀNH

CHƯƠNG I

THUỞ ẤU THỜI

DÒNG DÕI

Vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế đánh Nam dẹp Bắc suốt cả cuộc đời mới thống nhất được nước nhà và lên ngôi tại Phú Xuân năm 1802, khai sáng cơ nghiệp nhà Nguyễn từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mâu.

Nhà vua có tất cả 13 hoàng nam, không kể hai vị thứ hai và thứ ba chết lúc sơ sinh, còn lại 11 vị. Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Đảm — tức vua Thánh Tổ — thuộc về hàng thứ tư, rồi đến Hoàng tử Nguyễn Phúc Bính thuộc về hàng thứ 6.

Hoàng tử Nguyễn Phúc Bính 阮福炳 sinh năm đinh ty, 1797 tại miền Nam, lúc này triều đình Tây Sơn còn ngự trị ở Phú Xuân và vua Thế Tổ đang đem quân về đánh lại Qui Nhơn lần thứ hai. Mẹ là Cung tần Dương thị Huyền, con gái Tuyên Uy Tướng Quân Dương Trung, người huyện Duy Xuyên, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Hoàng tử được phong Định Viễn Công năm Gia Long thứ 16, 1817 và mất năm Tự Đức thứ 16, 1863, thụy là Đôn

Lượng. được phong tặng Định Viễn Quận Vương. Hoàng tử hưởng thọ được 66 tuổi. Hiện phần mộ tọa lạc ở Bầu Xoang, thuộc xã Dương Biều, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Từ đường xây trên nền phủ cũ mở ở Phường Tây Thượng; Xã Dương Nỗ, quận Phú Vang, trên đường từ Huế về Thuận An, chiếm một diện tích rộng 5 mẫu 2 sào ta, nhưng ngày nay, con cháu nghèo nàn, chia nhau làm nhà cửa gần hết, chỉ còn lại một khoảnh đất nhỏ hẹp. Từ đường hiện lâm vào cảnh đổ nát, sau những lần binh biến 1945, 1950, nên không còn mấy dấu tích xưa. Nhất là cuộc binh biến 1945 Pháp và Việt Minh đã đốt phá mấy gian nhà thờ phụ và tịch thâu những chiếu chỉ, sắc bằng, gây nhiều khó khăn cho việc tìm tòi.

Về đời tư, chúng ta được biết Hoàng tử sanh hạ tất cả 73 người con, 42 trai và 31 gái.

Trưởng Nam là Công tử Tỉnh Cơ, sanh năm Gia Long thứ 14 (1815) và mất năm Tự Đức thứ 7 (1854), được truy phong Bái Trạch đình hầu. Công tử có 12 người con 7 trai và 5 gái. Hai người con gái thứ 3 và thứ 5 là Công tôn nữ thị Tư và Công tôn nữ thị Xuân đều được gả cho hầu Nguyễn Khoa Luận làm chánh thất và thứ thất.

Công tử thứ 38 là Tỉnh Quy, sinh năm ất mão (1885), dưới triều Tự Đức thứ 8, mất năm kỷ sửu (1919), thọ được 34 tuổi, dưới triều Thành Thái nguyên niên, phần mộ tọa lạc tại làng La Ỷ trong địa phận quận Phú Vang, sau được dời lên trong khuôn viên Tra Am.

Công tử Tỉnh Quy kết duyên cùng hai chị em ruột bà Vũ thị Thân và Vũ thị Dần, con ông Vũ văn Lợi người xã Xuân Mỹ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Bà Vũ thị Dần sinh hạ 3 người con như sau :

— Công tôn Hoài Quai, sinh tháng 10 năm 1875, mất lúc lên 2 tuổi rưởi.

— Công tôn nữ thị Vu, sinh tháng 8 năm 1887, mất lúc lên 2 tuổi rưỡi.
— Công tôn Hoài Trấp — tức sư Viên Thành sinh giờ sửu, ngày bính tuất, tháng 11 năm Kỷ Mão, dưới triều Tự Đức thứ 32 tức là ngày 17 tháng 11 âm lịch năm 1879, nhằm vía Phật Di Đà.

Bà Vũ thị Thân sinh hạ được 4 người con, gồm 2 trai và 2 gái theo thứ tự :

— Công tôn Hoài Can, cùng tuổi với Công tôn Hoài Trấp, có sau một tháng.
— Công tôn Hoài Tính, sanh năm 1884.
— Công tôn nữ thị Mẹ, sinh năm 1887, mất chưa đầy tuổi.
— Công tôn nữ thị Thơm, sinh năm 1889, mất lúc lên 2 tuổi rưỡi.

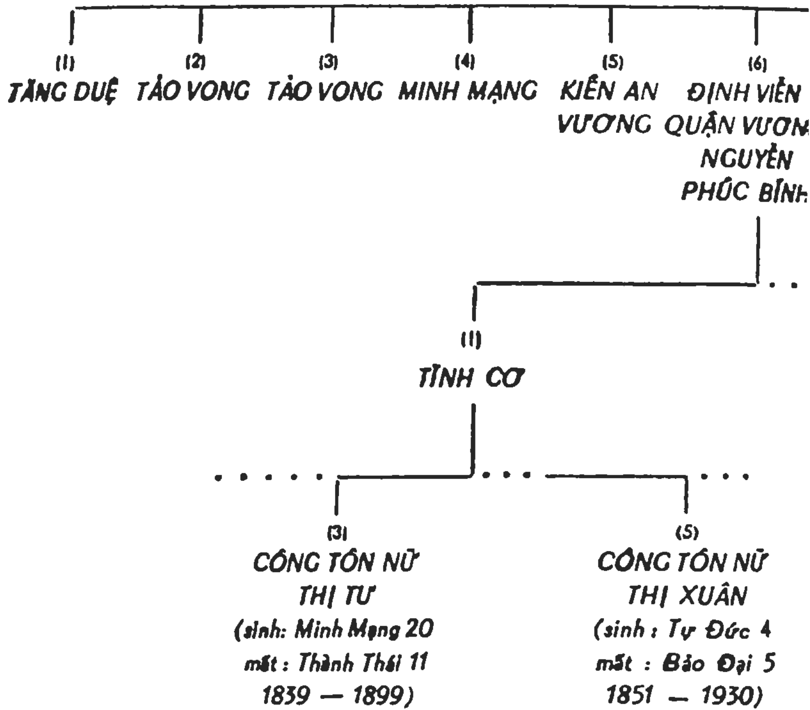
Như vậy, có thể xem như Công tôn Hoài Trấp là con đầu lòng trong gia đình gồm mẹ ghẻ — vừa là dì ruột, tức là bà Vũ thị Thân và 2 người em cùng cha khác mẹ là Công tôn Hoài Can và Công tôn Hoài Tính.

(xem thêm bản đồ A)

HUYẾT THỐN
THEO

VU

NGUY



ĐỒ A

ỨC VIÊN THÀNH
ÀNG TỘC

A LONG

HÚC ÁNH

(8) ĐIỆN BÀN CÔNG — (9) THIỆU HÓA QUẬN VƯƠNG — (10) QUẢNG OAI CÔNG — (11) THƯỜNG TÍN QUẬN VƯƠNG — (12) AN KHÁNH VƯƠNG — (13) TỪ SƠN CÔNG

HÁNH ÔNG

(38) TĨNH QUY

QUAI — (2) CÔNG TÔN NỮ THỊ VU — (3) HOÀI TRẤP — (4) HOÀI CAN — (5) HOÀI TĨNH — (6) CÔNG TÔN NỮ THỊ MẸ — (7) CÔNG TÔN NỮ THỊ THƠM

PHỤ LỤC :

ĐỊNH VIỄN QUẬN VƯƠNG :

Sinh Đinh Tị 1797, phong Định Viễn Công năm Gia Long 16, (1817) mất năm Tự Đức 16 (1863). Táng ở Bầu Xoang, Hương Thủy, Thừa Thiên.

HOÀI TRẤP :

Sinh giờ Sửu, ngày Bính Tuất, Tự Đức 32 (1879). Mất giờ Thân, ngày 7 tháng 10 Âm lịch Bảo Đại thứ 3 (1928) táng ở Tra Am.

THỰC TRẠNG GIA ĐÌNH

Định Viễn Quận Vương tuy đường đường là một Hoàng tử lá ngọc cành vàng, con của vị Hoàng Đế giàu có hết cả giang sơn, nhưng thuở sơ sinh, phải chịu nhiều dãi dầu mưa gió trong cơn quốc nạn, khi vua Gia Long còn bôn tẩu đó đây. Đến khi nhất thống sơn hà, năm 1802, nhà vua lên ngôi và cung triều được thiết lập, bấy giờ hoàng gia mới bắt đầu yên hưởng phú quý vinh hoa. Tuy không lập Thái Tử, nhưng kể từ đó, ngai vàng hầu như đã dành sẵn cho Hoàng tử thứ 4 Nguyễn Phúc Đảm vì lớn tuổi nhất và có nhiều khả năng. Vua Gia Long muốn nhà vua kế vị trong tương lai phải lớn tuổi, nên không lập con Đông Cung Nguyễn Phúc Cảnh lên ngôi. Điều này đã gây tai họa cho một số đại thần nhiều uy tín như Nguyễn văn Thành, Lê Chất và Lê văn Duyệt, vì các vị này cương quyết không tuân theo quyết định của nhà vua. Dưới mắt họ, Đông Cung Cảnh là một người tài ba, đã hy sinh tranh đấu bên cạnh nhà vua và chết vì bổn phận, hơn nữa lại là giòng đích, nên ngai vàng phải nhường lại cho con của Đông Cung. Hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm chẳng

lập được một thành tích đáng kể nào ngoài khả năng thi phú từ chương. Bởi thế, khi lên ngôi kế vị, năm 1820, vua Minh Mạng đã mang sẵn ý tưởng phải trả thù Lê Chất và Lê Văn Duyệt, vì những đại thần này đã dám cản trở bước chân của mình khi tiến đến ngai vàng. Đồng thời, nhà vua, với bản tính hẹp hòi và ích kỷ, đã áp dụng mọi biện pháp để củng cố ngai vàng cho con cháu mình, sợ lọt sang tay các Hoàng đệ. Một điều đáng chê trách nhất là chính nhà vua đã tìm cách ghép tội cho người con trai còn lại độc nhất của Đông Cung Cảnh là Công tử Mỹ Đường để lột hết chức tước, tôn hiệu và giáng xuống hàng thứ dân. Nhà vua cũng rán lòng đợi đến lúc Lê văn Khôi nổi loạn mới hành tội Lê Chất và Lê văn Duyệt một cách dã man, là phá hủy mồ mả, xiềng mộ và khắc chữ làm nhục.

Đồng thời, để tránh sự gây thanh thế và âm mưu cướp ngôi của các hoàng đệ và con cháu mai sau, nhà vua đã thi hành hai việc quan trọng : Năm Minh Mạng thứ 4, (1824), nhà vua định rõ đế hệ, phiên hệ bằng cách đặt tên riêng cho từng dòng của 10 hoàng đệ, mỗi vị có một bài thơ riêng, mỗi đời lấy một chữ lót trước tên. Phương pháp này có hiệu quả là tách biệt phiên hệ xa đế hệ (1). Ngai vàng chỉ truyền riêng cho đế hệ mà thôi. Năm Minh Mạng thứ 17,

---

(1) Phòng Định Viễn của Hoàng tử Bính được bài thơ sau :

靖 懷 瞻 遠 愛
景 仰 茂 聲 華
儼 恪 由 衷 達
連 忠 集 吉 多

Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái,
Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Hoa.
Nghiễm Khác Do Trung Đạt,
Liên Trung Tập Cát Đa.

Hiện nay con cháu trong phòng này đã truyền xuống đến đời chữ Cảnh chữ Ngưỡng rồi.

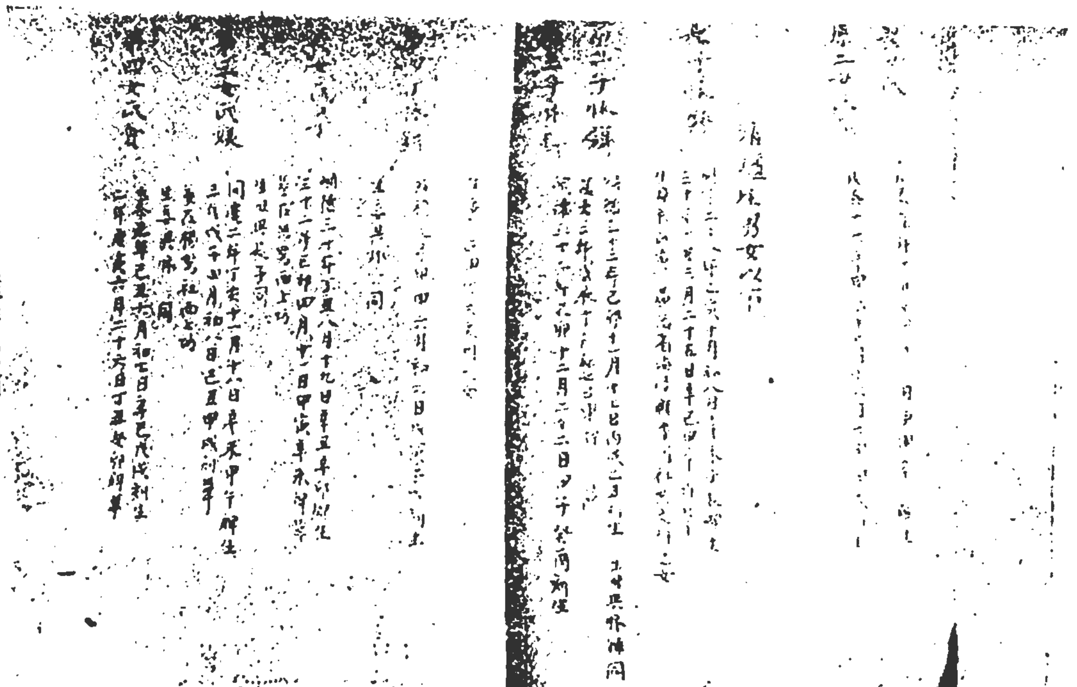
(1836), nhà vua lại đặt Tôn Nhân Phủ để kiểm soát và chu cấp lương bổng cho hoàng gia. Những việc làm này, mới nhìn qua dễ tưởng rằng nhà vua săn sóc và lo lắng chu đáo cho anh em bà con, kỳ thật, nhà vua làm thế để giảm dần uy lực của phiên hệ và tăng cường thế lực cho đế hệ, để đừng dễ dàng dòm ngó ngai vàng.

Do đó, những thế hệ cháu con bên phiên hệ ngày một rời rạc, chia rẽ và trở thành xa lạ, lạc lõng với đế hệ. Trên danh vị, họ vẫn là một công tử, hoàng tôn, nhưng trong tay không một chút thực quyền, và được nuôi dưỡng như một tập thể ngồi rồi để làm thứ trang sức trong các đám lễ trọng thể, trong những buổi đại triều.

Bản tính phong lưu, đài cát và thích hưởng thụ sẵn trong dòng máu, các mệ và các mụ chỉ còn biết cờ bạc rượu chè. Quanh năm suốt tháng không hề biết đến hoạt động chân tay và phần đông cũng nhác nhớm trong việc học hành, vì dù có thực tài hay không, họ cũng đều được Hoàng Đế ban cho một tước nhỏ để lãnh lương về sống hằng ngày.

Tệ hại hơn cả là tình trạng tảo hôn vi đa thê của dòng Hoàng Phái đã gây nên một hậu quả vô cùng trầm trọng, đó là sự thiếu thốn tình thương và phương tiện sinh sống hằng ngày.

Một ông Hoàng nay ở với bà này, mai ở với bà khác, sinh hạ hàng trăm người con phó mặc các bà săn sóc nuôi nấng lấy, còn mình «Ngài» suốt đời cờ bạc, yến hội linh đình. Những ngày giỗ, tết, con cháu theo mẹ về hầu kỵ chật ních cả nhà. Sự cách biệt từ gần đến xa, từ làng này sang làng khác, anh chị em ngỡ ngàng, xa lạ với nhau, nhiều khi đến nỗi cha mẹ cũng không nhớ rõ được. Tuy Lý Vương Miên Trinh đã tâm sự với một thượng quan người Pháp, trong dịp vương cưới hầu vào năm hơn 70 tuổi, rằng vương không thể nhớ đúng số con gái là bao nhiêu ! Thực tế phũ phàng như vậy, làm sao còn có được tình thương và hạnh phúc gia đình. Con cái chỉ còn lẩn quẩn sống nhờ bên mẹ, nếu bà



HÌNH 1 : *Một tờ trong NGỌC PHỔ của Phòng Định Viễn ghi lại tóm tắt toàn gia đình Công Tử Tình Quy*

thất sủng thì lại càng khổ sở hơn. Phải chịu lam lũ hòa mình với đám dân đen và sống như họ, chịu dày ải nắng mưa, tuy trên danh nghĩa vẫn là mụ nọ, mệ kia. Ở Huế, thiếu gì những mệ đi hái rau bắt ốc và những mụ không biết một chữ là gì !

Công Tử Tĩnh Quy cũng nằm trong thông lệ này. Vốn không một thiên tài đặc biệt, chỉ sống nhờ trên phần đất hương hỏa của Định Viễn Quận Vương. Gia tư là một nếp nhà gỗ trung bình, gồm 2 người vợ và 7 người con ốm yếu, chết mất 4 người từ thuở còn thơ. Hoàng tử Bính tuy nổi tiếng giàu có ở kinh đô nhờ những hoạt động thương mãi lớn lao, nhưng cũng là một tay chơi khét tiếng, nghìn vàng đổ một trận cười, nên chẳng chu cấp cho một gia đình vĩ đại gồm hàng chục bà vợ lớn bé và gồm 80 người con được giàu sang phú quý hoàn toàn. Công tử Tĩnh Quy lại hay đau và bà vợ Vũ thị Dần cũng thế. Sau một cơn bạo bịnh, bà qua đời năm 1883. Công tử cũng chẳng sống thêm được nhiều hơn để săn sóc gia đình, vì năm 1889 Công tử cũng mất, hưởng thọ 34 tuổi đời. Mới lên 11 tuổi đầu, Công tôn Hoài Trấp đã mang lấy thân phận một trẻ mồ côi cha lẫn mẹ, trong hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, chật vật.., Biết bao nhiêu đau thương, khó khăn sẽ đến dồn dập và đưa Công tôn vào thế chân tường !



THUỞ ẤU THỜI

Hiện nay, không có một tài liệu gì được ghi chép về thuở ấu thời của Ct Hoài Trấp, chúng ta chỉ có thể căn cứ vào lời thuật lại của các bậc trưởng lão thân thích trong phòng Định Viễn còn sống kể chuyện mà thôi. Qua đó, chúng ta thử phác họa và tưởng tượng lại những nét chính yếu và đặc sắc về những ngày tấm bé của Ct.

Chắc chắn rằng huyết thống của dòng dõi quý tộc, vận mệnh nước nhà đắm chìm, hoàn cảnh gia đình thảm thương và thân phận mồ côi bị bạc đãi, hất hủi đã hòa hợp, nung nấu và đúc kết từ tiềm thức sâu xa để dần hình thành một tư tưởng đặc biệt sau khi gặp gỡ Viên Giác Đại sư tại chùa Ba la mật như chúng ta sẽ thấy. Vì thế, tìm hiểu chính xác và kỹ càng những ngày thơ ấu này của Ct có liên hệ mật thiết đến sự nghiên cứu về tư tưởng của người.

Nhắc lại, mẹ của Ct là bà Vũ thị Dần qua đời năm 1883, lúc Ct mới lên 4 tuổi. Sau đó, Công tử Tĩnh Quy lại mất năm Thành Thái nguyên niên, 1889, lúc Ct lên 10 tuổi. Mang

thân phận một cậu bé mồ côi cha lẫn mẹ trong lứa tuổi thơ ngây, lại sống trong hoàn cảnh thiếu thốn hoàn toàn với bà mẹ ghẻ, vừa là dì ruột, bên cạnh hai em cùng cha khác mẹ là Ct Hoài Can và Hoài Tỉnh trong căn nhà gỗ khiêm tốn cất trên phần đất từ đường của Định Viễn Quận Vương, Ct Hoài Trấp đã trải qua những tháng ngày đau thương, đen tối, không một chút tình thương, một lời an ủi, giống như một đêm dài không thấy ánh bình minh.

Thuở sinh thời như đã nói, Công tử Tỉnh Quy không có sự nghiệp, danh vọng gì, chỉ sống nhờ vào bổng lộc cấp phát hàng tháng của Hoàng gia. Khi chồng mất đi, với hai bàn tay trắng, bà Vũ Thị Thân phải lo tìm kế sinh nhai cho gia đình gồm 3 cậu bé mồ côi. Hoàn cảnh góa chồng trong lứa tuổi xuân xanh là tình trạng thông thường của xã hội ta ngày trước. Biếtbao nhiêu bà mẹ hương sắc đang nồng đã tận tuy hy sinh cả cuộc đời trong ý hướng giữ lòng trung trinh với chồng cũ dể trọn đạo làm vợ, làm dâu và chỉ lo tần tảo săn sóc nuôi nấng con côi. Bà Vũ Thị Thân đã làm tròn điều ấy. Hằng ngày, trong thảm cảnh đọa đày, Công tôn Hoài Trấp dần rơi vào lo lắng, bi quan. Đầu óc thơ ngây chất chứa toàn những chuyện đau buồn, không hề hé lấy một niềm vui, một chút hồn nhiên của tuổi thơ.

Ct thường trốn nhà ra ngồi lặng lẽ một mình dưới các gốc cây lớn trong từ đường, áo quần rách rưới, nước mắt doanh tròng, trong lúc chung quanh, lũ trẻ con hàng xóm cùng nhau nô đùa một cách vui vẻ.

Vào khoảng 11 tuổi, Ct được gửi cho đi học ở một thầy đồ làng bên, gặp phải ông Thầy quá nghiêm khắc và nóng tính quá, Ct đành trốn học ở nhà, vì không chịu nổi những trận đòn tới tấp và đành mò mẫm tự học. Người ta thấy Ct thường ngồi vắt tréo chân trên một cây ổi thật lớn rồi bắt chước người lớn ngâm nga truyện Kiều. Có lúc, không chịu nổi thái độ ghét bỏ của mẹ ghẻ và hai em, Ct trốn nhà lân la đi chơi các vùng chung quanh và cũng tỏ ra hoang nghịch lắm.

Dạo ấy ở gần nhà Ct, tức khoảng phía trước chùa Ba La Mật bây giờ, vào dịp Tết, các công tử, vương tôn trong phòng có tổ chức chợ Gia Lạc cho dân chúng các làng lân cận thuộc quận Phú Vang thay nhau đem bày hàng hóa buôn bán rất nhộn nhịp. Cậu Ct bé nhỏ cũng tìm đến xem chơi. Bản tính ham vui, nghịch ngợm và bắt chước bạn bè lối xóm của tuổi thơ từ lâu bị nghịch cảnh gia đình đè nén, bấy giờ được dịp phát hiện tự do: Ct đã nhiều lần rình xem các bà bán hàng ngó lơ đi, liền đem vài món hàng của bà này lén bỏ sang gánh bà khác, cố ý để các bà phải nhọc lòng xáo xác tìm kiếm, có khi cãi cọ, gây lộn nhau là Ct vỗ tay và cười to lên cho bằng thích. Sau nhiều lần tráo đổi như thế, các bà bán hàng đã khám phá được sự nghịch ngợm của «mệ con nít» này, nên quen dần và không đến nỗi khó chịu nữa.

Công tôn có dáng người thanh thanh, nước da trắng xanh, mũi cao và thẳng, hai má núng đồng tiền rất có duyên, nhất là đôi mắt hiền lành, trong trẻo đượm vẻ trầm ngâm, mơ màng như đang suy nghĩ điều gì buồn buồn. Với dáng người dễ thương, tính tình hiền hậu, lại là «người các mệ», khiến bạn bè lối xóm rất ưa, nhất là các cô con gái nhà dân, nhiều cô tỏ lòng thương xót, săn sóc Ct có vẻ khác hơn bạn bè, nhưng Ct còn thơ ngây quá, chẳng hay biết chút gì!



THI SĨ MĂNG NON

Sau khi trốn học thầy đồ làng bên, không được đi học ở trường nào khác, Công tôn đành tự học ở nhà, những lúc rảnh thường vắt chéo chân trên các nhánh cây lớn, ngâm nga truyện Kiều và các bài thơ nghe lóm được.

Tuy tự học, nhưng bẩm tính thông minh, nên chữ nghĩa cũng tạm được và nhất là thơ văn, mới 12, 13 tuổi, Ct đã tự tìm luật bằng trắc, niêm, vận và tập tành đặt thành bài.

Trong xóm có chuyện gì xảy ra, nhà thi sĩ tý hon này lại có dịp đặt thơ, rồi cho bạn bè đến tận nơi đọc to lên để cùng nhau vỗ tay đùa bỡn ! Nhiều bài cũng rất ngộ nghĩnh.

Hiện chúng tôi có sưu tầm được một bài thơ đường luật bát cú duy nhất của thời kỳ ấu trĩ này. Tuy toàn bài lời lẽ non nớt, buồn cười, nhưng ý tưởng lại có vẻ dí dỏm, hài hước.

Nguyên bên cạnh nhà Ct, có bà già nọ cưới vợ cho con trai. Lúc rước dâu về, bà mặc quần áo mới ra đón, hấp tấp, lăng xăng, đôi mắt đỏ hom hem và tay múa may, phân trần

trước hai họ để bắt đầu dạy dỗ con dâu. Ct đã quan sát cảnh trạng quê mùa và buồn cười ấy rồi diễn tả lại bằng giọng văn dí dỏm sau đây:

Họ hàng lộn xộn, mệ xin bay.
Lại thêm mắt mụ nồi tròng mây. (1)
Quần điều lá rủ, vương tơ nhện,
Khăn lục bịt ngang, bó mỏ cầy. (2)
Dâu mới xin mừng ra lạy họ,
Mụ già khi ấy mới tà tây. (3)
Hai vợ chồng ta, bây nuôi lấy,
Anh em nhà cửa, mặc sức mầy!

Tương truyền khi bài thơ này được các trẻ con hàng xóm phổ biến ra khắp xóm, truyền đến tai các vị già cả học thức trong vùng, ai nấy đều khen ngợi Ct và bảo rằng «mệ ấy sau này sẽ khá lắm!»

Đủ thấy trong lứa tuổi măng non, dù gặp phải hoàn cảnh thiếu thốn, bi đát và tàn nhẫn muốn nhận chìm xuống bóng tối âm u, tài hoa thiên phú của Ct cũng cố gắng tìm cách vươn lên vậy.

---

1) *hai câu này có nghĩa là nhìn thấy cảnh lộn xộn của họ hàng tụi mày, «mệ» đây cũng xin thua luôn, hơn nữa, «mệ» càng sợ đôi mắt đỏ lòm vì đau loét của mụ già.*

2) *quần vải đỏ rủ xuống như tơ nhện, khăn lục giắt ngang quần để lau bả trầu như mõm chó bị bó lại.*

3) *từ ngữ này có nghĩa là nói huyên thuyên, vô độ.*

CHƯƠNG II

GẶP GỠ

VIÊN-GIÁC ĐẠI-SƯ

GẶP GỠ VIÊN GIÁC ĐẠI SƯ

Trú Trì Chùa Ba La Mật

(1895 — 1923)

Ngày tháng đau buồn nối tiếp nhau đi.

Công tôn Hoài Trấp lớn dần với tâm sự ê chề.

Nhưng một biến cố trọng đại đã xảy đến đúng lúc, hé cho Công tôn một chân trời mới, chuyển hướng cả cuộc đời, đó là sự gặp gỡ hầu Nguyễn Khoa Luận — tức Viên Giác Đại Sư.

Sau khi treo ấn từ quan (Thanh Hóa Tỉnh Bố Chánh Sứ) vì bất đồng chính kiến với triều đình Huế và tỏ thái độ không chịu khuất phục trước thực dân Pháp vào tháng 7 năm Hàm Nghi nguyên niên (1885), hầu Nguyễn Khoa Luận ôm lòng tuyệt vọng trở về quê. Sớm có nhân duyên với Phật Giáo, hầu cắt tóc quy y cùng Hải Thiệu Hòa Thượng tại chùa Từ Hiếu năm 1886. Anh em bà con và nhất là phu nhân hầu cố gắng xây ngôi chùa tư trong khuôn viên vườn cũ của Thạnh Mỹ Hầu Nguyễn Khoa Minh để rước hầu về tu hành cho gần gũi. Sau hơn một tháng trời, chùa hoàn thành, mang tên là

Ba La Mật. Hầu về ở hẳn đây, tìm khuây khoả trong giáo lý từ bi, không để tâm đến thế sự nhân tình. Hầu thọ Tỳ Kheo giới năm Thành Thái thứ 3 (1891) và Bồ Tát giới năm Thành Thái thứ 6 (1894), pháp húy Thanh Chân, đạo hiệu Viên Giác Đại Sư (*xem phần phụ lục về V.G.Đ.S.*).

Lúc này Công tôn vừa đúng 16 tuổi (1).

Buồn gia đình, Ct lần thần đi chơi, ghé vào xem chùa và gặp Đại sư (2). vì mối liên hệ gia đình, lòng thương xót thân phận đáng thương và chút cảm mến nét hiền từ dễ thương ở cậu bé mồ côi này, Đs đón tiếp người em thúc bá vợ một cách niềm nở, ân cần, nhiều khi lại đem lời vỗ về an ủi nữa. Hai tâm hồn phiền muộn gặp nhau : một bên chán nản chuyện đời, đang nhắm mắt, đắp tai tìm quên trong kinh kệ; một bên ưu uất gia đình, thử tìm cách thoát ly.

Cùng buồn nên dễ cảm thông gần gũi nhau hơn. Tất cả đều độc ác, xua đuổi, chỉ một mình Đs hiện ra nhân hậu, độ lượng, dễ khiến Ct ngày ngày quấn quít lưu luyến để có cơ hội làm quen với triết lý thoát khổ của Như Lai mà đôi lúc Đs đem ra giảng giải cho Ct hiểu rõ. Cảm tình chân thành, sâu đậm của Đs và triết lý sắc không của nhà Phật đã in sâu vào đầu óc chập chững suy tư của ông Ct hiểu đời trước tuổi, đã khiến manh nha trong lòng ý hướng rời bỏ gia đình, tìm một lối giải thoát thân phận bất hạnh của đời mình bằng nếp sống tu hành.

Chỉ còn đợi dịp hoàn thành ý định. Lá đã vàng, đã vàng đợi gió là rụng !

Trong một cơn đau khổ cùng độ xảy ra trong gia đình. Công tôn khóc lóc, chạy ra chùa tìm gặp Đs kể hết nguồn cơn và xin ở hẳn lại đây tu hành. Nửa tin nửa nghi ngờ ý chí của Ct, Đs bảo rằng : «Các mệ xưa nay quen thói sung sướng,

---

(1) Tính theo tuổi ta. còn theo tuổi tây thì chỉ mới lên 15 tuổi.
(2) Từ đây gọi bằng danh từ này cho thích hợp.

không sao kham nổi việc tu hành cực khổ». Ct năn nỉ hết lời, xin Đs ra tay cứu vớt. Thấy rõ lòng thành cầu đạo, Đs mới chịu bảo rằng: «Thôi được, mệ hãy lên chùa lễ Phật và thử nghĩ vài câu, nếu có cơ duyên, tôi sẽ giúp mệ xuất gia». Quá vui mừng, Ct lau nước mắt và kính cẩn lên đại điện lạy Phật rồi viết ngay hai câu trình Đs :

Nép bóng rèm thưa trông bóng thỏ,
Thấy trăng tròn, tay vỗ ca xang (1).

Xem xong, ĐS hết sức khen ngợi và vui vẻ nhận lời. Từ hôm ấy, Ct ở hẳn bên cạnh ĐS trong chùa BLM để bắt đầu cuộc sống tu hành. Bấy giờ là năm ất vị, dưới triều Thành Thái năm thứ bảy (1895) và Ct vừa chẵn 17 tuổi.

Nghe tin Ct được ĐS thâu nhận làm đệ tử, gia đình Ct nhẹ nhỏm như vừa trút được một gánh nặng. Thế nhưng Ct vẫn chưa thoát khỏi những phiền toái đang đến phá vỡ đường đi thanh thản bên cạnh ĐS, vì tất cả 2 phu nhân của ĐS hết sức phản đối, không bằng lòng cho Ct vào ở trong chùa, cho rằng Ct không chịu tự lực cánh sinh, đến lợi dụng từ tâm của ĐS, bắt phải đem cơm nước đến chùa mà ăn hằng ngày. Để làm bằng lòng 2 bà chị thúc bá hẹp lượng, Ct ra sân chùa nhổ cỏ và quét tước suốt ngày, nhưng vẫn bị la mắng, dọa nạt đuổi đi. Quá tuyệt vọng, Ct bắt đầu nhịn ăn để chết. ĐS hết sức khuyên can, lại thêm các bậc tôn túc thương tình nói giúp với 2 phu nhân, Ct mới bắt đầu ăn uống trở lại và cố gắng giữ theo giới luật nghiêm khắc của nếp sống tu hành.

Giai thoại kể lại rằng sau khi Ct vào chùa BLM, các cô gái trong thôn xóm phải lòng thương mến Ct từ trước đã mua sắm mền, chiếu, bánh kẹo, áo quần đến ngồi chờ

---

(1) Ngụ ý chỉ ngón tay trỏ mặt trăng của Đức Phật : mặt trăng là chân lý, ngón tay là giáo lý. Công tôn reo mừng hớn hở được nép mình bên sự che chở của Đs để học hỏi giáo lý cần giải thoát.

trước công chúa suốt ngày nhờ người gửi vào cho, hoặc tìm cách vào thăm, nhưng Ct đều lánh mặt và giữ thái độ im lặng hoàn toàn.

Nương mình dưới bóng từ bi, sớm chiều thân cận bên ĐS, Ct bắt đầu đi theo một con đường mới, hợp với bản chất trầm lặng để tìm cách xoa dịu những đau thương hằn vết trong tâm hồn bơ vơ, bất hạnh của chính mình.

Trong thời gian này, nhờ sự tận tâm hướng dẫn của ĐS, một bậc túc học quảng bác, Ct có cơ hội học hành thấu đáo văn chương cổ điển và tham cứu Thiền lý. Chỉ vài năm sau, Ct đã đạt được một bước tiến rất dài.

Tư chất thông minh, hiếu học, tính tình hòa nhã của Ct đã khiến ĐS vô cùng hoan hỉ và đặt hết hy vọng vào người đệ tử tài hoa đầy hứa hẹn này. ĐS thường bảo rằng Ct có đủ đạo hạnh của một bậc chân tu và chắc chắn sẽ làm rạng rỡ cho pháp phái sau này. Thấm thoắt, Ct ở chùa BLM đã 5 năm, bấy giờ vào đầu năm Thành Thái thứ 12, ĐS lâm bệnh và yếu dần. Biết mình không còn bao lâu nữa, ĐS sắp xếp công việc nhà chùa, viết chúc thư căn dặn gia đình và xin phép chư Tôn túc giao phó chùa BLM cho Công tôn điều khiển, giáo hóa tương lai. Thế rồi ngày 27 tháng 6 âm lịch, ĐS thanh thản ra đi, thọ 67 tuổi, nương nhờ cửa Phật đúng 14 năm. Bắt đầu từ đây Công tôn lên kế vị trú trì BLM với đạo hiệu Viên Thành, pháp húy Trừng Thông. ĐS có kỷ niệm bài kệ sau đây:

曹溪一派水東流
鉼鉢真傳不記秋
教外本來無別事
圓成心法印前修

Tào Khê (1) nhất phái thủy đông lưu.
Bình bát chân truyền bất ký thu.
Giáo ngoại (2) bản lai vô biệt sự,
Viên Thành (3) tâm pháp ấn tiền tu.

---

1) *Tên dòng khe xuất phát từ phía đông nam huyện*

DỊCH: *Khe Tào nước chảy về đông,*
Bát bình nối dõi lâu không nhớ ngày.
Trăng Thiền nào khác xưa nay,
Viên Thành ấn chứng đã dày lòng tu.
(H.T. Trí Thủ dịch)

Theo tinh thần bản di chúc để lại cho gia đình, ĐS căn dặn các con là quý ông Nguyễn Khoa Ty, Nguyễn Khoa-Lượng, Nguyễn Khoa Hoằng, Nguyễn Khoa Đạm, Nguyễn-Khoa Tân, Nguyễn Khoa Trạm, Nguyễn Khoa Tùng. Nguyễn-Khoa Tý, Nguyễn Khoa Đồng và Nguyễn Khoa Trạch phải nhường cho Ct đứng làm trưởng nam trong tang lễ. Điều này làm gia đình ĐS bàn tán xôn xao, các con của ĐS nghĩ rằng họ là những người có địa vị lớn và gia thế trâm anh, thế mà phải nhường chỗ cho một chú tiểu nhỏ tuổi, xuất thân nghèo nàn, khốn khổ, thì thật là một điều không thể chấp nhận được, nên đều tỏ ý không muốn vâng lời ĐS. Riêng nhị vị phu nhân và chư tôn túc nghĩ rằng ĐS từ quan về đầu cửa Phật đã lâu, tự xem mình là pháp tử chân chính của Như Lai, nên mới quyết định để pháp tử đứng đầu trong tang lễ. Chủ ý của ĐS không phải xem nhẹ gia đình, nhưng muốn tỏ rõ cùng dư luận sự hoàn toàn dứt khoát thế tình của mình. Thấy lời bàn giải này có lý, các ông Nguyễn Khoa Đạm và Nguyễn Khoa-Tân giàn xếp với anh em, họ hàng vui lòng tuân theo di chúc

---

Khúc Giang tỉnh Quảng Đông, chảy về sông Trăn ở phía tây. Truyền đăng lục chép: « Năm đầu niên hiệu Thiên Giám đời nhà Lương, cao tăng Trí Dược 智藥 đi thuyền qua Thiều Châu, đến cửa khe Tào, nếm hương vị nước và bảo rằng ở thượng lưu chắc có đất tốt, liền dựng chùa Bảo Lâm 寶林 ở đó. Ngài còn nói rằng một trăm bảy mươi năm sau, sẽ có bậc đạt tối thượng thừa đến đây lập đàn thuyết pháp. Quả như lời, đời nhà Đường, có lục tổ Huệ Năng đến xiển dương Thiền học ở đây, gây một ảnh hưởng vô cùng huy hoàng trong lịch sử



HÌNH 2 : *Sư đứng hầu bên cạnh Viên Giác Đại Sư khi xuất gia hành đạo*

của ĐS, bằng cách không cản trở Ct trong tang lễ, khi đứng lên hàng đầu.

Đám tang được cử hành một cách trang nghiêm với đầy đủ sự hiện diện của Khâm sai triều đình Pháp Nam, thân hữu, bà con xa gần và nhất là sự hộ niệm của các cao tăng đại đức khắp các chùa ở Kinh Thành. ĐS được an táng trong nghĩa địa họ Nguyễn Khoa tọa lạc dưới chân núi Ngũ Phong.

Sau đó, Ct vâng lời Thầy, đứng ra thay thế ĐS, điều khiển chùa BLM và tiếp tục tu tri.

Thiền tông Trung Hoa. Câu trên bảo rằng Pháp phái của Lục Tổ bắt đầu từ Tào Khê truyền xuống phương Đông, trải qua các đời đã lâu lắm rồi.

2) *Lối truyền giáo đặc biệt của Thiền Tông, không ghi thành văn tự, chỉ theo lối truyền thẳng vào bản tâm để kẻ tu học thấy rõ bản tính và ngộ đạo tức khắc : « 教外別傳不立文字直指人心見性成佛: giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật ». Ở đây, từ ngữ trên có nghĩa là Thiền tông. Toàn câu nói rằng từ ấy đến nay, đạo Thiền vẫn như cũ, không có gì khác.*

3) *Toàn câu bảo rằng nay ấn chứng cho công tu hành từ trước của Viên Thành đã đạt chánh quả.*

ĐẬU THỦ SA DI Ở PHÚ YÊN

Rời Ba La Mật

(1901 — 1923)

Đương thời, tuy chưa tổ chức thành một Giáo hội thống nhất và chặt chẽ như hiện nay, chư tôn túc ít khi liên lạc mật thiết và thường xuyên để điều hành Phật sự một cách có hệ thống, nhưng thỉnh thoảng, các ngài vẫn cố gắng kiếm phương tiện thiết trí những giới đàn để khảo sát chọn lựa tăng tài. Những kỳ thi về nội điển này thường được tổ chức ở Huế, nơi quy tụ nhiều chùa chiền lớn và ở gần triều đình, nhưng cũng có lúc được tổ chức ở các tỉnh ngoài Bắc và Trung Nam, theo thông lệ ấy, vào năm 1901. dưới triều vua Thành Thái thứ 13, chư tôn túc đồng ý tổ chức một đại giới đàn truyền giới cho học tăng toàn quốc tại Phú Yên, một tỉnh nhỏ ở cực nam Trung Phần, quê hương của Thiền Sư Liễu Quán, ngọn pháp đăng vô tận và huy hoàng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chú 阮福澍 tức Vân Tuyền Đạo Nhân 雲泉道人. Sư Viên Thành (1) lên đường ứng thi.

1) *từ đây gọi Ct bằng danh từ này thích hợp hơn.*

Giai thoại truyền lại rằng tuy đã ở chùa hơn 6 năm lên địa vị trú trì, nhưng S chưa hề học qua giới luật! Đợi lúc lên đường, S mới bắt đầu học môn chính yếu nhất trong kỳ thi này.

Đường từ Huế vào Phú Yên rất dài, trên 500km, đi ghe mất gần nửa tháng. S nằm trong khoang giở quyển Sa Di luật giải đọc thầm, vài lần như thế là nhớ. Vào đến Phú Yên đã thuộc nằm lòng.

Chư tôn túc giám khảo đều ngạc nhiên trước đạo hạnh thuần thục và giáo lý tinh tường ở người học tăng trẻ tuổi này, đồng biểu quyết lấy đứng đầu với số điểm vượt cao hơn các học tăng tiếp theo. S đã làm một bài văn tạ ơn hội đồng giám khảo, lời lẽ khiêm cung, ý tứ sâu sắc phù hợp giáo lý, gây lòng mến phục hoàn toàn ở đại chúng. Để tưởng thưởng xứng đáng, hội đồng ban thưởng một bộ kinh Lăng Già Tâm Ấn, một sô y rất tốt và một bình bát Tàu thượng hạng. Tin mừng đưa về Huế, chư tôn túc địa phương, gia đình VGĐS và anh em bà con hoan hỉ, tán thán vô cùng. Riêng S, sắm sửa một lễ cúng ở BLM và thân hành lên tháp ĐS để tạ ơn trời biển đã đào tạo, huấn luyện S cho đạt được thành quả vẻ vang này. Người ta kể rằng S không cầm được nước mắt, nửa vui mừng, nửa buồn tủi khi quỳ lặng trước tháp ĐS.

Bắt đầu từ đó, đạo hiệu Viên Thành của nhà sư trú trì trẻ tuổi đã bắt đầu quen thuộc trong chốn sơn môn và khắp kinh thành. Những danh sĩ, tao nhân thường ngày tới lui thăm viếng, đàm luận về văn chương và đạo lý. Thư từ đi lại luôn luôn, từ miền Nam đến ngoài Bắc, nên quang cảnh chùa BLM vui rộn hơn trước nhiều.

Công việc thong thả, Sư lại vân du đó đây. Dáng người mảnh khảnh nhưng đi bộ rất dai. Chiếc áo bạc màu, đôi dép Tàu nhỏ nhắn, chiếc nón rộng vành là phục sức thường ngày của S trên nhiều nẻo đường. Đáng kể nhất là chuyến vân du ra Bắc đến mấy tháng trời, đi qua từng tỉnh một với đủ các

phương tiện. Cũng vì bẩm chất không cường tráng lắm, nhưng đã dốc hết tinh thần vào sách vở, lại ăn uống quá kham khổ và hay đi đó đây, nên S suy nhược và lâm bịnh, phải điều trị hàng tháng mới bình phục. Một đêm thu vén màn ngồi bên giường bệnh, bỗng nhiên thấy mình bơ vơ, run rẩy trước cái lạnh thấm buốt vào người. Tất cả giá lạnh của cuộc đời tu hành bỗng nhiên thấy rõ. S ghi lại cảm nghĩ ấy qua bài thơ ngũ ngôn tuyệt cú sau đây mà mỗi lời rưng rưng như hạt chuỗi nguyện cầu :

金殿不勝秋
月斜竹戶冷
只有林下風
搴帷吊瘦影

41B

Kim điện bất thắng Thu.
Nguyệt tà trúc hộ lảnh.
Chỉ hữu lâm hạ phong
Khiên duy điếu sấu ảnh.

Dịch : *Điện vàng hiu hắt hơi Thu,*
Lạnh run cửa trúc, mịt mù gương nga.
Bên rừng gió thổi la đà.
Vén màn thương bóng sao mà xác xơ.

Nhưng dòng đời biến chuyển mãi không ngừng, đưa người ta từ những bến bờ này sang bến bờ khác. S đã trải qua giai đoạn đau thương hồi thơ ấu, rồi tìm lại được nguồn vui và niềm an ủi trong lớp áo tu hành, giao du với thân hữu bốn phương hay vân du khắp đó đây. Những tưởng tháng ngày trôi xuôi như thế, không ngờ sóng gió bất thường lại nổi lên, chuyển hướng cả cuộc đời theo một hướng đi mới. S càng được VGĐS thương yêu, thân hữu ngưỡng mộ thì lại càng không được lòng các con của ĐS. Mối bất hòa này xảy ra phần lớn cũng từ lòng ganh tị và đố tài, nhất là khi ĐS lâm chung lại để di chúc căn dặn S đứng làm trưởng nam trong



HÌNH 3 : *Chân dung Sư Viên Thành chụp sau khi đi Phú Yên về, khoảng 21 tuổi.*

tang lễ, làm các ông này bất mãn vô cùng, nhưng vì chữ hiếu nên không dám nói ra. Dưới mắt họ, dù thế nào chăng nữa sư cũng chỉ là một kẻ nghèo nàn, bị gia đình bỏ rơi, phải đến nương nhờ cửa Phật, không xứng đáng với lòng nể vì, trọng vọng của ĐS và của họ được. Đầu óc phong kiến và mặc cảm tự tôn về dòng dõi, địa vị xã hội bắt buộc họ nghĩ ngợi điều ấy. Chính vì hiểu rõ như thế, S buồn lòng và đâm ra suy nghĩ rất nhiều, nhất là sau khi đứng ra điều khiển nhà chùa, họ đã bắt đầu nhòm ngó, bàn tán nhỏ to về việc làm của S và nhiều lần gây khó khăn cản trở. Chúng ta có thể thấy tâm trạng chán chường của S trong cảnh khó khăn ấy qua bài thơ sau đây:

Ba mươi tuổi biết sáu mươi nơi.
Thẩn thần thơ thơ ở với đời.
Nỏ giận hờn ai cho mệt dạ,
Chớ đua tranh miệng khỏi hao hơi.
Dại khôn cũng hóa ra thành đất,
Suy tính chi qua đặng với trời.
Chán biết nhân tình là tệ bạc,
Cũng trò, cũng chuyện cũng cười chơi.

Một hôm, S lên chiêm bái các tổ đình đến 2, 3 hôm mới về, ông Nguyễn Khoa Kỳ và Nguyễn Khoa Tùng vào gặp S và hằn học bảo rằng: «Mệ có ở giữ chùa thì ở, còn không, cứ đóng cửa giao lại cho anh em tôi, chứ nay đi, mai ở, bỏ chùa không ai coi sóc, kẻ trộm nó vào rinh Phật rinh chuông mất, liệu mệ có đền không?». Nghe lời nói trái tai và có ý đuổi khéo này, S có ý nghĩ giao trả chùa BLM lại cho họ Nguyễn Khoa và tìm nơi khác yên tĩnh hơn để dễ bề tu tập và xa lánh hẳn cuộc đời cứ gây sóng gió bất thường.

Nghĩ đến ĐS, ân nhân duy nhất đời mình, đã cứu vớt S từ hố thẳm bùn lầy và đào tạo cho S một cuộc đời cao quý. Chỉ có ĐS là người thương yêu chân thật và chung thủy đối với S, ngoài ra, tất cả những người khác đều manh tâm, độc ác và đáng tránh xa. Muốn gần gũi người cha hiền từ, người



HÌNH 4 : *Chân dung Sư Viên Thành lúc còn ở Ba La Mật, khoảng 40 tuổi.*

tri kỷ khắn khít ấy, S nảy ra ý định kết một thảo am bên tháp ĐS để gần gũi mãi mãi.

Thế rồi sau một thời gian. suy nghĩ, chuyện rời BLM lên ở gần tháp ĐS đã thành hình S quyết định ra đi và giao hoàn nhà chùa cho họ Nguyễn Khoa, bấy giờ vào năm 1923, dưới triều vua Khải Định thứ 9. (1)

Tính lại, thời gian S ở đây được 27 năm tròn và S thấm thoát đã 44 tuổi đời.

---

(1) Sau đó một lúc, gia đình họ Nguyễn Khoa hối hận và thật sự không kham nổi việc nhà chùa, đã lên T.A cầu S đưa đệ tử Trí Hiền về trú trì.

CHƯƠNG III

LÊN TRA-AM

DỰNG TRA AM

(1923)

Bấy giờ, dưới triều Khải Định thứ 8, (1923), S đặt chân lên vùng đất lạ kế cận bên tháp VGĐS dưới chân núi Ngũ Phong.

Tọa lạc giữa ấp Từ Tây, thôn An Cựu, quận Hương Thủy, vùng đất lạ này nằm trong khuôn viên táng địa của họ Nguyễn Khoa. Phía Nam núi Thiên Thai buổi chiều ráng đỏ; phía Đông núi Ngũ Phong đường nét thanh thanh như cắt dán trên nền trời và phía bắc, núi Ngự Bình im lìm giữa bóng mây che rợp.

Quang cảnh ở đây không hùng vĩ, to tát, chỉ thể hiện vẻ dịu dàng, cân đối, thích hợp với thi sĩ yêu mến thiên nhiên hơn là đạo nhân hú gió xua mây giữa núi rừng thâm u, hiểm hóc. Đất thấp, bằng phẳng, khe núi uốn éo róc rách quanh năm, tưới mát những rừng thông xanh ngắt xa gần. Về mùa Thu, mây trắng phủ mịt mờ hết cả. Những đêm đông

điềm tiếng vượn kêu buồn thảm thê lương. Qua mùa Xuân, hoa rừng rắc màu tươi thắm lên cây cỏ xanh dờn như gấm, Mùa hạ, quang cảnh mát mẻ, không oi bức như ở ngoài kia chim chóc thay nhau chuyền cành ca hót suốt ngày.

Lối đi vào đây ngang qua núi Ngự Bình, len lỏi trong các rừng thông, rừng bứa phủ đầy dây leo xanh tốt, vắng lặng. Con đường đất bé nhỏ, khi cao, khi thấp theo các giòng khe sườn đồi. Suốt ngày, chỉ nghe tiếng nước róc rách, thì thầm, tiếng chim gọi nhau ríu rít. Lâu lắm, mới thấy vài người đi thăm mộ, đốn củi rảo bước lên về. Vết chân người nơi đây còn vắng lắm, làng xóm ở mãi ngoài xa.

Phong cảnh thanh u, thơ mộng, hợp với tâm hồn của khách yêu hoa cỏ. chán chỗ xe ngựa ồn ào, lại kề cận chỗ yên nghỉ nghìn năm của ân nhân, tri kỷ duy nhất đời mình đã quyến rủ bắt S phải dừng bước tu hành.

Cùng các đệ tử thân tín Trí Uyên, Trí Hiền, Trí Giải và vài người giúp công, S bắt đầu công việc xây dựng. Phương tiện hoàn toàn có sẵn: tranh, tre, gỗ, đá. Chỉ cần bàn tay chịu khó và đầu óc mỹ thuật sắp đặt, tô điểm lại thôi.

Chùa là một am tranh nhỏ, phên tre, gian trước thờ Phật, gian sau làm thư phòng và chỗ nghỉ ngơi. Bên phải một nhà nhỏ kế tiếp, vách tường bằng tre trét đất thổ huỳnh (vàng), trong bày bộ ván ngựa có đặt kỷ trà tiếp khách. Bên trái, một nhà trai trung bình liền với căn bếp đơn sơ,

S giản dị hóa nhà chùa để tất cả hòa hợp với tinh thần giã tạm của triết lý Thiền và dễ dàng thể nhập với thiên nhiên. Nhưng lối bày biện bên trong lại trang nhả và đầy thi vị. Từ tượng Phật đến lò hương, bát nước đều xinh xắn, dễ thương, không to lớn và cầu kỳ quá. Đặc biệt hơn cả là cách bài trí chung quanh chùa. S thân hành lên núi Ngũ Phong, tìm những tảng đá có hình dạng đặc sắc, kỳ lạ, lấy vôi ăn trầu ghi dấu rồi nhờ gánh về. Tự tay ngắm nghía, xếp đặt

bên dòng khe, dưới cội mai, cạnh khóm trúc, thành những giả sơn lạ nét.

Vào chùa, phải qua dòng khe nhỏ, S cho bắt một thân cây thông lớn làm cầu treo, có tay vịn, gọi tên là «Lược Ước Kiều» (1), dòng khe chảy ngang là «Tẩy Bát Lưu» (2) và bến nhỏ lấy nước là «Tẩy Bát Thủy» (3). Những danh từ nên thơ này được khắc lên các phiến đá rồi đem dựng ở mỗi nơi, đến nay vẫn còn dấu tích. Nhân biệt hiệu của mình, S gọi tên chùa là Tra Am (4) và chỗ đọc sách là Ngọa

---

(1) Tức cái cầu nhỏ bằng gỗ bắc qua khe suối cho người đi qua, xe ngựa không chở nổi. Cổ thi có câu: 略約橫秋水 *: lược ước hoành thu thủy: nước thu, cầu nhỏ bắc ngang dòng. Thơ Lục Du còn có câu:* 濺濺一渠水往來一略約 *: tiên tiên nhất cừ thủy, vãng lai nhất lược ước: bên bờ nước chảy trong veo, qua về trên chiếc cầu treo hững hờ. Xem thế, SVT mượn chữ của cổ nhân để đặt tên cầu, vừa thi vị, vừa có ý nghĩa biệt lập riêng một tiểu giang sơn, không để cho thế giới vật chất xâm phạm được.*

(2) nghĩa là dòng khe để rửa bình bát. Ba chữ này và Lược Ước kiều hiện còn dấu vết trên hai tấm đá trước chùa.

(3) Tẩy bát thủy : nước rửa bình bát.

(4) Theo Nam Sử, Trương Phu 張敷 *thuở nhỏ tên tục là Tra* 樝*. Cha ông là Trương Thiệu* 張劭 *tên tục là Lê* 梨*. Vua Tống Văn Đế thường gọi đùa rằng: «Tra sao bằng Lê được!» Trương Phu cười mà tâu rằng: «Lê là cây trăm quả, Tra đâu dám sánh bằng!» Đời sau dùng điểm này chỉ người sau không bằng người xưa, ngụ ý khiêm nhượng. SVT khi chọn biệt hiệu Tra Am, tự cho không bằng được sư phụ VGĐS. Trong di chúc lại có câu: «*自恨樝不如梨也 *: tự hận Tra bất như Lê dã : tự hận Tra chẳng bằng Lê được» lại càng muốn tỏ lòng biết ơn kính trọng sư phụ mình.*



HÌNH 5 : *Phiến đá có khắc 3 chữ «LƯỢC ƯỚC KIỀU» hiện còn ở trước Tra Am*

Vân Khốt (1). Hai bên cột tre trong phòng khách, treo đôi câu đối bằng tre Tàu, trên khắc lời thơ thơm ngát mùi Thiền, nét chữ hết sức cổ nhã:

花落家童未掃
鳥啼山客猶眠

Hoa lạc, gia đồng vị tảo,
Điểu đề, sơn khách do miên.

Hoa rụng, tiểu đồng chưa quét.
Chim kêu, sơn khách còn ngơi.

Bên cửa sổ thư hiên, phủ bóng cây chay già thâm u, dán mảnh hoa tiên, trên thư hai câu thâm thúy:

一片白雲横谷口
許多歸鳥盡迷巢

Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu,
Hứa đa quy điểu tận mê sào!

Một giải trắng phau mây cửa động,
Lũ chim về tổ cánh mê man. (2)

Sư lại mê hoa, nhất là hoa lan, hoa cúc. Chung quanh chùa đầy cả hoa, hoa đi vào thư phòng, hoa ở trên

---

(1) Tên hiên nhà tọa lạc phía sau chính điện, nơi S hằng ngày dạy dỗ các đệ tử, ở đây có treo tấm bảng gỗ trầm, khắc 3 chữ «Ngọa Vân Khốt» 卧雲窟. do Thượng Thư Đỗ phú Túc viết và bàn tay khéo léo của Nguyễn Cao Tiêu khắc. Chữ «ngọa vân» chỉ cho các cao tăng như bóng mây; khi đi gọi là vân du, khi nghỉ ngơi gọi như thế. Đời Trần vua Nhân Tôn — tức Trúc Lâm đầu đà, cũng lập Ngọa vân am trên núi Yên Tử để đọc sách và hành thiền.

(2) Hiện đương kim tọa chủ Tra Am cũng thư câu này lên vách chùa, gần chỗ rửa mặt.

bàn Phật, hoa rũ bên phên tre và hoa lủng lẳng bên cửa sổ, dưới mái hiên,

Trước sân, mấy nhánh mai Tàu phơn phớt trắng rơi lả tả trong gió thoảng đầu Xuân. Sau chùa, luống huệ nở trắng muốt tỏa nhẹ hương thơm. Màu tím, đỏ, vàng, trắng lẫn lộn, tô điểm rực rở giữa đám lá xanh non, tạo nên tấm thảm màu tự nhiên, linh động lạ thường, gần với thế giới thanh cao, thơ mộng của thi nhân và xa hẳn cuộc đời nặng nề vật chất ngoài kia.

Bước chân vào chùa, người ta bị thu hút bởi cảnh sắc thanh thản, nên thơ và tâm hồn trở nên dịu dàng, siêu thoát hẳn lên. Nói đúng ra, T.A là nơi tâm hồn dễ mơ màng, gặp gỡ chân, thiện, mỹ. Đúng như thế, Thượng Thư bộ kinh tế Nguyễn Khoa Kỳ, trong lần lên thăm S, quá xúc cảm trước phong quang thoát tục này, đã ngồi lặng thưởng thức đến chiều mà vẫn còn lưu luyến, chưa muốn trở về :

Nhịp cầu Lược ước bắc sang khe.
Một mái am tranh gió bốn bề.
Cúc nở xuê xoang tuồng nệm gấm,
Dây leo dỏng dảnh bức màn the.
Ngồi xem nước chảy, đôi ghềnh đá,
Đứng đợi trăng lên, mấy cụm tre.
Cảnh có, người vui, càng rốn lại.
Mặt trời khuất núi vẫn chưa về.

Một nhân vật khác Thượng Thư Đỗ Phú Túc, cũng nhận định về cảnh sắc T.A chính là nơi dễ làm cho lòng trần thanh thản để học theo lối xuất trần qua bài thơ vịnh cảnh chùa sau đây :

五 峯 煙 景 尋 祇 園
大 道 照 垂 在 目 前
偶 罷 拂 塵 要 月 坐
詩 成 投 筆 枕 雲 眠

松風竹露饒佳興
水鳥山禽悟覺緣
榮辱世途舟久岸
息機我亦欲參禪
1B

Ngũ Phong (1) yên cảnh trúc Kỳ viên (2).
Đại đạo chiêu thùy tại mục tiền.
Kệ bãi, phất trần yêu nguyệt tọa.
Thi thành, đầu bút chẩm vân miên.
Tùng phong, trúc lộ, nhiêu giai hứng
Thủy điểu, sơn cầm, ngộ giác duyên.
Vinh nhục thế đồ châu cửu ngạn
Tức cơ ngã diệc dục tham Thiền.

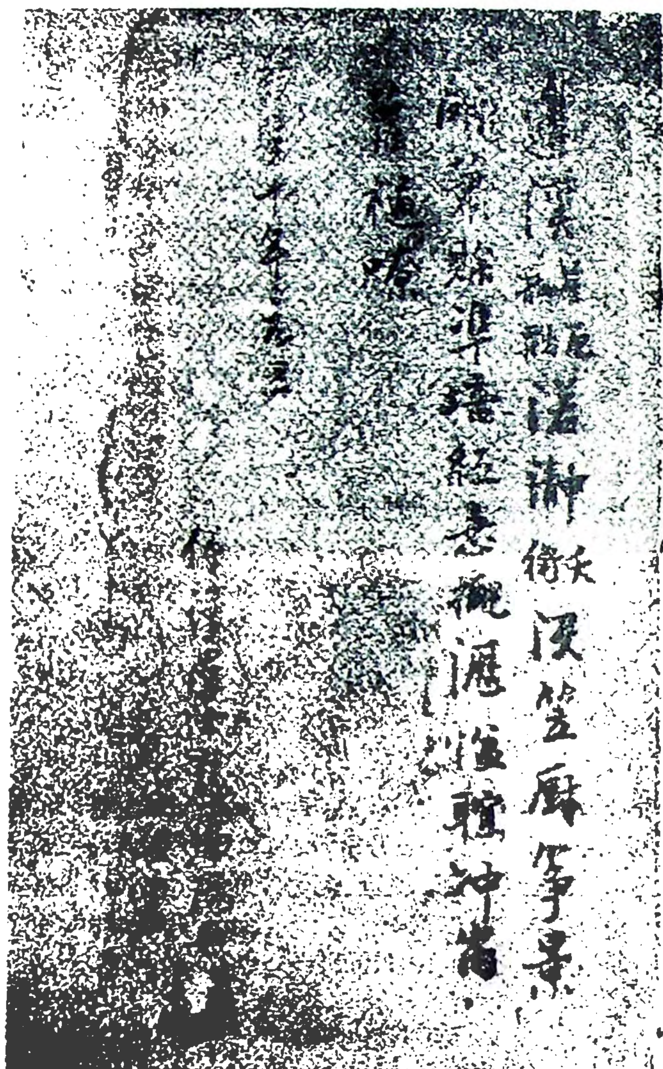
Dịch : *Ngũ Phong khói tỏa dựng chùa chiền.*
Đạo lớn trông ra đã thấy liền.
Kệ hết, phẩy bàn, mời nguyệt chiếu.
Thơ thành, ném bút, gối mây yên.
Gió sương tùng trúc nhiều giai hứng,
Chim chóc hòa ca tỏ giác duyên.
Vinh nhục giữa đời, thôi dẹp hết,
Thanh nhàn ta muốn học tham Thiền.

Có người lại nhìn T.A bằng đôi mắt trầm buồn, như mùa Thu muôn thuở của thi ca Trung Hoa : Thị độc học sĩ Long Biên Nguyễn Như Cơ đã đề cảnh qua bài thơ xa vắng mênh mang, sau lần ghé thăm chùa ngày Nguyên đán dưới triều Khải Định thứ 10 (1925) :

---

(1) Tên dảy núi nhỏ gồm 5 hòn xếp thành một bình phong phía tay trái núi Thiên Thai và về phía nam núi Ngự Bình.

(2) Kỳ Viên 祇園*, cũng gọi là Kỳ hoàn hay rừng thệ đa* 逝多*. Chính nơi này, cư sĩ Bồ Tát Duy Ma Cật trợ duyên Phật Thích Ca thị hiện thần thông du hí bất khả tư nghị xiển dương lý Bất nhị pháp môn. Ở đây, chỉ cho cơ duyên tao ngộ giữa Tăng và Tục.*



HÌNH 6 : *Bài thơ nôm của Thị Độc Học Sĩ Long Biên Nguyễn Như Cơ tặng Sư Viên Thành vào ngày Nguyên đán năm Khải Định thứ 10 (1925)*



HÌNH 7 : *Bản đề ba chữ «Ngọa Vân Khối» treo ở hiên giảng phòng do Thượng thư Đỗ phủ Túc viết và nhờ Mai Tu Nguyễn Cao Tiêu khắc vào năm Đinh_Mão_(1972)*

Bên khe róc rách nước trong veo.
Một liếp chùa tranh cảnh vắng teo.
Xa chốn bụi hồng, lòng phủi sạch.
Buồn nghe trong núi lá thông reo.

Nhưng tựu trung, chỉ có Mai Tu Nguyễn Cao Tiêu, đệ nhất tri kỷ của S, là người đã nhận định đúng đắn về cảnh trí T A, và hiểu rõ chủ đích của S khi dựng thảo am này hơn cả. Qua bài «Tra am ký» soạn năm Bảo Đại nguyên niên (1926) ông đã kết luận rằng T A, là một tiểu giang sơn cách biệt ngoài cuộc đời tục lụy và chủ nhân T.A là một người thanh cao, không phải là người nữa, mà chính là bậc đã liễu ngộ Thiền lý, sống ngoài danh sắc của thế gian. *(Xem thêm bài Tra Am ký).*



ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY

Nghiên cứu đời sống hằng ngày của một nhà Sư hay tình trạng sinh hoạt một ngôi chùa của ta ngày trước quả thật khó khăn, vì tài liệu ít khi ghi chép những chuyện «vụn vặt» này. Nhưng thật ra, xét cách sống thường ngày qua thái độ xử kỷ tiếp vật của một nhà Sư có thể giúp ta hiểu rõ trình độ hiểu biết về giáo lý và sự hành trì giới luật một cách trung thực. Những bộ lục của Trung Hoa rất chú trọng điểm này, trái lại, tiểu truyện các cao tăng Việt Nam ta xưa nay chỉ nhắm khai thác đạo hạnh, tư tưởng hay công nghiệp hoằng dương đạo pháp của các ngài mà thôi.

Theo tinh thần cần lao của Tổ Sư Bách Trượng với câu nói bất hủ: «một ngày không làm, một ngày không ăn» «壹日不作壹日不食: nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực,» các Thiền đường đã huấn luyện tất cả tăng sĩ đều phải nỗ lực hoạt động, từ những công việc nặng nhọc đến những chuyện vụn vặt. Đọc các bộ lục, chúng ta thấy nhan nhản những Tổ Sư cuốc đất, đốn củi, nhổ cỏ, hái trà, đẩy xe.

Cần lao được nâng cao thành một pháp hạnh thiết yếu. Do đó, tất cả mọi Thiền đường đều có một sinh hoạt kinh tế gần như tự túc, không đặt nặng sự lệ thuộc vào thập phương thí chủ. Trái lại, tại Nam phương Phật giáo, tăng lữ được tín đồ cung cấp hoàn toàn — gọi là cúng dường, để họ có thì giờ chuyên tâm tĩnh tọa, tu hành. Tăng lữ chỉ cần mang bình bát đến nhận từng nhà, không phải «đổ mồ hôi đổi lấy bát cơm».

Dung hòa giữa quan niệm thực tế của sinh hoạt thiền viện Trung Hoa và lý tưởng cao siêu của Thiền viện Ấn Độ, tình trạng sinh hoạt của các chùa chiền ở Việt Nam ta có những điểm đặc biệt. Ngày xưa, trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê và Nguyễn gần đây, các vua chúa sùng thượng Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Vì Tăng là gạch nối liền chư đệ tử với Phật và Pháp nên kính Phật thì phải trọng Tăng. Bởi thế, các nhà lãnh đạo có bổn phận lo lắng, chu cấp nhu cầu sống hằng ngày cho tăng đồ để các vị có đủ thời giờ hành đạo và tinh tiến tu trì. Ngoài lương bổng vua chúa còn cấp ruộng đất cho các chùa chiền lớn để làm phương tiện nuôi sống tăng đồ. Ngay những tự viện tại các làng mạc cũng đều có công điền khả dĩ tạo mãi các nhu yếu phẩm sinh sống qua ngày. Tóm lại, hầu hết các ngôi chùa đều có lúa gạo tạm đủ dùng, tăng đồ chỉ vun xới trồng thêm ít nhiều hoa quả, khoai sắn, rau trái vặt vãnh hằng ngày. Tuy không đến nỗi tượng trưng, nhưng sự cần lao này khác xa với tinh thần hăng hái, triệt để của Trung Hoa. Do đó, tăng chúng ít khi phải tự lực cánh sinh một cách hoàn toàn. Thỉnh thoảng, lại còn thấy vài Phật tử hảo tâm đi quyên các nhu yếu phẩm như gạo, dầu từ làng này sang làng khác để cúng dường tăng chúng tại các chùa chiền ở nơi thâm u dễ lâm vào cảnh thiếu thốn.

Do đó, có thể bảo rằng các chùa chiền ở nước ta phần nhiều đều có một tình trạng kinh tế tạm đủ và T.A cũng nằm trong hoàn cảnh này như chúng ta sẽ xét sau đây.

Tổng hợp lời thuật lại của các đệ tử tôn đồ cũng như họ hàng bà con của S, và nhất là qua di phẩm văn chương, chúng ta biết khá nhiều về đời sống hằng ngày của S và tình trạng sinh hoạt kinh tế của nhà chùa lúc bấy giờ.

Hồi còn ở BLM, trên danh nghĩa là một chùa tư do họ Nguyễn Khoa xây cất, S thừa hưởng những quyền lợi về số ruộng đất của nhà chùa để chi dùng vào việc thờ tự và sinh sống. Vốn là một danh gia cự tộc vào bậc nhì của đế đô, nên họ Nguyễn Khoa đã cung ứng cho nhà chùa đầy đủ phương tiện để sống, nghĩa là S và các đệ tử không phải lo thêm công việc khả dĩ đem lại cơm áo thường ngày.

Kịp khi lên T.A, nhà chùa không hề có ruộng đất tư hữu. Chính khuôn viên T.A, cũng do S mua mấy đồng bạc và nỗ lực xây dựng nên. Mỗi tháng, triều đình có ban cho 3 đồng 2 cắc (lương Công Tôn) và Phật tử, thân hữu xa gần cúng dường kẻ tiền, người gạo, hay khoai, sắn đủ sống qua ngày. Trong chùa không bao giờ dư gạo dùng quá 10 ngày. Gặp lúc đông khách ở lại, đệ tử phải chạy ngã sau đi mượn về nấu tạm thết đãi. Giang sơn chỉ vỏn vẹn một vò gạo nhỏ và rau trái sơ sài ngoài vườn.

S lại không đi cúng quảy, tụng kinh cho tín chủ, nên lợi lộc chẳng có chút gì. Nhiều lúc mưa gió mùa đông, vắng người tiếp tế hay đường sá lầy lội, mang xách khó khăn, S và đệ tử phải dùng tạm sắn, khoai khô, hay S viết thư sai sang vay nhờ tiền, gạo ở chùa Tây Thiên, Trúc Lâm Viên Thông v.v.

Còn lại bài thơ sau đây tả đời sống thanh bạch do S đọc đùa hồi còn ở BLM:

Năm nay tuổi đã ba mươi bốn.
Non nước dạo chơi đã khắp chốn.
Nhờ vua một tháng ba đồng hai,
Tính lại tương cà chẳng thiếu thốn.

Nhưng âu đó cũng là thực trạng chung của các chùa. Hòa Thượng Tâm Tịnh chùa Tây Thiên đã đến gõ cửa một bà Thượng Thư đêm 29 tháng chạp để thúc gạo đầu năm và một lần nữa, đã mua lòng vua Khải Định bằng cách niệm to danh hiệu «Nam mô Khải Định vương bồ tát» khi nhà vua ngự giá lên thăm để kiếm phương tiện tổ chức đại giới đàn tại chùa Từ Hiếu. Hòa Thượng giáo thụ chùa Thiên Hưng cũng đã về cầu cứu các nữ đệ tử bán hàng tại chợ Đông Ba vào một chiều gần Tết để lấy hương hoa quả phẩm dâng cúng đầu năm.

Tóm lại, không chùa nào giàu có nứt đố, nhưng cũng không chùa nào chịu đói phơi nồi cả.

Có dạo anh em bà con dưới phòng Định Viễn lên thăm, rủi gặp ngày hết gạo và cạn sạch đồ ăn dự trữ. S vẫn ngồi say sưa tiếp chuyện ở nhà ngang. Đệ tử tri sự, tức đương kim hòa thượng Thích Trí Thủ vào bẩm nhỏ cơ sự. S khẽ bảo chạy ngả sau đi vay gạo bên nhà hàng xóm và chỉ trái bầu non cuối mùa treo lủng lẳng ngoài giàn. Lăng xăng mãi, đã đến lúc dọn cơm trưa. Các mệ ngồi vào bàn, chỉ thấy lỏng chỏng nồi cơm gạo đỏ và mấy tô canh bầu non nấu với sữa hộp! S cầm đũa thân mời và tươi cười ngâm:

Món cao lương tuy ngon nhưng lợm,
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.

Phần đi từ sáng sớm phải điểm tâm nhẹ, phần vận động khá nhiều các đôi chân suốt đời chỉ lên xe xuống ngựa, các mệ quá đói, chắp tay dạ dạ và ăn uống rất ngon lành thức ăn mà chắc chắn suốt đời không bao giờ nếm thử!

Thường thường, gặp tri âm lên chơi, S vẫn mời dùng cơm với chuối non kho muối, mè, tương, chao và ít khi phần cơm được dư dã. S bảo nửa đùa nửa thật rằng khách lên T.A cốt để ăn chữ, chứ không phải để ăn cơm.

Nhiều người kính phục, ngưỡng mộ, đem tiền bạc,

ruộng đất cúng dường cho nhà chùa làm của tư hữu, nhưng S hết sức từ chối, nhất thiết không nhận, bảo rằng đã nương mình cửa Phật, phải xem tất cả đều không. Họa hoằn lắm, mới nhận vài ba đồng bạc ít gói trà thơm, nửa thanh quế tốt do các tri âm kính biếu. Nhưng rồi S lại gửi chia cho các tôn túc pháp hữu khác như Đại sư Tĩnh Hạnh, Tâm Tĩnh. v.v. Một hôm, S đã hất đổ mâm đựng 10 đồng bạc của một bà Thượng Thư có phần mộ tổ tiên an táng trong khuôn viên nhà chùa đến nhờ S lo cúng quảy cầu siêu độ, vì cử chỉ hách dịch và đức quan Thượng là một người hút máu dân có tiếng. S quát lên rằng: «Tôi không phải là ông từ giữ chùa, canh mộ, dù không có hương đèn thắp cúng, chư Phật cũng chẳng bắt tội!»

Một tôn đồ đọc bài thơ sau đây nói rõ nếp sống nghèo nàn, thanh bạch của S, đã nằm ôm lò sưởi co ro trong manh áo vá vào một sáng mùa đông:

敲罷殘鐘曉未分
藤牀破衲擁爐熏
家風不用煩君問
茅屋三間一塢雲

Xao bãi tàn chung, hiểu vị phân.
Đằng sàng phá nạp ủng lô huân.
Gia phong bất dụng phiền quân vấn,
Mao ốc tam gian, nhất ổ vân.

Dịch : *Thỉnh trọn hồi chuông, sáng vẫn mờ.*
Ôm lò nằm sưởi, áo gai xơ.
Của nhà đâu dám phiền lòng hỏi!
Mây trắng, lều tranh, phủ mịt mờ.

Sư phục sức đơn sơ, ít thích đồ mới, thường chỉ có mấy bộ đồ thay đổi và một ca sa khá tốt. Gặp khách tri âm nào lọt mắt xanh, S sửa sang y phục ngay ngắn thân ra chào đón mời vào. Một lần, đã đắp ca sa tiếp Phan Khôi và khi

về, lại đưa ra khỏi cổng chùa để Chương Dân tiên sinh phải thao thức suốt đêm vì cảm động và mến phục. *(xem thêm phần : Giao du với văn thi hữu, đoạn 8 Chương Dân Phan Khôi)*

Đối với thân hữu, S cẩn thận, cung kính đến thế, nhưng với chính riêng mình, S rất dễ dàng. không ưa bày vẽ. Nhiều bạn bè mời S đi chơi, ngỏ ý xin đem xe lên rước, S đều khoát tay mỉm cười từ chối, rồi bất thần thủng thỉnh đi bộ về thăm.

Một buổi trưa, Mai Tu Nguyễn Cao Tiêu họp bạn ở nhà, có cả S, mời dùng cơm. Chủ nhân hỏi đùa rằng S ăn mặn hay chay. S bí mật cười, bảo chay hay mặn cũng đều được. Người ta bưng lên toàn những món ăn ngon tuyệt cả. Đến lúc bắt đầu cầm đũa, S gọi nhỏ người hầu bàn, bảo đi lấy dùm một dĩa muối trắng có pha tiêu và thản nhiên ngồi ăn. Bấy giờ cả chủ nhân lẫn thân hữu đều cảm động vì sự tế nhị và chu đáo của S, vờ bảo thế để khỏi phiền lòng chủ nhân lo sắm sửa thêm một tiệc đồ ăn chay cho mình trong lúc đang bận rộn.

Trong cuộc sống bình dị, đạm bạc ấy, S vẫn vui vẻ, thảng thích, xem nhẹ cuộc đời như bông và không thoáng một chút lo buồn, trái lại, còn dí dỏm và hài hước :

Ai thăm ơn lắm, biết thăm ai !
Ai mời xin lảnh, dám mời ai !
Nhà dột, lá che, không đợi lợp.
Phên xiêu, gió đỡ, chẳng lo gài.
Phải chăng mặc thế, hơi nào nghĩ !
Hơn thiệt thây đời, cũng chẳng nài !
Dễ có công đâu ngồi quẹt mũi (1).
Nay còn chưa kể, huống là mai !

---

(1) Do chữ mô tị 摸鼻, nghĩa là lau mũi. Do điển ngày xưa, có một cao tăng, sau khi liễu đạo, tính trở nên biếng nhác, đến nỗi không lau được mũi, để chảy lòng thòng. Một thượng quan kia muốn mời ngài về, ngài đã bằng lòng,

S dậy rất sớm, hằng ngày vào khoảng 5 giờ sáng, đã ngồi ngâm thơ bên kỷ trà cho đến khi mặt trời lên mới đi tản bộ quanh chùa, săn sóc hoa, hay nằm đọc sách suốt ngày. Những hôm mắc khách, S ngồi đàm đạo say sưa quên cả thì giờ, có khi câu chuyện kéo dài suốt đêm không ngủ và luôn luôn, nét mặt từ hòa, cởi mở, cử chỉ khiêm cung, phong thái nhàn nhã, không để mất lòng ai. Ngay những lúc giảng dạy các đệ tử và học tăng của chư sơn, dù ai có lỗi lầm đến thế nào, S vẫn ôn tồn phân tích, chỉ dẫn, để «bị can» thấy rõ sai lầm tuyệt không có thái độ giận dữ, nóng nảy.

Suốt cả cuộc đời thanh cao không vướng lợi danh như thế cho đến lúc sắp trở về với đạo, trong hầu bao còn mấy đồng bạc, S cũng trút hết cho pháp tử, để giữ thật sạch hai bàn tay khi ra đi.

---

nhưng ông ta xin ngài chịu khó lau mũi rồi hãy đi. Ngài đổi ý, bảo không đi nữa, vì phải mệt công lau mũi. Ngụ ý thích tự do, không chịu một điều kiện ràng buộc nào bởi ngoại giới. Tuệ Trung Thượng sĩ có câu: «Gặp vui cũng chẳng chùi hàng mũi. Vô hạn duyên lành quyết dứt thôi: 逢場亦不摸來鼻無限良緣只麼休*: phùng trường diệc bất mô lai tỵ, vô hạn lương duyên chỉ mạ hưu!»*

VÂN DU

Ngôn ngữ người đời là du lịch, để mở rộng tầm mắt và phong phú hóa tâm hồn. Ngôn ngữ nhà Phật là vân du, nghĩa là sau khi vào được cửa đạo, thường đi khắp đó đây như bóng mây bay để hành đạo và làm bạn với thiên nhiên. Đối với nhà sư liễu đạo, thức ăn vật chất không cần thiết nữa, phải nuôi dưỡng tâm hồn hư lặng bằng vũ trụ hiền hòa: nắng mưa, hoa lá, nước biếc, non xanh, cho tâm hồn trong sáng như trăng rằm và nhẹ nhàng như gió mát đầu thu. Trong ý hướng đó, nhà sư là một nghệ sĩ trung thành, tìm cách trở về thể nhập cùng thiên nhiên trong giao tình vĩnh cửu. Nhất Định Hòa Thượng 壹定和尚(1). khi xin vua Thiệu Trị

---

(1) Người tỉnh Quảng Trị, xuất gia từ thuở ấu thời tại chùa Linh Quang, thông nội điển, thờ Phổ Tịnh Hòa Thượng làm thầy. Vua Gia Long sung chức Trú Trì chùa Bảo Quốc, Vua Minh Mạng ban cho giữ chùa Linh Hựu. Dưới thời vua Thiệu Trị, Hòa Thượng xin về kết thảo am tại một đồi nhỏ ở làng Dương Xuân thượng, sau thành chùa Từ Hiếu bây giờ.

rời khỏi cung đình về dưỡng lão, ngẫu chiếm hai câu cực tả lòng say mê cuộc sống đó đây:

幸逢奏得仍回老
壹鉢孤身萬里遊

Hạnh phùng tấu đắc nhưng hồi lão,
Nhất bát cô thân vạn lý du.

Dịch : *May được tâu xin về dưỡng lão,*
Ôm bình muôn dặm sống phiêu du.

SVT cũng thường hay vân du đó đây.

Hồi còn ở BLM trong tuổi thanh niên, S đã ra Bắc một lần. Hành trình từ Huế ra Quảng Trị, Quảng Bình, rồi ra Thanh Hóa, Nghệ An và lần ra Hà Nội bằng đủ mọi phương tiện : đi bộ, đi đò, xe hỏa, xe hơi v.v... tùy lúc, tùy hoàn cảnh. Đến mỗi địa phương đều ghé lại thăm thân hữu it ngày, dạo xem các thắng tích, chiêm bái các đền đài, đề thơ kỷ niệm rồi lại lên đường. Gót chân phiêu lãng không dừng còn ghi lại trong thiên du ký bằng thơ nhan đề «鶴程吟» Hạc trình ngâm (1).

Đọc qua khúc ngâm dài 84 câu này, chúng ta thấy rõ tất cả hành trình thú vị của S khi qua từng địa phương. Chỉ có một tâm hồn thật phóng khoáng và siêu thoát mới hạ bút viết những câu :

Nón dâu, khăn xách, lang thang,
Non xanh nước biếc mây ngàn trăng thu.
Màn trời nệm đất ngao du,
Đầu non cội liễu tối đâu là nhà

Và cũng chỉ có những cái nhìn vươn ngoài không gian, thời gian của kẻ nhập đạo mới có thể bảo rằng:

---

(1) có nghĩa là khúc ngâm ghi lại hành trình của nhà sư vân du.

Tây Hồ tháng lại ngày qua,
Mây bay hạc liệng Thu đà sang đông.
Mới hay sắc sắc, không không,
Một tay cắp hết non sông lại về.

Sau khi lên T.A, S đã có tuổi, lại thường bận việc, không thể đi xa, nhưng thỉnh thoảng vẫn thăm viếng các thắng tích đó đây, cùng các thân hữu, đạo khế. Đến đâu cũng đề thơ kỷ niệm. Chỉ đáng tiếc là không phụ chú ngày tháng, nên chúng ta không biết đích xác thời điểm những cuộc vân du này

S thường sang thăm chùa Linh Mụ, niêm hương lễ bái. Một lần, S cảm tác bài lục bát sau đây, đọc qua, có thể thấy được nguồn sáng tạo triền miên của nhà nghệ sĩ tôn giáo :

Gặp tuần gió mát trăng thanh,
Mấy khi quá bước Hương Đình (1) đến chơi.
Hỏi trăng — trăng chẳng đáp lời.
Hỏi hoa – hoa chỉ mỉm cười làm ngơ.
Hỏi sông — sông lặng như tờ,
Hỏi non — non cứ trơ trơ với mình. (2)
Biết ai cho rõ sự tình,
Cuộc trăm năm thế công mình đến đây.
Dạo quanh hỏi gió cùng mây,
Dấu thuyền Tô Tử (3) ngày rày ở đâu ?
Hỏi thăm chàng Lý (4) bên lầu,
Rượu Quỳnh có sẵn đầy bầu hay vơi.
Ai chơi thì xuống mà chơi,
Dầu lên cho hỏi một lời dò la.

---

1) tên một cái đình trong chùa, lập nên dưới đời vua Thiệu Trị, nay bị phá hủy, chỉ còn trơ nền; đầy đủ, gọi là Hương Nguyện Đình 香願亭

2) trích trong bài đáp Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền,

3) tức Tô Đông Pha đại văn thi hào đời Tống.

4) tức Lý-Bạch thi bá đời Đường

Ba nghìn năm trước khai hoa,
Ba nghìn năm nữa đào đà chín chưa?
Non sông vốn cũng đợi chờ,
Xin cho trăng gió đến đưa người về.

Vào một tiết xuân đẹp trời dưới triều Khải Định, S cùng chư tôn túc, thiện hữu rủ nhau ngược dòng Hương Giang chiêm bái các linh tích của chốn đế đô. Trong dịp này, S đề 10 bài thơ ở 10 thắng cảnh đi qua, bài nào cũng lưu loát, có hồn.

Trước tiên, phái đoàn ghé vào Điện Hòn Chén (1), nơi thờ Thiên Y Thần Nữ, được vua Đồng Khánh và các bà nội phi kính cẩn. Sư đề bài thơ sau đây :

峙立江天勢自雄
依然仙嶠欝珠宮
半涯雲樹連天碧
幾疊樓臺射日紅
默運靈風慈慧遍
旌封香火帝王崇
登臨稽顙無多祝
願向人間一感通 37A

Trĩ lập giang thiên, thế tự hùng.
Y nhiên tiên kiều uất châu cung.
Bán nhai vân thụ liên thiên bích,
Kỷ điệp lâu đài xạ nhật hồng.
Mặc vận linh phong từ tuệ biến,
Tinh phong hương hỏa đế vương sùng.
Đăng lâm khể tảng vô đa chúc,
Nguyện hướng nhân gian nhất cảm thông.

---

(1) tên chữ là Ngọc Trản Sơn 玉盞山, *nghĩa là núi như cái chén ngọc, nằm bên bờ sông Hương, gần Tuần, là một thắng cảnh ở Huế.*

Dịch : *Chót vót bên sông thế rất hùng.*
Núi liền sầm uất cất châu cung.
Liền trời, mây phủ cây xanh biếc,
Rợp nắng, lầu chen ánh đỏ hồng.
Mười cõi gió lành ban đã khắp,
Chín lần hương báu nếp còn rung.
Lên thăm, đảnh lễ cầu gì nhỉ!
Nguyện hướng trần gian chút cảm thông.

Rồi đến đêm, thuyền ghé vào Bằng Lãng, cũng ở làng Tuần để phái đoàn nghỉ ngơi. Nằm trong khoang thuyền, S nghe tiếng trống, tiếng sáo bập bùng, véo von của dân làng tế thần vọng lại, khơi nguồn cho một sáng tác mới :

江 光 岸 樹 接 雲 天
汊 水 分 流 古 廟 前
記 得 舊 時 今 夜 月
賽 神 簫 鼓 向 花 邊 37B

Giang quang, ngạn thụ tiếp vân thiên.
Xà thủy phân lưu cổ miếu tiền.
Ký đắc cựu thì kim dạ nguyệt,
Thải thần tiêu cổ hướng hoa biên.

Dịch : *Hai bên cây tiếp với trời xanh,*
Trước miếu, sông trong chảy rẽ nghành.
Nhớ lại xưa nay trăng vẫn thế.
Bờ hoa, trống, sáo trỗi i ành.

Rồi cuộc du hành tiếp tục, thuyền qua bến Mi, có những tấm đá nổi giữa dòng phủ đầy rêu xanh. Bên bờ cát, nước chảy lao xao, Nghĩ lại, đường đi nhờ gió nên thuyền vượt mau đến thế, hay là Thần linh cảm thông nên hỗ trợ cho một tay :

巨 石 清 流 長 綠 苔
沙 灘 幽 咽 水 縈 迴

乘風破浪都無恙
似有神仙一棹來 37B

Cự thạch thanh lưu trưởng lục đài,
Sa than u yết thủy oanh hồi.
Thừa phong phá lãng đô vô dạng,
Tự hữu thần tiên nhất trạo lai.

Dịch ; *Sông trong đá lớn phủ rêu xanh.*
Bến cát lô xô nước chảy nhanh.
Vượt sóng xuôi buồm không trở ngại,
Thần linh tựa có giúp chèo nhanh.

Khi qua đảo hoa, tương truyền là nơi Công Chúa Đào Nguyên ngày xưa đến hái hoa. Gió Xuân phơn phớt thổi giữa lòng khe làm gợn sóng biếc lăn tăn. Hai bên bờ, cây xanh rũ bóng im lim. Trong khung cảnh tuyệt đẹp đó, chẳng biết, bên bờ đá, chiếc thuyền ai cột neo ở đó, S bâng khuâng thử hỏi phải chăng nàng Công Chúa Đào Nguyên lại xuống trần hái hoa, mãi miết quên cả trở về, nên còn bỏ thuyền lại đó :

溪水春風漲綠波
碧枝倒影淨無瑕
誰家畫舫石磯畔
莫是仙姝戀採花 38A

Khê thủy xuân phong trướng lục ba.
Bích chi đảo ảnh tĩnh vô hà.
Thùy gia họa phảng thạch kỵ bạn,
Mạc thị tiên châu luyến thái hoa?

Sóng biếc khe xuân làn gió gợn,
Cành xanh in ngược bóng la-đà.
Nhà ai thuyền-vẽ neo ghềnh vắng,
Có phải nàng tiên mê hái hoa?

Vũ Hoàng Chương dịch

Sau đó, lại đến thăm miếu Thần Cao Các xây trên núi cao. Tương truyền đây là chỗ ngày xưa quần Tiên họp chợ để phô bày quần áo rực rở và vui đùa cùng nhau, S đề bài ngũ ngôn tuyệt tác:

景仰山王座
崔嵬寄嶺巔
溪廻清見石
樹古暗生烟
花葉開天市
霓裳集衆仙
此中三昧戲
靈跡到今傳 38A

Cảnh ngưỡng Sơn vương tọa.
Thôi ngôi ký lãnh điên.
Khê hồi thanh kiến thạch,
Thụ cổ ám sinh yên.
Hoa diệp khai thiên thị,
Nghê thường tập chúng tiên.
Thử trung tam muội hí,
Linh tích đáo kim truyền.

Dịch: *Dốc lòng hâm mộ miếu Sơn Vương.*
Vắt vẻo xây lên giữa cạnh sườn.
Uốn éo khe trong soi thấy đá,
Già nua cây cổ khói un sương.
Chợ trời hoa lá màu tươi mát.
Tiên tử xiêm y bóng chập chờn.
Đùa cợt cùng nhau vui thánh thiện.
Dấu thiêng muôn thuở vẫn còn hương.

Đến miếu Thần Định Môn, bên cạnh lăng Thiên Thụ, tức lăng vua Thế Tổ, nhìn miếu tiên sừng sững ở bên triền núi. Bóng cây xanh rậm che phủ cầu Ngự đi vào Lăng. Những giọt mưa đầu Xuân rơi ti tách trên mặt hồ sen.

Hương thơm phảng phất của rặng liễu hai bên hồ trong cung điện ở lăng tỏa ra dìu dịu như đưa lòng du khách vào cõi yên tịch, thanh u :

巋然仙館傍山腰
樹影扶疎蔭御橋
數曲湖波靈雨滴
兩提宮柳暗香飄 38B

Quy nhiên Tiên quán (1) bạng sơn yêu.
Thụ ảnh phủ sơ (2) ấm Ngự kiều.
Kỷ khúc hồ ba linh vũ trích.
Lưỡng đê cung liễu ám hương phiêu.

Dịch : *Miếu Tiên sừng sững bên sườn núi,*
Cầu Ngự xanh đầy rợp bóng cây.
Linh động sóng hồ mưa tí tách.
Bờ đê, cung liễu tỏa hương bay.

Giữa mùa Thu năm Giáp Tý, dưới triều Khải Định thứ 9 (1924), S lại cùng mấy Pháp lữ du thuyền về Hà Trung chiêm bái thánh tượng Quan-âm còn lại tại địa phương do Hoán Bích Thiền Sư 煥碧禪師, tức ngài Nguyên Thiều 元韶, một cao tăng Trung Hoa dưới chúa Nguyễn Phúc Tần, lập ra khi ngài sang giáo hóa nước ta. Di tích cổ nhất là chùa Phổ Thành 普成寺, trong có tôn trí tượng Quán Thế Âm Bồ Tát bằng đá trắng lâu ngày hư sập. Chung quanh, trơ nền gạch cũ bám đầy rêu và cảnh núi non cằn cỗi, nước đọng ao tù gây cho lòng khách quan chiêm nhiều xúc động. Nhưng nghĩ lại cho kỹ, chuyện đổi thay của cuộc đời rất

---

*(1) chỗ tiên nhân tu luyện, nghĩa rộng chỉ miếu thờ thần tiên. Tấn Thư, Hứa Mai truyện có câu : «*放絕世務以求仙館 *: phóng tuyệt thế vụ dĩ cầu tiên quán : dứt sạch việc đời để tìm quán tiên tu dưỡng,*

(2) rậm rạp, um tùm. Sử ký có câu : 是以枝葉扶疎: *thị dĩ chi diệp phủ sơ : thế nên cây lá sum sê.*

thông thường dưới nhãn quan của thức giả, nên chẳng bận lòng làm gì :

古 刹 遺 基 鎖 綠 苔
殘 山 剩 水 暫 低 徊
已 翻 身 世 蒼 桑 外
懶 向 人 間 話 刼 灰 31B

Cổ sát (1) di cơ tỏa lục đài.
Tàn sơn thặng thủy (2) tạm đê hồi. (3)
Dĩ phiên thân thế thương tang (4) ngoại.
Lãn hướng nhân gian thoại kiếp hôi. (5)

Dịch : *Nền của chùa xưa rêu phủ xanh.*
Núi mòn, nước đọng, nghĩ loanh quanh.
Đã xoay thân thế ngoài dâu biển,
Đừng nhắc nhân gian kiếp hoại thành.

Khi trở về, ngang qua đầm sen, hương thơm tỏa ngát gần xa. Trước mắt người Phật tử thuần thành, vô số những đóa hoa tinh khiết, thanh cao ấy là những biểu tượng của Chư Phật, những gương mặt vô ưu của Như Lai, chứ không phải chỉ đơn thuần là những nét đẹp diễm tuyệt giống Hà Lang và Lục Lang như đời vẫn bảo :

見 說 荷 花 十 里 香
偶 參 野 寺 泊 歸 航

---

(1) *tức là cổ tự, cổ tháp, những chùa chiền xưa còn lại*

(2) *có nghĩa là núi lở, nước đọng. Từ ngữ chỉ cảnh giang sơn bị điêu tàn vì chinh chiến.*

(3) *nghĩ vẩn vơ, lưu luyến.*

(4) *sự biến đổi của đất nước.*

(5) 刼灰 *Kiếp hôi : chỉ cuối thời hoại kiếp sau khi bảy mặt trời cùng mọc đốt cháy cả vũ trụ; vũ trụ chỉ còn là một đống than, đợi ngọn gió — nghiệp phong — thổi một trận là kỳ không kiếp* 空刼

眼中朵朵如來面
不數何郎與六郎 21B

Kiến thuyết hà hoa thập lý hương,
Ngẫu tham dã tự bạc quy hàng.
Nhãn trung đóa đóa Như Lai diện.
Bất sác Hà Lang (1) dữ Lục Lang. (2)

Mười dặm hồ sen nức tiếng vàng,
Thăm chùa xong, vội rẽ thuyền sang.
Ngàn hoa gương mặt Như-Lai-Phật,
Đâu kể Hà Lan với Lục Lang.

Trên đường trở về, S nghĩ mình không thể tiếp tục đi mãi, như cánh chim hải âu lang thang một cách vô tư khắp biển trời. Nên đành hát một khúc thật phiêu.du để quay lại mái chèo :

病骨那堪鷗作侶
滿天雲雨洞庭秋
漫吹一曲無生笛
盪盡蘆花歸去休 21B

---

(2) *Tức Hà Án* 何晏, *người thời Tam Quốc, thích phấn son. Mặt đẹp trai, nên người ta còn gọi là Công tử phấn* 粉公子. *Tính hiếu học, thích nghiên cứu Lão Trang. Cùng Hạ Hầu Huyền nói chuyện thanh đàm, thiên hạ đều bắt chước. Làm quan đến chức Thị Lang Thượng Thư, nhưng vì theo Tào Sảng nên sau bị giết. Soạn các sách Đạo đức luận* 道德論, *Luận Ngữ Tập Giải* 論語集解.

(1) *Theo Đường thư, truyện Dương Tái Tư, có câu khen Trương Xương Tông* 張昌宗 *rằng :* «人言六郎似蓮花非也正謂蓮花似六郎耳 *: nhân ngôn Lục Lang tự liên hoa phi dã, chính vị liên hoa tự Lục Lang nhĩ! : người ta bảo rằng Lục Lang giống hoa sen, không phải thế mà nên nói hoa sen giống Lục Lang thôi!* »

Bệnh cốt na kham âu tác lữ.
Mãn thiên vân vũ Động Đình (1) Thu.
Mạn xuy nhất khúc vô sinh (2) địch.
Đảng tận lô hoa quy khứ hưu.

Dịch : *Bệnh rũ, sao làm bạn với âu !*
Đầy trời mây nước Động Đình Thu.
Thổi chơi khúc hát phiêu du trọn,
Quay mái chèo về cuối bãi lau.

Chuyến vân du hứng thú này sở dĩ được thực hiện là do người bạn có lòng tốt cho mượn chiếc thuyền. Sau khi trở về xong, S gửi tặng bài thơ sau đây cám ơn mỹ ý ấy và diễn tả phong cảnh được xem qua cho bạn nghe, đẹp như tranh thủy mặc :

憑 君 雅 愛 助 輕 帆
海 上 樓 臺 一 遍 參
若 問 歸 來 何 似 者
青 山 如 紫 水 如 藍 41A

---

(1) tên một hồ lịch sử ở tỉnh Hồ Nam, bên hồ có lầu Nhạc Dương, một thắng tích lịch sử của Trung Hoa.

(2) Trang Tử, thiên Chí Lạc 至樂 *có câu :«*察其始而本無生非徒無生也而本無形 *: sát kỳ thủy nhi bản vô sinh, phi đồ vô sinh dã nhi bản vô hình». Đây là lời Trang tử đáp người trách khi vợ chết mà đánh đàn : «Xem thuở đầu thì vốn không sinh, không những đã không sinh mà còn không hình». Về sau, người ta mượn từ ngữ này khi dịch kinh Phật, chỉ sự bất sinh bất diệt. Vậy khúc hát vô sinh là khúc hát giải thoát, sái lạc. Ngữ Lục của Tuệ Trung thượng sĩ có câu «*一曲無生唱了時擔橫楖栗故鄉歸 *: nhất khúc vô sinh xướng liễu thì đảm hoành trất lật cố hương quy : Thổi xong một khúc vô sinh, ôm ngang kèn nứa băng mình về quê».*

Bằng quân nhã ái trợ khinh phàm.
Hải thượng lâu đài nhất biến tham.
Nhược vấn quy lai hà tự giả,
Thanh sơn như đại, thủy như lam.

Dịch : *Nhờ ơn cho mượn con thuyền,*
Dạo xem khắp các chùa chiền ngoài khơi.
Như người hỏi cảnh đi chơi?
Vết son xanh lợt, màu trời xanh lơ!

Thế rồi, một đêm nằm mơ màng trên chùa vắng, sư hồi tưởng lại những hành trình phiêu-du bất định ấy, gót chân mãi đi về, trong đất nước hữu tình, không dừng hẳn nơi đâu. Sư thể nghiệm rằng đại đạo ẩn tàng trong mưa hoa lả tả trên cảnh sắc dọc đường và bất giác rùng mình, không nhớ đã dẫm chân lên mấy vạn núi đèo chập chùng cao vút!

香國去來無定蹤
曇花消息雨花中
不知此夜空堂夢
振錫雲山幾萬重 69A

Hương quốc (1) khứ lai vô định túng.
Đàm hoa (2) tiêu tức (3) vũ hoa (4) trung
Bất tri thử dạ không đường mộng,
Chấn tích (5) vân sơn kỷ vạn trùng. (6)

---

(1) *tên một nước Phật. Theo kinh Duy Ma Cật, có một nước tên Chúng Hương* 衆香, *đức Phật ở đó tên Hương Tích* 香積. *Hương ở đây so với hương ở mười phương chư Phật vẫn nhiều hơn, đến nỗi lâu đài nhà cửa đều bằng hương cả, Trong bài, từ ngữ trên chỉ cho đất nước hữu tình,*

(2) *hay Ưu Đàm hoa* 優曇花 *hay Ưu đàm bát hoa* 優曇鉢花 *là một loại kỳ hoa mọc ở sườn Hy Mã Lạp Sơn và Tích Lan. Người xưa bảo rằng hoa này 3000 năm mới nở 1 lần, Sách Nam Sử bảo rằng hoa này nở là điềm có đức*

Dịch : *Hương quốc đi về mặc đẩy đưa.*
Lẳng hoa Đàm nở giữa hoa mưa.
Ai hay cảnh tĩnh đêm vào mộng,
Mây núi muôn trùng gậy nhịp thơ!

Vũ Hoàng Chương dịch

Phật ra đời giáo hóa chúng sinh. Thế nên chỉ điều gì hiếm hoi mà lại có, gọi là «đàm hoa nhất hiện 曇花一現», điều gì quý mà mất, gọi là «đàm hoa lạc khứ 曇花落去». Từ ngữ này ở đây chỉ sự giác ngộ.

(3) *cũng như âm hao, tin tức.*

(4) *do điển «mãn thiên hoa vũ 滿天花雨: mưa hoa đầy trời». Tương truyền đời Lương Vũ Đế, có một Thiền Sư giảng kinh ở phía nam huyện Giang Tô và Giang Ninh, trời cảm động cho mưa hoa rơi lả tả đầy trời. Nay còn gọi chỗ ấy là Vũ hoa đài 雨花臺 để kỷ niệm. Về sau. từ ngữ trên dùng chỉ điềm lành.*

(5) *còn gọi là Thiền trượng 禪杖, gậy các Thiền Sư cầm làm bằng thiếc, có vòng sắt ở trên đầu, rung lên phát thành tiếng kêu, Có người bảo vì làm bằng thiếc nên gọi là tích trượng, có người lại bảo vì rung lên nghe «tích tích» nên gọi thế.*

(6) *Bài thơ trên là một tuyệt tác, câu cuối mang một vẻ hào hùng siêu thoát. Quỳnh Hiên Hưởng Trứ đã bình rằng «phiêu phiêu thiên tế chân nhân tưởng 飄飄天際真人想»: ý tưởng phiêu bồng bên trời của bậc giải thoát.»*

GIAO DU VỚI CHƯ TÔN TÚC

Ngay từ khi S còn ở chùa BLM, Phật giáo nước nhà đã bắt đầu thức tỉnh, chuyển biến khỏi giấc ngủ dài trước khí thế hùng hậu của cuộc cách mạng Phật Giáo Trung Hoa do Thái Hư Đại Sư lãnh đạo. Tại Trung Kỳ, tuy chưa kịp thành lập các học hội nghiên cứu và truyền bá Phật pháp, nhưng lại là nơi quy tụ được số đông các danh tăng trọng vọng tọa chủ các chùa chiền lớn lao nhất. Chư vị tôn túc này hằng ngày đã qua lại thăm viếng, đàm đạo với nhau luôn, tạo nên những giai thoại đẹp đẽ không bao giờ xóa nhòa trong ký ức của thế hệ con cháu hôm nay.

SVT nhờ tài năng và đạo hạnh, được hầu hết giới sơn môn nể vì, thương mến. Những tài liệu còn lại cho biết rằng S đã có giao thiệp với chư tôn túc khắp Bắc Trung Nam, giao tình tao nhã và nên thơ như những giai thoại còn ghi chép trong sách vở của vườn Thiền, chỉ tiếc một điều là những tài liệu còn lại này không ghi rõ ngày tháng và chi tiết rõ ràng, nên việc khảo sát gặp nhiều khó khăn.

Để thấy rõ giao tình cao thượng giữa S và chư tôn túc nổi tiếng đương thời, chúng tôi trưng dẫn những giai thoại tiêu biểu nhất về tình bạn của S và các ngài Tâm Tĩnh chùa Tây Thiên, Giác Tiên chùa Trúc Lâm, Tuệ Pháp chùa Thiên Hưng, Tĩnh Hạnh chùa Tường Vân và Phổ Tuệ chùa Tĩnh Lâm.

• Với Tâm Tĩnh Hòa Thượng

心淨和尚

Là một cao tăng thanh giá chốn Đế đô, ngài đã từng giữ chức Tăng-Cương chùa Diệu-Đế, Trù-Trì chùa Từ-Hiếu. Sau về tĩnh tu ở Tây Thiên Tự 西天寺, một già lam thanh u tọa lạc trên vùng đồi nhỏ phủ đầy thông ở phía Tây nam núi Ngự Bình. Với đức hạnh cao siêu và từ tâm quảng bác, ngài được lòng hâm mộ trong triều ngoài quận và của toàn thể chư tôn túc địa phương, nên từ khi trú tích nơi đây, chư tôn túc hằng ngày tới lui rất tương đắc. Trong đó, SVT cũng là một pháp lữ thân thiết.

Tương truyền Hòa Thượng tính tình rất hồn nhiên và phóng khoáng, ít khi câu chấp tiểu tiết. Thường ngày, mỗi khi đi đâu, thường hay có thiện nam tín nữ theo hầu bên ngài, trong đó, có phu nhân một quan thượng thư nhan sắc rất diễm lệ, bà phát tâm theo hầu hạ ngài để pha trà hay quạt hầu. Hễ ngài Tâm Tĩnh ở đâu, đều có bà ở đấy cả. Một hôm ngài sang T.A. chơi, dĩ nhiên có bà đi theo hầu hạ nữa. Nhác trông thấy S tức cười , đọc đùa :

«Bà con thân thích răng hè ?
Đi đâu cũng cứ cặp kè một bên !

Ngài Tâm Tĩnh nhổ bã trầu ha hã cười to, còn bà Thượng thẹn thùng rút lui và bỏ về từ bao giờ ! Sau này, người ta thấy trong đoàn đệ tử thân cận của ngài vắng hẳn bóng bà.

Đấy, không khí chốn Sơn môn đương thời thường vui vẻ như thế.

Khi ngài viên tịch, S thay lời nữ chúng ở Huế soạn câu đối nôm thống thiết :

«Chốn Song Lâm (1) mây ần bóng Ưu Đàm (2) dứt nối tiếng chuông, dép cỏ (3) đi về còn tưởng tượng.

Miền Thiếu Thất (4) trăng lồng gương Bát nhã, (5) mênh mang bể học, thuyền từ (6) che chở biết nhờ ai!

Còn chính S soạn riêng một câu chữ khác, ca ngợi công ngiệp và đạo hạnh của Hòa Thượng, vị tổ đời thứ 41 thuộc dòng Lâm Tế đã tận tụy hoằng dương giáo pháp trong suốt 59 năm dài. Đến nay, câu đối trên vẫn còn trên hàng trụ ở tháp ngài, nguyên văn như sau :

四十一代臨濟振禪風陶鑄功深誰是當頭喝棒

五十九年閻浮垂化蹟智悲願滿而今撒手還家

---

(1) nơi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, ở đây chỉ chùa Tây Thiên, nơi Hòa thượng Tâm Tĩnh viên tịch.

(2) đã chú thích trang 91, phụ chú 2.

(3) do chữ chích lý 隻履, từ điển Đạt Ma bỏ về Tây Vực, chỉ đi có mỗi một chiếc dép cỏ, ngụ ý chỉ sự viên tịch của Hòa thượng rất an nhàn.

(4) Theo Minh Nhất Thống chí, là tên ngọn núi về phương tây của Tung Sơn nơi phát nguy dòng Dĩnh Thủy. Phương đông Tung Sơn còn có núi Thái Thất. Thiếu Thất là nơi Bồ Đề Đạt Ma đến tu luyện và lập chùa Thiếu Lâm 少林寺, phát nguyên của Thiền Tông và Vũ thuật Trung Hoa, Nhà làm văn dùng từ ngữ trên chỉ chùa chiền.

(5) Phạm ngữ, có nghĩa là trí tuệ sáng suốt của bậc giác ngộ để thoát ly sinh tử, đạt được thanh tĩnh, an lạc.

(6) do chữ từ hàng. Chánh pháp cứu khổ độ mê cho chúng sinh giống như chiếc bè đưa người đến bờ yên ổn.

Phiên âm: *Tứ thập nhất đại Lâm Tế (1) chấn Thiền phong, đào chú công thâm, thùy thị đương đầu hát bổng (2)!*

Ngũ thập cửu niên Diêm Phù (3) thùy hóa tích, trí bi nguyện mãn, nhi kim tát thủ (4) hoàn gia (5).

Dịch: *Bốn mươi mốt đời Lâm Tế dựng Thiền phong, rèn luyện công cao, còn biết nhờ ai đánh la vào mặt!*

Năm mươi chín năm Diêm Phù vang giáo hóa, trí bi trọn vẹn, nay đành buông tay tiêu sái về nhà.

---

(1) Tên một phái Thiền Tông rất lớn, phát xuất từ đệ tử của Lục tổ là Hoài Nhượng, truyền cho Mã Tổ, truyền cho Bách Trượng, truyền cho Hoàng Bá, truyền cho Lâm Tế Nghĩa Huyền nên có tên như thế. Ngài trú ở bên Hô Đà giang thuộc Trấn châu. Học thuyết chủ trương Tam huyền 三玄, *Tam yếu* 三要 *và lối bổng hát đương đầu. Sau này, phái Lâm Tế truyền sang Việt Nam do ngài Tạ Nguyên Thiều dưới thời Nam Bắc phân tranh. Đầu tiên ngài ở chùa Thập Tháp Di Đà tại Bình định, sau các đệ tử truyền khắp nước.*

(2) Một lối truyền giáo đặc sắc của Thiền Tông do các vị cổ đức sáng chế bằng cách dùng gậy Thiền đánh vào kẻ học đạo hay nạt lớn bên tai, nhờ căn cơ cao, kẻ học đạo sẽ đại ngộ liền đó.

(3) Nam Diêm Phù đề, theo địa lý nhà Phật là một châu nằm về phía nam núi Tu di trong biển Hàm hải, tức thế giới chúng ta ở.

(4) Tát thủ do câu: buông tay trên dốc thẳm, chỉ cho cơ duyên ngộ đạo của thiền

(5) Hoàn gia, thuật ngữ của thiền, cụ thể hóa chữ hoàn nguyên, trở về cội nguồn của chân tánh.

• Với Giác Tiên Hòa Thượng

覺先和尚

Ngài xuất thân con nhà dòng dõi, lại sớm theo đòi nghiên bút nên rất tinh thông nho học. Là một đệ tử cao túc của H. T. Tâm Tịnh, trú trì chùa Trúc Lâm trong một vùng cây cỏ xinh tươi về phía tây bắc núi Ngự Bình, đọc sách và nơi hội họp thân hữu dưới biệt hiệu Tương Khê. Các danh sĩ, cao tăng đương thời có giao du, quen biết, đều ca ngợi đạo đức thuần thành và kiến giải uyên bác của chủ nhân Trúc Lâm. Ngài là một trong năm vị sáng lập hội An Nam Phật học. Cũng như T.A, Trúc Lâm là nơi cảnh sắc u nhàn, nên thơ chủ nhân lại là một nghệ sĩ ẩn thân dưới nếp áo nhà tu, nên các bậc tôn túc địa phương đã lấy nơi đây làm chỗ họp bạn để cùng nhau xướng họa thơ văn hay giảng giải đạo lý trong những ngày rồi rảnh. Trong số này, chủ nhân T.A và chủ nhân Trúc Lâm vì lẽ thanh khi tương đồng nên có mối giao tình gắn bó hơn cả.

Một dịp tốt trời, thi hữu chốn sơn môn hẹn gặp nhau ở Trúc Lâm, có cả SVT. Ngắm đôi câu đối viết trên hai thanh tre Tàu treo giữa phòng khách, S cười to và bảo rằng chữ nghĩa gì đâu mà nửa cào nửa cuốc. Cử tọa đều ngạc nhiên, ngay cả chủ nhân Trúc Lâm. S liền mỉm cười đọc:

Bất tục tức Tiên cuốc,
Đa tình thị Phật cào.

Mọi người đều ôm bụng cười nghiêng ngả, vì lời pha trò của S. Thì ra, câu đối trên nguyên văn như sau:

不俗卽仙骨
多情是佛心

Phiên âm : *Bất tục tức Tiên cốt,*
Đa tình thị Phật tâm.

Hiềm vì được thư theo lối lệ, nên nét chữ quăn queo, chữ cốt trông như cái cuốc và chữ tâm giống như cái cào, S mới khôi hài bằng cách đọc trại như thế. Đến nay, câu đối trên hãy còn, mỗi lần nhìn lại, nhiều người vẫn nhớ đến giai thoại này.

Những ngày mưa gió về đông, không thể qua lại đàm luận cùng nhau, hai bên thường sai đệ tử đem thư sang vấn an sức khoẻ. Đường bộ từ T.A. Sang Trúc Lâm phải vòng qua chân núi Ngự Bình, lên ngả Nam Giao rồi mới đến Trúc Lâm, nhưng theo đường tắt, chỉ đi vòng mấy ngọn đồi dưới chân núi Thiên Thai nên hai bên qua lại rất nhanh. Thỉnh thoảng lại gởi biếu nhau trà thơm, quả ngọt kèm theo các mảnh hoa tiên thư những bài thơ, đoạn văn thanh tao, ý nhị. Bài tứ tuyệt sau đây được S thư lên chung quanh vỏ một trái quýt Hương cần rồi cho đệ tử chuyền sang Trúc Lâm:

Ngọt ngào không rõ đặng trong lòng,
Rõ đặng trong lòng biết đục trong,
Biết đục trong — hãy xin nếm thử,
Hãy xin nếm thử ngọt ngào không?

Các chữ cuối câu một trùng với các chữ đầu câu hai và cứ thế, các chữ cuối câu bốn lại trùng với các chữ đầu câu một, tạo thành một vòng tròn, chủ ý của chủ nhân T.A. muốn diễn tả trái quýt tròn cũng như vòng luân hồi lẩn quẩn trói buộc thân phận chúng sinh.

Có dạo, Quỳnh Hiên gửi tặng S một bài ngũ ngôn cổ nhã. S họa lại hồi âm, nhắc nhở mọi lần vẫn cùng nhau xướng họa thơ văn và quây quần uống trà, đánh cờ bên Trúc Lâm suốt buổi, thế mà nay đành bó gối ngồi nhà trong hoang vu cô tịch, không thấy bóng dáng tri âm. Tình cảnh đáng xót xa này S cũng không quên kể lại cho tri kỷ Giác Tiên nghe qua bức thư cảm động từng chữ, từng câu :

衲久矣詩情冷淡懶事冥搜頃得絅軒兄寄
酬五言古風一篇情景如現頗愜道意故不

攝拙陋勉足數句呈政然竊自笑如迦葉夙習未除聞乾闥婆鼓琴不覺動身起舞呵呵

蕭然支遁室
樹古野烟深
舊雨約蓮社
高風懷竹林
香薰甘露茗
鐘響梵潮音
坐愧蒲團老
無言契賞心 6B7A

Phiên âm :

Nạp, cửu hi, thi tình lĩnh đạm, lại sự minh sưu. Khoảnh đắc Quỳnh Hiên huynh ký thủ ngũ ngôn cổ phong nhất thiên, tình cảnh như hiện, phả thiếp đạo ý, cố bất súy chuyết lậu, miễn túc sổ cú trình chính. Nhiên thiết tự tiếu, như Ca Diếp túc tập vị trừ, văn Càn Thát Bà (1) cổ cầm, bất giác động thân khởi vũ, ha ha!

Tiêu nhiên chi độn thất,
Thụ cổ dã yên thâm.
Cựu vũ ước Liên xã,
Cao phong hoài Trúc Lâm (2).
Hương huân cam lộ minh,
Chung hưởng Phạm triều âm (3).
Tọa quý bồ đoàn lão,
Vô ngôn khế thưởng tâm.

Dịch :

Bần đạo lâu rồi cạn khô cảm hứng, nhác tìm vần thơ. Vừa may được anh Quỳnh Hiên gửi tặng một bài

---

(1) Ngài Ca Diếp, chuyên tu khổ hạnh đầu đà, một hôm đang tọa thiền bỗng thần âm nhạc (Càn Thác Bà) đến tấu nhạc,

ngũ ngôn cổ phong, đọc qua, như thấy hiện ra tình cảnh và an ủi được lòng đạo, nên không quản tài sơ, cố gắng họa đủ mấy vần gửi trình. Trộm nghĩ chẳng khác Ca Diếp chưa trừ sạch túc tập, nghe Càn Thát Bà đánh đàn liền lắc lư nhảy múa lên vậy. Ha Ha!

Quạnh hiu nằm giữa nhà tre,
Cây già khói tỏa phủ che mịt mờ.
Mưa xưa, hẹn ở hội thơ,
Gió lên, nhớ bạn đợi chờ Trúc Lâm.
Hương trà ngào ngạt thâm trầm.
Chuông ngân vang dội như âm thủy triều.
Bồ đoàn ngồi lặng cô liêu,
Thẹn thùng chưa đáp được nhiều vần hay.

Sau chuyến vân du ngược dòng Hương Giang vào đầu xuân dưới triều Khải Định để chiêm bái các linh tích chốn Đế Kinh cùng chư tôn túc địa phương, S ngả bệnh, phải mất một thời gian tĩnh dưỡng. Hòa Thượng Giác Tiên đã ân cần gửi thư sang thăm hỏi. S quá cảm động, nằm thao thức, hồi tưởng lại cuộc du hành thú vị ấy đến nỗi nằm mơ, thấy rõ tất cả chuyến đi và bỗng nhiên choàng người tỉnh dậy, khoát ngộ tất cả mọi sự ở đời đều là huyễn ảo, mộng mị, đúng như lời dạy của Như Lai. Liền đó, S cảm thấy tâm hồn lâng lâng, tiêu sái như trăng sáng đêm rằm chiếu qua song cửa. Đó là tất cả nội dung của bức thư văn chương diễm lệ, ý tứ sâu sắc mà S gửi đáp Hòa Thượng Trúc Lâm sau đây:

---

do tập khí kiếp trước chưa dứt. Ca Diếp không dằn lòng được nên đứng dậy múa theo.

(2) Nhắc đến những lần mưa gió vẫn hẹn nhau ở Trúc Lâm để làm thơ, nói chuyện.

(3) Nhà Phật cho rằng giáo pháp của Như Lai hùng hồn, mạnh mẽ, có khả năng thức tỉnh chúng sinh, như tiếng réo của sức thủy triều, nên có câu: «triều âm thắng bỉ thế gian âm».

寄答湘溪道友

昨接瑤華歡喜無量反復雒誦如聆笑言如
揖丰采因念疇昔與善知識泛舟上源數日
間寒塘瀲灩巫峽蕭森水閣中人影簾聲管
絃相雜夾岸花紅似錦時余與善知識作景
中人相與談讌殊覺清絕邇後風帆遠去湖
水悠悠此景此時不可復接一夕臥病再涉
幻景豁悟人世一切境界是非苦樂善惡好
醜皆如夢如幻如泡如影種種前塵物色都
作如是觀時幻心滅故幻塵亦滅萬籟俱寂
明月在窗臥中唯一楂菴而已 2B3A

Phiên âm :

Ký đáp Tương Khê đạo hữu :

Tạc tiếp diêu hoa (1), hoan hỉ vô lượng, phản phúc lạc tụng (2), như linh tiếu ngôn, như ấp phong thái. Nhân niệm trù tích dữ thiện tri thức phiếm châu thượng nguyên sổ nhật gian, Hàn Đường (3) liễm diễm, Vu Giáp (4) tiêu sâm. Thuỷ các trung, nhân ảnh, liêm thanh, quản huyền tương tạp ; giáp ngạn, hoa hồng tự cẩm. Thì, dư dữ thiện tri thức tác cảnh trung nhân, tương dữ đàm yến, thù giác thanh tuyệt. Nhĩ hậu phong phàm viễn khứ, hồ thuỷ du du ; thử cảnh, thử thì bất

---

(1) Nghĩa là ngọc đẹp. Văn thi sĩ dùng khen thi văn người khác. Nay dùng chỉ thư từ, cùng nghĩa với diêu hàm 瑤函, *diêu trát* 瑤札.

(2) Nguyên viết 洛誦, *nghĩa là đọc, ngâm, chữ ở Trang Tử.*

(3) Chưa rõ địa danh này ở đâu.

(4) Tên hẻm núi do Đại Giang chảy vào Vu Sơn ở Tứ Xuyên mà nên, hai bên vách đá cao ngất, thuyền đi rất khó khăn, mỗi lúc sương mù xuống dày đặc, chim kêu vượn hót rất thảm thiết.

khả phục tiếp. Nhất tịch ngọa bệnh, tái thiệp huyễn cảnh, khoát ngộ nhân thế nhất thiết cảnh giới, thị phi, khổ lạc, thiện ác, hảo xú giai như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh (1), chủng chủng tiền trần vật sắc đô tác như thị quán. Thì huyễn tâm diệt cố huyễn trần (2) diệc diệt, vạn lại (3) câu tịch, minh nguyệt tại song, ngọa trung duy nhất Tra Am nhi dĩ !

Dịch : Thư Đáp Đạo Hữu Tương Khê.

Hôm qua, tiếp được tờ hoa, vô cùng hoan hỉ, đọc đi đọc lại, văng vẳng như nghe lời nói cười thanh thoát, mơ hồ như đón tiếp phong thái tiêu nhàn. Nhân đấy, hồi tưởng lại trước đây cùng thiện tri thức buông thuyền trẩy ngược trong khoảng mấy ngày, đủ vẻ Hàn-đường ồ ạt, Vu Giáp tiêu sơ. Trong khoang, bóng khách, tiếng rèm, tiếng đàn, tiếng sáo xôn xao ; bên bờ, nghìn hoa vẻ thắm màu hồng xinh tươi như gấm. Lúc đó tôi cùng thiện tri thức làm người trong cảnh, cùng nhau đàm đạo, yến thù rất là thú vị. Rồi sau, gió nổi, buồm xuôi, nước hồ lặng ngắt. Cảnh ấy, tình này dễ đâu thấy lại !

---

(1) Lấy ý từ bài kệ trong kinh Kim Cương:

壹切有爲法　如夢幻泡影
如露亦如電　應作如是觀

Nhất thiết hữu vi pháp,	*Hết thảy các pháp,*
Như mộng huyễn bào ảnh.	*Như mộng, huyễn, bọt, bóng,*
Như lộ diệc như điện,	*Như sương và như chớp.*
Ưng tác như thị quán.	*Nên xem ra như thế.*

(2) Nhà Phật cho màu sắc, âm thanh, mùi vị, cảm xúc và các pháp là 6 trần gây ra trở ngại, loạn động đến tâm, nên kinh dạy phải diệt sáu trần hư huyễn này để thanh tĩnh tâm.

(3) Chỉ chung các tiếng ồn ào, gồm tiếng động của trời (thiên lại), của đất (địa lại) và của người (nhân lại). Thường Kiến có câu : Vạn lại thử câu tịch 萬籟此俱寂 *: muôn tiếng ấy đều yên.*

Một chiều nằm bệnh, chập chờn lạc lối vào lại huyễn cảnh, bỗng nhiên sáng tỏ hết cả cảnh giới người đời: phải trái, khổ vui, thiện ác, xấu đẹp đều như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng. Tất cả sự vật trước mắt đều xem ra như thế cả.

Bấy giờ, khi lòng hư huyễn đã diệt, sự vật hư huyễn cũng diệt theo, vạn tiếng đều yên, bên song trăng sáng, trong chỗ nằm chỉ có một mình Tra Am tôi vậy!

• Với Tuệ Pháp Hòa Thượng

Ngài là vị cao tăng nổi tiếng vào bậc nhất của nước ta đầu thế kỷ hai mươi này, đã gây niềm ngưỡng mộ sâu xa trong lòng Phật tử, và chính ngài đã đem nhục thân làm ngọn thần đăng đốt lên soi sáng hậu thế trong những ngày suy vi của đạo pháp nước nhà.

Vốn con nhà dòng dõi ở Quảng Trị, ngài xuất gia theo học với Đại lão hòa thượng Cương Kỷ tại chùa Từ Hiếu.Đạo đức và kiến giải uyên áo của ngài khiến chư tôn túc và giới tín đồ kính nể, nên vào năm 1896, dưới triều Thành Thái thứ 8, ngài được rước về trú trì chùa Thiên Hưng. Năm 1919, dưới triều Khải Định thứ 4, ngài được ban giới đao độ điệp làm trú trì chùa Diệu Đế. Kịp khi triều đình ăn lễ Tứ Tuần đại khánh của vua Khải Định, chư tôn túc mở đại giới đàn chúc thọ nhà vua và cung nghinh ngài làm Giáo thụ Hòa Thượng. Năm Bảo Đại nguyên niên, ngài được ban chức Tăng Cương chùa Diệu Đế. Thế rồi vào ngày 24 tháng chạp âm lịch, ngài đi lễ bái các Tổ đình Thuyền Tông, Quốc Ân v.v... đến chiều trở về và khuya hôm ấy, ngài tự hỏa thiêu nhục thân. Môn đồ hoảng hốt thức dậy và dập tắt ngọn lửa. Ngài vẫn bình tâm và nằm bệnh cho đến đêm mồng một tháng giêng năm 1927

thì viên tịch, hưởng thọ được 56 tuổi. Cơ duyên hóa độ của Ngài rất rộng lớn và sâu xa, đúng là hạnh nguyện của một vị đại thiện tri thức cảnh tỉnh chúng sinh giữa hồi lầm lạc, tối tăm vậy.

Đối với Ngài, SVT có giao tình vừa là một bậc thầy, vừa là một người bạn, gắn bó trong suốt mấy mươi năm. Đến nỗi khi ngài viên tịch S đi một câu đối thật là lâm ly chí thiết :

不慧人未忍捨身先知己淚成紅杏雨

大開士有緣歸佛早故山夢斷碧桃天

Âm :

Bất tuệ nhân vị nhẫn xã thân tiên, tri kỷ lệ thành Hồng hạnh vũ

Đại khai sĩ hữu duyên qui Phật tảo, cố sơn mộng đoạn Bích đào Thiên.

Dịch ;

Kẻ bất tuệ chưa nỡ bỏ thân trước tri kỷ khóc thành mưa hồng hạnh

Bậc khai sĩ có duyên về Phật sớm, cố sơn mộng đoạn án đào hoa.

Và môn đồ đến T.A. nhờ S soạn giúp văn bia ở tháp, S đắn đo càn nhắc và biết không thể nào chối từ trách nhiệm đầy danh dự ấy, nên đã hoan hỷ nhận lời và cố gắng sáng tác một thiên bi ký rõ ràng, khúc chiết, lời lời cảm động, thành thật để ca ngợi sự nghiệp, thân thế của ngài (*xem thêm thiên II, chương II, phần Văn Chữ Hán đoạn 9*).

Cũng như giao thái đối với các pháp lữ tâm đầu khác, S thường hay có thư đi thư lại cùng Ngài và không quên chia ngọt xẻ bùi với nhau, dù món quà mọn, nhưng ngụ một tình cảm sâu xa, thân thiết. Chúng ta có thể nhận thấy điều nầy khi đọc qua bức thư kèm theo một gói trà Vũ Di mới ướp búp sen Tây Hồ do S gửi cho Ngài sau đây :

小雨初晴晚花殘炤想必山中蕭洒道體輕安喜慰無量玆有武彝新茶兼之西湖荷包可爲野雲收貯之用如蒙帶隨俾之常邇法身其先容者亦得分幸辰也早梅冬至前已發楂菴書奉

6A

Phiên âm:

Tiểu vũ sơ tình, vãn hoa tàn chiếu, tưởng tất sơn trung tiêu sái đạo thể khinh an, hỉ úy vô lượng.

Tư hữu Vũ di (1) tân trà kiêm chi Tây hồ hà bao, khả vi dã vân thâu trữ chi dụng. Như mông đới tùy, tỉ chi thường nhĩ pháp thân, kỳ tiên dung giả diệc đắc phận hạnh.

Thì dã tảo mai đông chi tiền dĩ phát (2). Tra Am thư phụng.

Dịch:

Mưa Thu hơi tạnh, hoa ánh bóng chiều. Chắc hẳn giữa núi cũng được tinh thần tiêu sái, đạo thể khang an. Thật đây lấy làm hoan hỉ lắm lắm!

Nay có trà Vũ Di mới ướp búp sen Tây Hồ, Đại Sư có thể thâu nạp để dành bên mình đặng dùng hằng ngày

---

1) Các sách đều viết 武夷, tên rặng núi tại huyện Sùng An tỉnh Phúc Kiến ở Hoa Nam. Các sách địa lý cho rằng đây là chỗ rốn của đất linh. Ngày xưa, có vị thần tên Vũ Di Quân 武夷君 ở đấy, nên có tên như thế. Rặng núi dài 120 dặm, có 36 ngọn và 37 hang động, khe suối chảy đầy, trong đó, có nhiều cây trà quý, nên gọi là trà Vũ Di, tốt nhất là loại cành hồng, còn ngon hơn trà Long đoàn của Bắc Uyển nữa.

2) Theo nghĩa câu trên, hoa mai nở sớm trước đông chí, nghĩa là thời tiết đã bắt đầu tháng 9. Ngày xưa, ta lấy mùa hoa để gọi tên các tháng, như cúc nguyệt là tháng 8, đồng nguyệt là tháng 7 v.v...

cho khoẻ khoắn tinh thần. Được thế, bần tăng rất hân hạnh!

Thời tiết cũng đã sang đông.

Cũng thế, bài ngũ ngôn sau đây do S gửi kèm theo bức thư thăm hỏi Hòa Thượng khi nghe ngài lâm bệnh. Tuy tình cảm của những bậc cao tăng đã thoát ngoài vòng lâm ly, ai oán của người thường, để đạt đến cõi thanh thản, tự nhiên, nhưng vẫn còn những nét xao xuyến nhớ thương rất nên thơ:

永夕不成夢
懷人願見難
簾鈎微有月
清影入茶欄

Phiên âm: *Vĩnh tịch bất thành mộng,*
Hoài nhân nguyện kiến nan.
Liêm câu vi hữu nguyệt,
Thanh ảnh nhập trà lan.

Thoát dịch: *Thức trắng đêm dài mộng với mơ.*
Nhớ nhau, gặp gỡ biết bao giờ!
Trăng non treo giữa khung trời lạnh,
Bóng đổ trên hoa một nét mờ.

• Với Tĩnh Hạnh Hòa Thượng

Ngài là bào huynh của Đại lão hòa thượng Thích Tịnh Khiết đương kim Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngài quán làng Dưỡng Mông, xã Dương Nỗ, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, cùng bào đệ Tịnh

Khiết xuất gia đầu Phật, đạo đức và giới hạnh rất nghiêm minh. Sau ngài về trú trì chùa Tường Vân, tọa lạc phía chính Tây Nam Giao. Uy tín của ngài vang khắp kinh thành. Tính ngài rất cương trực và thẳng thắn, đối với đệ tử, thái độ rất nghiêm minh, nên ai ai cũng dốc lòng kính nể. SVT rất quý mến và kính trọng ngài, đối đãi trong tư cách một đàn em đối với hàng anh cả trưởng thượng. Ngài cũng rất hâm mộ S và ân cần, niềm nở mỗi khi gặp gỡ nhau.

Đương thời, Trúc Lâm và Tường Vân là những nơi có nhiều sách quý và kinh điển cao siêu. Vốn là một tay hiếu sách, nên S thường qua lại hỏi mượn. Một hôm nằm bệnh, khó bề thân hành sang Tường Vân, S viết thư sai đệ tử đem sang trình Hòa thượng Tĩnh Hạnh để hỏi mượn tạm bộ Hộ Quốc Nhân Vương kinh, lời lẽ thật cảm động:

秋深風雨山阿寂寥每對黃花輙思勝友無
奈病骨支牀不能携杖時叩山門無限契闊
之感謹委道童奉訊道體康安爲望再昨者
過訪恭貼實藏見有護國仁王經一部心竊
慕焉茲乞借回本菴得親諷誦一遍領得一
二玄微是求道人望外之喜也大德素懷和
合教思伏維不吝幸幸情隨寸楮敬請道安

26B

Phiên Âm:

Thu thâm phong vũ, sơn a tịch liêu. Mỗi đối hoàng hoa, triếp tư thắng hữu, vô nại bệnh cốt chi sàng, bất năng huề trượng thì khấu sơn môn, vô hạn khế khoát chi cảm Cẩn ủy đạo đồng phụng tấn, đạo thể khang an, vi vọng. Tái tạc giả quá phỏng, cung chiêm bảo tạng, kiến hữu Hộ quốc Nhân vương kinh nhất bộ, tâm thiết mộ yên. Tư khất tá hồi bản am, đắc thân phúng tụng nhất biến, lãnh đắc nhất nhị huyền vi. Thị cầu đạo nhân vọng ngoại chi hỉ dã. Đại đức tố hoài hòa hợp giáo tứ, phục duy b ất lẫn, hạnh hạnh!

Tình tùy thốn chữ, kính thỉnh đạo an.

Dịch :

Cuối thu mưa gió, góc núi vắng teo, Mỗi lần ngắm bóng hoa vàng, xui lòng nhớ đến bạn thiết. Khổ nỗi nằm bệnh rả xác liệt giường, không thể lê gậy gõ cửa sang thăm, nỗi niềm xa cách biết bao !

Kính ủy đạo đồng thay sang thăm hỏi, cầu mong đạo thể khang an. Lần trước sang thăm, nhìn thấy tạng kinh, thấy có bộ «Hộ Quốc Nhân Vương Kinh», lòng rất hâm mộ. Nay xin mượn về tụng qua một lượt, may ra tế nhận vài chỗ áo diệu tinh tường, đó cũng là niềm vui của người cầu đạo ngoài sự kỳ vọng vậy. Đại đức lòng vốn sẵn sàng chỉ dạy, cúi xin đừng tiếc. May lắm ! May lắm !

Tình nương ngọn bút, kính cầu đạo an.

Trong số những pháp lữ hay lên về với Tĩnh Hạnh hòa thượng, ngoài S, còn có Từ Quang tọa chủ, cũng là một pháp lữ tâm giao, đạo hạnh và kiến giải rất uyên áo, lại hâm mộ văn chương và lão luyện việc từ hàn. Dạo ấy, chùa Tường Vân có kỵ, S vì bệnh không thể sang chơi, đành viết thư nhờ pháp lữ Từ Quang xin lỗi ngài Tĩnh Hạnh, nhân tiện mời pháp lữ sang T.A đàm đạo cho qua cơn buồn tẻ. Điều đáng chú ý là tọa chủ Từ Quang không bao giờ ngủ đỗ chùa khác, tính xưa nay vốn thế. Nhưng nể lời tri kỷ, tọa chủ xông pha mưa gió lên thăm, S vô cùng cảm kích, liên tưởng chuyện Vương Huy Chi nửa đêm đi thuyền ngược dòng Diễm Khê đóng tuyết đến thăm Đái Quỳ, bèn phỏng theo vần bài thơ Đại Sư Giác Thể gửi bạn, sáng tác mấy vần sau đây tạ lòng tri kỷ chốn sơn môn :

臥雲深處枕雲眠
冷淡家風少俗纏
冒雨故人遠相訪
清高勝似剡溪船 62A

Phiên âm : *Ngọa vân (1) thâm xứ chẩm vân miên.*
Lĩnh đạm gia phong thiểu tục triền.
Mạo vũ cố nhân viễn tương phỏng,
Thanh cao thắng tự Diễm khê (2) thuyền.

Dịch : *Gối mây nằm ngủ hang mây,*
Cửa nhà đạm bạc chẳng lây tục phiền.
Lên thăm, mưa gió triền miên,
Thanh cao đẹp tựa con thuyền Diễm khê.

---

(1) Xem trang 66 phụ chú 1

(2) tên một dòng khe ở phía nam huyện Thẳng, tỉnh Chiết Giang, là nguồn sông Tào Nga. Theo Hoàn Vũ Ký, đời Tấn, Vương Huy Chi chơi thân với Đái Quỳ ở Diễm Khê. Một đêm mưa tuyết đầy trời, Vương quá nhớ bạn, sai tiểu đồng chèo lên thăm. Vừa đến trước nhà họ Đái, liền sai quay thuyền về, bỏ không vào nữa. Sau Đái nghe nói lại, trách Vương, Vương chỉ cười nhẹ bảo rằng : «Nhân hứng thì đến, hết hứng thì về, cần gì phải gặp ! 乘興而來興盡而返何必至 : thừa hứng nhi lai, hứng tận nhi phản, hà tất chí ! » Vương và Đái là những khách phong lưu của nhóm Trúc Lâm Thất Hiền, hết lòng sống với tình cảm trung thực của mình, không câu chấp, gượng gạo vì ngoại cảnh. Nhờ giai thoại trên, Diễm Khê còn được gọi là Đái Khê. Tương truyền rằng nước khe này rất trong, dùng để chế giấy rất đẹp, nổi tiếng là loại đằng chỉ và đài chỉ, lấy từ cây mây và rêu.

● Với Phổ Tuệ Hòa Thượng

Ngài cũng là một bậc đại thiện tri thức nổi tiếng đương thời, đã từng quen biết với S trong khoảng thời gian S dự hương trường ở Phú Yên vào năm 1901. Dưới triều Khải Định, ngài trú trì chùa Tĩnh Lâm tại Bình Định và nỗ lực hoằng dương đạo pháp, tiếng tăm khắp cả miền Trung Kỳ. Vì xa cách và bận pháp vụ, giữa S và ngài không năng thư từ cho nhau hay biết tin tức. Kịp khi nghe tin ngài vào Quãng Nghĩa, tán trợ cho giới đàn chùa Phúc Quang, S vui mừng khôn xiết, nhưng không tiện vào thăm, bèn gửi một bức thư chí thiết kèm bài tứ tuyệt sau đây, hàm ý trách mình không có duyên lành vào gặp tri kỷ cho thoả lòng ao ước, luôn tiện học hỏi thêm nhiều bổ ích cho kiến giải về đạo pháp :

瓶砵追隨已有年
道能深契亦前緣
雲光說法花應墜
愧乏蘇洵志學堅

Phiên âm : *Bình bát truy tuỳ dĩ hữu niên,*
Đạo năng thâm khế diệc tiền duyên.
Vân quang, thuyết pháp hoa ưng trụy,
Quý phạp Tô Tuân (1) chí học kiên.

Dịch : *Bát bình theo dõi đã từ lâu.*
Tình đạo cùng nhau tự kiếp nào ?
Vân quang thuyết pháp hoa rơi cành,
Thẹn mấy Tô Tuân chí học sâu.

---

(1) Người My Sơn, đời Tống, tự Minh Doãn, năm 27 tuổi mới phát chí học hành, thông hiểu lục kinh và bách gia chư tử, cầm bút viết cả nghìn chữ trong chốc lát. Đời sau này khen ông hiếu học là vì thế. Cùng với hai con là Tô Thức và Tô-Triệt, ông được gọi là Tam Tô. Đời Đường và đời Tống có 8 nhà đại văn học, gia đình ông đã chiếm 3 người.

Vào năm Khải Định thứ 10 (1925) S vâng lời chư tôn túc, viết bài bạt nói về duyên cớ khắc in lại kinh Pháp bảo đàn, khi kinh in xong và công bố vào miền trong. Hòa Thượng Phổ Tuệ vô cùng khâm phục văn chương tuyệt diệu và tư tưởng Thiền học cao siêu qua bài ấy, đã gửi thư tỏ lời khen ngợi. Sư đáp lại bằng lời lẽ nhún nhường và nhân tiện, tặng Hòa thượng hai bài thơ nhờ ngài ấn chứng kiến giải của mình, xin lục cả ra đây :

參禪直下了根源
聖解凡情兩不存
大道豈從心外得
要教一念絕攀援

山窮水盡轉身來
逼得金剛正眼開
萬象叢中身獨露
涅槃生死絕安排 67B

Phiên âm : *Tham thiền trực hạ liễu căn nguyên,*
Thánh giải, phàm tình (1) lưỡng bất tồn.
Đại đạo khởi tùng tâm ngoại đắc ?
Yếu giao nhất niệm, tuyệt phan viên (2).

Sơn cùng thủy tận (3) chuyền thân lai,
Bức đắc kim cương chính nhãn (4) khai.
Vạn tượng tùng trung thân độc lộ,
Niết bàn sinh tử (5) *tuyệt an bài.*

---

(1) Kiến thức cao siêu của bậc đại thiện tri thức và sự hiểu biết thông thường của kẻ phàm phu.

(2) *Khi mà trong một niệm, tâm ý không buông lung theo ngoại cảnh, không chấp trước hữu hay vô, v.v... là lúc tỏ ngộ thiền cơ.*

(3) Thơ thiền có câu : «Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ

Dịch : *Tham Thiền hiểu thẳng hết nguồn cơn.*
Thánh giải, phàm tình thảy chẳng còn.
Đạo cả xa tâm tìm chẳng được,
Cố sao một niệm giữ cho tròn.

Non cùng nước tận chuyển thân ai,
Miễn được Kim Cang chánh nhãn khai,
Muôn tượng rừng sâu thân lồ lộ,
Niết bàn sanh tử chẳng là hai.

---

liễu ám hoa minh hựu nhất khai». Chỉ cho chỗ rốt ráo của Thiền.

(4) Chính nhãn, tức chính pháp nhãn tạng, hay pháp nhãn thanh tịnh, chỉ cho giáo pháp tinh yếu nhất trong tất cả giáo pháp của Đạo Phật, tức là lý tối thượng của thiền tông mà đức Phật chỉ truyền bằng tâm cho Ngài Ca Diếp trên hội Linh sơn.

(5) Niết bàn dịch âm tiếng Phạn, có nghĩa là lìa hẳn khổ nghiệp để đạt chỗ vô sinh vô tử. Người ta đều già rồi chết, chư Phật và Bồ Tát, chỉ chết mất huyễn thân, còn pháp thân bất sinh bất diệt, gọi là vào cõi Niết Bàn,

Ở đây, hai từ ngữ trên có nghĩa là hai trạng thái tương phản nhau : vấn đề niết bàn tịch diệt và vấn đề khổ thú luân hồi. Toàn câu bảo rằng một khi chánh nhãn đã khai quang thì dù niết bàn hay sanh tử cũng không cần để ý. Nghĩa là ngoài vui khổ sống chết.

GIAO DU VỚI VĂN THI HỮU

Những bậc phụ lão ở cố đô nhiều người còn nhớ lại vài kỷ niệm đẹp đối với S qua dáng dấp thanh tao, nụ cười từ hòa, ngôn từ đằm thắm, văn chương xuất chúng và đạo học uyên thâm. Đúc kết những giai thoại ấy và phối kiểm bằng những tài liệu còn ghi chép trong LƯTS, có thể giúp chúng ta biết được nhiều về đời sống tình cảm và giao du thú vị của S đối với văn thi hữu khắp bốn phương. Kể từ năm 1900, sau khi thay thế VGĐS trú trì chùa BLM, giới văn thi hữu thần kinh đã bắt đầu tới lui thăm viếng, đàm luận văn chương, Thiền lý và xướng họa thơ văn. Nhưng bắt đầu, khi lên Tra Am, khoảng năm 1923 trở đi, nhờ phong cảnh nơi đây tự nhiên, thơ mộng, gần như thoát tục, nên tao nhân mặc khách không ngớt lên về thăm viếng.

Hầu hết những bậc túc học tăm tiếng đương thời tại đế đô đều có giao tiếp với S, từ các đại thần, các nhà cách mạng, các hưu quan, các ẩn sĩ, các văn sĩ, thi sĩ và ngay cả nữ sĩ nữa. LƯTS còn ghi lại rất nhiều bức thư, bài thơ đánh dấu

tình bạn văn nghệ này. Phạm Quỳnh, Huỳnh Thúc Kháng cũng có thư đi thư lại.

Sau đây, chúng tôi sưu tầm lại những giai thoại tiêu biểu nhất giữa S và các văn thi hữu đáng kể : Ưng Tiến, Nguyễn Hương An, Đạm Phương Nữ Sữ, Ưng Ân, Ưng Bình, Hồng Trứ, Đông Lâm Cư Sĩ, Phan Khôi, Lê Thiện Trai, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Khoa Tân và Nguyễn Cao Tiêu.

1. Hải Bình Thị Ưng Tiến

Vốn là cháu nội Thọ Xuân Vương, đỗ cử nhân, làm Tri huyện Quỳnh Lưu. Hai bên quen nhau từ hồi còn nhỏ, tình bạn rất thân thiết.

Sau khi S lên T.A, Hải Bình Thị cũng bận làm quan xa, thường viết thư về luôn, lời lẽ ân cần, chí thiết. Một hôm mưa gió, S gửi bài tứ tuyệt sau đây nhắc lại kỷ niệm những lần hai người ngồi đàm luận bên khe trúc, dưới bóng trăng trong mà nay mưa gió bên đèn khuya hiu hắt, nhớ thương không chịu nổi :

昨 昔 訪 溪 竹
清 言 月 滿 林
至 今 懷 遠 夢
風 雨 一 燈 深 A24

Tạc tích phỏng khê trúc,
Thanh ngôn (1) nguyệt mãn lâm.
Chí kim hoài viễn mộng,
Phong vũ nhất đăng thâm.

---

(1) còn gọi là thanh đàm 清談, *lối nói chuyện thanh nhã của các danh sĩ thuộc phái phong lưu đời Tấn. Sách Tấn Thư, truyện Nhạc Quảng chép : Nhạc Quảng thiện thanh ngôn nhi bất trưởng ư bút :* 樂廣善清言而不長於筆. *Nhạc Quảng khéo nói chuyện văn hoa nhưng lại viết không hay.*

Dịch : *Hôm xưa lên viếng bên khe trúc,*
Nói chuyện, trăng lên sáng cả rừng.
Đến nay thương nhớ lâu thành mộng,
Mưa gió đèn khuya bóng lạnh lùng.

2. Nguyễn Hương An

Xuất thân ấm sinh, nhà ở cạnh chùa BLM, sở trường thơ nôm, hằng ngày S mời sang chuyện trò bên vòm trúc biếc. Đôi bạn vong niên rất khắn khít với nhau, trao tận tay nhau từng bài thơ nôm mới viết, mời nhau từng chén trà thơm ngạt ngào. Lúc ông mất, S điếu hai bài thơ, lời xót xa, đau đớn.

Bài thứ nhất, nhắc thú uống trà thơm trên ghế đá, nay đành vắng :

接地因栽竹一窩
日閒掃雪款来過
自從處士沉星後
石几無人坐品茶 10A

Tiếp địa nhân tài trúc nhất oa,
Nhật nhàn, tảo tuyết khoản lai qua.
Tự tùng xử sĩ trầm tinh (1) hậu,
Thạch kỷ vô nhân tọa phẩm trà.

Dịch : *Trúc biếc một vòm ở cạnh nhà,*
Hôm nhàn, quét tuyết rủ nhau qua.
Tướng tinh xử sĩ từ khi rụng,
Ghế đá không người thưởng thức trà.

---

(1) *Theo chiêm tinh học đông phương, mỗi người có một vì sao bản mệnh, tùy theo thời vận xấu tốt thay đổi mà vì sao ấy sáng hay mờ, đến khi vì sao ấy rụng là người kia chết.*

Bài thứ hai, nhắc lại những lần ông tìm S trao thơ nôm mới làm để cùng thưởng thức, nay ở cửu tuyền, ông biết cùng ai tiếp tục đàm luận văn chương?

晚 慕 知 交 意 氣 深
國 音 佳 句 每 相 尋
至 今 縱 有 新 詞 句
地 下 何 人 共 賞 心

Vãn mộ tri giao ý khí thâm.
Quốc âm giai cú mỗi tương tầm.
Chí kim túng hữu tân từ cú,
Địa hạ hà nhân cọng thưởng tâm? (1)

Dịch : *Bóng xế thân nhau khắn khít sao!*
Được câu thơ đẹp lại tìm trao.
Từ nay phỏng có vần thơ mới,
Dưới ấy ai người thưởng thức nào?

Hai bài thơ điếu trên đây, một tiếc người, một tiếc mình, thật lâm ly.

---

(1) Tùng Thiện Vương điếu Tương An Quận Vương bằng 3 bài tứ tuyệt, bài thứ ba giống bài này gần hết, chỉ khác mấy chữ ở hai câu đầu : 少小相知意氣深國音佳作每相尋: thiếu tiểu tương tri ý khí thâm, quốc âm giai tác mỗi tương tầm » (Quen nhau từ nhỏ ý tình thâm, được câu thơ đẹp vẫn cùng ngâm,). Về niên đại, cả hai vị vương trên đều mất trước sư khá lâu, Tương An Quận Vương mất năm 1854, Tùng Thiện Vương, 1870. Vậy chắc S đã lấy bài thơ trên của Tùng Thiện Vương, sửa lại mấy chữ để điếu Nguyễn Hương An.

3. Đạm Phương Nữ Sử

Là ái nữ của Hoằng Hóa Quận Vương, tên Công Nữ Đồng Canh, tự Quý Lương hiệu là Đạm Phương. Nữ Sử kết duyên cùng Hàn lâm viện cung phụng Nguyễn Khoa Tùng, con trai thứ bảy của hầu Viên Giác. Vốn là một trang tân học tài sắc, xuất thân từ một gia đình lá ngọc cành vàng, đam mê thi văn từ trong tiềm thức, nữ sử giao du rộng rãi với làng văn khắp Bắc, Trung, Nam và cộng tác với nhiều tờ báo như Trung Bắc Tân văn, Lục tỉnh tân văn, Hữu Thanh Tạp chí, tài hoa nổi tiếng một thời.

Cũng là con vua cháu chúa, lại liên hệ với đại gia đình V.G.Đ.S. và nhất là cùng thanh khí, nữ sử quen biết S từ hồi còn ở chùa BLM, giao tình rất thân thiết. Nhân dịp Nữ sử được triều đình Huế ân thưởng kim tiền ngợi khen thành tích hoạt động văn chương, S gửi mừng bằng một bài thơ luật có hai câu :

強如伏女淵源學
勝似曹娥絕妙辭

Cường như Phục Nữ (1) uyên nguyên học :
Thắng tự Tào Nga (2) tuyệt diệu từ.

Dịch : *Học vấn uyên thâm như Phục Nữ*
Văn chương tuyệt diệu giống Tào Nga

Còn bài thơ sau, chưa biết đích xác thời điểm sáng tác, Nữ sử diễn tả cảm tưởng nhớ đến nhà chùa trong buổi sơ

---

(1) con gái của bác sĩ Phục Thắng thời cuối Tần đầu Hán, hai cha con chuyên trị kinh Thượng Thư. được Hán văn Đế sai chú giải 28 thiên cổ văn của bộ kinh khó hiểu này.

(2) một hiếu nữ đời Đông Hán, tự trầm mình để tìm xác cha bị chết trôi. Năm hôm sau, ôm xác cha nổi lên. Quan huyện sở tại thương tình dựng bia, Hàm Đan Thuần làm văn điếu, lời tuyệt diệu. SVT khen Nữ sử có kiến thức như Phục Nữ và văn chương tuyệt diệu như lời văn ở bia mộ Tào Nga.

thu, vì hoàn cảnh, bấy lâu không lên thăm được :

Phất phất mành tương gió quạt lầu.
Thềm hoa xem đã bóng trăng thâu.
Bâng khuâng chạnh nhớ niềm lâm hác,
Vắng mặt Lô sơn (1) những bấy lâu.

Giậu trúc bơ phờ ráo hột mưa,
Tiếng chim dìu dặt gió hương đưa.
Hồ sen nắng hạ đà phai thắm,
Ngành cúc rừng thu tuyết điểm chưa ?

Mượn loài hoa ẩn dật để hỏi thăm chủ nhân, ý tưởng thật bóng bảy kín đáo.

4. Quất Đình Ưng Ân

Cháu nội Tuy Lý Vương Miên Trinh, lịch chức Tham Tri Bộ Hình dưới triều Khải Định, rất mực tài hoa! vẽ đẹp và viết chữ tốt. Giao du lâu năm cùng S, mỗi khi có chuyện vui buồn, thường có thư từ tâm sự. Hiện còn mấy bài thơ thủ bút chính ông tặng. Dạo làm xong nhà mới ở Vỹ Dạ, trong thiết một giả sơn rất lớn, ông ngỏ ý xin S đề thơ để khắc lên đá. S gửi bài thơ sau đây, lời rất hùng :

且把癡情學米顛
三生曾否悟前緣
知君自有峻嶒骨
煉到媧皇可補天 10B

---

(1) một núi lớn thuộc tỉnh Giang Tây, thâm u, hùng vĩ, trên đó nhiều danh lam như Hải Hội, Đông Lâm. Đời Tấn, Thiền sư Tuệ Viễn, người sáng lập Bạch Liên Xã, đã tu trì ở đây. Từ ngữ này còn dùng chỉ chùa chiền.

Thả bả si tình học Mễ Điên (1)
Tam sinh (2) tằng phủ ngộ tiền duyên.
Tri quân (3) tự hữu lăng tằng cốt,
Luyện đáo Oa Hoàng (4) khả bổ thiên.

Dịch : *Ôm gàn học thói Mễ Điên,*
Hay là đã có tiền duyên lâu đời.
Biết anh ngạo cốt tuyệt vời,
Luyện sao có thể vá trời mới nên!

Sau khi đã về trí sĩ, một hôm ông lên thăm S, hồi tưởng lại nửa đời người bon chen vì chút hư danh, trải qua

---

(1) *Tên Mễ Phất, tự Nguyên Chương, hiệu Mễ Nam Cung, Hải Nhạc ngoại sử, biệt hiệu Lộc Môn cư sĩ, người nước Tống, di cư sang nước Ngô. Tính cao thượng, tự trọng, không chịu lòn cúi, đời gọi là Mễ Điên. Văn từ xuất sắc, thư pháp tinh hảo, khéo vẽ sơn thủy, thú vật. Lại ham các cổ khí bằng đồng và đá. Một lần gặp viên đá hình dáng kỳ lạ, ông hạ mình lạy tôn làm anh. Trước tác các sách quý báu : Bảo Tấn anh quang tập, Thư sử, Họa sử, Nghiễn sử.*

(2) *Đời Đường, Lý Nguyên cùng thiền sư Viên Quán chùa Huệ Lâm chơi thân với nhau. Một hôm cả hai đến thăm Tam giáp, thấy một người đàn bà mang vò múc nước. Viên Quán bảo rằng : «Đây là chỗ thác sinh của tôi, 12 năm sau, sẽ gặp lại ông ngoài chùa Thiên Trúc tại Hoàng Châu». Đêm ấy, Viên Quán tịch diệt. Đúng kỳ hẹn, Lý Nguyên đến nơi, thấy một kẻ chăn trâu — tức Viên Quán — hát rằng «Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn, thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu lôn. Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng, thử sinh tuy dị, tính thường tồn* 三生石上舊精魂賞月吟風不要論慚愧情人遠相訪此生雖異性常存. *Ca hát xong từ biệt ra đi. Theo sách Chiết Giang thông chi, ngày nay ở ngoài chùa trên còn tấm đá ghi dấu nơi gặp gỡ của hai người. Vì thế, nhà làm văn dùng chữ tam sinh thạch để chỉ tình bạn bè lâu năm, và chữ tam sinh để chỉ người bạn, ở đây, từ ngữ trên dùng theo nghĩa này.*

bao nhiêu sóng gió, ông bồi hồi trực giác tuồng ảo hóa của đời, không khỏi mừng mừng tủi tủi cầm tay S kể lể, vì nỗi vui mừng với đạo lý giải thoát hệ lụy của Như Lai :

回首風波三十春
相逢把臂話前因
非關遊賞尋常事
爲曉禪機淡俗塵 56A

Hồi thủ phong ba tam thập xuân.
Tương phùng bả tí thoại tiền nhân.
Phi quan du thưởng tầm thường sự,
Vị hiểu Thiền cơ đạm tục trần.

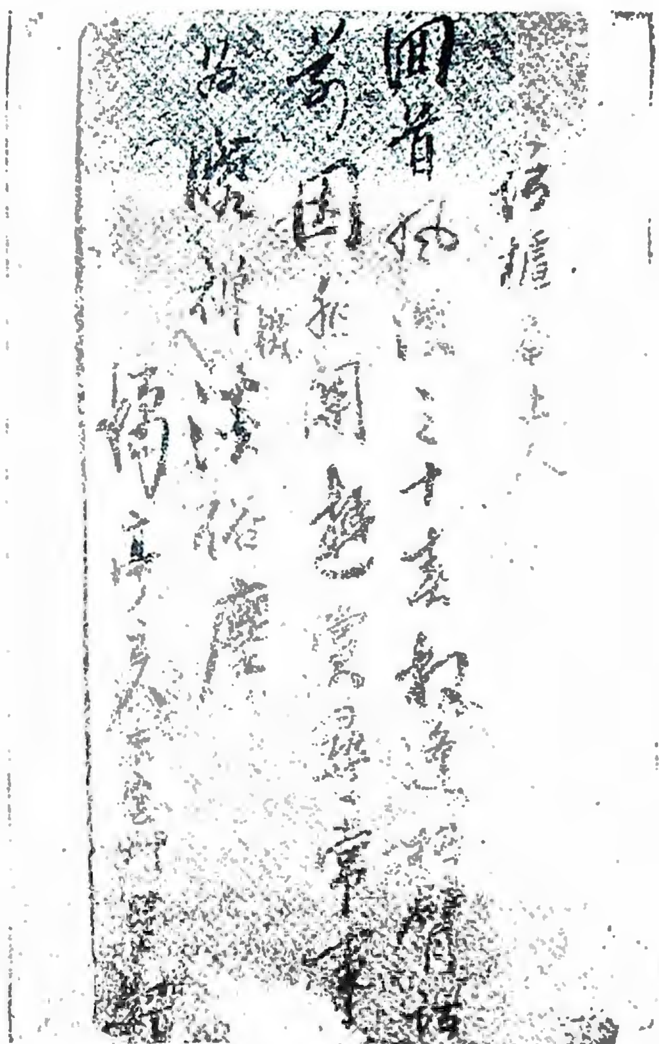
Dịch : *Sóng gió ba mươi năm, ngoảnh đầu...*
Cầm tay bày tỏ nỗi xưa sau.
Lên đây nào phải vì du thưởng,
Vì hiểu Thiền-cơ, lánh biển dâu!

Vũ-Hoàng-Chương dịch

---

(3) chỉ giả sơn, SVT bắt chước Mễ Điên, gọi giả sơn bằng anh.

(4) Một nữ chúa đời xưa, còn gọi Nữ Hy hay Nữ Oa, em gái vua Phục Hy. Bà đã chế ra sinh hoàng làm nhạc khí và lễ nghi giá thú, ngăn cấm không cho người cùng họ lấy nhau. Cuối đời bà, họ Cung Công bị Chúc Dung đánh bại, đâm đầu vào núi Bất Châu tự vẫn. Từ đó, cột trời gảy, mối đất đứt. Bà bèn luyện đá 5 màu đem vá trời, chặt chân ngao để dựng lại các cực, giết rồng dữ để cứu Ký Châu, chứa tro lau để ngăn nước tràn, nhờ thế mặt đất mới bằng phẳng, bầu trời mới cao lại và không thể chuyển di được. Sau này mượn từ ngữ bổ thiên ám chỉ những việc làm to tác, kinh sợ. Đại ý bài thơ trên bảo rằng Quất Đình chủ nhân bữa nay đem lòng ham thích đá lạ giống Mễ Điên xưa, biết đâu giữa hai người – ông bạn và Mễ Điên đã có duyên quen biết sẵn. Chủ nhân gắng luyện đá lạ sao có thể vá được trời như Oa Hoàng ngày xưa.



HÌNH 8 : *Bài thơ do Quất Đình Ưng Ân đề tặng Sư, xem phiên âm và bản dịch trang 120.*

Dưới triều Khải Định thứ 9 (1924), ông vẽ tặng S một bức chân dung, nét bút sống động, lời tán nghiêm trang. Hiện vẫn còn thờ ở T.A. Xin lục lời tán ra đây :

明月禪心
孤峯色相
智德俱尊
清淨無量

Minh nguyệt thiền tâm.
Cô phong sắc tướng.
Trí đức câu tôn.
Thanh tĩnh vô lượng.

Dịch : *Lòng thiền như trăng sáng.*
Tôn nhan như núi cao.
Trí đức đều đáng kính.
Thanh tĩnh biết dường nào!

5. Ưng Bình

Con của công tử Tiều Thảo Hồng Thiết, cũng như Ưng Ân, là cháu nội Tuy Lý Vương. Cử nhân xuất thân, ông lịch các chức Phủ Doãn Thừa Thiên và Hiệp Tá Đại học sĩ dưới triều Bảo Đại. Là một thi sĩ hữu danh ở Thần Kinh, ông làm chủ súy Hương Bình thi xã và Hội Trưởng Hội truyền bá quốc ngữ Trung Kỳ.

Trong thời gian đi làm quan xa, ông nghe tiếng S mà chưa có cơ hội gặp gỡ, nhưng hâm mộ đức độ của S, ông gởi tặng bài thơ sau :

聞道春京有艷談
平山高隱是楂菴
凭超世態身無着
鷗伴閒機志已甘
貝葉經文傳梵宇
樹雲佳句滿伽藍
勞勞笑我繁華夢
未叩巖扉只自慚 67B

Văn đạo Xuân kinh hữu diễm đàm,
Bình Sơn cao ẩn thị Tra Am,
Bằng siêu thế thái, thân vô trước,
Âu bạn nhàn cơ (1), chí dĩ cam.
Bối diệp (2) kinh văn truyền phạm vũ, (3)
Thụ vân giai cú mãn già lam (4).
Lao lao tiếu ngã phồn hoa mộng,
Vị khấu nham phi, chỉ tự tàm.

Dịch :

Nghe nức Thần kinh tiếng luận bàn:
Ngự Bình ẩn sĩ có Tra Am.
Vươn ngoài thế thái, thân không bận,
Siêu thoát nhân gian, chí đã cam.
Kinh điển lưu truyền nơi cửa Phật,
Thi văn trì tụng chốn già lam.
Phồn hoa cười tớ ham giong ruổi,
Hổ thẹn chưa từng đến lễ tham.

---

(1) loài chim hải âu không có mưu chước, gian hiểm như các loài thú khác, được dùng chỉ cho người siêu thoát ra ngoài trần thế. Tùng Thiện Vương có câu thơ : «thân tự bạch âu tùy xứ túc 身似白鷗隨處宿 *: thân giống hải âu tùy thích đậu »*

(2) Phạm âm là bối đa la 貝多羅, *thứ lá cây dùng để viết kinh vào thời kỳ chưa chế được giấy. Dùng nghĩa rộng, lại chỉ kinh sách.*

(3) nhà thờ Phật, tức chùa chiền.

(4) còn gọi Tăng già lam nơi tu hành của Tăng đồ, cùng nghĩa với chùa chiền.

6. Hồng Trứ

Con của Tuy Lý Vương, một nhân vật được nhắc nhở rất nhiều trong các tài liệu còn lại. Thơ ông còn rất nhiều, nhưng thiếu vẻ đặc sắc; trái lại, tính tình và phong thái của ông đã gây lòng quý mến nơi S rất nhiều. Ông lên về T.A. thường xuyên, và thân cận với nhà chùa như người nhà. Đọc bài thơ sau, có thể thấy được lòng kính mến của ông đối với S, cũng như lòng hâm mộ đạo pháp và giao du văn nghệ của ông :

菩 提 蚤 歲 種 靈 根
释 典 研 精 數 萬 言
慧 業 真 如 彌 佛 子
風 流 文 采 舊 王 孫
楸 枰 弈 理 分 花 坐
茗 椀 詩 書 傍 石 論
更 把 楞 嚴 經 細 講
此 生 端 的 合 空 門 47A

Bồ Đề tảo tuế chủng linh căn.
Thích điển nghiên tinh sổ vạn ngôn.
Tuệ nghiệp, chân như, Di Phật tử;
Phong lưu, văn thái, cựu vương tôn.
Thu bình dịch lý phân hoa tọa,
Minh uyển thi thư bạng thạch lôn.
Cánh bả Lăng Nghiêm kinh tế giảng,
Thử sinh đoan đích hợp không môn.

Dịch : *Cội bồ trồng tự thuở còn son,*
Kinh điển bao năm học đã mòn.
Tuệ nghiệp, chân như, con đức Phật.
Phong lưu, tao nhã, cháu ông Hoàng.
Nước cờ cao thấp kề hoa đánh,
Thơ phú, trà thơm, tựa đá bàn.
Lần giở Lăng Nghiêm ra giảng kỹ,
Chuyện trần chẳng đủ để tâm màng.

Do sự giới thiệu của Hồng Trứ, S quen thân với một thi hữu của ông là Kính Viên, một người có vần thơ cổ nhã Vắng một thời gian, không thấy bạn lên chơi, S viết thư mời. Kính Viên rủ Quýnh Hiên cùng đi trong buổi chiều gió mát. Gõ cửa chùa vừa lúc hoàng hôn, cùng ngồi nói chuyện, cùng ăn tạm nưa khoai và cười vang giữa đêm dài, dưới bóng đèn chong canh. Đỗ Phủ đi hoang trở về bi đát bao nhiêu thì Kính Viên gặp bạn thanh thoát bấy nhiêu :

白社念契闊
今始來雙魚
攜友絅軒子
清吹飄素裾
薄暮叩岩扉
坐到幽人居
松竹夾徑翠
花草當門疎
新茗品香潔
野味供芋諸
晤言抒懷抱
一笑歡何如 1A

Bạch Xã (1) niệm khế khoát. (2)
Kim thủy lai song ngư. (3)
Huề hữu Quýnh Hiên tử,
Thanh xuy phiêu tố cư.

---

(1) *Hội chuyên niệm danh hiệu Phật Di-Đà và tu Tĩnh Độ do Tuệ Viễn Thiền Sư lập ở chùa Đông Lâm, núi Lỗ Sơn đời Tấn, quy tụ các vị thạc đức và danh nho đương thời. Vì trước chùa trồng nhiều hoa sen trắng nên lấy tên là Bạch Liên Xã. Trong bài, dùng chỉ thi hữu của chùa.*

(2) *xa cách nhau.*

(3) *chỉ thư từ, do tích có người bắt được đôi cá chép, trong bụng có thư.*

Bạc mộ khấu nham phỉ,
Tọa đáo u nhân cư.
Tùng trúc giáp kính thúy,
Hoa thảo đương môn sơ.
Tân minh phẩm hương khiết,
Dã vị cung vu chư.
Ngộ ngôn trữ hoài bảo,
Nhất tiếu hoan hà như.

Dịch :

Tình thơ xa cách bấy nay,
Được thư người gởi tỏ bày nhớ thương.
Dắt nhau cùng bước lên đường,
Gió chiều hây hẩy nhẹ vương áo ngoài.
Cửa chùa gọi mở chiều trời,
Cùng vào ngồi cạnh với người thanh tao.
Trúc tùng chắn ngõ xanh xao,
Cỏ hoa che cửa thấy cao sơ sài.
Chè tươi hương vị thanh bai,
Thú quê khoai sắn tạm nhai đỡ lòng.
Kể niềm u uất chờ mong,
Cười vang một trận, đèn chong canh dài.

7. Đông Lâm Cư Sĩ

Chưa rõ tên, thường hay lên về nhà chùa vì lòng mộ đạo. Một hôm, ngồi nhìn ông đang bước qua cầu Lược ước, áo quần đầy cả bụi đường, S đọc đùa bài thơ sau :

香臺曾已契前因
瓶鉢追隨有此身
笑我三生曾落落
溪橋空作往来人

Hương đài tằng dĩ khế tiền nhân,
Bình bát trung tùy hữu thử thân.
Tiếu ngã tam sinh (1) hoàn lạc lạc,
Khê kiều không tác vãng lai nhân.

Dịch : *Ta kết tiền duyên với Phật Đài,*
Thung dung bình bát nhẹ bên vai.
Cười anh nghiệp nặng còn say đắm,
Lủi thủi bên cầu bóng vãng lai !

Thế rồi một hôm, ông cùng bạn Nhữ Sồ Thị lên chơi, rủi gặp lúc S bận pháp vụ phải sang chùa Từ Hiếu, không có ở chùa. Trời nổi mưa dông, không về được, tình cảnh thật đáng ái ngại. Nhữ Sồ Thị nằm nghe mưa rơi, chuông đổ, đối diện với nỗi tịch liêu, không cầm lòng được, viết đề lại bài thơ lời trầm buồn :

結習生平半未消
邇來清夢憶溪橋
空山茅屋虛相訪
夜雨踈鐘對寂寥 50A

Kết tập (2) sinh bình bán vị tiêu,
Nhĩ lai, thanh mộng ức khê kiều.
Không sơn, mao ốc, hư tương phỏng,
Dạ vũ, sơ chung, đối tịch liêu.

---

(1) xem trang 119 phụ chú 2

(2) Theo kinh Duy Ma, Thiên nữ rắc hoa lên các vị bồ tát, hoa đều rơi xuống đất, không dính vào thân. Đến khi rắc lên các đại đệ tử đều dính không rơi xuống, Thiên nữ bảo rằng kết tập — nghiệp chướng, hết sạch, hoa không bám được; kết tập còn lại, hoa sẽ bám vào. Vậy từ ngữ trên chỉ cho nghiệp căn còn nặng.

Dịch : *Nghệp chướng già đời chẳng dứt xong.*
Nằm mơ cầu nhỏ bắt khe trong.
Núi không, chùa vắng, sư nào thấy !
Chuông đổ, đêm mưa, lạnh cả lòng.

8. Chương Dân Phan Khôi

Sau khi ra tù vì vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908, nhà văn học lão thành này cọng tác với rất nhiều tờ báo như Nam Phong tạp chí, Thực Nghiệp dân báo, Phụ nữ tân văn... trong khoảng từ năm 1914 trở đi, Lúc bấy giờ ông ở Huế và S còn trú trì chùa BLM. Nghe tiếng tăm S truyền vang khắp văn đàn đế đô, ông ghé về chơi, cùng nhau nói chuyện say sưa trọn ngày. Trời đã chiều, không cầm lại được, S đắp ca sa đưa ông về, ra tận cổng chùa, Cảm phục tư cách của vị cao tăng hiếm có, ông nằm thao thức suốt đêm trong nhà trọ, không tài nào ngủ được, nhớ lại câu thơ S đọc tiễn ông, liền sáng tác một bài đường luật kèm theo bức thư ngắn ngủi sau đây rồi nhờ Vân Bình đem về chùa :

昨晚獲謁上人夜歸敝寓不能成寐憶及臨別時上人口誦一句爰成一律僭用此句殿之以誌不忘謹托雲屏先生代上希惟鑒政

閱盡繁華眼欲昏
忽從人海溯禪源
坐間人我花無相
壁上詩詞玉有魂
草樹祇園新佛國
珊瑚寶劍舊王孫
空桑一宿知無分
珍重袈裟送出門 46B

Tạc vãn, hoạch yết thượng nhân, dạ quy tệ ngụ, bất năng thành mị. Ức cập lâm biệt thì, thượng nhân khẩu tụng nhất cú viên thành nhất luật, tiếm dụng thử cú điện chi dĩ chí bất vong. Cẩn thác Vân Bình (1) tiên sinh đại thượng. Hy duy giám chính.

Duyệt tận phồn hoa, nhãn dục hôn.
Hốt tùng nhân hải (2) tố thiền ngôn.
Tọa gian nhân ngã, hoa vô tướng,
Bích thượng thi từ, ngọc hữu hồn.
Thảo thụ kỳ viên, tân Phật Quốc,
San hô bảo kiếm, cựu vương tôn (3).
Không tang (4) nhất túc tri vô phận,
Trân trọng ca sa tống xuất môn.

Dịch

«Chiều qua, được yết kiến thượng nhân. Đến đêm, về nằm nhà trọ, không ngủ yên được. Nhớ lại lúc chia tay, thượng nhân đọc câu thơ «trân trọng ca sa tống xuất môn», liền làm được một bài luật đường, mượn câu ấy lập lại đằng cuối để nhớ không quên. Kính nhờ tiên sinh Vân Bình thay mặt đem về. Nguyện xin sửa chữa lại cho!

---

(1) tên Tôn Thất Lương, một bậc túc học ở Huế, hán văn và pháp văn tinh thông, giáo sư trường Hậu bổ, sau về dạy ở trường Khải Định Huế. Viết cho nhiều tạp chí văn học, chơi thân với Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn văn Vĩnh. Trong L.U.T.S, không ghi giai thoại nào về ông chắc bị thất lạc.

(2) chữ Lương Khải Siêu hay dùng, có nghĩa như thiên hạ.

(3) hai câu thực và luận ca tụng S thoát tục, văn chương diễm tuyệt, chùa chiền thanh tĩnh và con giòng hoàng phái.

(4) ***Không tang***: *thời Hậu Hán, danh từ Sramana (Sa môn) được phiên là Tang môn. Không tang hay Không môn, Tang tử do đó chỉ cho nhà chùa.*

Trải tận phồn hoa, mắt rối bời.
May cùng thiện hữu đến chùa chơi.
Người, ta trên ghế : hoa vô tướng,
Thơ phú bên tường : ngọc chiếu ngời.
Cây cỏ xinh tươi ra cảnh Phật
San hô kiếm quý tự bao đời.
Vô duyên tá túc, đành từ biệt.
Sư khoác ca sa tiễn cuối trời.



Đầu năm 1918, nhân Phạm Quỳnh ghé Huế mười ngày, Chương Dân liền đưa nhà học giả tài hoa này về chùa BLM thăm S, nhân vật cao thượng của đế đô. Thượng Chi cũng đã thao thao bất tuyệt bàn luận cùng S một buổi sáng về nhiều vấn đề văn chương và triết lý Thiền tông. Để tỏ lòng ngưỡng mộ một bậc chân tu phóng khoáng, lồng bóng trong bản chất một nghệ sĩ kỳ tài, Phạm Quỳnh đã nhiệt liệt ca ngợi qua một bài giới thiệu trong tạp chí Nam Phong số 10 năm ấy. Xin trích lại đây những chỗ cần thiết để hiểu rõ hơn về S :

«Cao-tăng hiệu là Viên-Thành thượng-nhân, trụ-tri chùa Ba la Mật, làng Nam Phố, cách Huế bốn năm cây lô mét. Chùa đó của một ông quan lớn họ Nguyễn Khoa dựng ra, thượng nhân tu ở đấy từ thuở lên bảy, (1) nay niên-tuần đã vào khoảng ngót bốn mươi. Nhờ có ông bạn giới thiệu, tôi mới được biết thượng nhân, thực là cảm-phục tư-cách phong-nhã, tư-tưởng cao-thượng của người. Thượng-nhân vốn là người hoàng tộc, nên tuy ở chốn Thuyền-môn mà viết ra một cái phong-độ riêng, không giống các nhà tu-hành khác.

Bước chân vào trong tinh xá, tưởng như nơi văn-phòng của nhà thi-nhân tao-khách nào. Không phải đồ bày-biện đẹp, không phải là cách trang-sức khéo nhưng bởi

---

1) thời điểm này sai, xin đọc lại trang 49

cái khí-vị riêng nó phảng-phất ở trong cái phòng ấy, khiến người khách chơi biết ngay ông chủ-nhân là người phong-nhã tài-tình. Mà thượng-nhân quả là người tài tình, phong nhã thật... »

«Cái tài tình của Viên Thành thượng nhân thì không phải tìm đâu xa, cứ nghe ngay câu chuyện người nói cũng đủ biết : mỗi nhời như nhả ngọc phun châu, mà tưởng cứ tự nhiên thành bài thơ ứng khẩu vậy. Người thơ chữ đã tuyệt bút mà thơ nôm cũng rất hay.»



Sở dĩ Thượng Chi ca ngợi như thế, vì S đã đọc cho nghe những bài thơ chữ hán và thơ nôm mà S thích nhất sau khi sáng tác. Đặc biệt S còn đọc cho ông hai câu ca dao có ý vị mà *S* đã dịch sang thơ chữ hán, đến nỗi họ Phạm đã khen là «phi tay thi nhân tuyệt diệu không dịch được như thế.»

Chúng tôi xin lục ra đây.

Câu thứ nhất : *Núi cao chi lắm núi ơi !*
Núi che mặt trời không thấy (1) người thương.

S dịch là : 幾重藍翠無窮恨
日影雲遮隔故人

Kỷ trùng lam thúy vô cùng hận,
Nhật ảnh vân già cách cố nhân.

Câu thứ hai : *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều*
Nhớ người quân tử (2) khăn điều vắt vai (3).

---

(1) ở Huế, hay đọc là chộ, nghĩa cũng như thấy.

(2) có người đọc : nhớ người đẩy gấm khăn điều vắt vai.

(3) câu này tương truyền Tương An Quận Vương, con vua Minh Mạng là thầy dạy của An Phong Công Hồng Bảo, con vua Thiệu Trị, đã ngâm để tỏ lòng tiếc người học trò của mình bị thảm sát vì giấc mộng đế vương không thành vào năm 1885.

Câu này được chuyển dịch sang hán văn một cách thâm thúy :

黃昏無限黃昏思
紅幘霞包眼裡人

Hoàng hôn vô hạn hoàng hôn tứ,
Hồng trách (1) hà bao nhãn lý nhân.

9. Nguyệt Đình Lê Thiện Trai

Là một bậc cựu học lão thành ở Huế, ngồi ghế Ngự sử dưới thời vua Khải Định. Thân thiết với S như tình ruột thịt, thường gửi lên cúng dường từng bao trà quý mới ướp, từng củ nhân sâm thượng hạng, và trong mấy năm cuối cùng, S bị chứng đau bụng, ông cẩn thận tìm loại quế thanh để giúp tri âm, lại còn mời các Ngự y quen biết lên thăm mạch giúp. Người ta còn thuật lại rằng tuy làm đến đại thần, nhưng tính ông hết sức bình dân : mỗi lần lên chơi, chỉ thích uống nước chè nấu thật tươi, pha vào nhiều hương gừng và ăn tạm vài củ nưa khoai luộc qua bữa. S thường cầm ở lại, đến khuya, sau khi đã mãn cuộc vui bên bàn cờ, bên lò sưởi mùa đông, ông nằm ngủ vùi, tiếng ngáy rò rò thật lớn. Các đệ tử và S buồn cười bảo nhỏ với nhau : «dậy xem quan Ngự sử hò kéo súc !»

Bài thơ sau cũng nhắc đến thú uống chè tươi của ông khi gần gũi nhà nghệ sĩ nền nếp Viên Thành :

---

(1) còn đọc là trích và phích, đều có nghĩa là khăn bịt đầu cả.

Vén mây trông tỏ lối Thiên Thai, (1)
Nương cửa Bồ Đề mới đến đây.
Vương bá thiếu chi nền nếp cũ,
Phật tiên âu cũng kiếp tu dày.
Câu thơ nét vẽ bày phong nhã,
Tiếng kệ câu kinh trải tháng ngày.
Gặp gỡ nhau là duyên với phúc.
Thiền chè một chén nhớ hôm nay. 58B59A

Một hôm, nhân trời mát mẻ cuối Thu, S gửi bức thư sau đây mời ông lên chơi, vì vắng mặt đã khá lâu, kèm theo hai bài tuyệt cú ghi lại cảm nghĩ cuối Thu để ông họa lại cho vui:

寄奉御史黎善齋貴臺

葭蒼露白風雨懷人憶自文軺過訪溪壑增
光啼鳥野花靚陪笑色道意詩情恍然如在
復蒙留題二律禪心枯淡未能即席酬韻猶
自抱歉仍念這詩大人猶以為尚有未穩之
處另容再訂蟠題令人不勝懸盻大人何不
趁此秋深景況登屏嶺跨松濤重訪雲菴品
新泉瀹香茗以結三生檀樾之緣寧非好事
古云雖承雨露居龍闕終憶煙霞夢虎溪大
人曾不心記這妙詞否近者梅修君候屢次
重訪衲每詢得吉祉知大人經春城烈暑之
後居然歡喜康勝倘有何日承閒衲當吩咐
山童掃徑以俟耑此敬柬兼頌福安餘容後
晤不一

(1) *Kiều: Xắn tay bẻ khóa động đào, thức mây cho tỏ lối vào thiên thai.*

再有秋深漫興二絕并呈備哂伏祈嶧黄評閲送来以扑幽興爲望

其一　　秋深庭院雨簾纖
　　　　病骨支牀老更添
　　　　顧影自慚人寂寞
　　　　山花索笑强巡簷

其二　　罨約横溪悵晚風
　　　　一龕孤寂小燈紅
　　　　聲聲細數蓮壺漏
　　　　念盡禪心湛若空　22B23A

Phiên âm:

Ký phụng Ngự Sử Lê Thiện Trai quý đài.

Hà thương lộ bạch (1), phong vũ hoài nhân. Ức tự văn thiều quá phỏng, khê hác tăng quang, đề điểu dã hoa thân bồi tiếu sắc, đạo ý thi tình, hoảng nhiên như tại. Phục mông lưu đề nhị luật, thiền tâm khô đạm, vị năng tức tịch thù vận do tự bảo khiểm. Nhưng niệm giá thi đại nhân do dĩ vi thượng hữu vị ổn chi xứ, lánh dung tái đính thiện đề, linh nhân bất thăng huyền hễ. Đại nhân hà bất sẵn thử thu thâm cảnh huống, đăng Bình lãnh, khỏa tùng đảo, trùng phỏng vân am? Phẩm tân tuyền, thược hương minh dĩ kết tam sinh đàn việt (2) chi duyên, ninh phi hảo sự? Cổ vân:

---

(1) lấy chữ ở chương đầu bài Khiêm Hà, thuộc Tần Phong trong kinh Thi. Bài ấy ngụ ý nhớ kẻ hiền tài. Câu trên cũng thế.

(1) Phạn âm, chỉ các thí chủ — những người lên về cúng dường cho nhà chùa.

Tuy thừa vũ lộ cư long khuyết, (1)
Chung ức yên hà mộng Hồ khê. (2)

Đại nhân tằng bất tâm ký giá diệu từ phủ? Cận giả Mai Tu quân hầu lủ thứ trùng phỏng. Nạp mỗi tuân đắc cát chỉ, tri đại nhân kinh Xuân thành liệt thử chi hậu, cư nhiên hoan hỉ khang thăng. Thảng hữu hà nhật thừa nhàn, nạp đương phân phó sơn đồng tảo kính dĩ sĩ. Chuyên thử kính giản, kiêm tụng phúc an, dư dung hậu ngộ, bất nhất.

Tái hữu thu thâm mạng hứng nhị tuyệt tinh trình bị sẵn. Phục kỳ thư hoàng bình duyệt tống lai dĩ bái u hứng, vi vọng:

Thu thâm, đình viện vũ liêm tiêm.
Bệnh cốt chi sàng (3) lão cảnh thiêm,
Cố ảnh tự tàm nhân tịch mịch,
Sơn hoa sách tiếu cưỡng tuần thiềm.

Kỳ nhị : *Lược Ước hoành khê trướng vãn phong.*
Nhất kham (4) cô tịch tiểu đăng hồng.
Thanh thanh tế sổ liên hồ lậu, (5)
Niệm tận, Thiền tâm trạm nhược không.

---

(1) chỗ vua ở, tức cửa rồng.

(2) Theo sách Lô Sơn ký, Thiền sư Tuệ Viễn, đời Tấn, tu ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, đưa khách ít khi qua khỏi dòng khe trước cổng chùa. Một hôm, cùng Đào Tiềm và Lục Tĩnh Du vừa đi vừa nói chuyện quá thú vị, quên khuấy, đã vượt qua khe lúc nào không hay, đến lúc nghe cọp rống, giật mình mới biết, cả ba cùng cười xòa mà chia tay nhau. Sau người ta lập cái đình ở đó để kỷ niệm, gọi là Hổ khê đình.

(3) bệnh nặng lắm, cả người chỉ còn nắm xương chống trên gường.

(4) âm chính là khám, ở đây, phải đọc thành kham để đúng luật thơ. Từ ngữ này có nghĩa là cái bệ thờ bằng gỗ

Dịch :

Lau xanh móc trắng. mưa gió nhớ người. Tưởng khi xe văn lên viếng, khe núi tăng vẻ xinh tươi, cỏ nội hoa ngàn, nói cười góp phần vui vẻ, tình thơ ý đạo, mơ hồ phảng phất đâu đây. Mang ơn lưu lại hai bài, khổ nỗi lòng Thiền khô héo, chưa thể họa vần đáp ngay, lòng vẫn cảm thấy khiếm khuyết. Nhưng nhớ lại, hai bài thơ ấy, đại nhân bảo còn chỗ chưa xuôi. chờ lúc sửa lại, khiến người ta không khỏi canh cánh trông mong!

Đại nhân sao chẳng nhân tiết cuối thu này, lên núi Ngự, đạp sóng tùng, thăm lại am mây? Uống nước khe, thưởng chè ngát, kết mối duyên đàn việt lâu đời, thật đáng mãn nguyện. Người xưa có nói:

Tuy nhờ mưa móc nơi cung khuyết,
Vẫn nhớ mây hồng, mơ Hồ Khê.

Đại nhân mà cũng chẳng nhớ lời thơ tuyệt diệu này sao? Gần đây, quân hầu Mai Tu mấy lần lên viếng, bần tăng có dịp hỏi han tin tức, biết đại nhân qua mùa nắng cháy ở kinh thành vẫn được bình an sức khỏe vô cùng. Hôm nào rỗi rảnh, nếu có lên chơi thì xin cho biết để bần tăng kịp dặn tiểu đồng dọn dẹp chờ đợi.

---

chạm cẩn, tôn trí tượng Phật bên trong. Đây lại có nghĩa là chùa.

(5) còn gọi là liên hoa lậu. Ngày xưa, Thiền Sư Tuệ Yếu, môn đồ của Tuệ Viễn, tu ở Lô Sơn, sợ trong núi khó phân biệt ngày giờ, bèn chế ra 12 lá phù cừ nổi trên mặt nước, tùy theo làn sóng để phân biệt thời khắc, so với bóng mặt trời không sai. gọi là Viễn Công liên hoa lậu. Sau người ta thay phù cừ bằng lá đồng dát mỏng, chế biến tinh xảo hơn, thành ra đồng hồ. Ở đây, từ ngữ trên có nghĩa là đồng hồ.

Mấy lời kính gửi, chúc được an lành. Còn nhiều hội ngộ. Đây còn hai bài «Mạn hứng cuối Thu» xin gởi trình đại nhân đọc cười cho vui và xin phê bình gửi lại để thỏa u uất, rất mong!

Cuối thu, mưa nhẹ phất rèm.
Bệnh nằm rả xác lại thêm tuổi già.
Giật mình soi bóng xót xa,
Hoa rừng mới nở gượng ra hiên nhìn

Bài thứ hai:

Bên cầu buồn gió chiều về.
Một gian cô tịch đèn le lói hồng
Lắng nghe rả rích giọt đồng. (đồng hồ)
Thiền xong, lòng nhẹ như không còn gì.



Tiếp được bức thư trên, Nguyệt Đình cảm động chân tình nhưng quá bận việc quan, đành phúc lại xin hẹn một lúc khác rảnh hơn, sẽ xin lên tạ tội với tri âm. Hai bài tứ tuyệt cũng chưa thể họa liền, để chờ Mai Tu giúp đỡ.

10. Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền

Sau thời gian từ quan khoảng 1907 để theo Phan Bội Châu tham gia, phong trào cách mạng, ông nghè Liên Bạt bôn tẩu khắp đó đây. Có lần về Huế thăm lại gia đình, ông bí mật ghé về BLM gặp gỡ S, cưỡi con ngựa sắc lông trắng như tuyết. Hai tâm hồn thanh cao gặp nhau, như một hòa điệu, vì cũng như S, ông nghè Liên Bạt yêu mộng hơn thực, yêu hoa hơn người. Nhưng qua giai thoại xướng họa thi vị sau đây, ta thấy rõ rằng tuy Mai sơn giàu hồn thơ nhưng chưa ra ngoài xôn xao sắc tướng và S, xứng

đáng tiêu biểu chính xác cho một người yên lặng, trầm tĩnh, đạt được yếu chỉ uyên áo của Thiền tông, vươn ngoài chi ly vật ngã :

Nguyễn Thượng Hiền xướng :

Hỏi hoa — xin mượn mùi hương,
Hỏi trăng — xin mượn gương vàng thử soi.
Hỏi non — xin mượn đá ngồi.
Hỏi sông — mượn nước tắm chơi sạch mình.

SVT đáp lại :

Hỏi trăng — trăng chẳng đáp lời.
Hỏi hoa — hoa chỉ mỉm cười làm ngơ.
Hỏi sông — sông lặng như tờ.
Hỏi non — non cứ trơ trơ với mình !

Đọc bài xướng và bài đáp trên, chúng tôi có cảm tưởng như xem lại giai thoại Thần Tú và Huệ Năng về không và hữu. Không biết sau này, trong những ngày tu hành ở Hàng Châu, Mai Sơn đã thấy lại điều này chưa ?

11. Tiêu Đẩu Nguyễn Bá Trác

Con trai Nguyễn Bá Học, đã xuất dương sang Trung-Hoa du học để hoạt động cách mạng bên cạnh những nhà ái quốc nổi tiếng. Sau khi thất bại, ông về nước, được người Pháp đưa ra trông coi tờ Nam Phong với Hoa Đường. Ông chưởng phần chữ hán cho tạp chí này, văn chương tinh luyện, nẩn súc không kém nhà học giả Sở Cuồng Lê Dư, ngòi bút sắc sảo của ông đã từng được giới học thức Trung Hoa thưởng thức khen ngợi.

Khoảng năm 1920, ông được Khải Định mời về Huế làm quan, thăng rất mau. Đã nghe Hoa Đường giới thiệu S, nên khi về Huế, ông lên về đàm luận, xướng họa sau những ngày việc quan bận rộn. LƯTS ghi lại khoảng 10 bài thơ ông làm tặng S. Bài nào cũng rất đặc sắc, nhưng luôn luôn phảng phất dọng buồn chán thế sự.

Mùa Hạ năm 1924, sau khi T.A. hoàn thành, ông gửi lên mừng bài thơ :

路 轉 村 溪 僧 院 深
午 鐘 聲 逗 竹 橋 陰
主 人 坐 定 西 窗 裡
籬 鳥 庭 花 證 道 心 51A

Lộ chuyển thôn khê, tăng viện thâm.
Ngọ chung thanh đậu trúc kiều âm.
Chủ nhân tọa định tây song lý,
Ly điểu đình hoa chứng đạo tâm.

Dịch : *Bóng gợn cầu tre nhịp ngọ chung,*
Âm u tăng viện lối đi vòng.
Chủ nhân ngồi nhập thiền bên cửa,
Hoa nở chim kêu chứng tỏ lòng,

Vũ-Hoàng-Chương dịch

Sau đó, một hôm lên chùa chơi. Đối diện với cảnh trí siêu thoát ở đây, ông nằm ngẫm nghĩ chuyện đời, thì ra đua chen danh lợi chẳng được điều gì hơn, ngoài sự nhọc nhằn thân tâm, thua xa S, suốt ngày nằm cao trong thú nhàn hạ hoàn toàn :

勞 勞 空 自 走 塵 寰
安 得 如 僧 占 一 閒
名 也 誤 人 還 自 誤
出 山 容 易 入 山 難 51B

Lao lao không tự tầu trần hoàn.
An đắc như tăng chiếm nhất nhàn.
Danh dã ngộ nhân hoàn tự ngộ,
Xuất sơn dung dị, nhập sơn nan.

Dịch : *Nhọc nhằn chạy chọt giữa trần hoàn.*
Sao được bằng tăng chiếm thú nhàn.
Danh vọng hại người không thể tả.
Xuất sơn thì dễ, nhập sơn nan.

Mùa an cư năm ấy S phải ở T.A. suốt ba tháng trời, không rộng thì giờ tiếp thân hữu. S. gửi, thư mời ông rủ Chương Dân cùng lên sau ngày mãn hạ :

寄與鴻臚寺卿阮大人焦斗書

林泉托跡久與松鶴爲鄰頃承高軒幾度枉
過得與密邇清光博參五海之見聞道業多
有裨益曩以坐夏不能耐久領教有負夙心
倘蒙公暇祈於中元僧自恣日步月竹院石
上茗談以爲虎溪三笑之緣寧非至願再有
章民先生南來敬請同行併得一夕話幸幸
時也梧桐一葉天下知秋兼祝吉祉不一

21A

Phiên âm :

Ký dữ Hồng lô tự khanh Nguyễn đại nhân Tiêu Đẩu thư: Lâm tuyền thác tích, cửu dữ tùng hạc vi lân. Khoảnh thừa cao hiên kỷ độ uổng quá, đắc dữ mật nhĩ thanh quang. Bác tham ngũ hải chi kiến văn, đạo nghiệp đa hữu tì ích.

Nẵng dĩ tọa hạ, bất năng nại cửu lảnh giáo, hữu phụ túc tâm. Thảng mông công hạ, kỳ ư trung nguyên, tăng tự tứ nhật, (1) bộ nguyệt trúc viện, thạch thượng mính đàm, dĩ vi

---

1) ngày chư tăng làm lễ xuất hạ, tức ngày 15 tháng 7 âm lịch, lễ Vu Lan.

Hồ khê tam tiếu (1) chi duyên, ninh phi chí nguyện? Tái hữu Chương Dân tiên sinh Nam lai, kính thỉnh đồng hành, tỉnh đắc nhất tịch thoại. Hạnh hạnh.

Thì dã ngô đồng nhất diệp, thiên hạ trí thu, kiêm chúc cát chỉ bất nhất.

Dịch :

Thư kính gởi đại nhân Hồng Lô tự khanh Nguyễn Tiêu Đẩu :

Gửi chân nơi rừng núi, cùng tùng ngàn hạc nội làm bạn đã lâu. Vừa rồi, đại nhân uổng công mấy lần lên viếng, được cùng gần gũi, thêm vẻ sáng tươi, rộng nghe kiến thức bốn biển năm châu, đạo nghiệp càng nhiều lợi ích.

Trước đây vì bận ngồi Hạ, không thể nán lâu nghe lời chỉ giáo, thật phụ lòng lắm!

Nếu đại nhân việc quan rỗi rảnh, hẹn sau ngày rằm tháng bảy, theo trăng lên chùa, uống trà nói chuyện, gây lại mối duyên «Hồ khê tam tiếu», rất là chí nguyện!

Như gặp Chương Dân tiên sinh ở Nam về, kính mời cùng lên luôn, bần tăng được cùng một buổi đàm đạo. Mong lắm! Mong lắm!

Lá ngô vừa rụng, thiên hạ vào Thu.

Kính chúc phúc an.



Sau này, khi xây xong biệt thự ở Huế, trong có trang hoàng bình phong vẽ cảnh sơn thủy. Tiêu Đẩu nhờ S đề thơ. Khó chối từ tri âm, S trả lời rất khiêm tốn kèm bài thơ ý tứ thâm trầm, phù hợp với Thiền lý :

---

1) *xem phụ chú 2 trang 135*

書奉兵部侍郎焦斗阮侯

衲山中樗櫟苕箒鈍根竺墳外無多翰墨頃叩接塵談叙及新築别墅有一屏風内描山水小景顧囑山衲以吐辭衲何有焉雖然雪泥鴻爪既諠前因水月鏡花且隨處現亦不妨其即空即色也敢竭鄙誠應教惟大人笑而致之

蒼宇横看更九州
郎當心事爲何求
許多收拾奇山水
半壁營来作卧遊 20A20B

Thư phụng Binh bộ thị lang Tiêu Đẩu Nguyễn Hầu.

Nạp, sơn trung vu lịch (1), thiều chửu (2) độn căn (3)' trúc phần (4) ngoại vô đa hàn mặc. Khoảnh khấu tiếp trần

---

(1) chữ trong Trang tử, chỉ loài cây lớn mà xốp, không dùng được việc, ám chỉ con người vô tài vô dụng ở đời.

(2) Thiều Chửu 苕箒 *hay* 掃箒 *Tảo Chửu, do tích ngài Châu Lợi Bàn Đà Dà căn tính ngu muội, không học được gì nên Phật dạy chỉ học hai chữ Tảo Chửu, chổi quét. Vừa học vừa quét. Học chữ này quên chữ kia. Nhưng nhờ kiên tâm, học đến lúc tâm định, thân, khẩu và ý thuần nhất. Cuối cùng đắc quả A la hán.*

(3) Trái với lợi căn, là căn cơ mau lẹ mẫn tiệp. Nhà Phật chủ trương chúng sinh có hai loại căn cơ như trên. Kẻ nào mà sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ thiệt, thân, ý chậm chạp, không linh mẫn, khó ngộ đạo, gọi là độn căn và trái lại là lợi căn.

(4) kinh điển nhà Phật.

đàm, tự cập tân trúc biệt thự, hữu nhất bình phong nội miêu sơn thủy tiểu cảnh, cố chúc sơn nạp dĩ thổ từ, nạp hà hữu yên. Tuy nhiên tuyết nê hồng trảo (1) ký chứng tiền nhân, thủy nguyệt kính hoa (2) thả tùy xứ biện, diệc bất phương kỳ tức không tức sắc dã, cảm kiệt bỉ thành ứng giáo, duy đại nhân tiếu nhi chính chi :

Thương vũ (3) hoành khan cánh cửu châu (4).
Lang đương tâm sự vị hà cầu.
Hứa đa thâu thập kỳ sơn thủy.
Bán bích doanh lai tác ngọa du.

---

(1) móng chân hồng in trên tuyết, chỉ muôn sự ở thế gian đều ngẫu nhiên mà có và ngẫu nhiên mà đi, còn để lại chút vết tích ở đời, như vết chân hồng tình cờ in lại trên làn tuyết lạnh, rồi hồng bay về đâu, nào ai biết được ! Trong bài «Hòa Tử Do Mẫn trì hoài cựu 和子由澠池懷舊 *có 4 câu : Nhân sinh đáo xứ tri hà tự ? Ưng thị phi hồng đạp tuyết nê. Nê thượng ngẫu nhiên lưu chỉ trảo. Hồng phi ná phục kế đông tê !* 人生到處知何似應是飛鴻踏雪泥泥上偶然留指爪鴻飛那復計東西.

(2) Truyền đăng lục có câu : một lần đau mắt đốm hoa loạn sinh 壹翳在眼空華亂生*: nhất ế tại nhãn, không hao loạn sinh ; Trí độ luận có câu : Giải liễu chư pháp như huyễn. như hoặc, như thủy trung nguyệt]:* 解了諸法如幻如焰如水中月*. Hiểu rõ các pháp như huyễn như hoặc, như trăng trong nước. Đạo Phật cho tất cả mọi hiện tượng đều như huyễn không thực có, như bóng trong gương, trăng dưới nước, đốm hoa khi mắt đau. Ở đây, câu này có nghĩa là mọi sự tuy đều hư ảo, phù phiếm, nhưng cũng tạm mượn cái hư huyễn ấy để giải trí chơi. Nói chuyện thông thường, mà S vẫn diễn đạt triết lý «chân không diệu hữu* 真空妙有*», trong không mà có, thật là tài tình.*

(3) tức bầu trời, cũng như chữ thương khung 蒼穹.

(4) Theo địa lý cổ truyền, thiên hạ chia làm 9 châu Các sách Vũ Cống, Nhĩ Nhã và Châu Lễ đều ghi các tên châu khác nhau. Từ ngữ này có nghĩa là thiên hạ, thế giới.

Dịch :

Thư gửi Binh Bộ Thị Lang Nguyễn Tiêu Đẩu :

Bất tài trong núi, chổi quét độn căn, ngoài kinh sách không rành bút mực. Vừa rồi, nhân gặp đại nhân, nói đến chuyện đời, có kể cho bần tăng nghe đại nhân vừa xây xong biệt thự, có bức bình phong vẽ sơn thủy, nhờ bần tăng đề thơ.

Bần tăng chữ nghĩa có gì ! Thế nhưng vết chân hồng trên tuyết đã chứng tiền nhân, trăng dưới nước, hoa trong gương tùy duyên tạm biện, không ngại gì không đó là sắc cạn lòng quê cợt vâng lời đại nhân, mong cười mà sửa lại cho :

Nghiêng xem trời đất chín châu.
Long đong tâm sự biết cầu lẽ chi !
Thâu bao núi lạ sông kỳ,
Vẽ trên vách để những khi ngồi nhìn.



Trên đây là những thân hữu khá thân nhưng chưa thật phải là tri kỷ. Hai nhân vật sau đây : Bình Nam Nguyễn Khoa Tân và Mai Tu Tử Nguyễn Cao Tiêu với S là Tra Am tam tuyệt, cùng nhau khắn khít và lâu bền hơn cả.

12. Bình Nam Nguyễn Khoa Tân

Ông là con trai thứ tư của VGĐS, tự Tứ Phương đỗ cử nhân thứ 9 dưới triều vua Thành Thái thứ 6 năm 1894. Ông từng giữ những chức Tổng Đốc Quảng Nam sau lãnh chức Thượng Thư bộ Hộ, Hiệp tá Đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần dưới triều vua Khải Định. Hai bên quen nhau từ nhỏ, hồi S mới vào BLM, chính S đã nói là thân nhau không ai bằng. Trong suốt mấy chục năm dài, giao tình luôn luôn

thắm thiết. Ngay cả những ngày võng lọng nghênh ngang, uy quyền tột bực, ông vẫn đối xử với tri kỷ như ngày còn đi học: mỗi khi rảnh rồi việc công, lại sang thăm S, xe cộ, người hầu để cả ngoài cổng, một mình đi bộ vào chùa với chiếc áo thâm, vành khăn xếp và đôi giày tàu. Hai người hết mực kính nhau, suốt ngày chuyện trò bên khói trà thơm, quây quần chung quanh vấn đề Phật lý, Lão Trang. Mang tâm sự yếm thế — ảnh hưởng từ phụ thân, ông say mê nghiêng cứu Phật Giáo và sống một đời phóng khoáng, rỗng lặng (Ông đã thọ bồ tát giới, và là một yếu nhân góp nhiều công lao vào việc sáng lập Hội Phật Học Trung Kỳ).

Giai thoại kể rằng một dịp ông về Huế diện kiến vua Khải Định, sau khi bãi triều, nhân tiết trăng thanh gió mát đầu Thu, ông sang chùa BLM cùng S trò chuyện đến khuya, bất ngờ chuông đổ. Ông vươn vai đứng dậy, cười xòa và ngâm:

裴休自恨参禪罷
更整珠珂事早朝

Bùi Hưu (1) tự hận tham thiền bãi,
Cánh chỉnh châu kha sự tảo triều

Dịch : *Bùi Hưu tự hận ngồi Thiền dứt,*
Lại sửa xe châu tới điện rồng.

Thời gian S bắt đầu ở T.A, ông lên ngồi ghế Tổng Đốc Quảng Nam. Xa mặt nhau, hai bên thường viết thư thăm nhau luôn. Một hôm, lại về Huế, ông ghé lên thăm và gửi tặng bút hoa giấy trúc. S cảm động viết thư cám ơn kèm theo hai bài thơ tuyệt diệu:

---

1) Danh thần đời Đường, phong thái nhàn nhã, liêm khiết đậu khoa hiền lương phương chính, làm đến đại thần, suốt ngày đọc sách không ra khỏi cửa. Giao du và học đạo với các vị thạc đức đương thời. Vua Đường Tuyên Tông khen là nhà nho chân chính: 裴休真儒者 *: Bùi Hưu chân nho giả.*

書奉戶部屛南大人

山中樗櫟學識粗疎自分無補於世故息影巖壑以終殘年不謂大人雅量見知高軒枉過坐與清談頓令丈室蓬蓽生光復蒙題贈二絕詞意超邁字字琳琅回憶昔人籠紗之句貧衲想當貴窮以用裝裱湘金之不暇玆暫滌草揭之坐端俾請來者一見憶到李業候訪懶殘故事頗不題歟再承惠送花箋竹紙數事謹奉領教敢擬二絕用伸謝意菊花初雨順頌台安詩如左

其一　祇桓法會舊因緣
五夜同參月漾禪
今日珠珂遠相訪
數言珍重竹溪邊

其二　卧雲孤寂老岩居
擬學塗鴉總不如
慚愧白毫光照到
鈍根習氣未全除 24A24B

Âm: Thư phụng Hộ Bộ Bình Nam đại nhân.

Sơn trung vu lịch (1), học thức thô sơ. Tự phận vô bổ ư thế. Cố tức ảnh nham hác dĩ chung tàn niên. Bất vị đại nhân nhã lượng kiến tri, cao hiên uổng quá, tọa dữ thanh đàm, đốn linh trượng thất bồng tất sinh quang. Phục mông đề tặng nhị tuyệt, từ ý siêu mại, tự tự lâm lang. Hồi ức tích nhân lung sa (2) chi cú, bần nạp tưởng đương mãi cùng dĩ

---

(1) xem trang 142, phụ chú 1.

(2) nghĩa là lấy the lồng bọc lại để trân trọng giữ gìn những tác phẩm quý giá.

dụng trang tử tương kim chi bất hạ. Tư tạm liệu thảo át chi tọa đoan, tỉ chư lai giả nhất kiến, ức đáo Lý Nghiệp hầu (1) phỏng Lại Tàn (2) cố sự, cố bất vĩ dư!

Tái thừa huệ tống hoa bút trúc chỉ sồ sự, cần phụng lảnh giáo, cảm nghỉ nhị tuyệt dụng thân tạ ý. Cúc hoa sơ vũ, thuận tụng đài an.

Thi thư tả:

Kỳ nhất: *Kỳ hoàn (3) pháp hội cựu nhân duyên,*
Ngũ dạ đồng tham nguyệt dạng Thiền.
Kim nhật châu kha (4) viễn tương phỏng,
Sồ ngôn trân trọng trúc khê biên.

---

(1) tên Lý Bí, danh thần đời Đường, bác thông kinh sử, thiệp liệp Dịch lý, say mê Thiền học, từng lên Tung sơn tham cứu. Phò các vua Túc Tông và Đại Công trong những lúc hết sức gian nguy, được trọng dụng, có quyền hạn vượt cả tể tướng. Sau bị giam thần vu hãm. nhưng không ám hại nổi. Lịch quan đến Nghiệp hầu.

(2) Cao tăng đời Đường, tính nhác để tâm đến thế sự, thích ăn đồ dư nên có tên Lại Tàn. Thật ra, ngài đạo hiệu là Minh Tán Thiền Sư, tu ở chùa Hành Nhạc. Tể tướng Lý Bí thuở còn hàn vi, một hôm đến tham kiến ngài, thấy đang ngồi bới lửa nướng khoai ăn. Họ Lý chưa kịp hỏi, ngài đã bẻ chia cho nửa củ và bảo rằng: «Thôi về đi, đừng hỏi gì nữa sau sẽ được làm 10 năm tể tướng đấy!» Quả như lời.

(3) xem chú thích 2, trang 69

(4) Theo Tây kinh tạp ký, dưới đời Hán Vũ Đế, nhà giàu ở Trường An dùng ngọc trai trang hoàng ở yên cương và dàm ngựa hoặc chung quanh xe. Do đó, châu kha là xe quý.

Kỳ nhị : *Ngọa vân cô tịch lão nham cư.*
Nghỉ học đồ nha (1) tổng bất như.
Tàm quý bạch hào quang (2) chiếu đáo.
Độn căn thiều chửu (3) vị toàn trừ!

Dịch :

Thư gửi đại nhân Bình Nam, thượng thư bộ Hộ :

Bất tài trong núi, học thức thô sơ. Tự nghĩ không ích cho đời nên dừng bóng yên thân chỗ hang núi để trọn thân tàn. Ngờ đâu đại nhân đem lòng biết đến, phí công lên thăm, được cùng nói chuyện, khiến chỗ am tranh xơ xác tăng vẻ xinh tươi.

Lại mang ơn đề tặng hai bài tứ tuyệt, từ ý cao xa, lời lời châu ngọc. Nghĩ đến câu the bọc của người xưa, bần tăng tưởng cũng nên bắn quách cái nghèo để bọc gấm tím, thiếp vàng ròng trân trọng giữ mãi mà chưa được. Nay tạm treo sơ ở chỗ ngồi, mong khách lên thăm xem qua một lượt, có thể liên tưởng chuyện Lý Nghiệp Hầu đến thăm Lãn Tàn ngày trước, kể cũng đẹp lắm!

Thơ như sau :

---

(1) Thi sĩ Lô Đồng 盧仝 *ngày còn nhỏ thường tập đồ thiếp cho chữ tốt. Những lúc mỗi mệt, viết không khéo, bèn than rằng : Đồ mạc thi thư như lão nha* 塗抹詩書如老鴉 *nghĩa là đồ thiếp thi thư xấu như quạ già. Sau này dùng từ ngữ trên để chỉ viết chữ xấu.*

(2) tướng tốt thứ nhất trong 32 tướng tốt của Như lai Đó là ánh sáng lăng diệu phát ra từ khoảng giữa hai chân mày của Phật, như ánh mặt trời đúng ngọ. Lúc sơ sinh Như lai đã có tướng này, nhưng ánh sáng chỉ dài 5 tấc, lúc thành đạo, chiếu xa 1 trượng 5 tấc. Trong bài, từ ngữ trên có nghĩa bóng là Phật lực hộ trì nhưng chưa trừ được ngu muội. Bạch hào còn chỉ cho ngòi viết đẹp nữa mà Thượng thơ đã tặng.

(3) xem trang 142, phụ chú 2 và 3.

Bài thứ nhất: *Pháp hội Kỳ hoàn kết sẵn duyên.*
Năm canh trăng lạnh cọng tham thiền.
Đường xa, xe ngọc nay lên viếng.
Trân trọng bên khe tiễn bạn hiền,

Bài thứ hai: *Am mây vắng vẻ gửi thân già.*
Tập viết bao ngày chẳng tiến xa.
Hổ thẹn hào quang soi rực rỡ.
Độn căn quét mãi chẳng chừa ra.



Cũng trong giai đoạn này, Bình Nam gửi về tặng thêm S một bức ảnh có đề bài thơ:

茫茫大地中
何真而何假
諸佛是衆生
屛南亦非我

Mang mang đại địa trung.
Hà chân nhi hà giả (1).
Chư Phật thị chúng sinh.
Bình Nam diệc phi ngã.

Dịch: *Mênh mông đất rộng trời cao,*
Giả chân, chân giả dễ nào phân minh.
Phật xưa cũng bởi chúng sinh,
Bình Nam đâu phải là mình ngồi đây!

---

1) có người vẽ chân dung của Nam Tuyền Phổ Nguyện (748—834) và đem dâng cho Ngài. Ngài cho đại chúng coi và bảo: «Hãy nói, giống ta hay không giống ta? Nếu giống ta, quả là hại cho ta lắm. Nếu không giống, thì đốt quách đi». Hai câu thơ trên có lẽ lấy ý theo điểm này.

Nhận được bức ảnh và đọc bài thơ, S hoan hỷ bình luận rằng nếu không phải là một Bình Nam cao sâu, thâm thúy, không viết được như thế !

Hiện bức ảnh trên còn giữ tại T.A. Chúng tôi đã phụ lục vào đây, xin xem trang bên.

Khi sáng tác hai bài «Thu thâm mạng hứng», S có gửi cho Ông xem; đây là bài họa thứ 2, cực tả phong thái tiêu nhàn của S, lời vô cùng diễm lệ, thật là một bài thơ có giá trị :

翠竹黃花大雅風
高人霽色夕陽紅
新詩吟遍渾無著
心共閒雲過太空 71B

Thúy trúc hoàng hoa (1) đại nhã phong.
Cao nhân tễ sắc tịch dương hồng.
Tân thi ngâm biếc hồn vô trước,
Tâm cọng nhàn vân quá thái không.

Dịch : *Thanh tao trúc biếc hoa vàng.*
Cao nhân như ráng huy hoàng chiều xuân.
Thơ ngâm chẳng vướng mùi trần,
Lòng theo mây nhẹ qua dần cõi không.

Vào ngày mồng 10 tháng 6 âm lịch năm Bảo Đại thứ 2 (1927), ông lại gửi tặng S hai bài thơ đẹp lời — đây là bài thứ hai :

---

(1) *Một giảng sư hỏi Thiền sư Huệ Hải (đồ đệ của Mã Tổ) về nghĩa của câu «thanh thanh thúy trúc tận thi pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát nhã », sư đáp : «pháp thân vô tượng ứng thúy trúc dĩ thành hình, Bát nhã vô tri đối hoàng hoa nhi hiển tướng»* 法身無象應翠竹以成形般若無知對黃花而顯相. *Từ đó thành ngữ «Hoàng hoa, thúy trúc chỉ cho đạo lý của thiền.*



HÌNH 9 : Chân dung Bình Nam Nguyễn Khoa Tân có đề thơ tặng S trong thời gian ngồi ghế Tổng Đốc Quảng Nam, Xem phiên âm và bài dịch trang 147.

半日偷閒半日仙
高僧容易度長年
茫茫浩刼南無佛
長嘯一聲雲滿天 61B

Bán nhật thâu nhàn, bán nhật tiên.
Cao tăng dung dị độ trường niên.
Mang mang hạo kiếp, nam mô Phật.
Trường khiếu nhất thanh vân mãn thiên.

Dịch. *Nửa ngày nhàn nhã, nửa ngày tiên.*
Cao tăng thanh thản sống vô biên.
Mênh mang vạn kiếp, nam mô Phật,
Một tiếng kêu dài, mây bốn bên.

Đầu mùa Xuân 1928, dưới triều Bảo Đại năm thứ ba, ông và phu nhân xây xong sinh phần dưới chân núi Ngự Bình, trong vùng táng địa họ Nguyễn Khoa, ông thân hành lên chùa nhờ S soạn cho bài văn bia để nhắc nhở công nghiệp V.G.Đ.S một cách sâu xa cho con cháu đời sau biết rõ. Lúc này, S đã yếu người, đang bắt đầu bệnh. Biết rõ dụng ý của tri kỷ, S không thể chối từ, đành cố gắng viết một bài rất dài, tường thuật lại thân thế, sự nghiệp và tư tưởng của ông, đồng thời đề cao cuộc đời đạo hạnh cao thượng của V.G.Đ.S. Văn chương toàn bài tuần nhã, uyển chuyển, linh động, nhất là lời minh, vô cùng thâm thúy, cao sâu : S so sánh ông với La Hầu La — con Phật Thích Ca, để nâng cao V.G.Đ.S. (*Xin xem thêm nơi Thiên II, phần văn chữ Hán, đoạn 10*)

Thế rồi mùa đông năm ấy, S lâm trọng bịnh, ông còn lên về săn sóc và làm thơ an ủi, lời rất chân thành. Kịp sau khi S viên tịch, các đệ tử S về xin ông soạn cho bài ký. Ông sợ miệng đời bảo mình nịnh hót kẻ dưới mồ như ngày xưa Hàn Dũ từng mắc phải, nên không dám soạn, chỉ lục hai bài thơ năm trước gửi tặng, được S hoan hỉ, cho khắc vào đá với lời dẫn nhập khéo léo, cẩn thận như sau :

春風十里屋三間
羅荔掩門月鎖關
愧我此心牽著甚
半從塵海半名山

壹臥雲巢不記秋
評詩說法儘風流
平生傲骨頑於石
每向山中也點頭

梌菴大師乃我先公圓覺上人之法嗣也平生道行高超爲辰所欽仰示寂後弟子等囑余題勒余不敢率擬爰錄昔辰所題贈諸絶經大師所許可者勒于貞珉以誌景慕蔡中郎之慚德韓昌黎之諛辭吾知免夫

保大六年佛懽喜日
太子少保協佐大學士
領户部尚書充機密院大臣致事
屏南阮科濱敬題

Phiên âm :

Xuân phong thập lý, ốc tam gian (1).
La lệ yểm môn, nguyệt tỏa quan.
Quý ngã thử tâm khiên trước thậm.
Bán tùng trần hải, bán danh san.

Nhất «ngọa vân sào» (2) bất ký thâu.
Bình thi thuyết pháp tận phong lưu.

---

(1) *câu này tả giảng đường T.A, chữ xuân phong chỉ cách thái của giảng sư.*

(2) *xem trang 65 phụ chú 1.*

Bình sinh ngạo cốt ngoan ư thạch,
Mỗi hướng sơn trung dã điểm đầu (1).

Tra am đại sư nãi ngã tiên công Viên Giác thượng nhân chi pháp tự dã. Bình sinh đạo hạnh cao siêu, vi thì sở khâm ngưỡng. Thị tịch hậu, đệ tử đẳng chúc dư đề lặc, dư bất cảm suất nghĩ, viên lục tích thì sở đề tặng chư tuyệt kinh đại sư sở hứa khả (2) giả, lặc vu trinh mân dĩ chí.

Cảnh mộ Thái Trung Lang (3) chi tàm đức, Hàn Xương Lê (4) chi du từ, ngô tri miễn phù!

Bảo Đại lục niên, Phật hoan hỉ nhật.
Thái Tử Thiếu Bảo, Hiệp tá đại học sĩ,
Lảnh Hộ bộ Thượng thư, Sung cơ mật
viện đại thần trí sự:
Bình Nam Nguyễn Khoa Tân cẩn đề.

---

(1) Hai câu trên lấy ở điển «ngoan thạch điểm đầu», nghĩa là đá cứng gật đầu, chỉ người có đức độ cao siêu, cảm hóa được kẻ ngu muội.

Theo Liên Xã Cao hiền truyện đời Tấn cao tăng Trúc đạo sinh (vốn họ Ngụy, quê vùng Cự Lộc, sau cải họ theo Thầy thành Trúc). Cao tăng vào ẩn Lô Sơn bảy năm, chuyên tâm nghiên cứu kinh điển. Sau ra hành hóa tại Trường An, rồi lại theo học với La Thập, viết các bộ luận: Nhị đế luận 二諦論; *Phật tính thường hữu luận* 佛性常有論, *Pháp thân vô sắc luận, Phật vô tịnh độ luận* 佛無淨土論 *Các nhà học Phật bấy giờ đều ganh tài, hơn nữa, kinh Niết Bàn đương thời mới du nhập vào Trung Hoa mấy quyển đầu, cao tăng cũng đem tâm nghiên cứu diệu lý rồi chủ trương thuyết xiển đề thành Phật, tức kẻ đoạn diệt Phật tính thành Phật được, Các học giả đương thời đều cho là tà thuyết, kịch liệt bài trừ. Cao tăng chán đời, rủ tay vào núi Hổ Khâu ở Bình giang, dựng đá làm đệ tử, ngồi giảng kinh Niết Bàn. Đến chỗ xiển đề có Phật tính, cao tăng bèn hỏi bọn đá rằng:*

Dịch : *Ba gian nhà cỏ, gió xuân đầy.*
Cổng bóng trăng cài, cửa phủ cây.
Tủi thẹn lòng mình còn nặng nợ,
Nửa chìm biển mộng, nửa lên đây.

«Ngọa vân» một bảng chẳng ghi ngày,
Thuyết pháp, bình thơ, trọn vẻ hay.
Ương ngạnh, xương này hơn đá cứng,
Cảm vì đạo đức, đổi lòng ngay.

Tra Am đại sư là bậc nối dòng Pháp của ngài Viên Giác thượng nhân, thân sinh nhà tôi vậy.

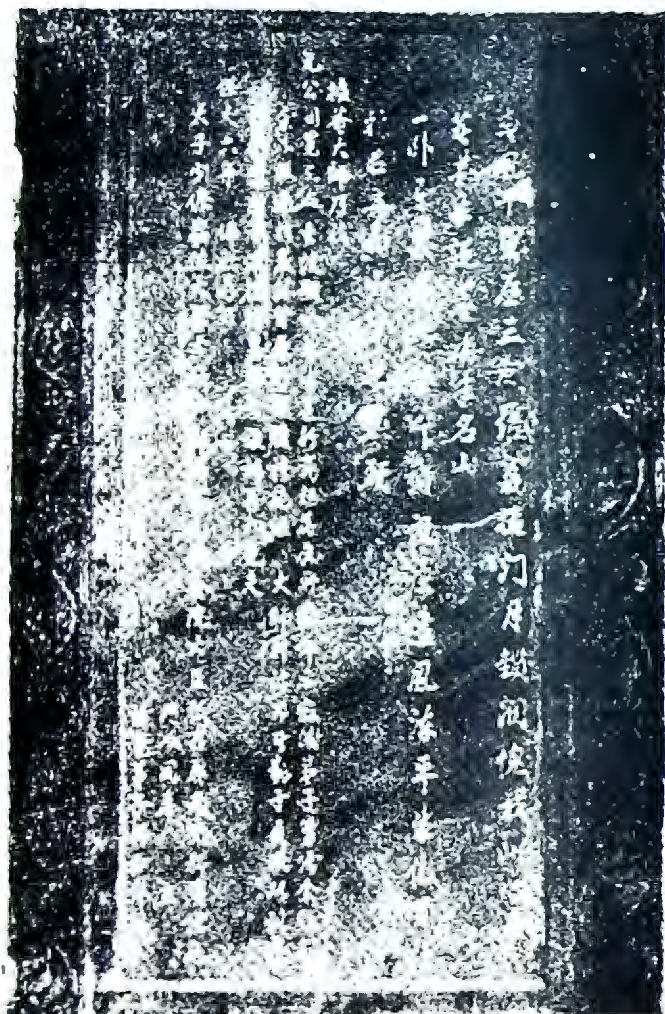
Bình sinh đạo hạnh cao siêu, đương thời đều kính ngưỡng. Sau khi viên tịch, chư đệ tử đến dặn dò xin tôi bài văn để khắc. Không giám sơ suất cẩu thả, tôi chỉ sao lại hai bài thơ ngày trước gởi trình, được đại sư thâu nhận, cho đệ tử khắc vào đá làm lời chí.

«Những điều ta vừa giảng có hợp với tâm của chư Phật không?» Bọn đá đều gật đầu tán thành ! Về sau, cao tăng đang thanh thản dạo chơi Hàn Cảnh Nham ở Lô Sơn, thì nghe đồn tại Bắc Lương, danh tăng Đàm Vô Sấm 曇無讖 đang tiếp tục dịch các phẩm sau của kinh Niết Bàn, liền hạ sơn tìm gặp, mãi đến Nam kinh.Hỏi ra thì ý nghĩa giống như cao tăng đã chủ trương từ trước ! Cao tăng viên tịch dưới triều Tống Nguyên Gia.

(2) *bằng lòng, chấp nhận.*

(3) *tàm đức, thẹn mình bạc đức không bằng cổ nhân. Thời Đông Hán, Thái Ung, một nhà văn học hữu danh, thường từ chối không làm văn bia cho người đến nhờ, viện lẽ mình còn thiếu đức độ.*

(4) *Du từ : do chữ du mộ, nghĩa là nịnh ma dưới mồ. Đời Đường, Xương Lê Bá Hàn Dũ, một đại gia văn tự, thường làm văn bia cho người khác để nhận vàng, bị người ganh tài, bảo ông dùng lời nịnh ma dưới mồ, nói láo không thật. Đời sau, nói những người viết văn bia cho kẻ khác hơi quá sự thật, đều dùng danh từ du từ hay du mộ.*



Hình 10 : Bài chí do Bình Nam soạn để khắc ở bia dựng trước tháp Sư vào năm Bảo Đại thứ 6 (1931) xem phiên âm và bản dịch trang 153, 154 và 155.

Vốn hâm mộ lòng thẹn mình bạc đức không bằng cổ nhân của Thái trung lang, nên rước phải tiếng chê dùng lời văn nịnh kẻ dưới mồ của Hàn Xương Lê, chắc tôi đây thoát khỏi!

Hoàng Triều Bảo Đại năm thứ 6.
Ngày lành tháng tốt.
Nguyên Thái Tử Thiếu Bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, lảnh Hộ Bộ Thượng Thư, sung Cơ mật viện Đại thần:
Bình Nam Nguyễn Khoa Tân kính đề.

13. Mai Tu Nguyễn Cao Tiêu

Quán xã Bản Thủy, tỉnh Thanh Hóa, đậu hương nguyên và hội nguyên khoa kỷ vị 1919 dưới triều Khải Định thứ 4. Sơ bổ đốc học rồi thăng dần lên Tham Tá Các Vụ tại Huế. Bẩm chất từ tốn, khiêm cung, học rộng và thích văn thơ. Mới vào kinh đô, nghe danh S, ông đến BLM hỏi đạo. Cảm phục nhau, giao tình ngày một thân thiết. Ông lui tới chùa hằng tuần, nghe S có việc cần, lại viết thư thăm hỏi.

Tương truyền khi cất xong T.A, người ta tấp nập lên về vản cảnh, phần nhiều khách du thưởng này vì lòng hiếu kỳ, chứ không hiểu rõ và ham thích vẻ thanh tịnh khác thường ở đây, nên đổ xô nhau chỉ trỏ, nói cười tạo nên nhiều huyên náo, khó chịu. Để chỉ trích hạng tục khách hồ đồ, ông đề bài thơ sau:

琴弄水邊橋約畧
吟松古澗風山屏
處閒幽識不人時
深淺問須何到一

Lược ước kiều biên thủy lộng cầm.
Bình sơn phong húng cổ tùng ngâm.
Thi nhân bất thức u nhàn xứ.
Nhất đáo hà tu vấn thiển thâm.

Dịch : *Nước trong róc rách cung đàn,*
Núi cao gió lộng thông ngàn vi vu.
Ai người mến cảnh thanh u,
Lên chơi đâu hỏi lu bù cạn sâu !

Mến ông, S thỉnh thoảng cũng ghé về thăm, mỗi khi lâu ngày không gặp mặt, vì công việc ông bộn bề. Một bữa, Sư ghé lại nhà chơi, suốt cả buổi chiều. Nhân sẵn có hoa tiên do Quỳnh Hiên làm tặng, ông viết bức thư kèm bài đường luật sau đây gửi lên T.A, tạ lòng tri kỷ đã quá bộ về thăm :

塵事營營令人雅趣都忘頃得雲軺過訪竟夕傾談頓消塊壘歸後復蒙絅軒送贈家製花箋併寄以詩此情何等高雅獨恨此事久廢腸澀筆乾不能次韻奉酬聊綴數句用答雅意兼呈請教餘容面晤

皇孫佛子總仙才
偶得傾談一夕佳
綺句吟成真絕唱
錦箋寄到是新裁
應憐梅閣詩情瘦
剩待楂菴雅韻來
清品合當珍什襲
披觀時有暗香催

楂菴上人雅政
梅修子頓 68B

Phiên âm :

Trần sự doanh doanh, linh nhân nhã thú đô vong. Khoảnh đắc vân thiều quá phỏng, cảnh tịch khuynh đàm (1) đốn tiêu khối lỗi. Qui bậu, phục mông Quỳnh Hiên tống tặng gia chế hoa tiên tính ký dĩ thi, thử tình hà đẳng cao nhã! Độc hận thử sự cửu phế, trường sáp, bút càn, bất năng thứ vận phụng thù. Liêu xuyết sồ cú dụng đáp nhã ý, kiêm trình thỉnh giáo. Dư dung diện ngộ.

Hoàng tôn Phật tử tổng tiên tài.
Ngẫu đắc khuynh đàm nhất tịch giai.
Ỷ cú ngâm thành chân tuyệt xướng.
Cầm tiên ký đáo thị tân tài.
Ưng liên Mai các thi tình sấu, (2)
Thặng đãi Tra am nhã vận lai.
Thanh phẩm hợp đương trân thập tập,
Phi quan thi hữu ám hương thôi.

Tra Am thượng nhân nhã chính
Mai Tu tử đốn.

Dịch :

Việc trần bề bộn khiến phải quên thú văn chương. Nhân được xe mây đến viếng, cùng trọn buổi luận bàn, giải

---

(1) do điển Khổng Tử gặp Trình Tử giữa đường, dừng xe, nghiêng lọng nói chuyện. Thành ngữ trên chỉ sự chuyện trò giữa các nhà văn học.

(2) *Thi tình sấu : Lý Bạch đùa Đỗ Phủ : Tá vấn biệt lai thái sấu sinh, tổng vị tùng tiền tác thi khổ. Lâu nay anh làm gì mà gầy thế ? Chắc cặm cụi làm thơ mà nên nỗi ấy.*

Câu này, theo lời Mai Tu chú trong thơ, có nghĩa là giấy của Quỳnh Hiên tặng có vẽ cây mai gầy, lại chép thơ tặng S không được hay, phải chờ thơ tuyệt tác của S gửi lại.

tỏa hết sạch ẩn khuất. Sau đó, lại được Quỳnh Hiên gửi cho hoa tiên mới chế ở nhà, kèm thêm thơ nữa. Tình ấy biết bao cao nhã, chỉ hiềm văn chương phế bỏ đã lâu, lòng khô bút héo, chưa thể họa vần đáp lại thịnh tình. May đâu góp được mấy câu để tạ ơn sâu và xin chỉ giáo cho. Còn nhiều, hội ngộ sẽ hay :

Hoàng tôn, Phật tử thiên tài,
Một chiều may được sánh vai luận bàn.
Văn chương soang soảng ngọc vàng,
Hoa tiên gửi tặng lại càng nên thơ.
Xin thương Mai các đơn sơ,
Tra Am vẫn đẹp đang chờ gửi qua.
Ý thơ đằm bức tiên hoa,
Mỗi lần giở đọc thoáng nhòa u hương.

Tra Am thượng nhân nhã chính.
Mai Tu cúi viết.



Ngoài tình bạn, Mai Tu còn đối với S trong địa vị một đệ tử đối với bậc thầy chỉ đạo tinh thần nữa. Ông vốn là một Phật tử thuần thành, hâm mộ S, một cao tăng đạo hạnh đáng kính. Ông quy y ở T A. với S và đem cả gia đình lễ Phật, hết lòng thành tín. Mỗi lúc có kỵ giỗ, đều viết thư hay thân hành lên xin S tụng niệm. Trong chuyến về thăm quê vào mùa thu năm 1927, ông cũng lên xin mấy bó hương trầm ở chùa đem cho mẫu thân thắp ở nhà. Sau chuyến đi này, ông gửi cúng dường S hai bình trà quý 3 lượng cao gạc nai, tặng phẩm này có lẽ đã sắm sẵn ở Thanh Hóa. Xin lục nguyên văn bức thư gửi theo tặng phẩm để thấy rõ tấm lòng chân thật của ông đối với S :

楂 菴 大 師 道 體 康 强 以 頌 標 新 從 愛 州 來 以
近 日 氣 候 酷 暑 未 便 遠 訪 所 有 新 茶 二 瓶 山

鹿解角交三兩敬委遞奉希惟賞收中秋夜
如乘晴明另當偕友重訪山菴話月不一

保大丁卯秋仲
梅修子頓　　61A

Phiên âm :

Tra am đại sư đạo thể khang cường dĩ tụng. Tiêu tân tùng Hoan châu lai, dĩ cận nhật khi hậu khốc thử, vị tiện viễn phỏng. Sở hữu tân trà nhị bình, sơn lộc giải giốc giao tam lượng, kính ủy đệ phụng, hy duy thưởng thâu.

Trung thu dạ, như thừa tình minh, lánh đương giai hữu trùng phỏng sơn am thoại nguyệt, bất nhất.

Bảo Đại đinh mão, thu trọng
Mai Tu tử đốn

Dịch :

Kính cầu Tra Am đại sư đạo thể khang cường.

Tiêu tôi mới từ Thanh Hóa vào, vì gần đây khí trời quá nắng, không tiện lên thăm. Có hai bình trà ngon mới và 3 lượng cao gạc nai, kính nhờ đem lên. Mong đại sư nhận cho !

Đêm trung thu, như trời trong sáng, sẽ rủ bạn lên thăm am mây, cùng nhau nói chuyện. Thư không hết lời.

Hoàng triều Bảo Đại.
Năm Đinh Mão 1927
Mùa trung thu.
Mai Tu tử kính thư



Người ta thuật lại rằng sau khi S viên tịch, ông vẫn thường bay lên về T.A. để thắp hương trước nơi an nghỉ của tri kỷ và đồng thời, thăm mộ người con trai chôn trong chùa.

Không thấy bóng dáng quen thuộc của tri kỷ, lại mất hẳn con yêu, ông khóc lóc đầm đìa ngoài cầu vắng và trực giác sự giả tạm của cuộc đời, liền viết bài thơ có dọng điệu buồn thảm sau, dán lên chùa rồi lầm lủi ra về :

山院尋師不見師
溪橋新塚泣誰兒
世間萬物皆空相
塵累勞人只自悲

Sơn viện tầm sư bất kiến sư.
Khê tiều tân trủng khấp thùy nhi.
Thế gian vạn vật giai không tướng.
Trần lụy lao nhân chỉ tự bi !

Dịch : *Tìm sư không biết phương nào.*
Bên mồ suối chảy khóc gào con ai !
Có không, không có chuyện đời,
Chỉ vì nghiệp nặng tơi bời mà đau !

Thơ của ông tao nhã như thế mà văn lại hay hơn nữa. Xin lục ra đây bài «Tra Am ký» soạn năm Bảo Đại nguyên niên 1926, biện khắc ở mặt trước bia đá dựng phía trước tháp của S. Lời sang sảng, thoát sáo, giống dọng văn Âu Dương Tu đời Tống, đặc sắc hơn nữa là ý tưởng kín đáo, cao sâu. Đọc qua, có thể hiểu thêm rất nhiều giao tình của S và ông cũng như quang cảnh T.A bấy giờ.

Toàn bài gồm 3 phần : phần đầu giải thích tên T.A, thân thế S và duyên gặp gỡ giữa hai người. Phần giữa tả cảnh T.A mang vẻ đẹp siêu thoát, gần với cảnh tiên cảnh Phật và phần cuối, quy kết xa xôi rằng *S* là bậc chân tu đã liễu ngộ Thiền cơ.

Tìm được bài văn xuôi của cổ nhân ta như bài này thật rất khó :

楂菴記

楂菴者圓成上人所建也因別號楂菴故名之上人乃親藩定遠郡王之孫少耽禪旨十七歲出家時因阮科公圓覺大師素宮歸僧遂從之得其衣鉢住於南浦波羅蜜寺余初上京時耳其名嘗過訪焉與語竟日禪學深透尤長於詩上人蓋高僧而逸士者也余竊慕焉後聞上人別構菴於五峰山閒居之欲其近先師靈塔也余以官冗羈絆屢欲重訪而未果今夏事簡洛友招之遊緣回溪拔林榛乃到其門畧彴橋横洗鉢流清茅菴藏其中前奉佛座後別開一軒扁曰臥雲窩上人講經處也山古泉新竹老石嫩坐對令人生世外想故余之題詩有云不求絕跡無人到只恐聞名被世傳嗟乎茫茫塵海浩浩爭劫普大天世界何處非佛境而何處是佛境哉楂菴之住此與余今日之遊此抑何所在乎余未之知也請以質之上人

時皇南保大元年
丙寅夏月
賜己未科參佐閣務
阮高標題

60A60B61A

Phiên âm : Tra Am ký.

Tra Am (1) giả Viên Thành thượng nhân (2) sở kiến dã. Nhân biệt hiệu Tra Am cố danh chi (3). Thượng nhân nãi thân phiên Định Viễn Quận Vương chi tôn, thiếu đam Thiền chỉ, thập thất tuế xuất gia. Thì nhân Nguyễn Khoa công Viên Giác đại sư khí quan quy tăng, toại tùng chi, đắc kỳ y bát, trú ư Nam Phổ Ba La Mật tự.

Dư sơ thượng kinh thì, nhĩ kỳ danh, thường quá phỏng yên, dữ ngữ cánh nhật, Thiền học thâm thấu, vưu trường ư thi, thượng nhân cái cao tăng nhi dật sĩ giả dã, dư thiết mộ yên.

Hậu văn Thượng nhân biệt cấu am ư Ngũ Phong sơn (4) gian cư chi, dục kỳ cận tiên sư linh tháp dã. Dư dĩ hoạn nhũng ky bạn, lũ dục trùng phỏng nhi vị quả. Kim hạ sự giản, Lạc hữu (5) chiêu chi du. Duyên bồi khê, phi lâm trăn nãi đáo kỳ

---

(1) xem trang 65 phụ chú 4

(2) danh từ gọi các tăng đồ có kiến giải cao siêu, đạo đức xuất chúng. Kinh sách bảo rằng ở bên trong đầy đủ trí đức, ở bên ngoài giữ đúng đại hạnh viên mãn ấy chính là bậc thượng nhân.

(3) toàn câu có nghĩa rằng bởi vì chủ nhân Viên Thành có biệt hiệu là Tra Am nên lấy biệt hiệu này để gọi luôn chỗ ở của chủ nhân.

(4) xem trang 69 phụ chú 1

(5) do câu :

Lạc Dương thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại Ngọc Hồ

(Thơ Lưu Vũ Tích)

(Bạn ở Lạc Dương như có hỏi,
Băng trong lọ ngọc ánh trời tươi).

Chỉ tâm hồn trong sạch. Còn thành ngữ trên có nghĩa là bạn bè thân thiết.

môn: Lược Ước kiều (1) hoành Tầy Bát lưu (2) thanh. Mao am tàng kỳ trung, tiền phụng Phật tọa, hậu biệt khai nhất hiên, biển viết: «Ngọa Vân Khốt» (3). Thượng nhân giảng kinh sứ dã.

Sơn cồ, tuyền tân, trúc lão, thạch nộn, tọa đối linh nhân sinh thế ngoại tưởng. Cố dư chi đề thi hữu vân:

Bất cầu tuyệt tích vô nhân đáo,
Chỉ khủng nhàn danh bị thế truyền (4)

Ta hồ! Mang mang trần hải, hạo hạo mộng kiếp. Phổ đại thiên thế giới, hà xứ phi Phật cảnh nhi hà xứ thị Phật cảnh tai? Tra Am chi trú thử dử dư kim nhật chi du thử, ức hà sở tại hồ, dư vị chi tri dã, thỉnh dĩ chất chi thượng nhân. (5)

Thì: Hoàng Nam Bảo Đại nguyên niên.
Bính dần, Hạ nguyệt.
Tứ: Kỷ vị khoa, Tham Tá các vụ
Nguyễn Cao Tiêu đề.

---

(1) xem trang 65 chú thích 1

(2) *xem trang 65 chú thích 2*

(3) *xem trang 65 phụ chú 1*

(4) *hai câu thơ trên rất khó hiểu và ý nghĩa sâu xa, nên phải giải thích: Ta vốn không muốn đem thân nương náu chỗ vắng vẻ không người, nhưng phải làm thế vì sợ ở giữa chỗ đông người, cái tiếng tăm hờ, giả tạo của ta sẽ bị đời thi nhau to nhỏ bình luận. Hòa Thượng Thích Trí Thủ dịch:*

Nếu không tuyệt tích xa nhân thế,
E ngại danh suông miệng thế truyền.

Chủ ý Nguyễn Cao Tiêu muốn bảo rằng SVT muốn vươn thoát ra ngoài hệ lụy phiền phức của đời nên mới chọn Tra Am để ở.

Dịch : Tra Am ký.

Tra am là nơi Viên Thành thượng nhân lập ra, nhân biệt hiệu của chủ nhân nên tên gọi như thế. Thượng nhân là cháu Định Viễn Quận Vương, thuở nhỏ say mê thiền học rồi xuất gia năm 17 tuổi. Bấy giờ nhân Viên Giác đại sư Nguyễn Khoa-Luận vừa bỏ quan về đầu cửa Phật, thượng nhân bèn xin theo học và được truyền y bát, trú trì chùa Ba la Mật ở Nam Phố.

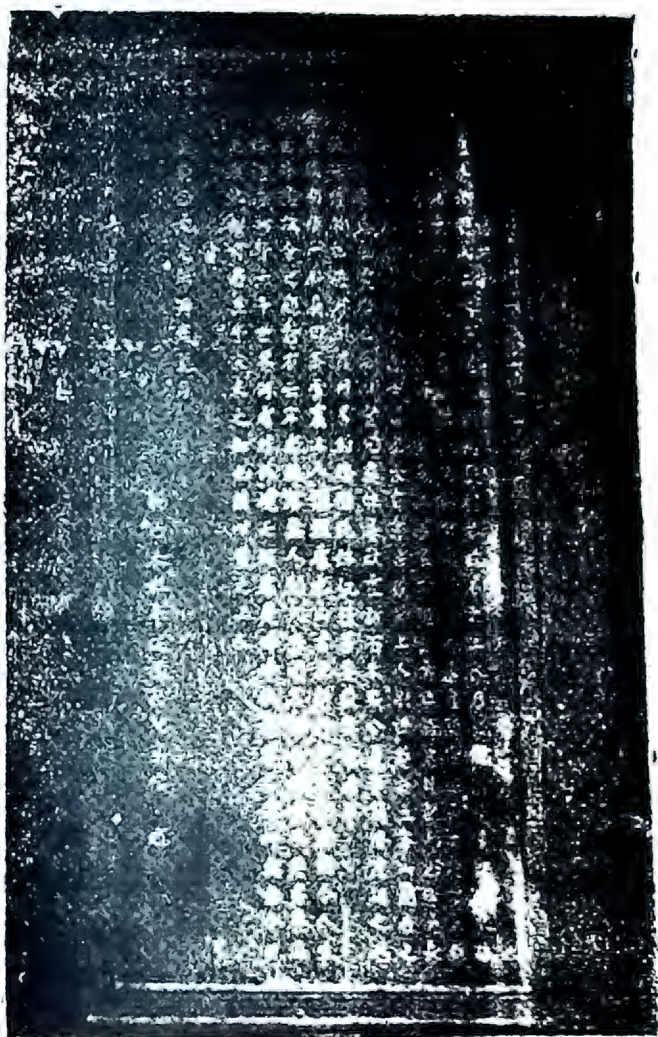
Thuở mới về Kinh đô, nghe tiếng thượng nhân, tôi thường ghé thăm và cùng đàm luận suốt ngày : đã thâm Thiền học lại giỏi làm thơ, thượng nhân thật là bậc cao tăng và cũng là nhà ẩn sĩ vậy. Lòng tôi hâm mộ vô cùng. Sau nghe thượng nhân lập am trong núi Ngũ Phong để sớm hôm gần gũi tháp Viên Giác đại sư. Tôi vì bận việc làm quan, nhiều lần muốn lên thăm nhưng chưa rảnh được. Nay trời vào Hạ, hơi được thư nhàn, bạn bè mới rủ nhau đi. Quanh co một hồi theo khe nước, vạch lối trong đám cây rừng thì đến cửa am : trước cầu Lược Ước bắc ngang dòng khe Tẩy bát, am tranh nằm kín đáo đằng sau. Gian trước thờ Phật, sau riêng một biên, có bảng đề ba chữ Ngọa vân khốt, đây là nơi hằng ngày thượng nhân giảng kinh cho đệ tử.

Đối diện cảnh núi non cằn cỗi, khe suối mới khơi, trúc già lã ngọn, đá non xếp chồng, tâm hồn mình dễ sinh nhiều ý tưởng phiêu du ngoài trần thế, nên tôi đề thơ có câu :

Nương mình ở chỗ không người,
Danh hờ chỉ sợ miệng cười thế gian.

---

(5) *Theo phép làm văn xưa, bài này thật đúng cách : mở bài, đã nhắc đến chủ nhân. cuối bài cũng quy kết về chủ nhân, đó là luật tiên chủ hậu khách. Bố cục khúc chiết, từ giải thích danh xưng đến tiểu truyện nhân vật chủ, giao tình, cảnh trí, rồi gián tiếp đề cao chủ nhân bằng lời văn phóng dật. Ý tưởng sắp xếp uyển chuyển, khéo léo và cao xa. Thật là bút pháp của một tay lão luyện.*



HÌNH 11 : Bài «Tra Am ký» do Mai Tu Nguyễn Cao Tiêu soạn năm 1927. Xem phiên âm và bản dịch trang 164 ...

ĐÍNH CHÍNH : Vì lên khuôn lộn, xin quí vị đọc trang 165 sau đây rồi tiếp qua trang 166, 167, 168 không theo thứ tự.

Than ôi! Biển trần mờ mịt, huyền kiếp mênh mang. Khắp giữa ba nghìn thế giới, biết đâu là cảnh Phật, đâu lại là không! Chỗ Tra am thượng nhân ở đấy, chỗ Tra am tôi đến chơi đây, thuộc về đâu trong sa giới, tôi này không biết, dám xin đem hỏi thượng nhân!

Hoàng Triều Bảo Đại năm đầu 1926.
Bính Dần. Mùa Hạ.
Đậu Khoa Kỷ vị 1919.
Tham tá Các vụ : Nguyễn Cao Tiêu đề.





HÌNH 12 : Chân dung Sư do Quất Đình chủ nhân vẽ tặng và tự đề bài tán vào năm Khải Định thứ 9 (1924). Xem phiên âm và bản dịch trang 122.

HOẰNG DƯƠNG CHÍNH PHÁP

Nho gia dùng thành ngữ Mộc đạc 木鐸 để so sánh chư tử với mõ làng, có tác dụng gỏ to lên cảnh tỉnh thế gian theo tinh thần thông điệp «Tiên giác giác hậu giác» 先覺覺後覺.Phật gia lại nói pháp đăng 法燈, ngụ ý chỉ các tổ sư như ngọn đèn thần soi sáng chúng sinh đắm đuối giữa biển trần u tối trong viễn tượng «Tự giác giác tha» 自覺覺他 .Nghĩa là sau khi thắp sáng ngọn tâm đăng của chính mình, các tổ sư có bổn phận nhen dùm lại ngọn tâm đăng ở mỗi một chúng sinh đã từ lâu chưa bén ánh lửa nhiệm mầu của chính pháp Như Lai, cốt sao cho ngọn pháp đăng chiếu diệu không ngừng giữa khổ hải trầm luân đến trần gian vô tận. Như thế, ngoài nhiệm vụ tự tu, tự độ, các tổ sư còn thực hiện nhiệm vụ giáo hóa chúng sinh. Kinh điển đã đề cao sự thực hiện nhiệm vụ này như một hạnh nguyện tối thượng. Do đấy, tìm hiểu cuộc đời của một tổ sư không thể không biết đến công nghiệp hoằng dương chính pháp của ngài được.

Qua tiết sau, chúng tôi cố gắng trình bày công nghiệp hóa độ của SVT bằng vào những sự kiện xác thực mà S đã thực hiện trong suốt ba mươi hai năm nương mình dưới cửa Phật ở Ba-la-mật và Tra Am.

Pháp vụ đáng kể nhất của S là thành lập Giảng đường Tra Am nhằm mục đích giáo hóa đệ tử bản chùa cũng như học tăng từ các già lam khác đến xin theo học. Giảng đường này được thiết lập ngay tại kinh phòng, ở phía sau gian thờ Phật. Chỉ kê sơ sài một ít bàn ghế đủ chỗ khoảng mười người theo học Học khóa khai giảng có tính cách bất định kỳ, thường mở vào mùa Xuân và mùa Hạ. Học tăng tụ tập nghe giảng dạy sau khi đã hoàn thành công tác sinh hoạt hằng ngày. Khóa trình là các bộ kinh, luật căn bản và phổ thông cho người xuất gia, kinh Di Đà, Phổ Hiền, Vu Lan.v.v... và luật Sa Di, Tứ Phận, Phạm Võng v.v. Đôi lúc vui vẻ, S còn giảng giải cách thức làm văn thơ đối liễn.v.v. Buổi học kéo dài đến trưa, có khi đến chiều, sau thời gian thọ trai và nghỉ ngơi. Học khóa thường xuyên và đều đặn nhất vào ba tháng an cư mùa hạ, từ đầu tháng 4 đến trung tuần tháng 7 âm lịch. Trong mấy tháng này, S không đi đâu và đệ tử bản chùa có cơ hội tốt để học hỏi nội điển. Trong khi giảng dạy, dù vào mùa hạ nóng nảy, oi bức, S luôn luôn đắp sô y và các học tăng cũng cụ pháp phục tề chỉnh. Không khí lớp học rất trang nghiêm, nhờ khả năng giảng huấn khúc chiết, lưu loát của S và lòng hiếu học của đệ tử. Chẳng may học tăng nào lỡ quên bài học hay chưa thấu hiểu đề tài đang được trình bày, S chỉ điềm đạm, ôn tồn nhắc nhở lại, sắc mặt không hề tỏ vẻ giận dữ, bực mình hay la mắng quở trách thậm tệ, trái lại luôn cởi mở, từ hòa. Nhiều vị học tăng hiện nay đang giữ những chức vụ quan trọng trong Giáo hội như Thượng Tọa trú trì chùa Hiếu Quang và Thượng Tọa trú trì chùa Viên Thông đều đã qua một thời gian theo học với S dưới mái Giảng đường ấm cúng, thân mật này.

Để thấy rõ tình cảm thành thật, cởi mở giữa S và đệ tử theo học, cũng như lòng sốt sắng lo lắng cho tương lai

của S đối với những mầm non đầy triển vọng của đạo Pháp, chúng tôi trích dịch hai bài thơ sau đây, vốn là bài học về đạo đức và tư cách dành cho các học tăng :

Bài thứ nhất :

出家立志切須勤
也要時時近好人
蹭蹬莫隨愚伴侶
蹉跎又恐落風塵
無良小輩頻頻脫
得義高流數數親
若也依吾如是誡
佛家樑棟亦堪陳

Phiên âm :

Xuất gia lập chí thiết tu cần,
Dã yếu thì thì cận hảo nhân.
Thắng đăng mạc tùy ngu bạn lữ,
Tha đà hựu khủng lạc phong trần.
Vô lương tiểu bối tần tần thoát,
Đắc nghĩa cao lưu sát sát thân.
Nhược dã y ngô như thị giới,
Phật gia lương đống diệc kham trần.

Dịch :

Xuất gia phải lập chí chuyên cần,
Và phải làm thân với thiện nhân.
Đừng có mãi mê theo bạn dốt,
Sợ rồi lầm lạc vướng phong trần.
Lưu manh, bạc ác nên xa lánh,
Chung thủy, hiền lành cố gắng thân.
Nếu khéo theo lời ta dạy dỗ,
Đống lương nhà Phật kể ra gần.

Bài thứ hai :

二時普請宜先到
衆手能爲事不差
諷誦如來經一卷
除如間話口吧吧

Phiên âm : *Nhị thì phổ thỉnh nghi tiên đáo,*
Chúng thủ năng vi sự bất sai.
Phúng tụng Như Lai kinh nhất quyển,
Thắng như nhàn thoại khẩu ba ba!

Dịch : *Hai buổi công phu phải đến mau,*
Nhiều tay một việc có sai đâu.
Trì tụng Như Lai kinh một quyển,
Còn hơn tụ tập nói lau chau.

Đương thời, ở Huế, ngoài Giảng đường Tra Am, còn có các Giảng đường Tây Thiên. Giảng đường Thiên Hưng Trúc Lâm.v.v. do những tôn túc đầy đủ uy tín và đức độ khai giảng nhưng tiếng tăm của Giảng đường Tra Am chắc chắn không kém các giảng đường kỳ cựu kể trên. Một điều đáng chú ý là sự gần gũi, thận cận hằng ngày giữa bậc sư trưởng và hàng đệ tử thường gây nhiều trở ngại tình cảm trong công tác giảng dạy và thụ huấn, nên bấy giờ các bậc tôn túc thường đồng ý trao đổi học tăng cho nhau. Vì thế, học tăng các giảng đường trên thường hiện diện ở Tra Am và chính S cũng đã gửi đệ tử Cập Đệ sang theo học tại pháp hội khác.

Ngoài nhiệm vụ sốt sắng đào tạo tăng tài làm cơ sở cho tương lai của mạng mạch đạo Pháp như trên, S còn nhắm phổ biến pháp vụ giảng giải Phật pháp cho hàng tín đồ hiểu tri cũng như sẵn sàng xây dựng những kiến giải sai lầm về nội điển trong hàng pháp lữ quen thuộc. L.Ư.T.S còn một bức thư dài hằng nghìn chữ do S trình bày các điều căn bản về Phật pháp thể theo lời yêu cầu của quan Hiệp Tá trí sĩ Đồ Phú Túc. Vào năm 1922, S đã viết một bài đính chính rất tường tận để sửa sai những lầm lẫn trong bản dịch bộ Quy Nguyên Trực Chỉ do Đại sư Từ Phong chùa Giác Hải chợ lớn phiên dịch và ấn hành tại Nam Việt.

Giai thoại còn kể lại rằng một hôm có tri huyện Phú Vang đến chùa Ba la mật ra mắt S và hỏi mượn bộ Ngạc-

Nghiêm kinh. S cố nín cười giải thích rằng suốt cả Đại tạng không thấy có tên bộ kinh ấy. Quan huyện ngạc nhiên không hiểu. S bảo rằng nhà chùa chỉ có bộ Lăng Nghiêm kinh. Hỏi ra, quan huyện chưa hề tham cứu Phật pháp, đã trông lầm chữ Lăng 楞 thành chữ Ngạc 愕 nên mới xảy ra nông nỗi ấy. Thế rồi, một hôm lại thấy một quan lớn khác đến chùa chơi. Xuất thân tiên sĩ, ngài nói năng rất lưu loát. Trong câu chuyện, ngài thường nhắc đi nhắc lại ba chữ «Bồ tát thụ» một cách đắc ý. Trước khi cáo biệt, sính chữ nghĩa của bậc đại gia, ngài để lại một bài thơ, không quên ghép vào ba chữ trên. S buồn cười đọc đùa :

進士題詞菩薩樹
縣官来問愕嚴經

Tiến sĩ đề từ «Bồ tát thụ», (1)
Huyện quan lai vấn «Ngạc Nghiêm kinh».

Sau này, người ta thường đọc đùa hai câu này để khôi hài những người không hiểu rõ Phật pháp.

Lòng tận tâm và lo lắng về tương lai đạo Pháp của S còn được thể hiện vào sự chú ý và khuyến khích tổ chức các Pháp đàn giảng dạy hay kiểm soát khả năng thấu hiểu Phật pháp trong chốn sơn môn. S thường có mặt bên cạnh để hỗ trợ các pháp hữu chủ xướng. Đôi khi vì bận công việc nhà Chùa hay lâm bịnh, S lại gửi thư thăm hỏi và khích lệ để tỏ thân tình. Bài thơ sau đây do S gửi sang pháp hội Thiên Hưng để an ủi và cầu chúc các học tăng tinh tiến tham cứu nội điển sau khi ghé sang thăm :

---

1) Phật gia, chỉ nói bồ đề thụ, tức cây bồ đề, còn bồ tát thụ vô nghĩa; vì chỉ có bồ tát là tên gọi các bậc giải thoát luân hồi, sắp thành Phật. Nhà nho kia không hiểu rõ nghĩa 2 danh từ, đã xử dụng lẫn lộn khi nói và viết.

衣 鉢 因 緣 契 結 深
偶 來 法 會 慰 禪 心
欲 知 善 逝 拈 花 意
好 向 真 經 貝 葉 尋 43A

Phiên âm : *Y bát nhân duyên khế kết thâm,*
Ngẫu lai pháp hội úy Thiền tâm.
Dục tri thiện thệ (1) niêm hoa ý,
Hảo hướng chân kinh bối diệp (2) tầm.

Dịch : *Nhân duyên y bát kết lâu năm,*
An ủi lòng Thiền nay đến thăm.
Ý chỉ cầm hoa như muốn biết,
Giở trong kinh báu đặng truy tầm.

Cũng thế, trong dịp thăm các pháp lữ, tín đồ an cư mùa hạ tại chùa Viên Thông, S đã thư lên vách bài tứ tuyệt sau đây, tỏ lòng trung kiên với Phật pháp và sự tinh tiến hành trì cho Cư sĩ Quỳnh Hiên và Đại sư tọa chủ cảm thông :

自 憐 憶 佛 暮 年 深
除 佛 無 能 證 此 心
畢 竟 化 城 非 我 所
幾 回 留 歇 爲 知 音 41B

---

1) một trong 10 danh xưng đức Phật. Thiện thệ nghĩa là khéo đi, đức Phật nhờ vào vô lượng trí tuệ, đã nhập Niết bàn một cách khéo léo, nên có danh xưng như thế. Toàn câu có nghĩa là muốn biết ý nghĩa khi đức Phật cầm hoa trong pháp hội Linh Sơn, hãy tham cứu kinh điển sẽ rõ. (Xem thêm lời chú 4 trang 112)

2) xem trang 123 phụ chú 2.

Phiên âm : *Tự liên ức Phật mộ niên thâm,*
Trừ Phật vô năng chứng thử tâm.
Tất cánh hóa thành (1) phi ngã sở,
Kỷ hồi lưu yết vị tri âm.

Dịch : *Thương mình biết Phật đã lâu ngày*
Trừ Phật, lòng thành ai chứng đây !
Thành hóa, cuối cùng chưa phải chỗ,
Tinh thần xin nhớ mấy lời này.

Ngoài ra, S còn là một tay lão luyện việc từ hàn nức tiếng ở Thần kinh, nên mỗi dịp có việc thù tạc, phúng điếu, tín đồ lại đến nhờ soạn giúp thơ văn. Giữa chốn sơn môn, hễ cần đến từ hàn, chư tôn túc đều ủy thác S lo giúp. LUTS còn lại rất nhiều di văn về loại này : câu đối soạn giúp cho các chùa chiền ở Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Gia Định v.v. Thơ điếu các bậc tôn túc viên tịch v.v. Đáng kể là năm 1911, dưới triều vua Duy Tân thứ 5, S đã soạn bài bạt khi gia đình họ Trương ở Vỹ Dạ phát tâm cúng dường tiền để in lại Phẩm Phổ Hiền trong bộ kinh Hoa Nghiêm. Năm 1925, dưới triều Khải Định thứ 10, S lại soạn bài bạt giới thiệu nhân duyên in lại kinh Pháp Bảo Đàn do các tôn túc pháp lữ Giác Tiên và Tĩnh Hạnh san định lại trong dịp cùng nhau an cư mùa hạ.

---

(1) Theo kinh Pháp-hoa, phẩm hóa thành dụ, đức Phật bảo rằng: «Nơi tất cả chúng sanh đại ngộ gọi là bảo sở 寶所 chỗ quý báu, nhưng đường đến đó khó khăn nguy hiểm, hành nhân dễ chán nản, mỏi mệt, không thể đi thẳng ngay đến, vì thế chư Phật phải hóa tác lâu đài thành quách cho chúng hành nhân tạm thời vào đó nghỉ ngơi trên đường đến bảo sở, gọi là hóa thành». Như thế, chư Phật muốn chúng sinh đạt được Phật quả vô thượng đại thừa, nhưng vì sợ căn cơ thấp kém, dễ bề thối chí, nên phải đem tiểu thừa Niết-bàn thuyết pháp để chúng sinh tạm thời an dưỡng trên đường đạt đến tối cao vô thượng Niết bàn vậy. Trong bài này cũng dùng từ ngữ hóa thành theo nghĩa trên.

S còn soạn giúp bài cáo về việc lập chùa Sư Nữ ở Huế, bài ký về nhân duyên trùng tu chùa Diệu Hỷ, bài minh ở tháp Hòa Thượng Tuệ Pháp chùa Thiên Hưng. Những công nghiệp này rất nhiều, không sao kể xiết.

Trước phong trào phổ thông hóa chữ Quốc Ngữ lúc bấy giờ, S chủ trương dùng thứ văn tự tiện lợi này vào việc hoằng dương chính pháp để thâu nhận kết quả hơn chữ hán và chữ nôm.

Trong dịp ghé thăm S ở chùa Ba la Mật vào năm 1918 Phạm Quỳnh được S cho biết đã soạn xong bộ Thích Ca Sử lược bằng chữ quốc ngữ để tiện phổ biến trong hàng tín đồ. Rất tiếc, hiện nay chưa tìm lại được tác phẩm này để khảo sát về nội dung. Cũng trong lần gặp gỡ kỳ ngộ này, S đã tâm sự với nhà văn học lão thành của chúng ta niềm ước vọng khẩn thiết của mình đối với tiền đồ của đạo Pháp :

«Đạo Phật ở nước ta sở dĩ không thịnh được là bởi không có một cái giáo hội như đạo Gia Tô ở các nước bên Tây. Nay muốn cho đạo Phật thịnh hành mà có thế lực trong nước thì phải họp cả các chùa lại, đặt một ông Sư trưởng, tức như ông Giáo hoàng, lập lấy một cái tư bản chung, khiến cho các môn đồ đạo Phật trong nước thành một đoàn thể mạnh như thế thì ích lợi cho quốc dân biết chừng nào ! Ước gì vua ta chủ trương được việc đó thì thực là phúc đẳng hà xa !»

Trích «Mười Ngày ở Huế».
Nam Phong Tạp Chí — Số 10 Năm 1918.

Mãi đến năm 1963, sau đại nạn Phật Pháp, những bậc thức giả có thẩm quyền của nước ta mới thành lập Giáo hội Phật Giáo thống nhất để lãnh đạo toàn thể tín đồ và điều hành vận mạng Phật Pháp trong nước. Xem thế, có thể biết rằng S thực là một bậc đại thiện tri thức đã nhìn xa thấy rộng và đi trước thời đại một quảng đường rất xa,

Tóm lại, hùng tâm và nhiệt huyết của S thật đáng ca ngợi trên bình diện hoằng pháp lợi sinh. Chúng tôi chỉ xin ngậm ngùi tán thán S bằng lời kệ của Cao Giản tán thán Hòa Thượng Thạch Liêm đề ở bức «Xuất lĩnh đồ» 出嶺圖 trong thi tập Ly-lục-đường của Hòa Thượng:

壹肩重任涉歷嶙峋
十年幾度綴疏而振
老去鬚眉猶未白
不怕梅花冷笑人

Phiên âm: *Nhất kiên trọng nhiệm thiệp lịch liên tuân.*
Thập niên cơ độ xuyết só nhi chân. (1)
Lão khứ tu mi do vị bạch,
Bất phạ mai hoa lãnh tiếu nhân.

Dịch: *Một gánh gian lao dẫm núi cao,*
Mười năm só sách soạn là bao!
Tuổi già, vẫn tóc râu chưa bạc,
Há sợ hoa mai cười cợt sao!



(1) *Phải đọc như thế, thay vì đọc chấn, cho hợp vần của bài tán.*

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

(1928)

Thấm thoát S ở T.A đã được 5 năm. Bấy giờ, dưới triều Bảo Đại năm thứ ba, 1928, S vừa chẳn 49 tuổi. Ngày đầu năm, lên chùa Thuyền Tôn lễ tổ, S đọc chơi hai câu:

«Không chết cho rồi về với Tổ
Sống hoài con cháu phải kêu Sơ» (1)

Vui thì vui, hài hước thì hài hước, nhưng thân hữu đều trách S nói gỡ.

Bình thường, S khá khỏe mạnh, ít khi đau yếu. Trong suốt mấy chục năm ở BLM, bị đau liệt giường có vài lần, ngoài ra, chỉ cảm sốt thông thường mỗi khi trái gió trở trời. Từ khi lên T.A, khí hậu ở đây không tốt, nước uống hơi có mùi phèn chua, lại làm việc tinh thần quá nhiều và ăn uống quá kham khổ, S không được khỏe mạnh như lúc

---

(1) Tức là Sư, giọng miền Trung gọi trại như thế.

trước, nên thường hay đau yếu, nhất là về mùa lạnh, bị chứng đau bụng luôn. Ngự y Bùi Diên Đình lên bắt mạch, tận tâm điều trị, bệnh tình có phần thuyên giảm, nhưng bụng ngày mỗi cương lên và hơi cứng. Người ta bắt đầu nghi ngờ S mắc chứng cổ trướng, một trong bốn thứ bệnh nan y.

Năm ấy, trời tiết Thu hơi lạnh, nhất là về chiều. Ở miền núi, hơi đá, hơi sương bốc lên mù mịt. Một buổi chiều, trong người đau sẵn, S suốt ngày gượng bệnh nói chuyện, lại đưa khách ra về, thân ra tận cầu Lược Ước. còn nán thêm một hồi lâu, nhiễm phải khí độc của núi rừng, nên bệnh củ tái phát trầm trọng. Sư nằm liệt giường từ đấy.

Nghe tin, thân hữu lên thăm tấp nập, người bắt mạch kẻ tặng thuốc, S dùng đều đặn, nhưng bệnh tình vẫn không giảm bớt chút nào: bụng ngày một lớn thêm, da ngày một vàng hơn. Từ ngày Thái hậu thương tình, phái Ngự y Hoàng Trọng Suyền lên thăm bệnh, ban cho 20 đồng bạc, nhân sâm và quế thanh. Nhìn qua bệnh trạng, ngự y không bắt mạch nữa, trầm ngâm thở dài, biết S không còn bao lâu nữa. S mệt nhọc cầm tay nói qua hơi thở: «Tri quân vản hỉ!» Ngự y không cầm được hai dòng nước mắt cảm động. S cũng quay mặt vào vách cố tránh giọt lệ rơi thầm.

Bắt đầu hôm ấy, S yếu thêm dần.

Biết rõ thời cơ sắp đến, Sư gọi các đệ tử lo việc mai sau: phân phối công tác điều khiển nhà chùa và xây tháp dành sẵn. S gượng ngồi dậy vẽ kiểu mẫu, đồng thời chỉ dẫn rõ ràng cách thức cho tất cả mọi người. Hằng ngày các đệ tử đỡ S nằm trên một chiếc ghế mây khiêng đi xem thợ xây. S ngắm nghía, chỉ bảo và tự viết bốn bài thơ đặc sắc cho đem đắp nổi trên bình phong sau Liên Hoa tàng.

Từ khi lâm trọng bệnh, S không hề lo buồn, mỗi khi nghe bụng sôi réo lên đau, S lại gọi các đệ tử, vừa cười vừa bảo một cách vui vẻ :«Này các con lại xem bụng ta đánh trống long tong!»

Tháp hoàn thành, S rất vừa ý. Sau một hồi lặng ngắm, S đề bài thơ bộc lộ lòng bình thản, tự tại, đón chờ ngày trở về vĩnh cửu với thiên nhiên :

老去雲霞一塔新
他年皮袋似相親
閒來倚杖溪邊立
何處青山不待人 83B

Phiên âm: *Lão khứ, vân hà nhất tháp tân.*
Tha niên bì đãi tự tương thân.
Nhàn lai ỷ trượng khê biên lập,
Hà xứ thanh sơn bất đãi nhân!

Dịch: *Già rồi, xây tháp giữa non mây,*
Gửi gắm mai sau nắm xác gầy.
Chống gậy, lúc nhàn, bên suối đứng,
Núi xanh nào chẳng đón người đây!

Đùng một cái, đệ tử Tâm Như — tức đương kim hòa thượng Thích Trí Thủ, đậu thủ sa di trường kỳ Đà Nẵng trở về. Quá mừng Sư quên cả bệnh nặng, tinh thần sáng suốt hẳn lại, đứng lo tổ chức lễ ăn mừng. Thiện hữu kéo đến đông đảo, câu đối đi mừng treo chật cả mấy vách tre. S vui tươi nói cười, ai cũng tưởng sẽ khoẻ hẳn lại. Nào ngờ, ngọn đèn sắp tắt chỉ loé sáng mấy phút cuối cùng, qua mấy hôm sau, sư mệt nặng đến lã người, bệnh cũ nổi lên hành hạ S trầm trọng.

Bấy giờ vào đầu tháng 10 âm lịch, khi trời lạnh buốt, cái lạnh ghê người của mùa đông xứ Huế không để S yên. Biết mình sắp ra đi, S họp đệ tử chung quanh giường dặn dò mọi việc, sai soạn tất cả sách vở hằng ngày thường đọc, trao cho đệ tử Tâm Như các bộ Liêu Trai Chí Dị, Hồng Lâu Mộng và Pháp Bảo Đàn Kinh, bảo giữ gìn cẩn thận để dùng sau này, rồi lại trao thêm cho đệ tử Tâm Như và Trí Giải mỗi người một bộ Pháp Hoa, phều phào nói qua hơi thở phải siêng

năng trì tụng hằng ngày. «Bất luận ở đâu tinh tấn tu hành hoằng dương chánh pháp là tôn phong của tôi vậy». Riêng phần đệ tử Tâm Không, S trút cho 2 đồng bạc và một bộ Địa Tạng bảo nên cố gắng học hỏi cho tinh tường để cúng quảy nuôi mình, vì bẩm chất si độn, sợ không tiến xa. Rồi S chỉ vẽ cách thức tổ chức tang lễ, cử hành đám rước và lễ nghi đón tiếp chư tôn túc đến phúng viếng, nhất nhất đều tận tường đầy đủ. Các đệ tử thương tâm không cầm được nước mắt, S. ôn tồn bảo nên giữ lòng bình thản, đừng theo thói thường.

Ngày mồng bảy, chùa Từ Hiếu có kỵ Tổ, S phái hai đệ tử Trí Uyên và Trí Hiền mang hương đèn lễ vật đại diện sang hầu kỵ. Cả hai đều xin ở nhà vì thấy S quá yếu, nhưng S vẫn dạy phải đi, đừng để thất lễ. Cũng trong ngày, tại ấp Tứ Tây có người nhờ tụng kinh cầu an, S nhắc nhở các đệ tử ra gấp, sợ bổn đạo trông chờ tội nghiệp. Trong chùa, chỉ còn lại Trí Giải và Tâm Như săn sóc bên giường.

Trời xế chiều, khí núi tỏa ra lạnh ngắt không chịu nổi S bảo đỡ sang ghế mây nằm ngả lưng viết tờ di chúc trăn trối công việc hệ trọng tương lai rồi xếp cất dưới gối.

Chuông chiều gióng lên S gọi Tâm Như vào lấy kinh Di Đà tụng lại và thân chỉ cách gõ mõ, đánh chuông. Từ điện Phật, tiếng kinh đều đều vọng lại, hòa lẫn với tiếng chuông tiếng mõ trong bóng chiều gắt lạnh của mùa đông.

S nằm vỗ hai tay lên bụng hòa nhịp, miệng tụng theo hai đệ tử trên chùa, đến câu : «bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc vô sở chướng ngại (1) . . .» liền thiếp dần, thiếp dần.

Tụng kinh xong các đệ tử xuống thăm, mới hay S đã đi rồi. Lúc ấy vào khoảng 6 giờ chiều ngày mồng bảy tháng 10 âm lịch, dưới triều Bảo Đại năm thứ ba, (1928).

---

(1) ...«Đức Phật kia quang minh vô cùng, soi sáng các nước khắp mười phương, không chút nào chướng ngại».



HÌNH 13 : Mặt trước Liên Hoa Tàng, hai bên là trụ có khắc các câu đối, xem trang 185.

Tin S viên tịch truyền đi. Chư tôn túc, họ hàng bà con dưới phòng Đ.V.Q.V và thân hữu xa gần kéo đến chật chùa

Vâng lời di chúc, các đệ tử tổ chức tang lễ rất đơn sơ, nhưng trong chùa không còn tiền, phải về mượn Tôn Nhân Phủ 100 đồng bạc. Hai ông Bửu Thạch và Ưng Bàng đứng ra liệu lý mọi việc. Riêng bà con thân thích của S nhất định dành phần tổ chức đám táng, viện lẽ S vốn là anh em bà con. Họ dự định sẽ cúng mặn cho S theo nghi thức hoàng phái cố hữu. Không chịu nổi, các đệ tử phải nhờ chư tôn túc can thiệp bằng cách công bố bản chúc văn ghi lại ý nguyện của S lúc lâm chung, trong đó có đoạn :

«...Còn như lễ nghi tống táng, các con mỗi mỗi đều nên xin phép các bậc tôn túc chỉ dạy rồi sẽ làm theo, đừng có trái ý các ngài.

Lại nữa, anh em bà con bên Phòng bần tăng đến đây há chẳng có lòng quyến luyến thương xót hay sao ! Như có ai đến điếu hỏi, cầu xin hãy dốc lòng niệm Phật, kính lễ Tam bảo để mau được vãng sanh thì bần tăng đã mang ơn nhiều lắm, đừng lấy tình đời thông thường đối đãi, hầu tránh phiền hà, phí tổn cho anh em. Mong vậy.

Đến như việc tống táng, đã dặn anh em các con trong nhà tùy theo hoàn cảnh gia đình lo liệu cũng đủ...» *(xem nguyên văn nơi thiên 2 phần văn chữ Hán đoạn 6).*

Đọc mấy câu trên đây, ai nấy đều im lặng, một số thở dài bỏ ra về, một số lập nhà quan củ bên cạnh chùa để chịu tang với tư cách bàng quan.

Di thân S để lại hai tuần cho thập phương tín hữu chiêm bái. Xế chiều 21 tháng 10 âm lịch mới làm lễ nhập tháp với đầy đủ sự hiện diện của chư tôn túc, thân hữu bốn phương và bà con thân thích. Quan tài được che bằng lọng, khiêng quanh chùa theo giòng Tầy Bát lưu và nhập tháp trong tiếng tụng niệm vang dội cả góc trời.

Tính ra, S thọ được 49 tuổi, xuất gia 32 năm, ở B.L.M 27 năm và lên T.A được 5 năm.

Tháp tọa lạc bên phải chùa, hướng về phía Tây, đằng trước là dòng khe Tẩy Bát ; kiến trúc gọn gàng, đường nét rất thanh. Liên hoa Tàng (1) ở giữa, thành thấp vây bọc chung quanh. Nhà bia nằm phía trước, mặt ngoài khắc bài Tra-Am ký của Nguyễn Cao Tiêu, mặt trong khắc bài chí của Nguyễn Khoa Tân. Trên cột trụ của thành trước ghi hai câu đối, lời rất hùng, cực tả tâm hồn hoàn toàn đoạn diệt với đời :

Câu thứ nhất : 密竹不妨流水過
山高豈礙白雲飛

Mật (2) trúc bất phường lưu thủy quá,
Sơn cao khởi ngại bạch vân phi ?

Dịch : *Trúc rậm khôn ngăn giòng nước chảy,*
Núi cao nào ngại áng mây bay.

Câu thứ hai : 衝開碧落松千尺
截斷紅塵水一溪

Xung khai bích lạc, tùng thiên xích;
Tiệt đoạn hồng trần, thủy nhất khê.

Dịch : *Tùng cao nghìn thước xuyên trời biếc,*
Nước một dòng khe chắn bụi hồng.

Trong Liên hoa tàng, còn một câu lời tuyệt diệu đượm cả thiền phong :

禪心澄碧水
法眼老青山

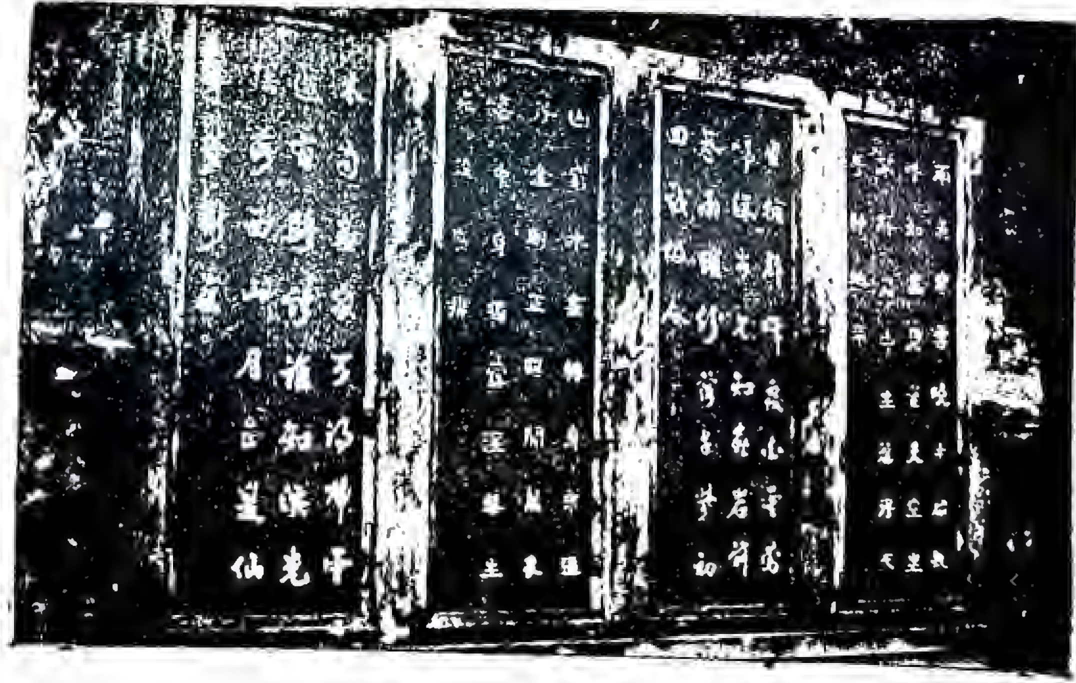
Thiền tâm trừng bích thủy,
Pháp nhãn lão thanh sơn.

Dịch : *Một niềm lắng trọn lòng khe biếc,*
Ngàn mắt nhìn quen mặt núi xanh.
Vũ Hoàng Chương dịch

---

(1) Gọi thế, vì lúc xây xong, có an trí bộ kinh «Diệu Pháp Liên Hoa» quý nhất ở bên trong để thờ.

(2) Nêu 2 chữ đầu câu Mật Sơn để chỉ địa danh của T.A.



HÌNH 14 : Bốn bài thơ khắc trên bình phong sau Tháp của Sư.
Xem phiên âm và bài dịch trang 111 ...

CHƯƠNG IV

TRA-AM HIỆN NAY

ĐỆ TỬ

Phải hết sức khó khăn mới xây dựng được một quá khứ đầy đủ của S, nhưng vô vọng khi muốn tìm hiểu rõ ràng về các đại đệ tử. Chỉ khoảng nửa thế kỷ lại đây, nhưng không ai còn nhớ việc cũ trong chùa sau khi S viên tịch, hiện chỉ còn biết được ngày kỵ giỗ, vị trí tháp và vài dòng tiểu sử về các đệ tử. Tất cả các tài liệu đều không thấy ghi chép gì cả về khoản này.

Theo tinh thần bản di chúc, S có được 4 đại đệ tử với thứ tự sau đây :

TRÍ UYÊN
TRÍ HIỀN
TRÍ GIẢI
và TRÍ THỦ

Trừ Trí Thủ, ba đệ tử kia đều xuất gia theo học với S từ hồi còn ở BLM, sau lên TA, lại tinh tiến tu hành cho đến khi đắc pháp. Trí Thủ chỉ xuất gia theo học với S ở T.A.

Ngoài ra, còn đệ tử nhỏ tuổi nhất tên là Cập Đệ, pháp danh Tâm Không, chưa đắc pháp, tính tình trẻ con, đần độn, hiện vẫn còn sống trong cuộc đời hoàn tục tại một ngôi chùa nhỏ ở thôn Vĩ Dạ.

☆ Trí Uyên

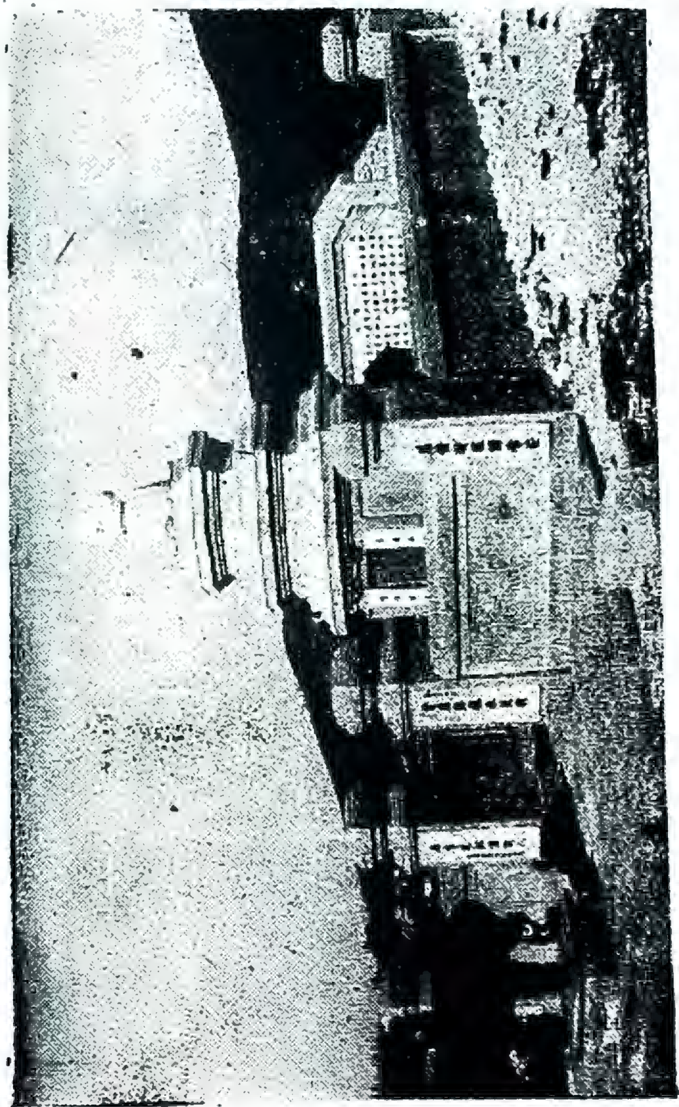
Người quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, họ Trần, pháp danh Tâm Phổ, tự Đạo Nguyên, hiệu Trí Uyên. xuất gia lúc 14 tuổi, tại chùa Ba La Mật. Bẩm tánh thông minh, thành thật và siêng năng tu học, được Sư đặt làm Pháp trưởng tử, đã góp nhiều công đức vào việc sáng lập chùa Tra Am.

Sau khi chùa Tra Am hoàn thành, được Sư cho phép về ấp Bồi Thành, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, khai sáng chùa Diệu Minh năm nhâm tý (1912), tu tập tại đó cho đến năm Canh thìn thì tạ thế, thọ 54 tuổi. Hiện tháp của Trí Uyên được xây cất trong khuôn viên Tra Am. bên cạnh tháp Trí Hiền.

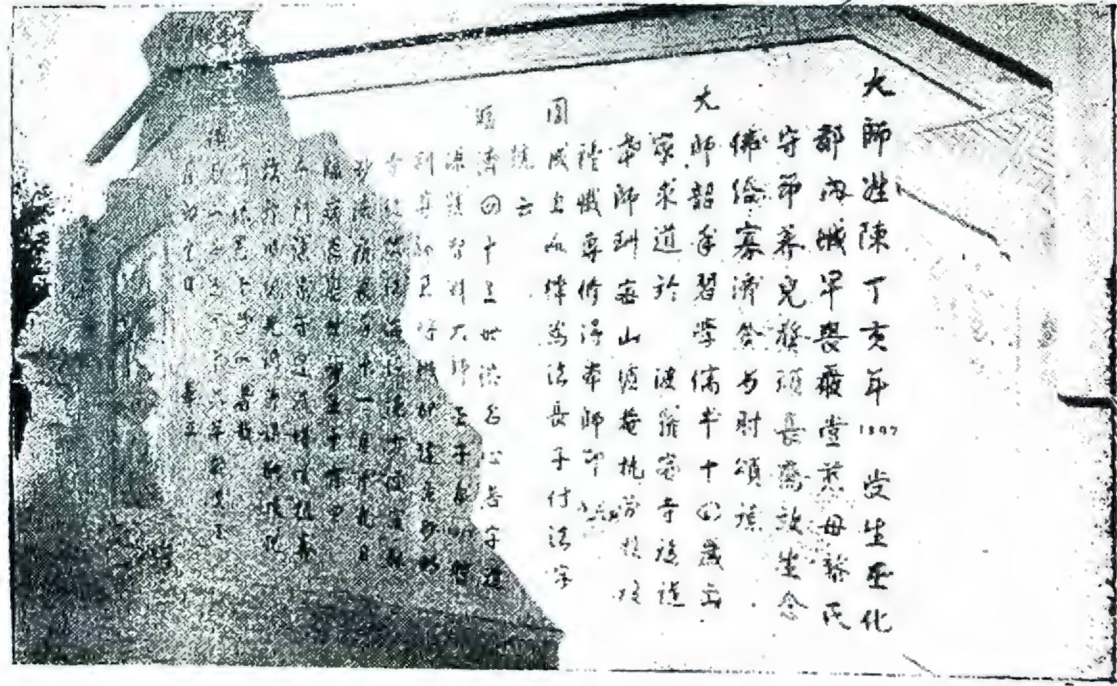
Chùa Diệu Minh đã được môn đồ đại trùng tu, xây thêm Tam quan, Quan Âm đài và đổi Diệu Minh thành chùa Pháp Hải vào năm 1964. Chùa Pháp Hải nay đã trở thành một thắng cảnh tại cố đô Huế, hiện do Thượng tọa Thích Đức Tâm làm tọa chủ.

☆ Trí Hiển

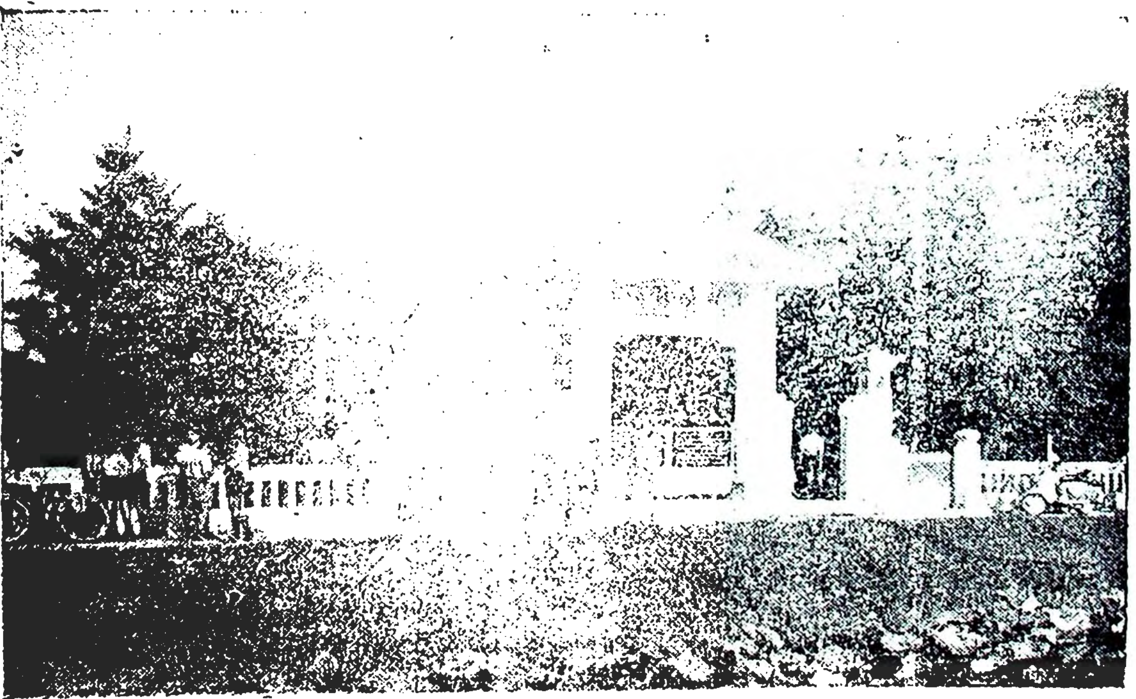
Gốc ở Sông Cầu, tỉnh Phú Yên họ Nguyễn, mồ côi cha từ thuở bé, mẹ tái giá với ông Nguyễn Khoa Sâm làm quan tại đó. Sau theo cha nuôi bày về ở Vỹ Dạ nhà cất bên cạnh chùa BLM, có cơ hội gần gũi S và phát tâm xuất gia. Thiên tư thông tuệ, thâm thấu giáo lý. Khi S lên T.A. năm 1923, cắt Trí Hiền



HÌNH 15 : Tháp Trí Uyên.



HÌNH 16 : Bài châm lịch sử Trí Uyên khắc ở tháp.



HÌNH 17 : Chùa Pháp Hải hiện nay.

giữ chức trú trì chùa BLM theo lời yêu cầu của họ Nguyễn Khoa Sau khi S viên tịch, lại vâng lời di chúc, lên trú trì T.A. đến năm canh thìn 1940 thì mất. Hiện tháp tọa lạc phía sau chùa, bên cạnh tháp Trí Uyên. Khi truyền tâm pháp cho các đệ tử, S tâm truyền cho bài kệ sau đây:

物我原非異
森羅鏡像同
心燈照無盡
動靜體圓融

Vật, ngã nguyên phi dị,
Sâm la, kính tượng đồng.
Tâm đăng chiếu vô tận,
Động, tĩnh thể viên dung. (1)

Dịch : *Vật, ta vốn không khác*
Vạn hữu, bóng gương chung.
Tâm đăng sáng vô tận,
Động, tĩnh thể viên dung.

Trí Hiền chắc có sáng tác nhiều văn thơ, nhưng nay chưa tìm được. Hiện chỉ thấy 4 bài kệ khắc trên bình phong sau tháp, bài nào tư tưởng cũng hàm súc thâm trầm, đúng là đệ tử chân truyền của S.

Bài thứ nhất, bảo rằng hình danh và sắc tướng làm loạn tâm, nên không thể quan niệm chư Phật qua danh từ, hình ảnh. Nếu học giả quan niệm sai lầm như thế, họa may chỉ còn cách tìm trong bụng phu nhân Ma Gia mới gặp được! Giọng điệu thật hài hước :

---

(1) khai thị rằng vật ngã vốn là một, cũng như nhìn vạn hữu và bóng của nó trong gương chỉ là một. Tâm Đăng (pháp danh của Trí Hiền) sẽ soi chiếu hậu thế không cùng, để pháp phái được miên viễn. Dù ở thế động hay tĩnh, cũng đầy đủ, vô ngại.

見色聞聲世本常
一重雪上一重霜
君今要見黃頭老
走入摩耶腹內藏

Kiến sắc, văn thanh, thế bản thường.
Nhất trùng tuyết thượng nhất trùng sương. (1)
Quân kim yếu kiến hoàng đầu lão (2)
Tẩu nhập Ma Gia (3) *phúc nội tàng !*

Dịch : *Thấy sắc nghe thanh vốn chuyện thường,*
Gây phiền như tuyết phủ thêm sương.
Nay anh mong ước tìm ra Phật,
Vào bụng Ma Gia họa gặp đường !

Bài thứ hai, bảo rằng chư Phật của ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai thấy trước mắt phàm bằng hình ảnh sắc tướng đều hư giả, không thật. Chỉ có chim ca, hoa nở mới là của báu trong nhà :

三佛形儀總不真
眼中瞳子面前人
若能信得家中寶
啼鳥山花一樣春

---

(1) câu này lấy ở điển «tuyết thượng gia sương 雪上加霜 *ở Chỉ nguyệt lục, có nghĩa là trên lớp tuyết lại phủ thêm, một lớp sương, ngụ chỉ sự phiền toái, rắc rối thêm.*

(2) có nghĩa là ông lão đầu vàng, danh từ Thiền gia chỉ đức Phật.

(3) tức phu nhân của vua Tịnh Phạn, mẹ đức Phật Thích Ca.

壹定性天

- (1) LƯƠNG DUYÊN
- (2) CƯƠNG KỶ (HẢI THIỆU) 綱紀海紹
  - (1) TUỆ PHÁP
  - VIÊN GIÁC (THANH CHÂN) 圓覺清真
    - (1) VIÊN THÀNH (TRỪNG THÔNG) 圓成澄總
      - (1) TRÍ UYÊN 智淵
      - (2) TRÍ HIỀN (TÂM ĐĂNG) 智顯心燈
        - (1) NHƯ Ý (NGUYÊN TUYẾT) 如意源雪
      - (3) TRÍ GIẢI 智解
      - (4) TRÍ THỦ (TÂM NHƯ) 智首心如
      - (5) CẬP ĐỆ 及第
      - . . .
  - . . .
- (3) LINH CƠ

Thật tế đại đạo, Tính hải thanh trừng.
Tâm nguyên quảng nhuận, Đức bản từ phong.
Giới định phúc tuệ, Thể dụng viên thông.
Vĩnh siêu trí quả, Mật khế thành công.
Truyền trì diệu lý, Diễn sướng chính tông.
Hạnh giải tương ứng, Đạt ngộ chân không

● Chùa Ba La Mật : Trú trì :

1886 — 1900 Viên Giác Đại Sư
1900 — 1923 Sư Viên Thành
1923 — 1928 Trí Hiền, họ Nguyễn Khoa
1928 — 1940 Trí Hiền quyền nhiếp*
1940 — 1970 Trí Thủ — Đức Trí

● Tra Am : Trú trì :

1923 — 1928 Sư Viên Thành
1928 — 1940 Trí Hiền
1940 — 1970 Như Ý

---

* Có nhiều lúc trú trì 1 lần 2 chùa

Bản Đồ B

THẾ HỆ TRA AM THEO PHÁI THẬT-DIỆU LIỄU-QUÁN

LIỄU QUÁN
(THẬT DIỆU)
了觀實耀

(1) TỔ HUẤN　(2) TRẠM QUAN　(3) TẾ NHÂN　(4) TỪ CHIẾU　...

祖訓

(1) CHIẾU NHIÊU　(2) TRÍ HẠO　...

照然

(1) PHỔ TỊNH　(2) TRUNG HẬU　...

(ĐẠO MINH)
普淨道明

...

PHỤ LỤC :

- Bài kệ về Pháp Phái của Hòa-thượng Liễu-Quán :

実際大道 性海清澄 心源廣潤
德本慈風 戒定福慧 體用圓通

Tam Phật (1) hình nghi tổng bất chân,
Nhãn trung đồng tử diện tiền nhân. (2)
Nhược năng tín đắc gia trung bảo,
Đề điểu sơn hoa nhất dạng xuân.

Dịch : *Chư Phật hình nghi chẳng thật đâu,*
Ở trong đồng tử mắt van cầu.
Có chăng riêng để làm gia bảo,
Chim hót, hoa rừng giữa núi sâu.

Bài thứ ba, nói rõ rằng phải vươn thoát ngoài giáo lý, kinh điển vốn là phương tiện để đạt đến cứu cánh giải thoát trong nỗ lực vô biên của chính bản tâm. Cứu cánh giải thoát rất hư vô, phóng khoáng :

得 樹 攀 枝 未 足 奇
懸 涯 撒 手 丈 夫 兒
水 寒 夜 冷 魚 難 覓
留 得 空 舡 月 載 歸

Đắc thụ phan chi (3) vị túc kỳ,
Huyền nhai tán thủ (4) trượng phu nhi.
Thủy hàn. dạ lĩnh, ngư nan mịch,
Lưu đắc không gian nguyệt tải quy.

---

(1) chư Phật ở ba đời: chư Phật đời quá khứ, chư Phật đời hiện tại và chư Phật đời tương lai.

(2) toàn hai câu có nghĩa rằng hình dung của chư Phật cả ba đời đều không có thật trước đồng tử của mắt ta, chẳng qua chỉ là ảo ảnh vật lý. Nhất thiết các pháp đều không có.

(3) và (4) hai điểm trên đối với nhau, một bên là ôm được gốc cây rồi vịn theo đó để lên cành ; một bên là thả tay buôn mình ngoài bờ lở để mặc sống chết. Danh từ Thiền gia, thí dụ những kẻ y theo giáo pháp tu hành, lấy phương tiện làm cứu cánh, nên không tỏ ra kỳ lạ gì ; điều sau thí dụ những kẻ tự lực soi chiếu thể nghiệm ở bản thân, kiến tính thành Phật, siêu thoát tiêu diêu.

Dịch : *Lạ chi được gốc vin cành,*
Thả tay bờ lở may thành trượng phu.
Đêm đông tăm cá mịt mù,
Thuyền về, trăng sáng nghìn thu chở đầy.

Ba bài trên chỉ gián tiếp khai thị về cứu cánh giải thoát: đạo. Bài sau đây mới trực tiếp bảo rằng đạo là lẽ rất nhiệm mầu, không thể nghĩ bàn bằng tư tưởng và niết bàn tịch diệt khó có thể bàn bạc tới bằng đầu óc phàm trần, kẻ ngộ đạo chỉ mặc tình phóng ý với mây gió trăng hoa giữa bốn biển năm hồ:

虛空景界豈思量
大道清幽理更長
但得五湖風月在
春來四海百花香

Hư không cảnh giới khởi tư lương?
Đại đạo thanh u, lý cánh trường.
Đản đắc Ngũ hồ (1) phong nguyệt tại,
Xuân lai, Tứ hải (2) bách hoa hương.

Dịch : *Hư không cảnh giới dễ tìm đâu,*
Đạo cả cao sâu lẽ nhiệm mầu.
May gặp Ngũ hồ trăng gió đẹp,
Xuân về, hoa nở khắp năm châu.

Đọc qua 4 bài kệ trên đây, tuy số lượng di văn quá ít, nhưng cũng thấy rõ được học vấn uẩn súc, cao thâm của Trí-Hiền — đại đệ tử tâm tuyền của S — mà cuộc đời ngắn ngủi, vô danh, nhưng ít ra cũng nêu cao pháp phái T.A.

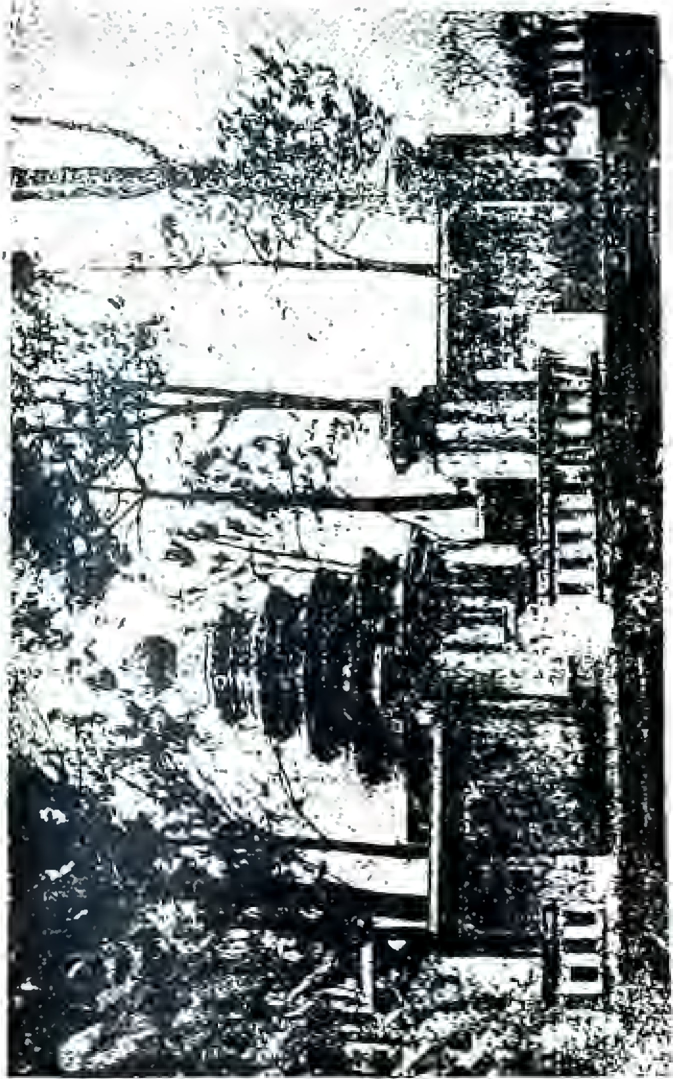
---

(1) năm hồ lớn nhất ở Trung Hoa, là những thắng cảnh tuyệt đẹp. Có nhiều tên hồ khác nhau nên không chú vào.

(2) bốn biển, người xưa quan niệm Trung Hoa là đại lục ở giữa, chung quanh có 4 biển lớn bao bọc.



HÌNH 18 : Chân dung Tri Hiền chụp từ hình vẽ biện thờ ở Tra Am. Xem bài kệ ở góc trên nơi trang 194.



HÌNH 19 Tháp Trí Hiền nhìn từ phía trước.



HÌNH 20 : Bốn bài kệ khắc trên tháp Trí Hiền. Xem phiên âm và bản dịch trang 195, 198 và 199.

☆ Trí Giải

Quê quán ở vùng Long Thọ tại Huế, họ Trần, cốt cách thanh tao, bẩm chất thầm lặng, có tài viết chữ và điêu khắc. S rất thương mến, giao cho chức tri sự, liệu lý công việc hằng ngày trong chùa. Sau khi S tịch một thời gian, Trí Giải được mời về trú trì chùa Diệu Hỷ do Hoằng Hóa Quận Vương lập ra phía sau chùa Diệu Đế thuộc vùng Gia Hội. Trí Giải bị lao phổi rất nặng, lúc kiệt sức, nhờ đưa lên T.A. tĩnh dưỡng rồi mất ở đây. Khi lâm chung, dặn chôn mình giữa rừng hoang và trồng cây phủ lên mộ, tuyệt đối không để lại dấu tích gì. Nhà chùa không nỡ lòng làm theo, bèn đem táng ở phía trước cầu Lược Ước, bên đường vào T.A. xây đá lên chung quanh làm giả sơn và trồng đầy thông. Hiện ngôi tháp tự nhiên này rất đẹp, được giữ gìn cẩn thận.

Trí Thủ điếu sư huynh Trí Giải bằng bài thơ lâm ly sau đây:

三生石上憶前緣
仁我同參大普賢
歸去不妨雲散聚
孤松鶴冷奈何天

Tam sinh thạch thượng (1) ức tiền duyên,
Nhân, ngã đồng tham Đại Phổ Hiền. (2)
Quy khứ bất phương, vân tán tụ,
Cô tùng, hạc lãnh (3), nại hà thiên!

---

(1) đã chú thích ở trang 119, phụ chú 2.

(2) theo Phật giáo, đức Phổ Hiền Bồ Tát chứng minh cho các vị xuất gia đầu Phật. Toàn câu có nghĩa sư huynh và tôi từ kiếp trước cùng hẹn nhau xuất gia.

(3) điển này có nghĩa là «tùng cô đơn, hạc lạnh lẽo», ám chỉ nỗi bơ vơ của người còn sống đối với kẻ đã chết. Toàn câu nói rằng anh mất đi, để tôi bơ vơ, biết nói sao đây nỗi niềm đau đớn ấy?



HÌNH 21 : Chân dung Trí Giải có bài thơ do Trí Thủ điếu sư huynh minh, xem bài dịch trang 203 .

HÌNH 22 : Thủ bút thanh tao của Trí Giải qua bản sao chúc thư của Sư phụ.



HÌNH 23 : Tháp Trí Giải tọa lạc trước chùa.

Dịch :

Ba sinh hòn đá nhớ tiền duyên,
Cùng học cùng tu hạnh Phổ Hiền.
Đi mất, ngại gì, mây tán tụ!
Tùng cỗi hạc lạnh nói sao nên!

☆ Trí Thủ

Người làng Trung Kiên, tổng Bích La, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Họ Nguyễn, sinh năm kỷ dậu (1908), trong một gia đình đời đời thuần kính Phật Pháp. Theo đòi nho học từ nhỏ và đã học qua kinh kệ. Năm lên 17 tuổi, 1925, xuất gia với SVT tại T.A.

Trong các đệ tử, Trí Thủ được S thương mến hơn cả, hằng ngày chấp thị thân cận bên S. Bẩm tính thông minh hiếu học, từ hòa. Nhờ học hạnh xuất sắc như thế nên được chọn làm Thủ Sa di tại đại giới đàn Đà Nẵng tổ chức vào mùa đông năm 1928. Lúc lâm chung, S giao cho chức Tri Tàng để coi sóc kinh sách nhà chùa. Sau đó, Trí Thủ ở lại T.A. suốt hai năm để tham cứu nội điển, đạt được nhiều bí yếu. Trong công cuộc chấn hưng và tổ chức lại cơ sở cho nền đạo pháp nước nhà trước và sau thế chiến lần thứ 2, 1939 — 1945, Trí Thủ là một trong những đại thiện tri thức đã đóng góp rất nhiều công lao cho mạng mạch đạo Pháp. Tưởng cũng nên ghi lại đây vài công nghiệp chính yếu :

— Năm 1936, sáng lập Phật Giáo Đại học đường tại chùa Tây Thiên, Huế.

— Năm 1939, sung chức Giảng sư tại An Nam Phật Học Hội và trú trì chùa Ba la mật.

— Năm 1944, sáng lập Sơn Môn Phật học đường tại chùa Linh Quang, Huế.



HÌNH 24 : Chân dung Hòa Thượng Thích Trí Thủ

— Năm 1947, giữ chức Ủy Viên hoằng pháp của hội Phật Giáo Trung Phần kiêm sung Giám đốc Phật học đường Trung Việt, đặt trụ sở tại chùa Báo Quốc, Huế.

— Năm 1950, giữ chức Hội Trưởng Hội Phật Giáo Trung Phần. Điều đáng nhớ là vào năm 1952, Trí Thủ đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng trường Bồ Đề Thành Nội Huế. Sau nầy, những trường Bồ Đề được xây dựng khắp Trung Nam là do từ đấy.

— Năm 1956, giữ chức Giám Viện Phật Học Viện Trung Phần tại chùa Hải Đức Nha Trang.

— Năm 1960, sáng lập Tu Viện Quảng Hương Già Lam tại Gia Định, làm nơi cư trú cho các tăng sinh bậc đại học Phật Giáo từ các tỉnh về thủ đô Sàigòn học tập.

— 1964, được đề cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đồng thời đã sáng lập và làm Viện trưởng Viện Cao Đẳng Phật Giáo toàn quốc tại chùa Pháp Hội — Sàigòn. Đây chính là tiền thân của Viện Đại Học Vạn Hạnh hiện nay.

— Năm 1968, được Giáo hội đặc phong Hòa Thượng.

Suốt đời chỉ lo tận tụy với công nghiệp giáo dục, đào tạo Tăng tài, và hoằng dương Chính pháp. Người cũng có khiếu thi văn, có nhiều phiên dịch trước tác được nhiều văn nhân thi sĩ biết tiếng.



TRA AM HIỆN NAY

(1928 — 1971)

Như đã thấy, sau khi S.V.T thị tịch, 1928 trở đi, Trí Hiền trú trì T.A, đến năm 1940 thì qua đời, truyền y bát cho đại đệ tử Thích Như Ý, Trong khoảng thời gian này, hình như Trí Hiền có trùng tu T.A, một lần vào năm 1937. Sinh hoạt nhà chùa không mấy đổi thay, chỉ có một điều là thập phương thân hữu ít lên về như trước, vắng bóng chủ nhân T.A.

Thượng tọa Thích Như Ý — đương kim tọa chủ — người ở quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, họ Phan, theo học với Trí Hiền từ nhỏ, được gửi vào miền Trung Nam nghiên cứu nội điển, khi sư phụ qua đời, mới trở về kế vị với tuổi thanh niên. Như Ý cũng đã từng vào Nam, sau 1940, để giảng dạy Phật pháp nhiều nơi, nhất là ở Nhatrang. Như Ý rất hâm mộ thơ văn và hết lòng bảo tồn sự nghiệp của sư tổ Viên Thành, thường đề trên quạt bài thơ thâm thúy sau đây:

獨釣碧潭
中塗興桹
水寒魚不餌
空載明月還

Độc điếu bích đàm,
Trung đồ hưng lang.
Thủy hàn ngư bất nhị,
Không tải minh nguyệt hoàn (1).

Dịch: *Một mình câu cá đầm xanh,*
Giữa bùn, mấy cọng chuồm mảnh lơ thơ.
Nước trong, mồi hãy còn trơ.
Chở về trăng sáng lững lờ đầy ghe.

Về phần phong quang nhà chùa, trải qua mấy lần binh lửa và sự trùng tu, đã thay đổi rất nhiều. Cho đến năm 1960 và 1961, Như Ý đã trùng tu T.A thành một đại điện nguy nga với lối kiến trúc mô phỏng nghệ thuật Cao Miên.

Hiện nay SVT được thờ làm tổ khai sơn, bên phải thờ vọng V.G.Đ.S và bên trái, thờ Trí Hiền, Trí Giải. Riêng chùa

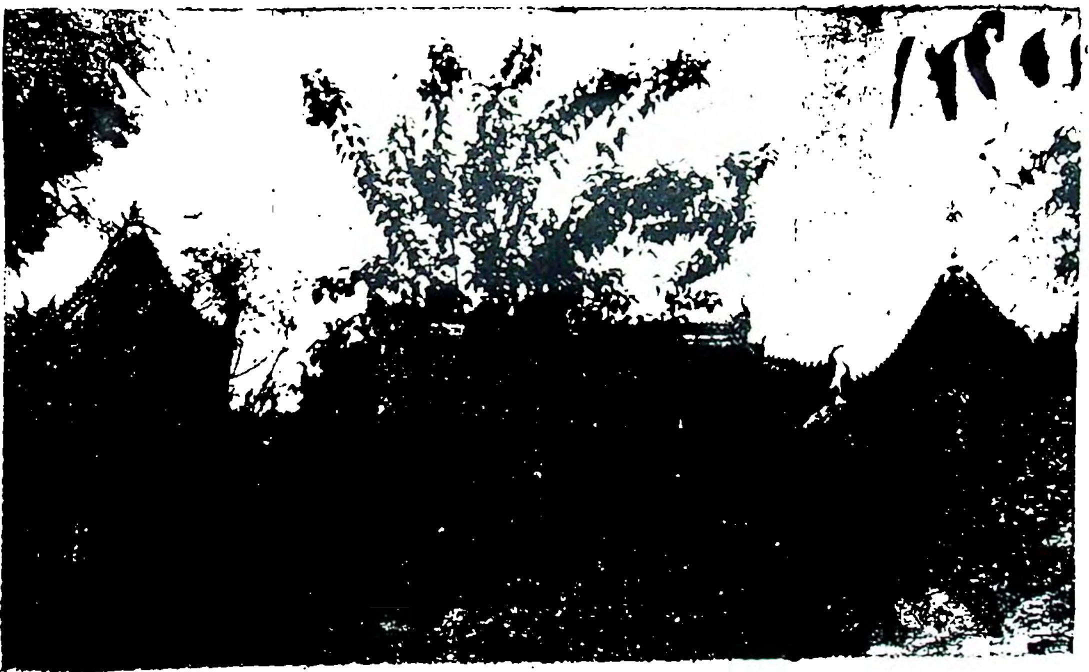
---

(1) Tứ của bài này diễn tả tâm trạng tiêu diêu của bậc giải thoát. Hành trình tu học và liễu ngộ cũng giống một buổi đi câu không gặp cá, thuyền trở về với ánh trăng trong khác gì bậc đã ngộ đạo tiêu sái với hư vô siêu thoát. Bài thơ trùng hợp với bài kệ sau đây :

百尺竿頭直下垂
一波纔動萬波隨
夜靜水寒魚不餌
滿船空載月明歸



HÌNH 25: Chân dung đương kim tọa chủ Tra Am: thượng tọa Thích Như Ý. Hàng chữ đề ảnh: «Vũ trụ tận thâu song nhãn tuyến, bao hàm vạn tượng nhất tâm cơ.»



HÌNH 26 : Tra Am hiện nay với lối kiến trúc Việt pha Miên do công trình Thượng tọa Thích Như Ý khởi công xây cất từ năm 1962 — 1964.

B.L.M, từ khi vào Nam hoằng dương giáo pháp, Hòa Thượng Trí Thủ giao phó công việc quản trị lại cho đại đệ tử Thích Đức Tri.

Cũng như T.A, chùa B.L.M đã thay đổi khá nhiều với thời gian. Hiện nhà chùa thờ V.G.Đ.S làm tổ khai sơn và S V.T, Trí Hiền làm kế tổ trú trì.

Bách xích can đầu trực hạ thùy,
Nhất ba tài động vạn ba tùy.
Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất nhị,
Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy.

Dịch : Trăm thước dây tơ thả giữa dòng,
Lao xao sóng động hóa muôn vòng.
Đêm tàn, nước lạnh, mồi trơ đó.
Về bến thuyền đầy trăng sáng trong.

Có lẽ Trí Hiền và Như Ý đều lấy ý ở bài kệ này cả.

THIÊN II

THI VĂN TRÍCH TUYỂN



DI PHẨM

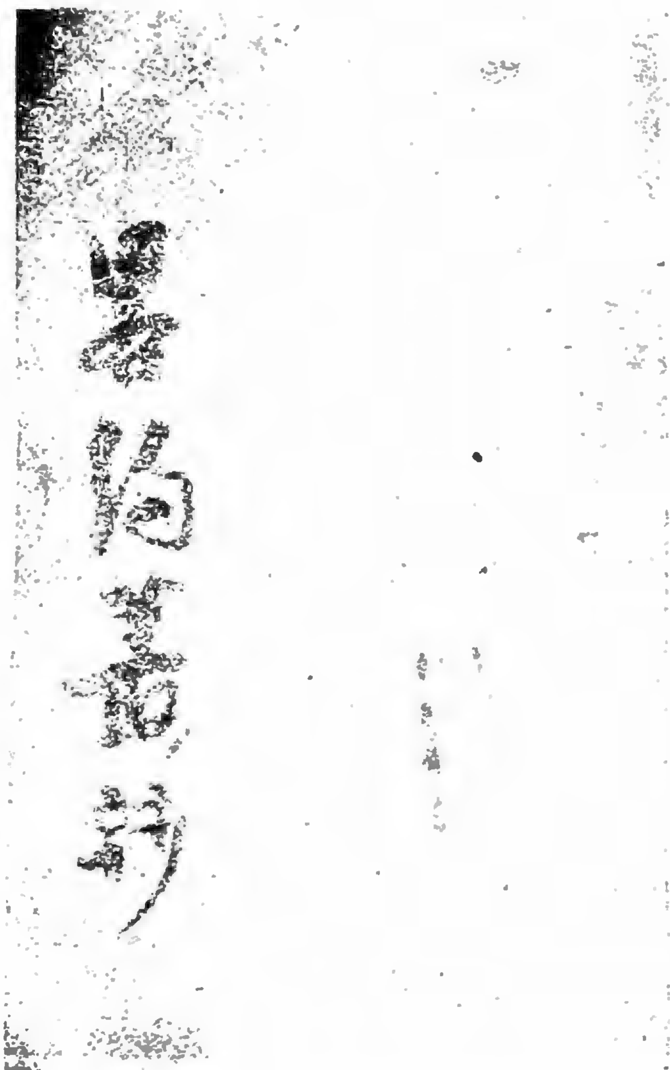
Sưu tầm di phẩm của Sư Viên Thành gặp được ba điều kiện thuận tiện.

— Thời gian khá gần, chỉ khoảng năm mươi năm.
— Tác phẩm chính yếu được đệ tử tâm truyền gìn giữ cẩn thận.
— Thi văn được phổ cập sâu rộng trong giới thân hữu xa gần, có người ghi chép để lại.

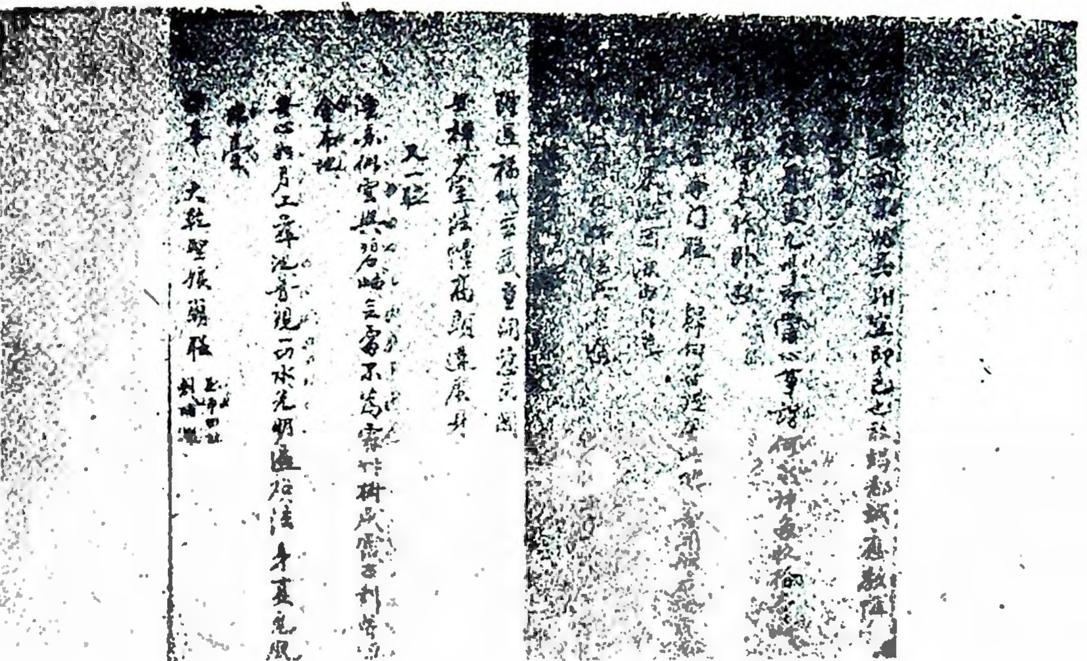
Nhờ những ưu điểm kể trên, chúng tôi có gần đủ tất cả những thi văn chữ hán, gồm những tài liệu ghi chép lẻ tẻ lưu trữ tại Tra Am hay tại tư gia các thân hữu và nhất là trong tác phẩm Lược Ước Tùng Sao 略約叢抄 (1)

Về văn thơ chữ nôm, Lược Ước Tùng Sao chỉ có hai bài. Tương truyền khi gần viên tịch, Sư dạy các đệ tử bảo đem đốt hết các tài liệu bằng chữ nôm, Thành ra tài liệu

(1) *Có lẽ nhân câu Lược Ước mà đặt tên tác phẩm này.*



HÌNH 27 : Bia tác phẩm Lược Ước Tùng Sao



HÌNH 28 : tờ số 20A20B trong Lược Ước Tùng Sao. — Những dấu khuyên đỏ và lời bình duyệt nhạt hơn. — Các dấu bôi xóa ở góc trái là thủ bút của Sư Viên Thành nhuận sắc lại.

chính không còn, chỉ còn những bản sao về sau này do lòng biếu cồ của Thượng tọa đương kim trú trì. Bởi thế, công việc hiệu đính gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi hiện tìm được gần 30 bài dưới các thể lục bát, song thất lục bát, hát nói, đường luật. Trong đó có bài văn tế cô hồn và bài chầu Thánh mẫu khá dài.

Tác phẩm Lược Ước Tùng Sao gồm 83 tờ chép 2 mặt, đóng bìa cẩn thận, cở 17cm x 30cm. Trong đó sao chép thư từ, câu đối, thơ, bi ký do Sư và thân hữu sáng tác từ lúc còn ở BLM đến khi lên TA. Thi văn của Sư chừng 100 bài, gần 70 bài thơ chữ hán đủ thể tứ tuyệt, bát cú v.v. và 30 bài tản văn về thư từ, bi ký v.v. Ngoài ra, thi văn do thân hữu gửi lên thù phụng khoảng hơn 30 bài.

Nhìn cách sắp xếp, có thể biết LƯST được hoàn thành lúc S đã lên T.A rồi, vì các bài ở trang đầu đã nhắc đến tên T.A và phần sau nhiều khi sao lại các sáng tác hồi còn ở BLM. Nhiều kiểu chữ khác nhau cho biết thêm một điều: LƯTS do nhiều người ghi chép không liên tục. Sách lại được phân câu cẩn thận, trừ mấy bài bi ký ở sau. Thỉnh thoảng điềm những lời bình duyệt và dấu điềm khuyên ở các đoạn đặc sắc. Tương truyền công việc này do Mai Tu Tử Nguyễn Cao Tiêu và Quỳnh Hiên Hồng Trứ phụ trách Những lời bình duyệt này xác đáng, kẻ cả, già dặn, đủ rõ trình độ cao thâm của duyệt giả. Ngoài ra, còn đôi chỗ được thêm thắt, bỏ bớt hay sửa chữa do chính thủ bút của S nhuận sắc lại. Như vậy tác phẩm L.Ư.T.S tuy chưa được khắc in lần nào và cũng không hẳn do thủ bút của tác giả, nhưng lại có một giá trị bảo đảm, chính xác vì tác giả đã tự xem xét lại kỹ càng khi hoàn thành. Riêng về thơ nôm, như đã trình bày lý do, chỉ có giá trị tương đối cần phải được hiệu đính lại khi có thì giờ và phương tiện tìm lại nhiều bản ở các nhà.

Sau đây, chúng tôi trích tuyển 25 bài thơ chữ hán, 19 bài thơ chữ nôm, 1 bài văn xuôi chữ nôm và 10 bài văn xuôi chữ hán để giới thiệu khả năng sáng tác của S.

CHƯƠNG I

THƠ

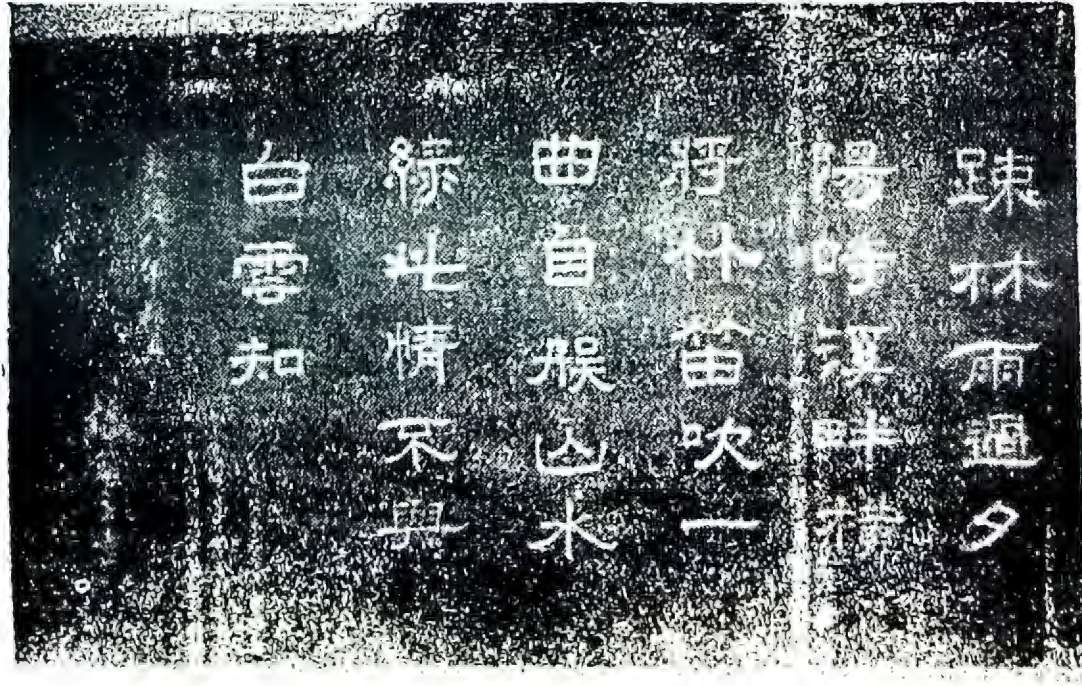
THƠ CHỮ HÁN

1) 疎林雨過夕陽時
溪畔横將竹笛吹
一曲自娱山水綠
此情不與白雲知 54B

Phiên âm : *Sơ lâm vũ quá tịch dương thì,*
Khê bạn hoành tương trúc địch xuy.
Nhất khúc tự ngu sơn thủy lục,
Thử tình bất dữ bạch vân tri.

Chú thích : Trong LƯTS, tờ 54B, bài này mang nhan đề «Sơn cư ngẫu tác 山居偶作,» ở giữa núi chợt hứng mà làm. Sau được khắc theo lối lệ rất mỹ thuật trên một biển gỗ trần do chính thủ bút Trí Giải, hiện còn treo ở nhà khách Tra Am.

Giải nghĩa : Mưa vừa qua, rừng thưa đã về chiều. Nhà sư ôm ngang sáo trúc ngồi thổi bên bờ khe. Xong một



HÌNH 29 : Bài «Sơn Cư Ngẫu Tác» được khắc trên tấm gỗ trần vào tháng 8 mùa Thu năm 1923 do nét bút thanh nhả của Sư và bàn tay khéo léo của Trí Giải.

khúc, tự vui cảnh non xanh nước biếc, không thể đem cảm hứng lâng lâng ấy thổ lộ cùng đám mây trắng vơ vẩn giữa trời.

Thoát dịch : *Mưa tạnh, rừng cây nhuộm nắng vàng,*
Dựa bờ khe thổi sáo chiều vang.
Bài thành, vui trọn cùng non nước,
Mặc đám mây bay lạc cuối ngàn !

Phụ chú : Giáo sư Bửu Cầm dịch điêu luyện và sát ý như sau :

Mưa tạnh, rừng thưa, lúc bóng tà,
Bên khe tiếng sáo vẳng đưa xa.
Vui thay một khúc cùng non nước,
Tình nọ, mây kia dễ biết ta.

又

2) 坐擁羣峰覆白雲
鶯啼深谷不知春
岩前花雨繽紛落
午夢初回識故人

Phiên âm : *Tọa ưng quần phong phú bạch vân,*
Oanh đề thâm cốc bất tri xuân.
Nham tiền hoa vũ tân phân lạc,
Ngọ mộng sơ hồi thức cố nhân. (a)

Chú thích : a) Chỉ bạn tâm giao lâu ngày. Sách Hậu Hán thư, truyện Nghiêm Quang có câu : « 朕故人嚴子陵共卧耳: Trẫm cố nhân Nghiêm Tử Lăng cọng ngọa nhỉ !: bạn cũ của Trẫm là Nghiêm Tử Lăng cùng nằm đấy thôi !». Nhà Phật lại dùng từ ngữ này để chỉ «bản lai diện mục», cũng như «nương sinh diện», đều có nghĩa là Phật tính. Hiểu theo chiều hướng trên, câu 4 có nghĩa là thấy được chân tướng của mình, đã ngộ được đạo. Nhưng LƯTS tờ 23B, SVT lại dùng từ ngữ trên trong nghĩa thứ nhất qua bức thư thăm người bạn ở Quảng Nam.

Giải nghĩa: Chỗ ngồi chung quanh núi non bao phủ, trên đầy mây trắng che khuất. Dù oanh hót véo von trong hang vắng, cũng chẳng biết xuân đã về. Trước hang mưa hoa lả tả rơi từng trận. Ngủ trưa vừa dậy, lòng xót xa nhớ bạn tâm giao vì cảnh trạng tiêu sơ ấy.

Còn có nghĩa khi vừa tỉnh giấc mơ mới nhận thức được bản lai diện mục (Phật tánh của mình).

Thoát dịch: *Mây che, núi phủ mịt mờ.*
Oanh ca hang vắng, đâu ngờ xuân sang.
Hoa rơi bên núi nhẹ nhàng,
Ngủ trưa vừa dậy, biết rằng cố nhân.



3) 本自無家可得歸
雲邊有路許誰知
溪光搖落西山月
正是僊潭夢斷時

Phiên âm : *Bản tự vô gia khả đắc quy ?* (a)
Vân biên hữu lộ hứa thùy tri ! (b)
Khê quang diêu lạc tây sơn nguyệt,
Chính thị tiên đàm mộng đoạn thì.

Chú thích: a) tất cả chúng sinh vốn từ vô thủy đến vô chung sinh sinh, tử tử, không có chỗ ngừng, nên gọi là vô gia.

b) thành ngữ «hứa thùy tri» chỉ một cảm thán nhẹ, có nghĩa «nào ai biết được!»

Giải nghĩa: Vốn chẳng có nhà, còn biết về đâu? Bến bờ mây kia có đường về hay chăng, nào ai biết! Vầng trăng chiếu sáng từ núi tây dao động trên dòng khe trong sáng, đấy chính là đầm tiên sau khi dứt sạch ảo mộng giữa chốn hồng trần.

Bài này khai thị quan niệm giải thoát ở hiện tại, không chờ đợi phải về Tây phương Cực lạc.

Thoát dịch : *Không nhà còn biết về đâu ?*
Đường bên mây sẵn, dễ hầu ai hay !
Lòng khe giãi ánh trăng đầy,
Mộng trần rũ sạch, cõi này là tiên.

又

4) 垂垂楊柳半庭陰
月度斜欄夜漏沉
不管荼蘼花落盡
碧紗窗裏坐深深

Phiên âm : *Thùy thùy dương liễu bán đình âm.*
Nguyệt độ tà lan dạ lậu trầm.
Bất quản trà mi (a) hoa lạc tận.
Bích sa song lý tọa thâm thâm.

Chú thích : a) Trà mi hay còn gọi là đồ mi 荼蘼, một loài hoa cánh nhiều sắc trắng đỏ v.v... giống hoa Hải đường, hoa chè, thường nở sau hết các loài hoa khác vào dịp cuối xuân. Cổ thi có câu : «開到荼蘼花事了 : khai đáo trà mi hoa sự liễu : đợi đến khi hoa trà mi nở thì việc chơi hoa đã hết rồi». Ở đây, hoa trà mi rụng sạch, tức thời tiết đã cuối xuân.

Giải nghĩa : Dương liễu lòa xòa phủ bóng che khuất nửa sân. Ánh trăng nghiêng nghiêng bên lan can, tiếng đồng hồ rả rích đều đặn. Chẳng kể đến hoa trà mi đã rụng sạch, ngồi lặng sau màn the, bên song cửa sâu hút một mình với bóng đêm đen.

Thoát dịch : *Trong sân cành liễu thướt tha,*
Thời gian lắng tiếng, trăng ngà dọi song.
Hoa trà rụng sạch, chẳng hòng.
Rèm sâu ngồi lặng nỗi lòng triền miên.

Phụ chú : Bài này là một tuyệt tác, tuy không có trong LƯTS, nhưng do nhiều người đọc lại và xác nhận do S sáng tác; có nhà bảo của Tuy Lý hay của Tùng Thiện Vương. Chưa thể tra cứu được, chúng tôi đành ghi vào đây với sự dè dặt.

5-6-7) 丈室清虛午夢迢
雲間有客問寥寥
夕陽庭外岩花落
芋火茶烟勝一寮

道心明鏡若孤懸
霜葉寒鐘落暮天
石不點頭龍不語
山僧老去懶談禪

鈍根深悔未全除
誤許論文十載餘
近喜隔林茅店侶
烹茶風雨對相如 57A

Phiên âm : *Trượng thất (a) thanh hư, ngọ mộng thiều.*
Vân gian hữu khách vấn liêu liêu.
Tịch dương đình ngoại nham hoa lạc,
Vu hỏa trà yên (b) thặng nhất liêu.

Đạo tâm minh kính nhược cô huyền,
Sương diệp hàn chung lạc mộ thiên.
Thạch bất điểm đầu, (c) long bất ngữ, (d)
Sơn tăng lão khứ, lại đàm thiền.

Độn căn (e) thâm hối vị toàn trừ,
Ngộ hử luận văn thập tải dư.
Cận hỉ cách lâm mao điếm lữ,
Phanh trà phong vũ đối tương như.

Chú thích : a) Nhà có diện tích một trượng vuông. Theo Tiềm Xác Loại Thư, đời Đường Hiển Khánh, Vương Huyền Sách đi sứ Tây Vực, thấy thạch thất của cư sĩ Duy Ma quá nhỏ, liền lấy hốt đo, mỗi bề chỉ vừa một trượng — 10 hốt mỗi chiều, nên có tên như thế. Nhà Phật dùng thành ngữ trên

chỉ nơi tăng tu hành, tham thiền, cũng như chữ hàm trượng 函丈 chỉ chỗ thầy dạy học bên nhà Nho.

b) Lửa vùi khoai và khói nước trà nấu, chỉ nếp sống đạm bạc của kẻ xuất gia.

c) Đã chú thích trang 154, phụ chú 1.

d) Do thành ngữ «降龍伏虎: hàng long phục hổ», làm cho rồng độc ác phải đầu hàng, cọp dữ dằn phải thuần phục, biết niệm kinh ,sám tội như người. Xưa có cao tăng đắc đạo, có thần thông ứng hiện để cảm hóa mọi loài thú hung tàn trở thành dịu dàng, hiền lành như người.

e) Đã chú thích trang 142, phụ chú 3.

Giải nghĩa: — Buổi trưa, quang cảnh nhà chùa vắng lặng, thanh u, chủ nhân thả hồn mơ màng theo giấc ngủ trưa êm ả, bỗng nghe văng vẳng đâu đây trong đám mây tiếng khách kêu cửa. Rồi chiều nghiêng xuống, hoa núi rụng lả tả đầy sân. Chỉ còn dư lại bếp lửa vùi khoai và khói trà thơm sau liêu tạm đủ cho khách dùng bữa chiều.

— Lòng đạo sáng vằng vặc như mảnh gương treo lồng lộng giữa trời. Thấm thoát đã đến xế chiều của tuổi đời, lạnh lùng, băng giá như lá đẫm sương, như chuông ngân trong chiều tà vắng lặng. Tăng dù tu hành nhiều năm, trở nên già cả, nhưng chưa ngộ đạo, nên chẳng đủ thần thông cảm hóa lũ đá gật đầu, rồng dữ nói năng và ngài cũng nhác, không muốn bàn giải triết lý Thiền tông với khách nữa.

— Vô cùng hối hận chẳng trừ sạch ngu đần, đến nỗi phải lầm lạc trong vòng chữ nghĩa vô bờ đến mười năm ròng rã. Gần đây, hết sức vui mừng được cùng bạn thân ở trong căn nhà tranh bên kia rừng sang thăm, cùng nhau đối diện luận bàn bên chén trà nồng khi trời nổi cơn mưa gió.

Thoát dịch: *Chùa vắng, hồn mơ giấc ngủ trưa.*
Trong mây đồng vọng tiếng ai đưa.
Ngoài sân, hoa rụng, chiều dần xuống,
Trà ngát, khoai vùi một mái vừa.

Lòng đạo như gương sáng giữa trời
Sương chiều đẫm cỏ, lạnh chuông rơi.
Sơn-tăng già mất, im rồng đá,
Bàn lẽ Thiền, không muốn cất lời.
Vũ Hoàng Chương dịch

Hối hận chẳng trừ xong độn căn,
Lỗi lầm chữ nghĩa suốt mười năm.
Mừng gặp bạn hiền nơi thảo dã.
pha trà, mưa gió, kể tình thân.

Phụ chú : Ba bài thơ trên đây do S sáng tác để họa với nguyên vận của Đông Phố sơn nhân gửi trình. Những bài họa này xuất sắc hơn cả nguyên tác, đến nỗi Đông Phố đã bình từng bài như sau :

— Bài thứ nhất : «短鬢秋霜一味寒 : đoản mấn thu sương nhất vị hàn»: toàn bài lạnh bâng khuâng như tóc ngắn về thu ước đẫm sương.

— Bài thứ hai : 意冲融詞清逸體合晚唐 : Ý xung dung, từ thanh dật, thể hợp Vãn Đường» : ý tưởng thanh nhàn, lời lẻ phóng dật, hệt với thơ đời Vãn Đường.

— Bài thứ ba : « 三復斯音令人神往 : tám phục tư âm, linh nhân thần vảng» : đọc bài thơ này nhiều lần cũng đủ khiến hồn người tiêu sái.

又

8) 昨宵聲在樹間多
鶴冷山空柰爾何
日暮蕭蕭巫峽雨
秋風嫋嫋洞庭波
只餘古柏三分翠
無復霜楓二月花
怪底蘭臺悲宋玉
不如留去任隨他 41A

Phiên âm : *Tạc tiêu thanh tại thụ gian đa.*
Hạc lãnh, sơn không (a), nại nhĩ hà.
Nhật mộ tiêu tiêu Vu Giáp (b) vũ,
Thu phong niễu niễu Động Đình (c) ba.
Chỉ dư cổ bách lam phân thúy,
Vô phục sương phong nhị nguyệt hoa.
Quái để Lan đài (d) bi Tống Ngọc (e)
Bất như lưu khứ nhiệm tùy tha.

Chú thích : Bài này mang tên 落葉 Lạc Diệp, vịnh lá rụng.

a) Hạc lạnh, đồi không chỉ sự lẻ loi của hạc già sau khi lá rụng, phải chịu hứng gió lạnh của đồi núi vắng tanh vì trụi sạch lá rồi còn biết sao được !

b) Xem trang 101 chú thích 4.

c) Tên hồ lớn thuộc tỉnh Hồ Nam, thắng cảnh nổi tiếng của Trung Hoa.

Ở đây, hai câu thực này tả tiếng lá rụng xào xạc như tiếng mưa chiều rơi tỉ tê trên Vu Giáp và rào rạt, lất phất tựa tiếng sóng vỗ nhẹ vì gió đầu Thu ở Động Đình.

d,e) Tên một cái đài ở huyện Chung Tường tỉnh Hồ Bắc. Theo sách Dư địa kỷ thắng, đây là nơi Sở Vương ngự đến chơi cùng Tống Ngọc. Nhìn quang cảnh trời đất vào Thu, ông đã xúc động mạnh và viết thành những tác phẩm bất hủ nhất là Cửu Biện (九辯), trong có đoạn tả mùa Thu đầy cả đau thương ly biệt giữa thiên nhiên và con người. Dọng điệu lâm ly hơn cả Thu Thanh Phú 秋聲賦 của Âu Dương Tu, Tống Ngọc người nước Sở, thời Chiến Quốc, đệ tử của Khuất Nguyên, đẹp trai, phong nhã và tài hoa. Làm quan gặp lúc đất nước suy vong và thầy gặp đại nạn phải hủy mình, nên văn chương ông có giọng bi thảm và phúng thích thời thế. Văn nghiệp không nhiều, nhưng lại là một nhà tiên phong trong việc áp dụng lối phú thành văn thể tả thực mỹ thuật. Trước ông, phú chỉ là lối văn xuôi tả thực, đến ông, phú đã biến thành văn thể hỗn hợp giữa thơ và văn xuôi, có vần, có điệu, diễn đạt tình tình, mô tả sự vật một cách diễm lệ đài cát.

Giải nghĩa : Đêm qua, nghe tiếng rì rào thật nhiều trong các đám cây, đó là tiếng lá rụng. Từ nay con hạc già phải co ro lạnh buốt, không có gì che gió, đồi núi trở nên trơ trọi, lưa thưa, biết phải làm sao nữa ! Ngẫm lại, tiếng lá rụng xào xạc như mưa chiều rơi lất phất trên hẻm Vu Giáp và lao xao như sóng vỗ trên hồ Động Đình vì gió đầu Thu. Lá vàng rụng nhiều quá, đến nỗi cây bách già chỉ sót lại vài ba phần lá xanh và chắc có lẽ cây bàng đẫm sương không còn đủ sức nở hoa vào tháng hai nữa. Tuy nhiên, ta hết sức ngạc nhiên vì chuyện Tống Ngọc khi thu về đau thương trước tạo vật biến suy ở Lan Đài, sao ông ấy chẳng giữ được lòng bình thản trước sự tuần hoàn đổi thay của vạn hữu được nhỉ.

Rì rào cây vẳng tiếng đêm qua
Nghe lạnh đồi không chiếc hạc già.
Vu giáp chiều buông mưa lất phất
Động Đình thu gợn sóng bao la
Tùng khô chỉ sót đôi phần lá
Bàng rợp đâu tìm một tán hoa
Lạ nỗi đau lòng chi Tống Ngọc
Còn hay mất, hãy mặc trời xa.
Vũ Hoàng Chương dịch

Phụ chú: Qua bài này, S trình bày nhãn quan bình thản, trầm lặng của kẻ đạt được áo chỉ Thiền học trước lẽ tuần hoàn, đổi thay của vạn hữu.

9) 幾 度 騷 人 帶 醉 看
冬 風 昨 夜 不 禁 寒
千 聲 懶 聽 鶯 啼 樹
半 徑 空 勞 蝶 繞 飢

解語較將無語穩
離枝容易戀枝難
殘紅莫訝春容淡
曾作天香灑寶壇 41A

Phiên âm : *Kỷ độ tao nhân* (a) *đối túy khan.*
Đông phong tạc dạ bất câm hàn.
Thiên thanh lại thính oanh đề thụ,
Bán kính không lao điệp nhiễu hoàn.
Giải ngữ giảo tương vô ngữ ổn,
Ly chi dung dị luyến chi nan.
Tàn hồng mạc nhạ xuân dung đạm,
Tằng tác thiên hương sái bảo đàn. (b)

Chú thích : Bài này mang tên 落花 Lạc Hoa, tả hoa rụng.

a) Chỉ thi nhân. Chữ tao có nghĩa là sầu khổ, đau đớn. Phần nhiều thi văn đều được sáng tạo từ những đau khổ tuyệt vọng tâm linh. Thơ Lý Bạch có câu :«正聲何薇茫 哀怨起騷人 : Chính thanh hà vi mang, ai oán khởi tao nhân :» tiếng lòng vời vợi u sầu, xưa nay ai oán khởi đầu nguồn thơ.

b) Danh từ tôn xưng bàn thờ, điện Phật.

Giải nghĩa : Biết bao lần thi nhân thưởng hoa lúc chuếnh choáng hơi men, thế mà trận gió đông tàn ác vô cùng lạnh đêm qua làm cánh hoa mong manh không chịu nổi phải buông mình rơi khỏi cành. Buồn vì hoa, oanh chán nản không mãi miết ca hót nghìn lời, bướm thờ ơ hết lượn đôi cánh xinh xinh như cánh quạt thêu quanh đầu ngõ. Đời hoa câm lặng nhưng đầy ý nghĩa hơn sự lắm lời, và biết tùy số phận để rời cành hơn là chống đối để lưu luyến với cành xanh. (Ấy là biết chịu đựng và chấp nhận lẽ tuần phục của vô thường). Ta khuyên hoa đừng buồn vì nhan sắc khô héo tiều tụy trên cỏ khô, vì ít ra hoa cũng từng đem sắc nước hương trời tỏa ngát chư Phật trên bảo tọa.

Thoát dịch : *Đẹp mắt người thơ bao độ say*
Đêm qua gió lạnh kiếp lưu đày
Oanh ngao ngán chẳng quanh vườn hót
Bướm ngậm ngùi không mở lối bay,
Biết nói, sao bằng im tiếng nhỉ ?
Dễ lìa, nhưng khó đậu cành thay !
Hồng phai xuân lợt, thôi đừng tiếc :
Còn mãi hương trời cúng Phật đây !

Vũ-Hoàng-Chương dịch

又

10) 夢醒金陵路已陳
癡心描寫欲翻新
要知世上原多幻
何必燈前苦認真
塊石株花徒選事
虛凰假鳳更勞人
試將禪味參書味
我亦同棲弱草塵 66B

Phiên âm : *Mộng tỉnh, Kim Lăng (a) lộ dĩ trần.*
Si tâm miêu tả dục phiên tân.
Yếu tri thế thượng nguyên đa huyễn.
Hà tất đăng tiền khổ nhận chân.
Khối thạch, châu hoa đồ tuyền sự,
Hư hoàng giả phụng cánh lao nhân.
Thí tương Thiền vị tham thư vị,
Ngã diệc đồng thê nhược thảo trần.

Chú thích : Bài này sáng tác sau khi đọc xong Thạch đầu ký 石頭記, tức Hồng Lâu Mộng 紅樓夢.

a) Địa danh cũ, nay ở vùng Nam Kinh, chỗ phồn hoa đô hội ngày xưa.

Giải nghĩa : Tỉnh mộng, nhìn đường về Kim Lăng thấy bụi đã phủ đầy. Nhưng lòng gàn bướng muốn đem chuyện cũ miêu tả tô bồi thành mới để xem chơi. Rõ ràng trên đời nhất thiết đều là huyền ảo, cần gì phải thâu đêm ngồi nghĩ điều đó bên đèn mới thấy được ? Những hiện tượng phô bày trước mắt một cách hoa hòe, lòe loẹt ; đá, hoa, hoàng, phụng đều chỉ là giả tướng làm mệt lòng người. Bởi thế, đem đạo tâm bình thản, tự tại tham cứu sách vở xưa nay, ta lấy làm bằng lòng đã noi theo người xưa trong truyện nương mình ở chỗ ít bụi đời để được thanh thoát ngoài sắc tướng.

Thoát dịch: *Tỉnh mộng vàng son nét đã xưa*
Lòng si cũng lợt ánh đèn mơ
Ảo huyền những ngán coi trần thế
Thực giả cần chi định cõi bờ
Khối đá cành hoa, bày chuyện đấy!
Hoàng mê phụng dối, mệt người chưa!
Thử đem lòng đạo soi vào sách
Thân gửi bên kia đám bụi mờ.

Vũ-Hoàng-Chương dịch

Phụ chú : Bài này còn nhiều khó hiểu, mập mờ, nên chỉ xin tạm giải thích và thoát dịch như vậy thôi.

又

11-12) 竹院黄昏雨色侵
一龕孤寂慧燈深
人間維有豈干老
獨識寒山放浪吟

梅花村外小寒風
煨芋烹茶暫禦窮
耕得山人老拄杖
閒來訪友過橋東 11B

Phiên âm : *Trúc viện (a) hoàng hôn vũ sắc xâm,*
Nhất kham (b) cô tịch tuệ đăng (c) thâm.
Nhân gian duy hữu Phong Can (d) lão,
Độc thức Hàn San (e) phóng lãng ngâm.

Mai hoa thôn ngoại tiểu hàn (d) phong,
Ôi vụ phanh trà tạm ngự cùng.
Liệu đắc sơn nhân lão trú trượng,
Nhàn lai phỏng hữu quá kiều đông ? (g)

Chú thích : Nhân ngày mưa dầm về đông, S gửi cho Đông Phố hai bài thơ trên để tỏ lòng nhớ bạn, nhân tiện mời ghé sang chơi.

a) Chùa tre.

b) Đã chú thích trang 135, phụ chú 4.

c) Ngọn đèn hạt đậu để thắp trên bàn Phật

d,e) Phong can còn viết 封干 một cao tăng đời Đường. Thuở đầu tu ở chùa Quốc Thanh 國清 núi Thiên Thai 天台山, lo việc giả gạo nấu cơm. Gặp ai hỏi đạo, chỉ đáp hai chữ «隨時 Tùy thì : tùy thời», chứ không nói gì khác hơn. Miệng thường lầm nhầm đọc các bài đạo ca. Có lúc lại cưỡi cọp chạy vào rừng. Các đồng đạo đều kinh sợ và hết sức kính trọng. Niên hiệu Tiên Thiên, ngài hóa đạo vùng Kinh Triệu, Thái Thú Lư Khâu Dận sắp bổ đến cai quản Thai Châu, mới hỏi ngài ở chùa Quốc Thanh có cao tăng nào khác không. Ngài đáp có hai vị bồ tát Phổ Hiền và Văn Thù đang giả gạo nấu cơm ở đấy — tức hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc. Kịp khi đến đây trấn nhậm, Thái Thú đến chùa tham kiến, Hàn Sơn và Thập Đắc cười ngặt nghẽo bảo rằng : «Phong Can nỏ mồm nói chơi đấy thôi.» Thái Thú không nản lòng, cứ lên về hỏi đạo, Hàn Sơn và Thập Đắc biết khó chối từ, bèn nắm tay nhau co giò chạy vào hang đá Hàn Nham, cửa hang tự khép kín lại. Thơ văn của Hàn Sơn còn khoảng 300 bài dưới nhan đề «Hàn Sơn Tử thi tập.»

b) Theo âm lịch, tiểu hàn thuộc tháng chạp, nhằm ngày 1 hay 6 tháng 1 dương lịch.

g) Lấy nghĩa 2 câu thơ cổ: Tương huề tầm tửu bạn, đồng quá thạch kiều đông: dắt tay tìm bạn rượu, cùng nhau qua cầu đông

Giải nghĩa: — Mưa chiều ủ dột phủ kín cả chùa tre rách nát. Trên bàn thờ lạnh buốt chỉ le lói ngọn đèn hạt đậu chiếu sáng bóng hoàng hôn lờ mờ. Trên đời họa chăng chỉ có bạn hiểu ta như Phong Can ngày xưa hiểu rõ nỗi cuồng ngông phá chấp của Hàn Sơn mà thôi.

— Trận gió đông tiết tiểu hàn thổi hoa mai ngoài thôn rơi lả tả. Trong chùa chỉ còn lại khoai nướng trà suông chống chơi cho qua buổi nghèo nàn. Tình cảnh cơ khổ thanh đạm như thế, chẳng biết lão sơn nhân có thể cao hứng chống thiền trượng lần bước qua cầu thăm ta với không?

Thoát dịch: *Chiều hôm mưa phủ viện tre,*
Một gian có tịch đèn le lói tàn.
Nhân gian chỉ có Phong Can
Riêng mình hiểu rõ Hàn San ngâm cuồng.

Mai rụng ngoài thôn gió lạnh lùng.
Trà suông khoai nướng đỡ khi cùng.
Liệu «ông già núi» lê đầu gậy.
Lần bước sang cầu viếng bạn không?



13) 鉛華早歲素超然
苦行林居三十年
淨業功成歸去好
願師身化紫金蓮 30B

Phiên âm: *Duyên hoa (a) tảo tuế khi siêu nhiên.*
Khổ hạnh lâm cư tam thập niên.
Tịnh nghiệp công thành quy khứ hảo,
Nguyện sư thân hóa tử kim liên (b).

Chú thích : Bài này gửi điếu Tì-Khưu Ni Liễu Chứng 了證 ở am Tuệ Đăng 慧燈菴.

a) son phấn trang điềm của đàn bà.

b) Theo kinh Di Đà, kẻ tu hành niệm Phật, sau khi mất, được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, tùy theo công đức lớn nhỏ, được thác sinh trên đài sen, thành 9 phẩm khác biệt.

Giải nghĩa : Tưởng niệm Tỳ Khưu Ni đã bỏ hết son phấn điềm trang để xuất gia từ thuở nhỏ, chịu tu khổ hạnh suốt ba chục năm giữa rừng thiền. Nay phiền não đã dứt, Tỳ Khưu Ni trở về nước Phật, ta nguyện cầu được hóa sinh trên đài sen vàng rực rỡ.

Thoát dịch: *Son phấn xuân xanh sớm rũ rồi.*
Ba mươi năm chẵn quyết tu thôi.
Công thành, sạch nghiệp, về nhà cũ,
Nguyện hóa trên sen nở thắm trời.

又

14) 箋書一到忽思歸
寄語溪橋雲樹知
少室幾要明月照
重來與爾更多時 54A

Phiên âm : *Tiên thư (a) nhất đáo hốt tư quy,*
Ký ngữ khê kiều vân thụ tri,
Thiếu thất (b) kỷ yêu minh nguyệt chiếu,
Trùng lai dữ nhĩ cánh đa thì.

Chú thích : Bài này được sáng tác trong trường hợp tiễn bạn về vì có thư nhà gửi lên nhắn gấp.

a) Thư từ.

b) Xem trang 95, chú thích 1.

Giải nghĩa: Đang ở lại chơi thì được thư nhà gửi lên nhắn về gấp, người liền có ý về ngay. Đưa người bên

đòng cần Lược Ước, cầm tay nhắn nhủ tình cảnh chia ly, mây trên trời và rặng cây bên cồng đều biết. Từ nay cảnh chùa sẽ vắng vẻ, ta sẽ mời vầng trăng soi chiếu cảnh lẻ loi vì xa vắng người. Ngày gặp nhau chắc hãy còn dài.

Thoát dịch: *Tờ hoa gởi đến, trở về ngay.*
Nhắn nhủ bên cầu, mây nước hay.
Chùa vắng bao phen mời nguyệt chiếu,
Gặp nhau chắc hẳn cũng dài ngày.

又

15-16) 一欄樹影罩窗紗
靜鎖深閨繡法華
欲把前身作明月
那堪回首怨琵琶

斷續鐘聲響畫堂
垂簾不語坐焚香
遙知綺閣蒲團上
已證黃梅道味長 25B

Phiên âm: *Nhất lan thụ ảnh trạo song sa,*
Tĩnh tỏa thâm khuê tú Pháp Hoa. (a)
Dục bả tiền thân tác minh nguyệt,
Na kham hồi thủ oán tì bà.

Đoạn tục chung thanh hưởng họa đường (b)
Thùy liêm bất ngữ tọa phần hương.
Diêu tri ỷ các bồ đoàn (c) *thượng,*
Dĩ chứng Hoàng Mai (d) *đạo vị trường.*

Chú thích: Hai bài trên làm thay lời người tặng một nữ sĩ bỏ nghiệp cầm ca nương bóng Phật đài.

a) tức Diệu Pháp Liên Hoa kinh 妙法蓮華經 hay còn gọi tắt Liên kinh do Cưu Ma La thập đời Tần dịch từ Phạm

ngữ, là bộ kinh căn bản của triết lý đại thừa. Cổ thi có câu khen một cao tăng nghiên cứu kinh này suốt 30 chục năm, không bước chân ra khỏi chùa: 三萬蓮經三十春半生不踏雪門塵 : Tam vạn Liên kinh tam thập xuân, bán sinh bất đạp tuyết môn trần : Pháp Hoa tụng hết nửa đời, chân không bợn chút tuyết rơi giữa trần.

b) nhà chùa, đình đài sang trọng có cột hay vách sơn son vẽ vàng

c) hay tọa cụ 坐具, hình tròn như nệm nhỏ, dệt bằng cỏ bồ dày cho êm để tăng ngồi tham Thiền hay quỳ lạy. Cổ thi có câu: 吳僧誦經罷敗衲依蒲團: Ngô tăng tụng kinh bãi, bại nạp y bồ đoàn.

d) tên ngọn núi về phía tây bắc huyện Hoàng Mai tỉnh Hồ Bắc. Trên núi có nhiều đám mai già họp thành rừng nên gọi như thế. Vì Ngũ tổ Hoằng Nhẫn 弘忍 đến lập thảo am tu hành trên núi, nên người đời cũng gọi ngài là Hoàng Mai. Sau này thành ngữ trên dùng trong nghĩa rộng chỉ Thiền lý.

Giải nghĩa: — Chỗ bà ở có một giàn cây xanh tốt che kín cửa sổ rũ màn the. Bà đã khép kín phòng thu nghiên cứu và thêu bộ kinh Pháp Hoa. Có lẽ bà cũng muốn đem kiếp trước của mình làm ánh trăng sáng sau khi đã dày công sám hối tất cả nghiệp cũ nhưng vẫn còn tiếng đàn tì bà réo rắt đâu đây không để bà yên ổn suy tư, tụng niệm, khiến bà phải quay mặt cúi đầu.

— Tiếng chuông rền rĩ đánh liên hồi vang cả nhà chạm. Trong phòng, bà đốt hương cầu nguyện sau rèm trúc. Tuy xa xôi, nhưng ta cũng biết được bà đã chứng được đạo lý vi diệu trên bồ đoàn giữa chốn gác tía lầu hồng.

Thoát dịch: *Giàn cây nhòa phủ cửa song sa,*
Kín cổng ngồi thêu bộ Pháp Hoa.
Thân trước muốn làm trăng chiếu sáng
Đâu đây ai oán tiếng tì bà.

Chuông ngân rền rỉ vang nhà chạm,
Ngồi rũ mành yên thắp nén hương.
Gác tía, người ngồi trên thảm cỏ
Đã nghe mùi đạo ngát mai vàng.

Phụ chú : Hòa Thượng Thích Trí Thủ dịch bài 2 như sau :

Dứt mối chuông rền động họa đường,
Thả mành ngồi lặng đốt tâm hương.
Đã hay gác tía bồ đoàn tọa,
Chứng được Hoàng Mai đạo vị trường.



17) 敢擬高標獨傲霜
懶隨衆卉競時芳
自從彭澤垂青後
留得空門處處香 35A

Phiên âm : *Cảm nghỉ cao tiêu độc ngạo sương !*
Lại tùy chúng hủy cạnh thì phương.
Tự tùng Bành Trạch (a) thùy thanh (b) hậu,
Lưu đắc không môn (c) xứ xứ hương.

Chú thích : Bài này vịnh hoa cúc đem lên từ giống của thi hữu Đông Phố và ngụ tả tâm hồn thơm ngát của mình nhờ nương bóng Phật đài.

a) Tên huyện đặt ra dưới đời Hán, nay ở phía nam huyện Hồ Khẩu 13 dặm. Đời Tấn, danh sĩ Đào Tiềm làm huyện lệnh ở đấy, vì bực dọc thái độ tham tàn của viên đốc bưu nên treo ấn ra về. Đời sau gọi họ Đào là Đào Bành Trạch hay Bành Trạch.

b) Nghĩa là chiếu cố, lưu tâm do điền Nguyễn Tịch tiếp Kê Khang với thái độ cởi mở, vui vẻ, tròng mắt trong xanh.

b) Đức Phật chủ trương hết thảy đều không, nên gọi pháp môn của ngài là không môn và ngài là Không vương.

Giải nghĩa : Đâu dám vươn chồi xanh bụ bẫm lên trời để cao ngạo với gió sương, cũng biếng nhác tranh dành hương sắc với các hoa cỏ khác. Nói trạng thái tịnh lặng ẩn dật của cúc. Từ khi được tri kỷ Đào Tiềm đem lòng yêu trồng khắp nhà chùa và săn sóc, chiếu cố, làm cho cửa Phật khắp nơi thơm ngát hương.

Thoát dịch : *Đâu dám vươn chồi ngạo gió sương.*
Cũng không tranh thắng với quần phương
Từ ngày tri kỷ thương tình biếu
Khắp chốn Thiền môn tỏa ngát hương.

又

18) 雲門自有讀書豪
瓶鉢追隨豈憚勞
老去只應平地履
不堪插菊效登高 11B

Phiên âm : *Vân môn (a) tự hữu độc thư hào,*
Bình bát truy tùy khởi đạn lao.
Lão khứ chỉ ưng bình địa lý.
Bất kham tháp cúc (b) hiệu đăng cao.

Chú thích : Bài này sáng tác để tạ lỗi với các thi hữu chuyện thất hứa leo núi Ngự Bình uống rượu đề thơ nhân ngày trùng cửu.

a) Tức là chùa.

b) Ngày trùng cửu (mồng 9 tháng 9 âm lịch), các thi nhân Tàu và ta có tục leo núi cắm hoa cúc hay hoa thù du rồi đề thơ, uống rượu cùng nhau rất lý thú.

Giải nghĩa : Ở chùa, chỉ nên lấy thú đọc sách làm đầu, cũng như đâu dám cho chuyện ôm bình xách bát bên mình là nhọc nhằn: Già rồi, chỉ ưa đi nơi bằng phẳng, khó lòng bắt chước người xưa leo núi cao để cắm hoa cúc được.

Thoát dịch : *Ở chùa đọc sách lấy làm hào,*
Bình bát theo đòi, ngại nhọc sao !
Già khụ, chỉ nên đi đất phẳng,
Dễ đâu cẳm cúc bước lên cao!

又

19,20) 昨約明琴峒裡來
幾重踏遍水山隈
解衣一洗前身刼
廻向光明禮佛臺

我與名鄉有夙緣
昨來勝地樂陶然
經窗明月涼如水
共證清心自在天 69A

Phiên âm : *Tạc ước Minh Cầm động lý lai.*
Kỷ trùng đạp biến thủy sơn ôi,
Giải y nhất tẩy tiền thân kiếp,
Hồi hướng quang minh lễ Phật đài.

Ngã dữ danh khanh hữu túc duyên,
Tạc lai thắng địa lạc đào nhiên.
Kinh song minh nguyệt lương như thủy,
Cọng chứng thanh tâm tự tại thiên.

Chú thích: Nhân chuyến vân du ra Bắc, S ghé thăm động Minh Cầm ở Quảng Bình rồi gặp Cảnh Thọ Hiệp Tá đại nhân nói chuyện và trình 2 bài thơ trên.

Giải nghĩa : — Hôm qua, ước hẹn ghé viếng động Minh Cầm. Đường đi quanh co, vượt qua mấy lần núi non, khe suối hiểm trở. Vào động, bèn cởi áo tắm dòng nước mát, như rũ sạch phiền não từ tiền kiếp rồi vào lễ Phật trước điện thờ một cách trang nghiêm.

Ta với đại nhân vốn có duyên lành kết sẵn từ trước nên hôm nay mới có cơ hội gặp nhau. Hôm qua, ta vừa ghé thăm động Minh Cầm, một thắng tích của địa phương, gặp được bao nhiêu vui vẻ. Bên song cửa, ánh trăng vằng vặc trong sáng như ánh nước soi rõ kinh sách trên bàn. Đại nhân cùng ta chứng được lòng thanh thản, tự tại rồi đấy.

Thoát dịch : *Hôm qua, hẹn viếng động Minh Cầm.*
Nước thẳm, hang sâu, vượt mấy tầng.
Cởi áo tắm xong thân kiếp trước,
Lên đài lễ Phật khấn lâm dâm.

Duyên xưa kết sẵn tự hôm nào,
Thắng cảnh từng xem thú biết bao!
Trăng sáng lâng lâng soi viện sách,
Lòng cùng thanh thoát tựa trời cao.

又

21) 衆 生 病 亦 病
衆 生 無 亦 無
維 摩 真 祕 決
只 說 向 文 殊 51B

Phiên âm : *Chúng sinh bệnh diệc bệnh,*
Chúng sinh vô diệc vô
Duy Ma (a) chân bi quyết,
Chỉ thuyết hướng Văn Thù. (b)

Chú thích : Trong những ngày nằm bệnh ở chùa Ba La mật, S sáng tác bài thơ hài hước trên đây để khuây khỏa cơn đau của mình.

a) tức Duy Ma Cật, tiếng Phạm, nghĩa là Tĩnh Danh, tên một đại cư sĩ lúc đức Phật còn tại thế.

b) tên một vị bồ tát, còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi 曼殊室利, dịch nghĩa là Diệu Đức, Diệu cát tường, hàm nghĩa xinh đẹp, tốt lành. Theo Văn Thù Sư Lợi Pháp Bảo Tạng Đà

La Ni kinh 文殊師利法寶藏陀羅尼經: «lúc bấy giờ, Phật bảo Kim Cương Mật Tích Chủ bồ tát rằng: «sau khi ta diệt độ rồi, về phía đông bắc Thiệm Bộ Châu này, có nước tên là Đại Chấn Na, trong nước ấy có núi tên là Ngũ Đỉnh, đồng tử Văn Thù Sư Lợi sẽ du hành qua đó và thuyết pháp cho chúng sinh.» Theo Mật Tông, đồng tử Văn Thù Sư Lợi có 5 túi tóc, biểu hiệu cho thiên chân tuyệt vời.

• *Giải nghĩa* : Thuở ấy, cư sĩ duy Ma Cật thường bảo rằng khi Chúng sinh có bệnh, ta cũng có bệnh, khi chúng sinh khỏi bệnh, ta cũng khỏi bệnh. Ai muốn thắc mắc điều này, hãy đợi Văn Thù Sư Lợi đến rồi đem ra mà hỏi.

Thoát dịch : *Chúng sinh bệnh — mình bệnh,*
Chúng sinh khỏi — mình khỏi.
Bí quyết của Duy Ma,
Đợi Văn Thù mà hỏi !

又

22)
古岸陰森樹
圓舟夜賽神
花燈漂水面
蕭鼓鬧祠煙
澗黝魚龍伏
林鋪錦繡春
不知山上月
曾此照何人 39A

Phiên âm : *Cổ ngạn âm sâm thụ,*
Vi châu dạ thải thần.
Hoa đăng (a) phiêu thủy diện,
Tiêu cổ náo từ nhân.
Giản ủu ngư long (b) phục,
Lâm phô cẩm tú xuân.
Bất tri sơn thượng nguyệt,
Tằng thử chiếu hà nhân ?

Chú thích: Bài này và hai bài tiếp theo được sáng tác trong chuyến du hành đầu xuân cùng chư tôn túc ở Huế dưới triều Khải Định. Qua mỗi linh tích dọc theo sông Hương lên đến nguồn, S đã đề 10 bài thơ, chúng tôi chưa rõ vài linh tích, nên chú thích thiếu tường tận.

Bài này ghi lại cảnh sắc lúc ghé vào Phương Đàn nghỉ đêm.

a) Loại đèn dán bằng giấy ngũ sắc thành hình hoa sen, giữa có thắp đèn sáp rồi thả từng loạt trên sông để cầu phúc, trừ tai vào những đêm rằm tháng bảy, lễ lớn v.v...

b) Do điển cá gáy vượt Vũ Môn hóa rồng, con nào không qua được phải trở lại để năm tới thi lại. Ở đây, từ ngữ ngư long chỉ loại cá linh.

Giải nghĩa: Ghé vào Phương Đàn vào lúc hoàng hôn, hai bên bờ dày đặc bóng cây, thuyền bè vây quanh đàn chật cả để đợi tế thần vào đêm. Trên mặt nước, đèn phóng sinh trôi lập lờ, nơi đền thờ, tiếng trống, tiếng sáo trỗi lên dìu dặt. Nước ở đây sâu, sâu đến thẫm màu, có thể là nơi cá hóa rồng linh thiêng ẩn náu, rừng cây xanh đậm như phủ gấm mừng xuân. Trên đầu núi, vầng trăng sáng vằng vặc, chẳng biết đã soi sáng cho bao nhiêu người từ xưa nay đến?

Thoát dịch :

Bóng cây phủ rậm bờ xưa,
Tế thần, đêm xuống, thuyền vừa đậu quanh.
Trên sông đèn giấy đỏ, xanh.
Trống khua, sáo thổi dập dành đàn trai.
Nước đen rồng cá ở dài,
Rừng tươi hoa lá như cài gấm xuân.
Đầu non vằng vặc vầng trăng,
Xưa nay soi sáng bao lần cho ai?

23) 芒鞋藤杖踏溪煙
曲徑猶疑夢裡穿
古廟花飄靈爽地
遠山雲散蔚藍天
苔階伏虎留踪跡
樹傘流鶯落管絃
願得年年此高會
焚香掃石話因緣 37B

Phiên âm : *Mang hài đằng trượng đạp khê yên.*
Khúc kính do nghi mộng lý xuyên.
Cổ miếu hoa phi linh sảng địa ;
Viễn sơn vân tán uất lam thiên.
Đài giai phục hổ lưu tung tích ;
Thụ tản lưu oanh lạc quản huyền.
Nguyện đắc niên niên thử cao hội,
Phần hương tảo thạch thoại nhân duyên.

Chú thích : Bài này ghi lại cảnh phái đoàn hành hương yết miếu thần núi ở Sô Tân 芻津.

Giải nghĩa : Mang giày cỏ và chống gậy mây lặn lội quanh dòng khe bốc hơi mù mịt. Đường mòn quanh co hiểm hóc rất khó đi, nhưng mãi miết rồi cũng vượt qua, giống như đi trong mộng, thật không ngờ. Miếu thờ thần núi cũ quá, hoa xuân bay đầy cả vùng đất linh thiêng. Xa xa, mây tỏa ngùn ngụt trên những đỉnh núi giữa trời. Quanh đây, trên dấu rêu, còn phảng phất chân cọp đã ẩn núp chầu thần núi và chim oanh hót véo von như tiếng sáo thổi du dương. Ta mong mỗi sao hằng năm đều được đi hành hương như thế này để cùng nhau quét dọn bàn thờ trong miếu và thắp hương cúng bái rồi kể lể nhân duyên được đến đây một cách vui vẻ.

Thoát dịch : *Gậy mây, giày cỏ, dẫm khe mù.*
Đường hiểm trèo qua trong mộng ru !
Miếu cổ, hoa trời bay lả tả,
Núi xanh mây trắng toả che mù.

Lối rêu cọp ẩn, còn in dấu,
Tàn rậm oanh ca, đàn sáo u.
Nguyện ước năm năm đều được thế,
Thắp hương, quét đá, chuyện ngàn thu.



24) 幽期想薜蘿
追攀恣雲屐
藤樹垂溪陰
靈飆近午激
神廟多縈盤
崖路殊險窄
逍遙採澤蘭
不覺日將夕 38B

Phiên âm :

U kỳ tưởng tiết la,
Truy phan tứ vân kịch.
Đằng thụ thùy khê âm,
Linh tiêu cận ngọ kích.
Thần miếu đa oanh bàn,
Nhai lộ thù hiểm trách.
Tiêu dao thái trạch lan,
Bất giác nhật tương tịch.

Chú thích : Bài này đề ở thần miếu Hỏa Phong.

Giải nghĩa : Nhân ngày hành hương linh thiêng nên có ý muốn đi hái hoa cỏ giải buồn. Mang guốc nhẹ mặc sức leo trèo. Hai bên bờ khe, dây mây phủ dày đặc, gần trưa, gió linh hiền thổi ào ào. Miếu thần xây cất ở chỗ quanh co, hiểm hóc, đường sá vất vả khó đi. Sau khi thăm miếu đảnh lễ xong, lại lâng lâng hái lan rừng trong các vũng đầm, mãi miết quên cả trời sắp tối đến nơi.

Thoát dịch: *Ngày linh, nhớ thú tìm hoa cỏ.*
Trèo hái tung tăng với guốc mây.
Khe tối, dây leo bao phủ khắp,
Gần trưa, gió lạ thổi tưng đầy.
Miếu thần khúc khuỷu, đường đi khó,
Lối tắt quanh co, bước trật trầy.
Thong thả hái lan trong vũng lội,
Nào ngờ chiều sắp ngả về Tây!

又

25)

善哉女道師
解脫人中傑
盛年捨世榮
訪道悟禪悅
八戒是矜持
長齋守素節
蘊界浮雲空
煩惱海水竭
覺夢警慈鐘
渡迷造寶筏
功德滿禪林
清涼等慧月
安穩坐蒲團
了證無生訣
山色清淨身
溪聲廣長舌
昔來本不生
今去何曾滅
超然彼岸登
蓮臺妙香潔 16A16B

Phiên âm: *Thiện tai nữ đạo sư!*
Giải thoát nhân trung kiệt.
Thịnh niên xã thế vinh,
Phỏng đạo ngộ Thiền duyệt.
Bát kính (a) thị căng trì,
Trường trai thủ tố tiết.
Uẩn giới (b) phủ vân không.
Phiền não hải thủy kiệt.
Giác mộng cảnh từ chung,
Độ mê tháo bảo phiệt (c).
Công đức mãn chiên lâm (d),
Thanh hương đẳng tuệ nguyệt.
An ổn tọa bồ đoàn,
Liễu chứng vô sinh (e) quyết.
Sơn sắc thanh tịnh thân,
Khê thanh quảng trường thiệt (f).
Tích lai bản bất sinh,
Kim khứ hà tằng diệt!
Siêu nhiên bỉ ngạn đăng,
Liên đài (g) diệu hương khiết.

Chú thích: Đây là bài điếu Ni Sư chùa Trúc Lâm.

a) Gọi đủ là Bát Kính pháp hay Bát Kính giới là tám điều răn mà hàng Ni chúng phải tôn trọng đối với Tăng giới. Tám điều này do Phật sai A Nan thuyết giảng cho di mẫu Ma Ha Bà Xà Bà Đề khi bà xin xuất gia.

b) Còn gọi là ngũ ấm 五陰, tức thân tâm của ta gồm có sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Kết hợp tạo thành.

c) Chiếc bè quý báu.

d) Rừng cây chiên đàn — Chiên đàn là một loại gỗ thơm ý ca tụng công đức thơm ngát như rừng cây chiên đàn.

e) Sau khi đã ngộ đạo, được vào cõi không già, không chết, thanh thản, tịch lặng.

f) Sắc núi là pháp thân thanh tĩnh, dòng khe là lưỡi lớn thuyết pháp, ấy là pháp thân của chư Phật đã chứng.

g) Xem trang 95, chú thích 6, đồng nghĩa với từ hàng.

Giải nghĩa: Nữ Sư thật là bậc tốt lành, thật là bậc nữ kiệt đã giải thoát. Nhớ ngày xưa, Nữ Sư đã bỏ vinh hoa phú quý để cầu học Thiền lý với lòng hân hoan vui mừng, đã giữ gìn giới luật và ăn chay suốt đời. Xem thế giới sai lầm như áng mây có rồi không và tát cạn bể phiền não đến khô sạch. Nữ Sư dộng chuông lành cảnh tỉnh thế gian, đưa từ bờ mê sang bến giác bằng giáo pháp quý báu. Hương Công đức thơm ngát như rừng cây chiên đàn và tâm hồn trong sáng như vầng tuệ nguyệt. Thế rồi, nhân duyên hóa độ đã xong, Nữ Sư an ổn ngồi trên bồ đoàn viên tịch. Sắc núi xanh xanh kia là pháp thân của ngài. Dòng khe róc rách kia là lưỡi nói pháp của ngài. Bởi vì vốn không sinh mà có, nay đâu do đi mà mất được! Nguyện cầu Nữ Sư siêu nhiên về Cực Lạc và hóa sinh trên đóa hoa sen nhiệm mầu trong trắng.

Thoát dịch: *Tốt lành thay Nữ đạo sư,*
Hùng tâm giải thoát ngay từ thế gian.
Vinh hoa niên thiếu chẳng màng,
Vui lòng học đạo ngày càng tiến tinh.
Bát kinh hết dạ giữ gìn,
Trường trai nguyện suốt đời mình noi theo.
Trần hoàn xem tựa bọt bèo,
Bể phiền tát cạn chẳng đeo vào người.
Chuông vàng dộng thức cuộc đời,
Bè lành cứu vớt khắp nơi đắm chìm.
Bao la công đức dễ tìm,
Thanh cao lòng tựa trăng in đêm rằm.
Bồ đoàn ngào ngạt hương trầm,
Chắp tay chứng quyết, âm thầm vô sinh.
Thân kia: sắc núi xanh xanh;
Lưỡi kia: róc rách âm thanh suối đàn.
Nay đi chẳng mất âm vang,
Xưa kia dù đến do đàng vô sinh.
Lâng lâng về cõi an lành,
Đài sen tỏa ngát trinh thành trắng trong.

文

THƠ CHỮ NÔM

1) *Mái tĩnh, song thanh (a), lúc ngớt mưa,*
Mành tương phảng phất áng sen đưa.
Tiếng chuông Thiên-mụ (b) canh hầu sáng,
Giấc mộng hoàng lương (c) đã tỉnh chưa ?

Có bản chép: *Cảnh tịnh song trăng lúc ngớt mưa,*
Rèn tương phưởng phất gió hương đưa.
Tiếng chuông Linh-mụ vang lừng núi,
Tựa án hồn mai đã tỉnh chưa ?

Chú Thích : Bài này ghi lại cảm hứng trong lúc đêm vắng mưa tạnh trăng trong gió hương phưỡng phất lọt vào song, thêm vào tiếng chuông chùa điểm thật là thần tiên siêu thoát thế mà không biết bao nhiêu người đang mê say theo giấc mơ danh lợi phù hoa có tỉnh không ?

a) có bản chép : Cảnh tĩnh, song trăng...

b) còn gọi là Linh Mụ 靈姥, một già lam cổ kính và nổi tiếng vào bậc nhất của Huế, được kiến tạo dưới thời chúa

Nguyễn Hoàng, cách kinh thành khoảng 3 km về phía chính tây, trên bờ sông Hương. Vì kiêng tên bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu, vợ vua Gia Long, nên đổi từ Thiên Mụ sang Linh Mụ.

c) có bản chép : Thử hỏi hoàng lương giấc... tức giấc mộng kê vàng (黃粱夢) trong Chẩm trung ký 枕中記 kể chuyện Lô Sinh nằm mơ thành danh bên nồi kê của đạo sĩ Lữ ông. Tỉnh ra, nồi kê còn sôi chưa chín. Đạo gia chủ trương chuyện này ngụ bảo công danh đều là mộng ảo. Chuyện này còn có tên là Hàm Đan mộng 邯鄲夢

Hai câu sau có ý nghĩa thâm thúy : tác giả bâng khuâng tự hỏi tiếng chuông của nhà Phật đã gióng lên rồi, chẳng hay chúng sinh lầm lạc hôn mê đã tỉnh ngộ chưa ?



2) *Vầng trăng núi Ngự, nước sông Hương* (a),
Khi chưa đến đặng, hận muôn đường.
Đã đến xem ra, không gì lạ,
Vẫn trăng núi Ngự, nước sông Hương.

Chú Thích : Bài này ngụ một ý nghĩa cao siêu về Thiền lý, tác giả muốn khai thị rằng đối với bậc liễu đạo, mọi sự ở đời vẫn thế, không có gì mới lạ cả.

a) tức núi Ngự Bình 御屏 và sông Hương giang 香江, hai cảnh đẹp vào bậc nhất của Huế. Núi Ngự Bình ở phía nam kinh thành, che chở cho đế đô, như tấm bình phong, sông Hương giang tưới mát kinh thành và uốn éo bảo bọc mạch đất linh này bằng dòng nước trong trẻo, thơm mát.

Tác giả đã phỏng theo bài thơ «thủ vĩ ngâm» tuyệt tác sau đây của danh hào Tô Đông Pha trình bày kiến giải về Thiền học của mình để sáng tác bài trên :

盧山煙雨浙江潮
未到千般恨不消

到得還來無別事
廬山煙雨浙江潮

Phiên âm : *Lô sơn yên vũ, Chiết giang triều,*
Vị đáo thiên ban, hận bất tiêu.
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự,
Lô sơn yên vũ, Chiết giang triều.

Thoát dịch : *Mù tỏa Lô sơn (a) sóng Chiết giang (b),*
Khi chưa đến đặng, hận vô vàn !
Đến rồi về lại không gì lạ,
Mù tỏa Lô sơn, sóng Chiết giang.

Nhưng họ Tô lại tham cứu công án trình bày tư tưởng liễu đạo bình thản tự tại trước vạn hữu của một cổ đức sau đây để sáng tác bài thủ vĩ ngâm trên :

老僧三十年前未参禪時見山是山見水是水及至後来親見知識見山不是山見水不是水而今得個體歇處依然見山秖是山見水秖是水

Phiên âm : Lão tăng tam thập niên tiền vị tham Thiền thì, kiến sơn thị sơn, kiến thủy thị thủy. Cập chí hậu lai thân kiến tri thức, kiến sơn bất thị sơn, kiến thủy bất thị thủy. Nhi kim đắc cá thể yết xứ, y nhiên kiến sơn chỉ thị sơn, kiến thủy chỉ thị thủy.

Dịch : «Ba mươi năm trước, lúc bần tăng tham Thiền, thấy núi là núi, nước là nước. Kịp khi có chút tri thức, thấy núi không phải là núi, thấy nước không phải là nước. Nay được cái an nhiên tự tại, thấy núi là núi, thấy nước là nước như cũ».



---

a, b) Hai thắng tích của Hoa Nam.



HÌNH 30 : Các di vật của Sư hiện thờ ở Tra Am : — Hộp đựng trầu. — Bình bát Tàu được thưởng khi đậu Thủ Sa Di tại Giới Đàn Phú Yên năm 1901. — Bình hoa để bàn — Hộp đựng mực Tàu.

3) *Vất vất vơ vơ, cũng nực cười,*
Căm căm cúi cúi, có hơn ai ! (a)
Nay còn chị chị anh anh (b) *đó,*
Mai đã ông ông mụ mụ rồi !
Đói đói no no, lo hết kiếp,
Khôn khôn dại dại chết xong đời.
Chi bằng láo láo lơ lơ vậy,
Ngủ ngủ ăn ăn nói chuyện chơi.

Chú Thích : Bản nôm cũ chép bài này với nhan đề «觀世事題: Quan thế sự đề : xem việc đời mà làm.»

a) Có bản chép 2 câu này như sau :

Thần thần thơ thơ cũng quá đời
Căm căm cúi cúi mãi hơn ai !

b) Có bản chép : «*chị chị, em em,*» xét thấy không đối với *ông ông mụ mụ* bằng *chị chị anh anh.*

Bài này tư tưởng phóng túng, thoát ngoài nấc thang giá trị và quan niệm thông thường. Phải là một người thâm hiểu Lão Trang Thiền học mới viết nổi lối phá chấp như thế. Từ trước, người ta có chọn đăng vào vài sách giáo khoa và đề «vô danh». Chúng tôi thấy bài này trong một tập thơ nôm cũ chép toàn di phẩm của S, có ghi đề bài, tại nhà cụ Nguyễn-Khoa-Sâm ngày trước, và lại, vài vị phụ lão quả quyết là của chính S làm. Có lẽ đương thời, bài thơ này được truyền miệng nhiều lần, đến khi sao lại vào sách, các vị soạn giả không biết của ai, nên đề thế chăng ?



4) *Chuyện lạ lùng thay chẳng thấy mô !*
Bỗng nhiên thấy (a) *cóc mọc đuôi lò.*
Lom khom vọt trước, không ra vọt,
Lận đận bò sau, khốn (b) *nỗi bò !*
Theo dõi làm chi thành (c) *vấn vít,*
Dứt đi không hết luống lò thò.
Như mày đã muốn thay lòng tục,
Mượn phép từ bi cỗi tốt cho.

Chú Thích : Bài này nhan đề là «Bài thơ con cóc». Có người bảo S viết để đùa một Thầy tu lấy vợ, đeo thêm gánh nặng. Cũng có người bảo S vịnh nghiệp quả vấn vít theo bên thân người, không thể nào dứt được ngoài sự tu trì giáo pháp nhờ Phật lực gia hộ thoát khỏi.

a) Có chỗ chép : chú.
b) — : khổ
c) — : thêm.



5) *Còn non còn nước hẹn còn dài,*
Đứng cạnh sông Hằng (a) *đợi những ai.*
Chơi thú Bồng Hồ (b) *khi nguyệt hiện;*
Vui miền Phật Quốc (c) *lúc hoa khai.*
Khuyên người thói tục lòng mau sạch;
Nhắn bạn mùi Thiền dạ chớ phai.
Tin Phật ngày sau về cõi Phật,
Phật thề như biển (d) *có đâu hai !*

Chú thích : Bài này gửi lời nhắn bạn khéo nhất tâm tu hành để sau cùng về cõi Phật, toàn bài lời lẽ trang nghiêm và tha thiết.

a) sông lớn phát nguyên từ dảy Hy Mã Lạp Sơn của Ấn Độ, hai bên bờ có nhiều bãi cát trắng mênh mông. Ngày xưa, đức Phật thuyết pháp, gặp điều gì nhiều quá, ngài thường lấy số cát sông Hằng làm thí dụ bằng thành ngữ «恆河沙數 : Hằng hà sa số : tổng số cát sông Hằng.» Ở đây thành ngữ này được dùng chỉ cõi Phật.

b) 蓬壺 Bồng hồ này còn gọi là 蓬萊 Bồng lai. Theo Thập di ký, trong biển có 3 ngọn núi Tiên là Phương hồ hay Phương trượng, Bồng hồ hay Bồng Lai, Doanh hồ hay Doanh châu. Vì 3 hòn núi này hình giống cái bầu nên gọi tên như thế. Sử ký của Tư Mã Thiên cho biết thêm 3 ngọn núi này ở Bột Hải, trong núi có chư tiên và thuốc trường sinh. Thú vật,

chim muông ở đây có sắc lông trắng như tuyết và chư tiên đem bạc vàng châu báu xây cất cung điện. Thành ngữ trên có nghĩa là cõi Tiên cõi Phật.

c) Nước Phật, chỉ Tây Phương tịnh độ 西方淨土. Theo kinh Di Đà, những người niệm danh hiệu Phật này có công đức, lúc chết được về đây, thác sinh trên chín phẩm sen vàng, tùy theo thứ tự công đức nhỏ to.

d) Do chữ 佛誓如海 : Phật thệ như hải. Chư Phật vì thương xót chúng sinh, phát lời thề sẽ cứu vớt cho tất cả đều được thành Phật. Lời thề này rộng lớn như biển và không đổi thay.



6) *Nửa gánh yên hà nhẹ cánh hồng,*
Mấy lời tri thức nhớ hay không?
Non cao, mùi đạo, trăng soi dấu;
Bể thẳm ơn vua, gió quạt lòng.
Bát nhã (a) duyên lành từ trước sẵn,
Bồ Đề (b) quả tốt bởi xưa trồng.
Sông Hương bến Nghé (c) tuy nam bắc,
Ngọn nước Tào Khê (d) tính vẫn chung. 10B

Chú thích: LUTS ghi bài này với nhan đề «Kính đưa Thầy Giáo thụ về Vĩnh Long.

a,b) Chỉ trí tuệ cao siêu thoát ly khổ não luân hồi.

c) Sông Hương tại Huế và bến Nghé tại Vĩnh Long xa cách nhau rất nhiều về không gian.

d) Chỉ giáo của Lục tổ Huệ Năng (xem thêm lời chú thích trang 50 phụ chú 1).

Hai câu kết bảo tuy từ nay xa nhau, ở hai nơi hoàn toàn cách biệt, nhưng giáo pháp hành tri chỉ là một, nên cố gắng học hỏi, giữ gìn để đạt giải thoát.



7) *Cao thấp trời chung một hạt mưa,*
Ra đời, vô núi cũng duyên đưa (a).

Mấy phen sương tuyết chồi mai nở,
Ngàn dặm tình hoài bóng nhạn thưa.
Lò lửa nhớ chừng vầy (b) chuyện cũ,
Bàn cờ theo buổi ngẩm (c) trà trưa.
Nghĩ người đạo khế (d) từng qua lại,
Trăng giọi thềm rêu phải đó chưa?

Chú thích: Bài này do Hoa Đường Phạm Quỳnh chép lại nguyên văn của S và đã đăng trong Nam Phong với nhan đề «Nhớ bạn».

a) Bản nôm khác chép: *Cao thấp cùng chung một hạt mưa,*
Ra đời, vô núi cũng duyên đưa.

b) « : *câu*

c) « : *dõi khói*

d) Cũng như đạo hữu, pháp hữu, pháp lữ v.v. bạn bè trong đạo với nhau.



8) *Lững thững (a) bên trời ngọn ráng (b) thưa (c),*
Đặng bờ thu thảo ngớt cơn mưa.
Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ;
Khói biếc thành xây tưởng dấu xưa.
Mây phủ nhịp cầu sen ẩn ước;
Cây lồng bóng nước cảnh thừa ưa.
Khách quen năm trước bây giờ đến,
Thử hỏi non sông đã biết chưa?

Chú thích: Cũng như bài trên, bài này đã được Phạm Quỳnh trích đăng trong Nam Phong với đề «Chơi núi».

a) Bản của Phạm Quỳnh: *lững đững*

b) « , *rón* (họ Phạm chú: rón ngoài Bắc gọi là giáng, là cái mây sắc đỏ vàng, sau khi mưa).

c) « : *sưa* (họ Phạm chú sưa là thưa)



9) *Nguyên xưa Lâm Tế (a) phái chia ra,*
Nam Bắc mừng nay họp một nhà.
Cõi Phật thanh lương khi nhẹ bước,
Biển trần tế độ lối đi qua.
Nghìn pho kinh điển tay La Thập (b),
Muôn quả non tùng dấu Nặc Ca (c).
Pháp bảo đèn soi hương diệu tuệ,
Chứng minh xin thấu nghĩa Ma Ha (d). 54B55A

Chú thích : LUTS ghi bài này với lời chú «Kính họa nguyên vần bài thơ quốc âm của Hòa Thượng Khánh Thông 慶通 chùa Bảo Sơn 寶山 tỉnh Gia Định.»

a) Xem trang 96 chú thích 1.

b) Tức Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什, vị cao tăng nước Quy Tư của Tây Vực Đời Hậu Tần, vào thành Trường An, cùng các cao tăng khác dịch kinh, được hơn 300 quyển. Ngài là khai tổ của Tam Luận Tông.

c) 諾迦 : nói đủ Ca Nặc Già Tôn giả thị hiện cứu bệnh cho ngài Ngộ Đạt quốc sư. Chép trong bài duyên khởi bộ thủy sám

d) Phạm âm, nghĩa là to lớn, cao cả, huyền diệu.



10) *Tình tương thức nước non mấy kẻ,*
Gặp nhau đây không lẽ ngảnh làm thinh.
Mấy vần thơ chưa kịp tỏ u tình,
Cơn tống biệt vội xui mình thêm tức.

世事百年雲變色
人生幾度月當頭

Thế sự bách niên vân biến sắc,
Nhân sinh kỷ độ nguyệt đương đầu (a).
Kiếp phong trần giấc mộng có gì đâu !
Thôi hãy giảng cùng nhau năm bảy chuyện.
Duyên tái ngộ biết kỳ nào mà hẹn,
Chữ chung tình ta giữ vẹn là hơn.
Xa chi Lam Thủy Bình Sơn (b) !

Chú thích : Bài này làm để tiễn bạn lên tàu ra Nghệ An theo thể hát nói.

a) Việc đời trăm năm thoảng qua mau như đám mây chợt đổi sắc ; người đời được mấy lúc đội bóng trăng vàng. Ý bảo đời người thấm thoát lúc vui hưởng hạnh phúc không được bao nhiêu.

b) Tức sông Lạm Giang ở Nghệ An và núi Ngự Bình ở Huế, chỉ sự xa cách không gian.



11) *Người đời há đặng bao lâu,*
Trắng răng phút đã bạc đầu như chơi.
Thế giới như không hoa,
Nhân sinh như mộng huyễn (*a*).

世界如空花
人生如夢幻

Trông sự thế cuộc cờ xao xuyến (*b*),
Cảnh phù du tham luyến nỏ mà chi !
Hội trăng hoa vui vẻ bấy lăm thì,
Trong ấm lạnh cũng lắm khi phiền não (*c*).
Mạc đãi lão lai phương học đạo,
Cô phần đa thị thiếu niên nhân (*d*).

莫待老來方學道
孤墳多是少年人

Mừng đua vui khi cuộc rượu cung đờn,
Đành nỡ phụ với thanh sơn bích hải (*e*).
Nhất thanh khiếu triệt tà dương ngoại,
Hoán khởi giang hồ vạn lý tâm (*f*).

一聲嘯徹斜陽外
喚起江湖萬里心

Trên đời mấy mặt tri âm !

Chú thích : Bài này và 5 bài tiếp theo đều là những bài hát nói được sáng tác trong chiều hướng cảnh tỉnh chúng sinh hồi tâm với chính đạo bằng lối tu hành tịnh độ.

a) Thế giới như hoa đốm, đời người như mộng huyền. Nhất thiết đều không.

b) Cuộc đời luân hồi xoay vần như ván cờ bày ra rồi xóa lại mãi.

c) Hạnh phúc của đời người ngắn ngủi nhưng lại thêm nhiều khổ đau trong đó.

d) Đừng đợi đến già mới học đạo, mồ hoang kia đã vùi thây nhiều kẻ còn niên thiếu.

e) Núi xanh biển thẳm, cảnh đẹp phóng khoáng, hùng vĩ của thiên nhiên.

f) Muốn kêu lên một tiếng thật dài vang ra ngoài ánh tà dương của vũ trụ để kêu gọi những kẻ lầm lạc ngoài vạn dặm mau bước trở về.



12) *Người đời há đặng bao lâu,*
Trắng răng phút đã bạc đầu như chơi.
Thế giới như không hoa,
Nhân sinh như mộng huyền (a)

世界如空花
人生如夢幻

Vì bằng chẳng kiếm phương tu luyện,
Chi khỏi đâu huyền cảnh buộc vào mình?
Trong trăm năm đặng mấy lúc an bình,
Rồi đã thấy tóc xanh thành tóc bạc.
Hà tu đãi linh lạc,
Nhiên hậu thủy tri không (b)?

何須待零落
然後始知空

Những nâng niu sớm lục tối hồng,
Những xa ướp hương xông nức nở (c).
Non sông còn khi bồi khi lở,
Huống thân người như bóng đồ phù du.
Vui sướng chi mà đeo đuổi chốn diêm phù (d).

Trong ba cõi ngó dường như hỏa trạch (e).
Chiếc thuyền từ sớm khuya đưa khách,
Nước thạnh lương rửa sạch trần ai.
Hỡi xin người thay mắt đổi tai,
Thì chín phẩm liên đài (f) lên có lúc.
Đạo thụ bất tài viên quả thục,
Linh căn vị chủng giác hoa hương (g).

道 樹 不 栽 圓 果 熟
靈 根 未 種 覺 花 香

Trên mây rũ tấm lòng thương,
Vậy nên xuống bước mở đường ngu mông.
Phật Tiên vốn cũng một lòng.

Chú thích : a) Đã chú thích trang 262 phụ chú a.

b) Cần gì phải đợi đến lúc thân này rã rời khô héo rồi mới ý thức cuộc đời vốn là hư huyền, giả tạm?

c) Nhắc đến những kẻ đắm đuối trong hoan lạc vật dục.

d) Tức Nam Diêm Phù Đề, cõi ta ở đây.

e) Trong kinh Pháp Hoa phẩm thí dụ có câu: «Tam giới vô an do như hỏa trạch» Ý nói chúng sinh trong ba cõi như ở trong nhà lửa thường không được yên ổn vì các khổ sinh, lão, bệnh, tử thiêu đốt.

f) Xem chú thích trang 238, phụ chú b.

g) Cây bồ đề không trồng nhưng quả viên mãn đã chín, rễ linh chưa ươm mà hoa giác ngộ vẫn nở thơm tho.

Ý bảo tất cả chúng sinh đều có sẵn Phật tính sáng suốt, chỉ cần quay về với chính pháp thì đã từ mê đến ngộ trong nháy mắt.



13) *Nguyên vì cõi Phật đâu xa,*
Trần gian sống mấy mươi mà chẳng tu?
Triêu văn đạo tịch tử, khả hĩ (a)!

朝 聞 道 夕 死 可 矣

Sao người đời không biết nghĩ suy?

Hội trăng hoa vui thú bấy lâm thì,
Tắt hơi thở đã chuyền đi đời khác.
Cuộc thế khổ tương vi lạc
Bất tri lạc thị khổ nhân (b).

局世苦將爲樂
不知樂是苦因

Những đua vui khi rượu khi đờn,
Khi vợ vợ, con con lẽo đẽo.
Phiền não vạn ban nhân bất liễu (c),

煩惱萬般人不了

Vì chim lồng không kiếm nẽo bay xa.
Ngao ngán thay thân tân khổ ta bà,
Ngồi nghĩ lại nên xa nên xót.
Cũng muốn người người mau trở gót,
Dộng chuông vàng mà dặn trót đêm thâu.
Bậc trung lưu không ồn sớm hồi đầu,
Đề vui thú ngao du sơn cảnh.
Nhàn vân bất hệ đông tây ảnh,
Dã hạc phi không nhiệm khứ lai (d).

閒雲不繫東西影
野鶴飛空任去來

Non xanh một bước một cười,
Khi xem thủy nguyệt khi chơi yên hà.
Làm chi cho bận lòng ta!

Chú thích: a) Chữ ở sách Luận ngữ: «sáng nghe được đạo, chiều dù chết cũng cam lòng».

b) Trong đời này, người ta lấy khổ làm vui, đâu hay chính cái vui ấy là nhân cho quả khổ về sau.

c) Muôn mối phiền não tơi bời mà người ta không thoát được.

d) Bóng mây phiêu lãng không vướng ở Đông hay Tây. Hạc nội giữa trời tự do bay đi bay lại. Ngụ chỉ sự giải thoát hệ lụy của bậc tu hành như mây ngàn hạc nội.

文

14) *Dù cho phú quý nghiêng trời,*
Khi đi cũng trả cho đời mà đi.
Vạn ban tương bất khứ,
Duy hữu nghiệp tùy thân (a).

萬般將不去
惟有業隨身

Quỷ vô thường (b) không nghe tiếng cứ lần đàn,
Vua Thập điện (c) cân phân mà xét đoán.
Sổ son mực rành rành bút toán,
Phép âm ty soi rạng dường gương.
Chỉ lòng trần mắt tục hãy chưa tường,
Cũng trong lẽ thức tâm tùy nghiệp tạo (d).
Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,
Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì (e)

善惡到頭終有報
只爭來早與來遲

Chớ nói rằng tội phúc có chi chi,
Hay đâu đến khuấy mình khi mới tỏ (f).
Những chia biệt kẻ giàu người khó,
Đến Diêm đình ai có khác chi ai!
Dù cho lực lượng anh tài,
Cũng không khỏi một mai về nẻo ấy
Trong khuôn tất há cho là mọn mấy
Một chút gì đều hết thảy chép ghi.
Dù mẹ cha, chú bác với cô dì,
Ai xong nấy chẳng thay mình đặng đó.
Phụ tử ân thâm chung biệt lộ,
Nhân thân nhất thất kỹ thì lai (g)

父子恩深終別路
人身一失幾時来

Dữ lành họa phúc bời bời.
Để gương trước mắt cho đời thử soi.
Xin ai nghĩ lại mà coi!

Chú thích : a) Vạn sự đều bỏ lại, chỉ có nghiệp chướng theo mình bắt phải trả cho xong.

b) Chỉ cái chết sẽ đến bất kỳ lúc nào và như con quỷ dữ chẳng hề dung tha ai hết.

c) Tức Diêm La. Theo kinh Phật ở âm phủ có 10 vị Diêm La coi sóc 10 điện để xử tội chúng sinh.

d) Ý nói do các nghiệp thân khẩu ý tạo khi còn sống, đến khi chết thì tâm thức chúng ta bị các nghiệp lực ấy dắt dẫn mà đi vào cảnh giới thiện hay ác.

e) làm lành hay dữ rốt cuộc đều có báo ứng chỉ đến chậm hay đến mau mà thôi.

f) Khi có báo ứng đến với mình mới biết được điều trên là đúng không sai chạy.

g) Cha con dù ân sâu khi chết cũng mỗi người đi một nẽo, còn thân người lỡ để mất rồi biết bao giờ mới được trở lại.



15) *Thuyền từ một lá vơi vơi,*
Biển trần chở biết mấy người trầm luân!
Nhất thiết vô hữu như Phật giả (a).
一切無有如佛者
Phật là người hỉ xả từ bi.
Xem trong đời hư huyễn có ra chi.
Đến thê tử quốc thành cũng bỏ.
Non tuyết lãnh (b) sáu năm tu khổ hạnh,
Mảnh hình hài xem có cũng như không.
Miễn tu hành đạo quả cho xong,
Xem thân thế ví bằng như dép rách.
Vì ngài thấy chúng sanh trong hỏa trạch (c),
Những lao đao khổ ách nghiệt nghèo.
Trải kiếp xưa gây nghiệp chướng đã nhiều,
Nên luân chuyển chịu điều báo ứng.
Vậy ngài mới ra tay bạc chửng (d),
Vớt loài mê cho khỏi chốn trầm luân (e).
Trên thì báo đáp đấng quân thân (f),

Dưới đến mỗi loài đều tế độ.
Chuyền xe pháp(g) ra đời dạy dỗ,
Dấu tiên phong thiên cổ hãy còn truyền.
Đem lòng về phản bản hoàn nguyên (h),
Thời muôn kiếp được siêu nhiên trên cõi tịnh.
Tường quang thước phá thiên sinh bịnh,
Cam lộ năng trừ vạn kiếp tai (i).

祥光爍破千生病
甘露能除萬刼災

Hãy khuyên người thay mắt đồi tai,
Để cho ai nấy lâu dài kim thân.
Vui chi thứ một mảnh trần.

Chú thích : a) Hết thảy không ai bằng Phật được.

b) Tức 雪山, nơi đức Phật tu phái khổ hạnh 6 năm dài vẫn không đạt chính quả.

c) Đã chú thích trang 263 phụ chú e.

d) 拔拯 tức cứu vớt khỏi cảnh đắm chìm.

e) 沉淪 : chúng sinh vì tội lỗi che khuất, nên cứ đắm chìm trong u mê lầm lạc như kẻ chết đuối giữa vời.

f) Tức vua và cha mẹ.

g) Giáo lý đức Phật cứu vớt chúng sinh như chiếc xe đưa người từ lầm lạc đến giác ngộ.

h) 返本還源 : trở về gốc, nguồn, tức về với bản tính thanh tịnh sáng suốt, tức Phật tính.

i) Ánh sáng lành của chư Phật đốt tan tất cả bệnh ngặt nghèo của ngàn đời, nước cam lộ mát mẻ trừ tận tai ương tích lũy từ vạn kiếp trước.



16) *Chí tâm tới cõi Di Đà,*
Ngảnh xem vào chốn ta bà lại thương.
Khể thủ Tây phương an lạc sát (a),

稽首西方安樂刹

Cảnh vui vầy gió mát nhạc hòa rung.

Đất toàn vàng thất bảo (b) đặc hư không
Tiếng nước chảy xuôi dòng nói pháp.
Đủ các món chim hồng chim hạc,
Những loài chim sắc đẹp biết bao nhiêu!
Ca diệu âm (c) khi sớm khi chiều,
Hoặc nói pháp cao siêu trên thượng điện
Ngũ sắc liên hoa thiên đóa hiện,
Thất trùng bảo thụ thất trùng quang (d).

五 色 蓮 花 千 朵 現
七 重 寶 樹 七 重 光

Có san hô, có mã não, có ngọc vàng,
Thêm chói rạng trang nghiêm trên Phật độ (e).
Rồi so lại cõi ta bà nên rất khổ,
Sao người đời nhận khổ lấy làm vui ?
Cuộc chiêm bao há dễ đặng mấy hồi,
Mà lận đận cứ lôi thôi mãi mãi!
Xin ai nấy gát tay nghĩ lại,
Trong trần hoàn vui thú có ra chi!
Thôi bằng chi niệm hiệu A Di,
Thời muôn kiếp đặng xa lìa nghiệp chướng.
Chí tâm triêu mộ Tây quy hướng,
Đáo đắc lâm chung đổ Phật lai (f).

至 心 朝 暮 西 歸 向
到 得 臨 終 覩 佛 来

Phật đà có dối chi ai,
Quyết tin chắc hẳn liên đài đặng lên.
Sen vàng ắt có đề tên!

Chú thích: Bài này lấy ý ở kinh Phật thuyết **A Di Đà**, tả rõ cảnh trang nghiêm, quý báu ở cõi Tây Phương Cực Lạc để khuyên chúng sinh tu hành ngõ hầu được vãng sinh về thế giới này.

a) Cúi đầu đảnh lễ xin quy hướng về cõi Tây phương an lạc của đức Phật Di Đà.

b) Bảy món quý. Bảy món này mỗi Kinh nói một khác,

theo kinh Di Đà nói Trên : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, ngọc châu đỏ và mã não.

c) Tức pháp âm vi diệu, giáo lý cao siêu của chư Phật.

d) Cảnh đẹp ở trời Tây : *hoa sen năm sắc nở ra nghìn đóa, bảy lớp cây quý, bảy tầng ánh sáng.*

e) Cõi Phật, như Phật quốc, chỉ cõi Tây phương cực lạc.

f) Sớm chiều dốc lòng quy hướng Phật Di Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc để lúc lâm chung được ngài hiện đến đưa về.

17)
Gập ghềnh chân bước lên cầu,
Hương giang ngọn nước một màu xanh xanh.
Kìa hôm gió mát trăng thanh,
Gặp thuyền rước khách bộ hành còn đây.
Canh gà giục giả sáng ngay,
Phá Tam giang độ nửa ngày vượt qua.
Cho hay bốn bể một nhà,
Nước non đâu đó cũng là tri âm.
Cùng trong thanh khí tương tầm,
Luận văn xin chép ngẫu ngâm một bài.
Nhìn xem phong cảnh quê người,
Kìa trong Ái Tử, nọ ngoài Trung Kiên.
Rộn ràng lại bước xuống thuyền,
Mấy câu nhân quả ắt nguyền non sông.
Phía đông trời mới rạng hồng,
Bến đò Châu thị đã trông thấy người.
Thuyền hò vừa ghé tới nơi,
Trung hò còn hãy dặm ngoài xa xa.
Ác vàng bóng đã hầu qua,
Đi cho thấy Bụt thiệt là đến sen.
Biết bao miếu Thánh chùa Tiên,
Mới qua Quán Cát lại liền Quán Dâu.
Chợ Hôm bước tới mau mau,
Chợ Chè chen chúc, đò Hàu lần sang.

Nón dâu khăn xách lang thang,
Non xanh nước biếc một nàng trăng thu.
Màn trời nệm đất ngao du,
Đầu non cột liễu tối đâu là nhà
Trông chừng Đó nhảy lần qua,
Quán Ngư sớm đã lần ra chốn này.
Ba Đồn, Quảng Trạch gần đây,
Ghé thăm thiện hữu ít ngày lại đi.
Kính đưa mấy chữ phân kỳ,
Người lên Ba Cóng. tôi về đò Gianh.
Sầu đông một dẩy xanh xanh,
Đến công quản Phú hỏi anh trạm này.
Đồn Còn nước độc lắm thay,
Mừng ông điện chủ lúc này bình yên.
Vùng chùa chốn ấy rất thiêng,
Khỏi đền Công Chúa mới lên nữa đèo.
Bước cao bước thấp lần theo,
Lầu bia đến đó ta đều nghỉ chân.
Sơn xuyên nọ cũng quỷ thần,
Chùa Tiên một hội đã gần đến nơi.
Bút hoa dâng chép một bài,
Trên cao biết có thấu lời cho không?
Ngó lên thiên tượng nghìn trùng,
Mây chia năm thức, đá lồng đầu non.
Chim kêu, vượn hót véo von,
Hỏi sư năm trước người còn ở đây.
Hay là hạc đã theo mây,
Trước hiên để bóng trăng gầy cho ai?
Hãy còn mấy trạm, mấy thoi,
Cầu Dần, sông Lịch một hồi lần sang.
Trông chừng Bến Thủy đò ngang,
Thoắt đâu đã thấy Nghệ An tỉnh thành.
Trăng thềm gió ngõ rung rinh,
Mấy khi cúc phố lan đình lại qua?
Rạng ngày ra đến nhà ga,
Nón mang khăn xách đợi mà lên xe.

Am âm nồi tiếng xúp lê,
Hoàng Mai ghé lại đã kề **Đền Công.**
Xoay như gió, lộn như rồng,
Nào hay chắp cánh sanh lông bao giờ !
Nước non hoa cỏ lờ mờ,
Trước liên đã thấy ngọn cờ **tỉnh Thanh**
Rộn ràng kẻ bắc người kinh,
Nghĩ mình có biết nói mình là ai !
Nén hương dâng trước Phật đài,
Chùa Tiên rồi lại vội dời gót hoa.
Hàm Rồng thẳng xuống nhà ga,
Mới lên **Chương Cát** lại qua **Triệu Tường.**
Sơn thanh thủy tú lạ thường,
Từ đây mới biết để hương quê nhà.
Đền Sùng ngọn núi bao xa,
Cảnh còn trước mắt người đà lên xe.
Biết bao sông hẹn non thề,
Gió trăng đâu đã giục về **Kim Sơn.**
Trời riêng cho một cuộc nhàn,
Mới lên **Hương Tích,** đã sang **Nhị Hà.**
Tây Hồ tháng lại ngày qua,
Mây bay hạc liệng thu đà sang đông.
Mới hay sắc sắc không không,
Một tay cắp hết non sông lại về.

Chú thích : Bài lục bát trường thiên 84 câu này mang nhan đề 鶴程吟 : Hạc trình ngâm : khúc ngâm về hành trình vân du của nhà Sư được SVT sáng tác sau lần đi ra Bắc về, khoảng từ 1901 — 1923, thời gian S còn trú trì chùa Ba la mật.

Bài ngâm này được phiên âm từ bản nôm cũ tìm được ở nhà phu nhân ông Nguyễn Khoa Vĩ chép trên giấy bản thường, có nhiều chữ sai cả lối ghép chữ nôm, bởi thế, chắc có chỗ còn sai lầm, nhất là vô số địa danh tỉ mỉ trong bài. Chúng tôi không thể biết được hết, bởi vậy, chỉ sao lục lại và in các địa danh bằng chữ đứng và đậm, may ra, sau này có thể hiệu chính lại được.

18) Nền linh hiền nghìn xưa chung tú,
Riêng một tòa động phủ thiên nhiên.
Chầu xưa vốn đấng công tiên,
Giáng trần độ thế về miền non xanh.
Mây năm thức lung lay bảo điện,
Ngát một mùi hương triện bao la.
Nguồn đào khuya sớm vào ra,
Hoa tươi dạng (?) áo, sen pha bóng giày.
Cành thoa vàng lung lay mái tóc,
Vẻ thanh kỳ thốt ngọc chào xuân.
Bên tay sẵn giắt gươm thần,
Mấy phen quán Sở lầu Tần ai hay.
Khi vần chớp ùn mây xấp xới,
Nổi oai thiêng sấm dậy trời Nam.
Người nhập thánh, kẻ siêu phàm,
Nước non xanh ngắt uy (?) lam một màu.
Khi sân quế cung chầu phụng lệnh,
Lúc sóng tùng nổi tiếng ca xang.
Hiên mai thỏ thẻ oanh vàng,
Gió bờ hiu hắt, mây ngàn nhặt thưa.
Miền lâm lục thừa ưa theo thú,
Tháng ngày vui thủy tú sơn thanh.
Ghềnh đào sóng nước lung linh,
Thuyền lan đâu đã tập tềnh dò la.
Duyên xưa cũng trăng già xui khiến,
Nghĩa Tấn Tần mượn chén giao hoan.
Mãn kỳ rẽ thúy chia loan,
Chầu lên nguyệt điện tiên ban cùng về.
Chạnh miềm nhớ cảnh quê thanh hứng.
Xuống phúc lành hiền ứng muôn phương.
Thú vui mượn tiếng Mán Mường,
Cõi trần mấy kẻ tỏ tường sự Tiên!
Khi trướng huệ gương nguyền soi bóng,
Tấm trinh thành lồng lộng trời mây.
Máy thiêng độ thế rạng bày,
Công cao, núi thấp; đức đầy, sông vơi.

Khi động phủ reo cười dưới nguyệt,
Các hoa nương chầu tiệc quỳnh dao.
Phẩm tiên trời hạnh mây đào,
Thác rèm nương gió lối vào đường xa.
Đôi giậu trúc la đà trên thác,
Giọt sương ghềnh lác đác hoa lau.
Quyền ngài lắm cõi nghìn châu,
Chim kêu, vượn hót, voi chầu, hùm ngâm.
Khi ghẹo nguyệt cung cầm dưới suối,
Lúc lên non sáo thổi phụng hoàng.
Bồng hồ ngày tháng tiêu nhàn.
Quả bồ đề lại sẵn sàng kiếp tu.
Lòng từ ái sở cầu như nguyện,
Phép thần thông khắp hiện nhân gian.
Tiếng ngài gần dậy xa vang,
Nghìn năm danh tạc bia vàng sắt son.
Dẫu sông cạn đá mòn chi nữa,
Dấu linh thiêng còn giữa trần ai.
Chúng tôi kính mộ bóng ngài,
Chúc dâng mấy chữ, hổ lời dại quê !

Chú thích : Bài này làm theo lối song thất lục bát, dài 56 câu, người ta vẫn quen gọi là «Văn Tế Thánh Mẫu». Lời lẽ nghiêm trang, diễm lệ, ý tưởng thành kính, tương truyền S soạn để các nhạc công hát lên khi chầu Thánh Mẫu tại điện Hòn Chén, tức Điện ở Ngọc Trản Sơn. Sự tích Thánh Mẫu nhiều sách đã chép rõ. Chúng tôi có 3 bản khác nhau nhiều ít, và còn nhiều chỗ ngờ, nên không thể hiệu chú trước khi có bản đáng làm tiêu chuẩn.



19) *Tượng nghe đại địa sơn hà,*
Luống trong sinh tử cửa nhà vốn không.
Có hồn hoạnh tử yểu vong,
Nương thuyền bát nhã thoát vòng mê luân.
Trên thì tướng tướng, vương công,

Dưới thì công, cổ, sĩ, nông chư vị.
Gái trai những kẻ tôn ti,
Hoặc là tử trận, có khi oan tình.
Hoặc là vương pháp gia hình,
Uống trúng độc dược hại mình tự nhiên.
Sa cơ sóng gió chìm thuyền,
Lỡ làng lời hẹn, cưu phiền mạng chung,
Xà thương hổ đả hãi hùng,
Huyết hồ sản nạn (1) phút trông sẩy rồi !
Hoặc là mắc phải thiên lôi,
Vong thân chú trớ bồi hồi mạng chung.
Hoặc là đường sá lỡ làng,
Mắc phải dịch lệ ôn hoàng chẳng dung.
Hà sa phẩm loại khôn cùng,
Lòng thành tín chủ mời chung các loài.
Từ rằng theo bóng Như lai,
Đã không cứu vớt lấy ai nương nhờ.
Từ đường đâu có phụng thờ,
Cô đơn độc lập, bơ phờ cỏ cây.
Thảm thương mặt nước cung mây,
Rả rời xương thịt, hồn bay lạc loài.
Chẳng hay thử vảng hàn lai,
Bốn mùa cốt nhục không ai kiếm tìm.
Thân bằng ít kẻ tri âm,
Lấy ai cứu vớt mà hòng thoát ly !
Thảm thương về chốn thổ ty,
Luôn trong diều diều lấy gì mà ra !
Nương nhờ tín chủ toàn gia,
Thọ tài hưởng thực mà qua Liên trì.
Từ rằng vâng phép từ bi,
Siêu phàm nhập thánh liễu kỳ oan thân.
Sớm khuya cửa Phật ân cần,
Phù trì gia chủ thừa ân những ngày.

---

1) Câu này thỉnh kẻ cô hồn hoạnh tử khi lâm sản hoặc bị sẩy thai, sút thai.

Đừng còn theo thói mê say,
Tham lam quyết đoạn, từ rày lánh xa.
Nam mô đức Phật Di Đà,
Phóng quang tiếp dẫn hà sa cô hồn.

xox

Trước triệu thỉnh lũy triều đế chủ,
Trên ngai vàng trải nối hầu vương.
Chín tầng điện các đài gương,
Nước non muôn dặm, mười phương cầm quyền.
Nghìn năm vương khí danh truyền,
Xe loan để tiếng oán phiền chưa thôi!
Tiếng quyên kêu nguyệt bồi hồi,
Ngành đầu huyết nhiễm, hận thôi chinh trường.
Tiền vương hậu bá khôn lường,
Nghe lời triệu thỉnh đáo đường lai lâm.

xox

Lại thỉnh kẻ Ngũ lăng tài tuấn,
Đấng hiền lương trí dũng khôn ngoan.
Giá trong tiết trắng làm quan,
Một lòng báo quốc nên trang đan thành.
Nam châu bắc huyện thơm danh,
Theo nơi tang thác bỏ đành quê hương.
Thiên nhai hải giác khôn lường,
Sa cơ tạo hóa theo đường Bồng lai.
Than ôi! Những đấng anh tài,
Theo dòng thệ thủy cách đài dương quan.

xox

Lại thỉnh kẻ đăng đàn bái tướng,
Chức phong hầu đứng trước muôn dân.
Sức dời bảo đỉnh nghìn cân,
Trường thành muôn dặm vinh thân tháng ngày.
Trướng hùm sương nhiễm, ghê thay!
Sa cơ một phút đổi thay công hầu.

Thương ôi người ngựa ở đâu,
Xui nên hoa cỏ thảm sầu khôn dung.
Xiết bao tướng súy anh hùng,
Lánh nơi vinh hiển theo cùng âm ty.
Những người sa trụy bất kỳ,
Nghe lời triệu thỉnh đồng thì đến đây.

xox

Lại thỉnh kẻ văn nhân tài tử,
Chốn thư phòng cửa Khổng vào ra.
Bút nghiên kinh sử ngâm nga,
Văn chương tu luyện đợi khoa nương mình.
Mơ màng lấp lóa đèn huỳnh,
Công phu khổ dụng đăng trình gặp khi.
Mười năm tân khổ mình thi (?)
Nào hay một phút xa kỳ công danh !
Hồng lô tính tự rành rành,
Đất vàng một nắm lấp thành văn chương.
Văn nhân tài tử khôn lường,
Nghe lời triệu thỉnh đáo đường lai lâm.

xox

Lại thỉnh kẻ xuất trần thượng sĩ,
Nương rừng Thiền lánh chỗ phàm phu.
Cao tăng quyết chí tinh tu,
Trăm năm giới luật công phu dùi mài.
Giữ gìn phạm hạnh hôm mai,
Tỳ kheo ni chúng khác người thế gian.
Hoàng hoa, thúy trúc luận bàn,
Không đàm bí mật nên mang thế tình (?)
Bóng đèn lấp lóa hư minh,
Than ôi ! Một phút dứt tình Thiền lâm.
Nghe lời bát nhã, phạm âm,
Truy y Thích tử lai lâm đáo đàn.

xox

Lại thỉnh kẻ hoàng quan dã cảnh,
Chốn Bồng lai sớm luyện đan tiên.
Nương theo thạch động đào nguyên,
Tu tâm luyện tính cho truyền thảnh thơi.
Danh thơm chưa nức trong đời,
Vô thường khi đã đổi dời công phu.
Thương ôi! Sương tuyết dãi dầu,
Tiêu điều gió thảm hoa sầu hơi sương.
Huyền môn đạo sĩ khôn lường,
Nghe lời triệu thỉnh đáo đường lai lâm.

xox

Lại thỉnh kẻ nhung y chiến sĩ,
Với những người lâm trận kiện nhi.
Cầm bạch tiết, vác hồng kỳ,
Tức gan quyết chí trận kỳ hơn thua.
Trung thành hết sức phò vua,
Nào hay một phút xa đưa dặm trường.
Thương ôi! Huyết lụy sa trường,
Thà ôm xương trắng (?) để đường cho ai!
Trận vong binh sĩ anh tài,
Nghe lời triệu thỉnh đáo đài lai lâm.

xox

Lại thỉnh kẻ cung phi mỹ nữ,
Chốn lâu đài khuê các vào ra.
Ướp xông hương xạ diềm dà (?)
Phấn thoa sáp đánh màu da khác người.
Mặt hoa mày liễu tốt tươi,
Hình dung yểu điệu, miệng cười như hoa.
Hồn tiên kim ốc ra vào,
Hoa tàn nguyệt khuyết phút đà thấy đâu!
Thương ôi! Ngọn gió thổi sầu,
Đống vương khô héo dãi dầu cỏ sương.
Quần thoa phụ nữ khôn lường,
Nghe lời triệu thỉnh đáo đường lai lâm.

xox

Lại thỉnh kẻ giang hồ ky lữ,
Trải tháng ngày mua bán tranh đua.
Đổi dời lừa tráo hơn thua,
Đào công nối nghiệp bán mua so lường.
Chẳng ngờ nổi trận phong sương,
Mình vào ngư phúc dương trường, khốn thay !
Hồn dời bể bắc dặm dài,
Phách về đông hải ngàn ngày thảnh thơi.
Tha hương lữ khách lỡ thời,
Nghe lời triệu thỉnh lại nơi Pháp đàn.

xox

Lại thỉnh kẻ hoài thai thập nguyệt (1),
Chịu đắng cay tọa thảo tam triều (2).
Bằng khi loan phụng hòa yêu,
Hùng bi hiệp mộng xiết bao tháng ngày,
Gái trai còn hãy chưa hay,
Đêm trường mẫu tử phút này giai quy.
Thương ôi ! Hoa nở chính kỳ,
Nào hay một phút gặp khi mưa dầm.
Huyết hồ sản nạn lỗi lầm,
Nghe lời triệu thỉnh lai lâm pháp đàn.

xox

Lại thỉnh kẻ nhung di man địch,
Tiếng chẳng thuần ngọng lịu như câm.
Lại còn trong dạ hiểm thâm,
Cưu điều hung dữ lưu tâm hại người.
Khinh khi tam bảo chê cười,
Tội khiên chất để bằng mười hà sa.
Ngỗ ngang mắng mẹ khinh cha,
Chẳng may hồn phách la đà, (?)
Mịt mờ vũ trụ bao là đớn đau !

---

1) 懷胎十月. 2) 坐草三朝

Thương ôi! Ần ần phương nào,
Ngày xuân chẳng thấy ra vào u quan!
Hỡi người bội nghịch si ngoan,
Nghe lời triệu thỉnh lai quan pháp đàn.

xox

Lại thỉnh kẻ cơ hàn cái giả,
Bị lao tù mắc phải gia hình.
Gặp cơn thủy hỏa bất bình,
Một đời bỗng chốc vô tình mệnh vong.
Nghìn năm oan khí chưa xong,
Linh hồn nhất điểm nhạn mong mơ màng (?).
Trời xanh tiếng hạt rộn ràng,
Gió lay hoa rụng lỡ làng, thương thay!
Mấy người hoạnh tử xưa nay,
Nghe lời triệu thỉnh đến ngay pháp đàn.

Chú thích : Bài này mang nhan đề «Văn tế cô hồn,» gồm 173 câu. tác giả diễn nôm phần nghi đàn hạ gồm một bài chiêu hồn và một bài thỉnh thập loại nguyên tác bằng chữ hán trong quyển Mông Sơn Thí Thực Khoa Nghi 蒙山施食科儀 mà người ta quen gọi là chẩn tế. Chúng tôi tìm thấy hai bản nôm viết bằng tay trên một xấp giấy rách nát, nét chữ li ti và nội dung sai biệt với nhau nhiều. Bởi thế, chúng tôi so sánh với bản đã được phiên âm ra quốc ngữ của Thượng Tọa Thích Như Ý để chép thành bản ở đây. Nhưng còn rất nhiều chỗ tối nghĩa, khó chú thích và hiệu chính được. Hy vọng sau nầy tìm được bản khác chính xác hơn rồi hẳn hiệu chính lại cẩn thận.

文

CHƯƠNG II

VĂN

VĂN CHỮ NÔM

LỜI KÍNH CÁO VIỆC LẬP CHÙA SƯ NỮ Ở HUẾ

Nước ta từ khi có đạo Phật đến nay, trải Đinh, Lý, Trần, Lê cho đến bản triều đã ngoài nghìn năm. Trên từ các bậc đế vương, dưới đến muôn dân trăm họ cùng những kẻ hương khuê tú các, phần nhiều kính mến đạo Phật. Biết bao nhiêu chùa xưa, tháp cũ, dấu tích còn truyền.

Lâu nay, Bắc Kỳ, Nam Kỳ, đã có nhiều chùa Sư Nữ, đường lối tu tập cũng chẳng khác gì Sư nam. Chốn đế thành đây là nơi tùng lâm danh thắng, trong bạn nữ lưu cũng lắm người phát tâm mộ đạo. Song các chùa công và tư, kể có sáu bảy mươi cảnh, mà chưa thấy có một cảnh nào là lề lối riêng về phần Sư nữ. Xót nổi sông mê bể khổ, biết đâu là mái thuyền từ! Nay có bà Quan phi Trần Thị, ở chốn phòng tiêu cung quế, mà có chí tịnh độ quy tâm. Nét vẽ thiên nhiên, hoa nồng mùi đạo; mảnh gương thanh bạch, trăng dọi lòng Thiền. Sẵn lòng dắt dìu cho bạn phòng khuê sớm nên cội phúc. Hợp các bà đồng chí lập một sở chùa Sư nữ ở Huế, rước các Ni sư

đến ở chùa ấy, cử bà nào thông hiểu kinh luật làm chủ trì đó, đặng dạy bảo cho những kẻ mới phát tâm tu hành, điều gì khuyết điểm lại nhờ có chư sơn các vị tôn túc vẽ bảo cho. Cái lòng từ thiện đề xướng ra được việc ấy rất thật xứng đáng.

Vậy, xin các bậc thanh tín sĩ nữ cũng nên tán thành cái hạnh nguyện ấy sao đặng viên mãn thành tựu, khiến cho bạn nữ nhi có chốn an tâm niệm đạo.

Mây tạnh trời quang, xe lọc nữ sen vàng nhẹ bước; gió thanh trăng, viện Quan âm trúc tía nên rừng. Ấy là nhờ có tấm lòng của các bậc từ thiện giúp nên công quả vậy.

Nam mô A Di Đà Phật.

21A21B

Chú thích: Khi lập chùa Sư Nữ ở thôn Tứ Tây, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, Sư Viên Thành đứng thay lời Quan phi Trần Thị pháp danh. Thanh Chân làm tờ cáo bằng chữ hán và chữ nôm để bày tỏ cùng chư sơn tôn túc và quảng đại quần chúng.

Bài khải bằng chữ hán chẳng qua cũng lấy ý nghĩa của bài chữ nôm nhưng văn từ êm ái, bóng bẩy hơn (LƯTS27A27B 28A).

Bởi thế, chúng tôi phiên âm bài cáo bằng chữ nôm trên đây để làm tài liệu về chùa Sư Nữ đồng thời giới thiệu lối hành văn nôm của Sư Viên Thành.

VĂN CHỮ HÁN

1) 寄絅軒先生

豆棚瓜架風雨蕭蕭病骨支牀無銷遣計昨見
足下案頭書有吳梅村詩集祈惠借數卷於燈
下披畧以慰岑寂至若許玄度聞時不忘會稽
之約幸矣餘不宣 2B

Phiên âm : Ký Quỳnh Hiên tiên sinh,

Đậu bằng qua giá, phong vũ tiêu tiêu, bệnh cốt chi sàng, vô tiêu khiển kế. Tạc kiến túc hạ án đầu thư hữu Ngô Mai Thôn thi tập (a), kỳ huệ tá sổ quyển, ư đăng hạ phi lược dĩ úy sầm tịch.

Chí nhược Hứa Huyền (b) độ nhàn thi bất vong Cối Kê chi ước, hạnh hĩ. Dư bất tuyên.

Chú thích: Bức thơ cảm động trên đây do S gửi Cư sĩ Quỳnh Hiên để mượn tập thơ của Ngô Vĩ Nghiệp về đọc trong những ngày buồn.

a) Tác phẩm của Ngô Vĩ Nghiệp 吳偉業, người đời Thanh, xuất thân tiến sĩ, làm quan đến chức Quốc tử Tế Tửu đời Khang Hy. Văn chương nổi tiếng đương thời, nhưng thiên về tình buồn, lại có tài về hội họa sơn thủy, nét bút thanh đạm, tiêu sơ.

b) Người đời Tấn vốn tên Mại 邁, từ nhỏ ham thích cảnh tiêu dao, cùng bạn thân dạo chơi khắp sơn thủy, nên cải tên là Huyền. Chơi thân với Vương Hy Chi 王羲之 ở Cối Kê, gọi là thế ngoại giao. Sau tịch cốc tu tiên và mất tích giang hồ, có người bảo đã thành tiên bay đi mất.

Dịch: Gửi Quỳnh Hiên tiên sinh,

Giàn dưa liếp đậu, mưa gió tả tơi, nằm bệnh liệt giường không kế tiêu khiển. Hôm trước, thấy đầu án thư của túc hạ có tập Ngô Mai thôn thi tập, nay vui lòng cho mượn ít quyền để khêu đọc dưới đèn, may ra an ủi được cơn tẻ ngắt. Đến như Hứa Huyền nếu nhàn mong không quên lời hẹn Cối Kê là may lắm vậy (1).

Còn nhiều điều chưa nói hết.



2) 寄晏如兄翁

造化小兒真若人者弟每值立冬節就有這腹痛之症所以數天不能跟過請安萬望見恕閒

1) *Mong bạn đừng quên mình, như Hứa Huyền không quên Vương Hy Chi. Nếu rảnh rỗi; có ý mong Quỳnh Hiên sang thăm.*

了的時候還求來過瞧瞧趁此雨窗荼椀說幾句話兒也不至冷落再祈擲還看過玉溪生集或一兩卷爲望 9A

Phiên âm : Ký Ấn Như huynh ông,

Tạo hóa tiểu nhi chân nhược nhân giả. đệ mỗi trị lập đông tiết tựu hữu giá phúc thống chi chứng. Sở dĩ sổ thiên bất năng cận quá thỉnh an, vạn vọng kiến thứ. Nhàn liễu đích thì hầu hoàn cầu lai quá tiêu tiêu, sấn thử vũ song trà uyển, thuyết kỷ cú thoại nhi dã bất chí lĩnh lạc. Tái kỳ trạch hoàn khán quá Ngọc khê sinh tập (a), hoặc nhất lưỡng quyển, vi vọng!

Chú thích : Bức thơ này gửi Ấn Như để hỏi thăm sức khỏe và mượn tập thơ của Lý Thương Ẩn.

a) Biệt hiệu của Lý Thương Ẩn 李商隱 là Ngọc khê sinh và tác phẩm của ông có 3 quyển gọi tên như thế.

Tạm dịch : Gửi Ấn Như huynh ông,

Trẻ tạo hóa thật cũng giống người, đệ mỗi lần vào tiết lập đông liền bị chứng đau bụng, nên trong mấy ngày rồi không sang thỉnh an, vạn lần xin lỗi. Thì giờ nhàn rỗi, mong hãy sang thăm, gặp dịp bên cửa trời mưa, nhắp chén trà đậm, nói chuyện vài câu, không đến nỗi tẻ.

Lại xin vất qua cho một vài tập Ngọc Khê sinh, rất mong!

又

3) 啟謝女兄信芳惠橄欖

古言以善規人如贈橄欖以惡誘人如餽漏脯昨承寄惠北晒橄欖一盒別有深意而山野淺

識但覺口腹之佳不知情味之良苦既復作添鉢聲無怪姿子掩扉而罵之曰太無厭生呵呵
7A

Phiên âm : Khải tạ Nữ huynh Tín Phương huệ cảm lảm.

Cổ ngôn : «Dỉ thiện quy nhân như tặng cảm lảm, dỉ ác dụ nhân như quý lậu bô». Tạc thừa ký huệ bắc sái cảm lảm nhất hạp, biệt hữu thâm ý, nhi sơn dã thiển thức, đản giác khẩu phúc chi giai, bất tri tình vị chi lương khổ. Ký phục tác thiêm bát thanh, vô quái bà tử yểm phi mạ chi viết : «Thái vô yếm sinh ! ». Ha ha !

Chú thích : Bức thư này gửi bà Tín Phương cám ơn đã gửi cho một hộp cảm lảm tàu phơi khô và có ý xin thêm một hộp nữa. Hành văn hết sức khéo léo, đầu mượn lời sách xưa để cám ơn sâu và cuối dẫn lời trong Chỉ nguyệt lục để kèo nài xin thêm, rào trước, đón sau; người cho phải mỉm cười bằng lòng và người viết chắc cũng được như ý. Thật là bức thư hay.

Tạm dịch : Kính tạ bà chị Tín Phương ban cho cảm lảm.

Người xưa nói : «Đem điều thiện khuyên người như cho cảm lảm, đem điều ác dụ người như cho nem chua » Trước đây, nhờ bà chị tặng cho một hộp cảm lảm Tàu phơi khô, vốn có ý sâu sắc, nhưng kẻ nhà quê ở xó núi này chỉ biết mùi ngon cửa miệng, đâu hay tình vị cay ngọt chút gì ! Lại còn muốn gõ bát (1) xin thêm nữa, há chẳng sợ bà chị nhà ta đóng cửa mà mắng cho rằng :«Đồ không biết chán !» Ha ha !



---

1) Theo luật : Thầy Tỳ kheo khi thọ trai muốn thêm đồ ăn thì nên gỏ bát chứ không được phép mở miệng nói cho thêm.

4) 寄棣園兄翁乞理小錶

山中時刻都忘賴有這小錶俾同世人知有甲子近因秋冬風雨致令臟腑有不調之處使置之案上返成無用物兹蒙最大眼力勘察又加之以少許膏脂使晝夜六時法輪常轉即彼雖無情亦知感矣爲此敬委山童遞來幸不見棄爲荷松風蕭颯敬請金安 63B

Phiên âm : Ký Lệ Viên huynh ông khất lý tiểu biểu.

Sơn trung thì khắc đô vong, lại hữu giá tiểu biểu tỉ đồng thế nhân tri hữu giáp tý. Cận nhân thu đông phong vũ, trí linh tạng phủ hữu bất điều chi xứ, sử trí chi án thượng phản thành vô dụng vật. Tư mông tối đại nhãn lực khám sát, hựu gia chi dĩ thiểu hử cao chi, sử trú dạ lục thì pháp luân thường chuyển tức bỉ tuy vô tình diệc tri cảm hỉ. Vị thử, kính ủy sơn đồng đệ lai, hạnh bất kiến khí vi hạ. Tùng phong tiêu táp, kính thỉnh kim an.

Chú thích : Bức thư này gửi cho huynh ông Lệ Viên nhờ sửa giúp đồng hồ. Tuyển vào đây để thấy thêm khía cạnh hoạt bát của SVT qua lối thư từ, điều gì cũng có thể viết hay được.

Phiên dịch : Kính gửi ông anh Lệ Viên
nhờ sửa đồng hồ nhỏ để bàn.

Giữa núi, thời khắc đều quên, nhờ có cái đồng hồ nhỏ may ra cùng người ngoài biết được ngày giờ. Gần đây nhân mưa gió thu đông, khiến cho tạng phủ của nó không được điều hòa, nên thành một vật vô dụng trên bàn.

Nay nhờ mắt thánh thông suốt xem xét lại cho và bỏ thêm chút ít dầu mỡ để ngày đêm, sáu thì (1), xe pháp thường quay thì nó tuy vô tình cũng biết cám ơn vậy.

Vì thế, kính nhờ sơn đồng đem về. Nhớ đừng bỏ quên thì đội ơn lắm đấy.

Gió tùng tiêu táp. Kính thỉnh vạn an.

文

5) 答致士陶莊如如道人

莊接徵詩文書意欲得楂菴詩文附錄于兩春山誌以光斯集又謂楂菴語錄固不必借兩春而後傳辭意如何謙卑稱奬如何過當令人讀之汗顏衲嘗思之佛言三界維心萬法維識心生種種法生心滅種種法滅一切諸法皆由心造乃至語言文字盡屬名相凡所有相皆是虛妄除佛法身外斷無有不壞之理衲往往參禪得句來坐將綺語點香臺自恨結習未除未能懺盡間有一二句在人口碑無計收來亦付之烏有大人海內聞名當時噪甚勤劬學問砥礪詞章為當代之尊匠加以林下久參玉版窮邈道源法苑珠林之精微雪山印海之雅輿無不冥搜所得發為詩文妙句格言壽之棃棗固其宜矣衲謹當叉手祝曰兩春山誌與如如道人千載並壽常於南閻浮提見之至於衲之詩若文偶有所作譬如雁過長空影沉寒水雁絕遺

---

1) Nhà Phật phân 1 ngày đêm (24 giờ) thành 6 thì : thần triêu : sớm ; nhật trung : giữa ; nhật một : chiều ; sơ dạ : đêm ; bán dạ : nửa đêm ; hậu dạ : về sáng.

蹤之意水無留影之心旣從空來應向空去無所障礙足矣謹此肅復敬惟諒之幸甚

楂菴敬書

5A5B6A

Phiên âm : Đáp Trí sĩ Đào Trang Như Như đạo nhân.

Trang tiếp trưng thi văn thư, ý dục đắc Tra Am thi văn phụ lục vu Lưỡng Xuân sơn chí (a) dĩ quang tư tập, hựu vị Tra Am ngữ lục (b) cố bất tất tá Lưỡng Xuân nhi hậu truyền.

Từ ý như hà khiêm ty, xưng tưởng như hà quá đáng, linh nhân độc chi hãn nhan.

Nạp thường tư chi Phật ngôn : tam giới (c) duy tâm, vạn pháp (d) duy thức. Tâm sinh, chủng chủng pháp sinh ; tâm diệt, chủng chủng pháp diệt, nhất thiết chư pháp giai do tâm tạo. Nãi chi ngữ ngôn văn tự tận thuộc danh tướng, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Trừ Phật pháp thân ngoại, đoán vô hữu bất hoại chi lý.

Nạp vảng vảng tham Thiền đắc cú lai, tọa tương ỷ ngữ (e) điềm hương đài, tự hận kết tập (f) vị trừ, vị năng sám tận. Gián hữu nhất nhị cú tại nhân khẩu bi, vô kế thâu lai, diệc phó chi ô hữu !

Đại nhân hải nội văn danh, đương thi tháo thậm, cần cù học vấn, đề lệ từ chương, vi đương đại chi tôn tượng. Gia dĩ lâm hạ cửu tham ngọc bản (g), cùng tố đạo nguyên Pháp Uyển châu lâm (h) chi tinh vi ; Tuyết Sơn ấn hải (i) chi nhã áo, vô bất minh sưu (j). Sở dĩ phát vi thi văn, diệu cú cách ngôn, thọ chi lê táo (k), cố kỳ nghi hỉ !

Nạp đương xoa thủ cẩn chúc viết : Lưỡng Xuân sơn chí dữ Như Như đạo nhân thiên tải tịnh thọ, thường ư Nam Diêm Phù Đề (l) kiến chi. Chí ư nạp chi thi nhược văn, ngẫu hữu sở tác, thì như nhạn quá trường không, ảnh trầm hàn thủy,

nhạn tuyệt di tung chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm. Kỳ tùng không lai ưng hướng không khứ, vô sở chướng ngại, túc hĩ!

Cẩn thử túc phúc, kính duy lượng chi. Hạnh thậm!

Tra Am kính thư

Chú thích: Bức thư này gửi đáp Như Như Đạo Nhân trí sĩ ở Đào Trang, trước tác tập «Lưỡng Xuân Sơn chí», sau khi đạo nhân gửi thư xin lục đăng một ít văn thơ của S vào tập sơn chí ấy. Nội dung khéo léo, hình thức văn hoa, có thể chia làm 3 phần:

— Mở đầu nhắc chuyện nhận được thư xin thơ văn và lời khen thưởng của đạo nhân khiến mình lo lắng.

— Phần giữa dẫn lời Phật dạy «nhất thiết pháp giai không» để quy kết rằng văn chương chỉ là hư huyễn.

— Đoạn cuối cầu chúc và an ủi khuyến khích đạo nhân đồng thời từ chối không tham gia vào sơn chí bằng cách đem giáo lý để biện luận và minh chứng lòng rỗng lặng, hư vô của mình.

a) Theo bức thư của Như Như Đạo Nhân gửi SVT xin đăng thơ văn của S vào tập Lưỡng Xuân sơn chí (LUTS 44B45A45B) thì được biết tập này lúc bấy giờ đã có cỡ 100 quyển làm trong khoảng 20 năm, sao chép thi phú của bạn bè gửi đến, trong đó có một tập phụ lục, muốn đăng thơ văn của S vào. Hiện chưa được biết tập này đã xuất bản hay chỉ chép lại để chuyền tay trong phạm vi thân hữu.

b) Tiếng nhà Thiền, chỉ sách sao chép lời đối đáp dạy dỗ giữa Thiền sư và đệ tử bằng bạch thoại thuần túy.

c) Tức 3 giới:

1. Dục giới : người và trời trong giới này đều có tình dục.
2. Sắc giới : người và trời trong giới này đều có hình sắc nhưng không có tình dục.

3. Vô sắc giới : người và trời trong giới này không có sắc tướng, tình dục và chỉ sống hoàn toàn tinh thần an lạc.

d) Tức vạn hữu trong vũ trụ.

e) Văn từ hoa mỹ, diễm lệ. Văn của Lương Vũ Đế : «所言圖美皆非事實不無綺語之過也: Sở ngôn đồ mỹ, giai phi sự thật, bất vô ỷ ngữ chi quá dã: Cái gọi là làm đẹp, đều không phải sự thật, chỉ vướng vào lỗi ngôn ngữ hoa bòe».

f) Nghiệp chướng tích lũy từ nhiều kiếp trước.

g) Sách quý báu.

h) Bộ sách do Thiền sư Đạo Thế 道世 soạn đời Sơ Đường gồm 112 quyển, gom góp các câu kinh đặc sắc để phân loại và chú sớ, giống loại huấn hỗ bên nhà Nho.

i) Cũng một bộ sách quý về đạo Phật đã thất truyền.

j) Tìm tòi các lẽ huyền vi, tức khảo cứu, tìm hiểu.

k) Người ta khắc bản in bằng gỗ cây lê và cây táo, nên bản sách gọi là lê táo. In sách lưu truyền đời đời gọi là thọ.

l) Xem trang 96, phụ chú 3.

Phiên âm: Thư đáp Như Như Đạo nhân ở Đào Trang.

Trân trọng nhận thư xin thơ văn, ý dạy muốn đem thơ văn của Tra Am tôi phụ lục vào Lưỡng Xuân Sơn chí để tăng phong sắc cho tập này, lại dạy thêm rằng Ngữ lục Tra Am tôi không cần đợi nhờ thế lực Lưỡng Xuân Sơn chí mới được lưu truyền. Từ ý khiêm tốn biết bao! Lời khen quá đáng biết bao! Bất giác đọc lên mà mồ hôi ướt đẫm!

Kẻ áo vải này thường nghĩ đến lời Phật dạy: Ba giới đều do tâm, vạn pháp đều do thức. Tâm sinh các pháp liền sinh; tâm diệt, các pháp liền diệt. Cho đến ngôn ngữ văn từ đều thuộc về danh tướng. Đã là danh tướng, đều là hư vọng. Trừ pháp thân của chư Phật, chắc chắn tất cả không có lý gì vĩnh viễn được. Thế nên mỗi lần tham Thiền phát ra được câu gì hay, e không khỏi mắc phải tội nghỷ ngữ, tự hận nghiệp chướng chưa trừ, chưa dễ một thời sám hối hết

được, thoản có một vài câu nghe được bị người đời chuyền miệng cho nhau, không cách thâu hồi lại được, đành cũng phó mặc biết sao!

Đại nhân trong nước vang danh, người đời đồn dãi. Cần cù học bối gọt rủa từ chương, làm bậc thầy cả cho buổi đời nay. Lại thêm lâu ngày tham vấn sách quý dưới rừng, ngược đến nguồn đạo. Nào lẽ tinh vi trong Pháp Uyển Châu Lâm, nào chỗ ẩn áo trong Tuyết Sơn Ấn Hải, đâu là chẳng sưu tầm. Cho nên phát ra thành văn chương lời đẹp, ý hay, khắc bản lưu truyền mãi mãi, cố nhiên đích đáng lắm! Kẻ áo vải này tưởng nên kính cẩn chắp tay chúc rằng Lưỡng Xuân Sơn Chi và đạo nhân Như Như cùng thọ nghìn năm, hiện hữu mãi ở cõi Nam Diêm Phù Đề vậy. Riêng kẻ áo vải này ngẫu nhiên có làm văn, thì cũng như nhạn liệng giữa trời trong, bóng chìm dưới đáy nước. Nhạn không có ý để dấu ở lại, nước chẳng có lòng lưu bóng làm chi. Đã từ không mà đến, cũng nên hướng không mà đi, miễn không chướng ngại là đủ!

Kính cẩn phúc đáp, cầu xin suy xét cho lời nói thật tình, cũng may lắm vậy!

Tra Am kính đáp.



6) 密山楂菴主圓成囑累詞

衲自幼投佛出家風雨禪林三十有餘年矣意欲淨佛國土成就衆生無奈福慧淺薄日復一日愧無進德加行繼紹前徽用報佛祖深恩本師令德真所謂楂不如梨也茲將入涅槃城致將佛事囑托後人慎無濫墜平生意願已畢然在家人以生育子爲子出家人割愛辭親以法子爲子自古禪家清規式遵已久今楂菴弟子

除未得法外現得四五人就中妙明寺長陳智
淵自少從衲出家稍有禪行而叢林規則頗得
諳詳應置為法長子阮智顯為波羅密寺長亦
自少從衲出家頗有功行敏幹諄誠應充為本
菴監寺相與提携策進後輩俾得繼守家風無
使陵替至如衲之身後營茔諸事儀須一一聽
從諸山尊宿指教而後遵行勿違道意再者衲
之本房兄弟到此時豈無憐恤之心如有往來
弔問祈為一心念佛敬禮三實以助往生則衲
之受賜良多慎勿以世情相處庶免煩費兄弟
為望至如衲之後事送茔已委諸法子隨其豐
儉料理足矣衣鉢家風無多景況言盡於斯此
囑弟子陳智解應充為本菴知事弟子阮道鑑
應充為本菴知藏

保大戊辰十月日
密山楂菴主圓成手筆

至如弟子及弟年少未受具戒頗性癡鈍
其情可憫汝等兄弟善自提携教誨或可
成人勿棄為望

Phiên âm : Mật Sơn Tra Am chủ Viên Thành chúc lũy tử.

Nạp, tự ấu đầu Phật xuất gia, phong vũ Thiền lâm tam thập hữu dư niên hĩ. Ý dục tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh, vô nại phúc tuệ thiển bạc. Nhật phục nhất nhật, quý vô tiến đức gia hạnh, kế thiệu tiền huy (a), dụng báo Phật tổ thâm ân, bản sư (b) linh đức, chân sở vị tra bất như lê dả. Tư tương nhập Niết bàn thành (d), trí tương Phật sự chúc thác hậu nhân, thận vô phế trụy; bình sinh ý nguyện dĩ tất. Nhiên tại gia nhân dĩ sinh dục tử vi tử, xuất gia nhân cát ái từ thân, dĩ pháp tử (e) vi tử. Tự cổ Thiền gia thanh quy (f) thức tuân dĩ cửu. Kim Tra Am đệ tử, trừ vị đắc pháp ngoại, hiện đắc tứ ngũ nhân, tựu trung Diệu Minh

tự trưởng Trần Trí Uyên, tự thiếu tùng nạp xuất gia, sảo hữu Thiền hạnh, nhi tùng lâm quy tắc phả đắc am tường, ưng trí vi pháp trưởng tử. Nguyễn Trí Hiền vi Ba la Mật tự trưởng, diệc tự thiếu tùng nạp xuất gia, phả hữu công hạnh, mẫn cán thuần thành, ưng sung vi bản am giám tự, tương dữ đề huề sách tiến hậu bối, tỷ đắc kế thủ gia phong, vô sử lăng thế (g).

Chí như nạp chi thân hậu doanh táng chư sự nghi, tu nhất nhất thính tùng chư sơn tôn túc chỉ giáo nhi hậu tuân hành, vật vi đạo ý. Tái giả, nạp chi bản phòng huynh đệ (h) đáo thử thì, khởi vô liên tuất chi tâm? Như hữu vảng lai điếu vấn, kỳ vi nhất tâm niệm Phật, kính lễ tam bảo dĩ trợ vảng sinh, tắc nạp chi thọ tứ lương đa, thận vật dĩ thế tình tương xử, thứ miễn phiền phí huynh đệ, vi vọng.

Chí như nạp chi hậu sự tống táng, dĩ ủy chư pháp tử tùy kỳ phong kiệm liệu lý, túc hỉ. Y bát gia phong vô đa cảnh huống, ngôn tận ư tư thử chúc.

Đệ tử Trần Trí Giải ưng sung vi bản am tri sự (i), đệ tử Nguyễn Đạo Giám ưng sung vi bản am tri tạng (j).

Bảo Đại Mậu thìn niên, thập nguyệt... nhật.
Mật Sơn Tra Am chủ : Viên Thành thủ bút.

Chí như đệ tử Cập Đệ (k) niên thiếu, vị thọ cụ giới, phả tính si độn, kỳ tinh khả mẫn, nhữ đẳng huynh đệ thiện tự đề huề giáo hối, hoặc khả thành nhân, vật khí, vi vọng.

Chú thích : Đây là chúc thư được S soạn lúc lâm chung rồi xếp cất dưới gối, sau các đệ tử đỡ S dậy mới khám phá được.

Văn chương giản phác, rõ ràng, cẩn thận từng lời, từng ý, tuần tự việc lớn đến việc nhỏ, từ sắp xếp các pháp tử trọng yếu đến pháp tử ấu thơ, từ Phật sự đến gia sự, trên dưới, trong ngoài chu đáo cả. Đoạn cuối dứt nối, sụt sùi, tỏ ra tinh thần đã suy yếu.

Lúc lâm chung, S còn đủ sáng suốt để trước tác bài văn này, kể cũng đáng ngạc nhiên.

a) Ngọn núi nguy nga trước mắt, chỉ các tổ đời trước công đức vòi vọi như núi cao

b) Chỉ VGĐS Nguyễn Khoa Luận.

c) Đã chú thích trang 65 phụ chú 4

d) Đã chú thích trang 112 phụ chú 5.

e) Tức đệ tử, người xuất gia theo học đạo với thầy.

f) Quy tắc trong Thiền gia do Bách Trượng Thiền Sư soạn, nhan là Bách Trượng thanh quy 百丈清規, bộ này thất truyền. Sau Thiền Sư Đức Huy phụng sắc vua soạn lại bộ khác, theo nội dung bộ trước, nhan là «Sắc Tu Bách Trượng thanh quy». Bộ này làm tiêu chuẩn cho giới luật Thiền gia đến bây giờ.

g) Chỉ phép tắc, cương kỷ bị đổ nát.

h) Tức anh em bà con với S dưới phòng Định Viễn.

i) Còn gọi Duy Na 維那, người liệu lý sự sinh hoạt thường nhật của nhà chùa.

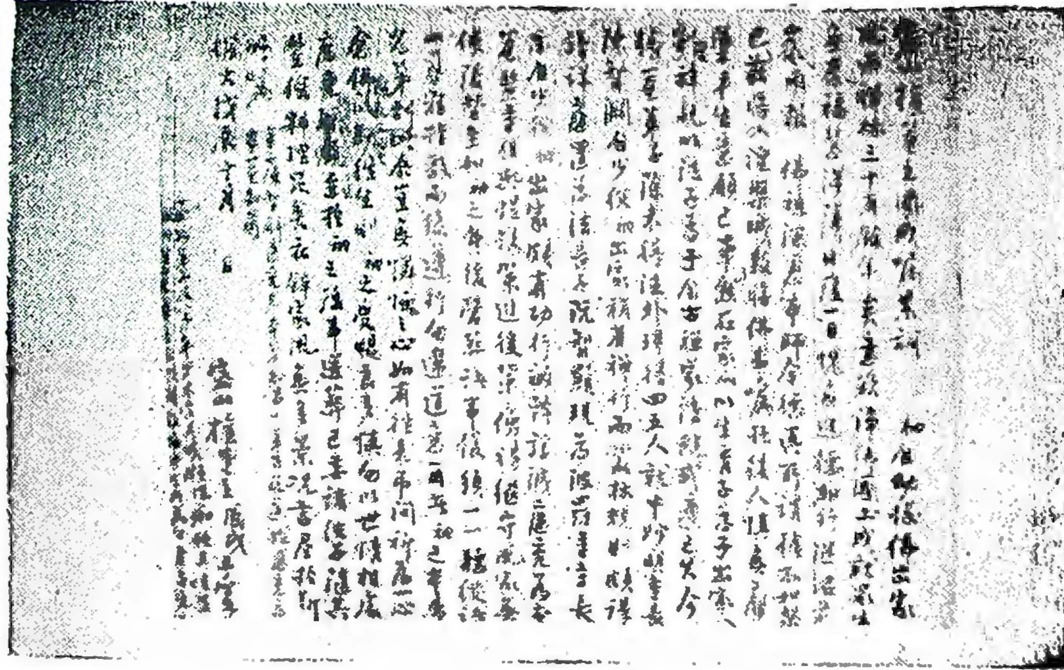
j) Người giữ kinh điển.

k) Đệ tử nhỏ nhất, tính tình ngây dại mà S đã cho bộ kinh địa tạng và mấy đồng bạc, bảo cố học cho thuộc để tụng niệm nuôi mình.

Phiên dịch : Chúc thư của chủ nhân Tra Am :
Thích Viên Thành

Bần tăng bỏ nhà theo Phật từ thuở còn thơ, tắm mưa chải gió giữa rừng Thiền đã hơn 30 năm lẻ. Những mong làm thành nước Phật thanh tịnh, dẫn dắt chúng sinh đồng thành chánh quả, chẳng nề phúc mỏng, tri hèn. Nào ngờ ngày lại ngày qua thẹn vì chẳng gia tăng hạnh đức lấy gì nối dõi tổ tông báo đáp ơn sâu Phật tổ và đức lớn của Thầy xưa. Thật đúng như lời Tra không bằng Lè vậy ! Nay lại sắp sửa về cõi Niết Bàn, phải đem Phật sự phó thác người sau, hãy cẩn thận giữ gìn, chớ để đổ nát ý nguyện bình sinh của bần tăng vậy.

Người đời lấy con sinh dưỡng làm con, kẻ xuất gia cắt đứt tình thương, chia lìa ruột thịt, lấy con trong đạo làm con.



HÌNH 31 : Chúc Lũy Từ, thư bút đặc sắc cuối cùng của Sư Viên Thành.

Từ xưa, chốn tùng lâm đều tuân theo quy củ ấy.

Nay đệ tử Tra Am, không kể những kẻ chưa đắc pháp, hiện được bốn, năm người. Trong đó, tự trưởng chùa Diệu Minh là Trần Trí Uyên, bỏ nhà theo bần tăng từ nhỏ, đầy đủ đạo hạnh, đức độ mà quy củ nhà chùa cũng am hiểu rõ ràng, đáng đặt làm con trưởng tử. Tự trưởng chùa Ba La Mật là Nguyễn Trí Hiền cũng theo bần tăng từ nhỏ, vốn có đạo hạnh công phu, thuần thành mẫn cán, đáng đặt làm Giám tự bản am. Anh em cùng nhau dắt dìu giáo hối người sau, sao cho nối dõi gia phong không để hư nát.

Còn phần lễ nghi tống táng, các con mỗi mỗi nên xin các bậc tôn túc chỉ dạy rồi sẽ làm theo, đừng trái ý các ngài.

Lại nữa, anh em bên Phòng bần tăng đến đây, há chẳng tỏ lòng quyến luyến thương xót? Như có ai đến điếu hỏi, chỉ xin dốc lòng niệm Phật, kính lễ tam bảo để giúp mau được vãng sinh, thế đã ban ơn nhiều lắm. Xin đừng lấy tình đời thông thường đối đãi, hầu tránh phiền hà phí tổn cho anh em. Rất mong.

Đến như việc tống táng, đã dặn anh em các con tùy hoàn cảnh nhà mình nhiều ít lo liệu cũng đủ

Thói nhà y đấp bát mang, cảnh ngộ không gì đáng kể, nói hết ở đây! Ấy là lời di chúc.

Còn đệ tử Trần Trí Giải giữ chức tri sự coi sóc công việc hằng ngày, đệ tử Nguyễn Đạo Giám giữ gìn kinh sách bản am.

Niên hiệu Bảo Đại, năm Mậu Thìn, tháng 10 ngày ...
Chủ nhân Tra Am: thủ bút.

Còn đệ tử Cập Đệ, tuổi nhỏ, chưa thọ cụ giới, lại thêm bẩm tính si độn, tình cảnh thật đáng thương. Anh em các con cố gắng dẫn dắt dạy bảo cho nên người, đừng có bỏ qua, nhớ đấy!



所識正非解刀脫三名無玄峻喝可世說古壇者豈日少定得妙板定盡要知也理理單解法者得林險行盡切異天乎根合頁不確畫請念謹目心善障妙絕其火說聖盡叢庭棒下一有經越靈道寺魚辯者禮助慧事之爲字佛劃下夫門入久下門施林令雖月不具與雲魯校學佈爲不卷旨憧文諸識幟丈法凡最天犀或遣爲椎日總夙便祥本己幾流宿固開直法生說情旗烈山超侍此超端水性古如要遇歸於舊曾庶爲尊衲諸磨大衆故落之猛東宗執自德雲影之方墨綱倘知侶諸本之顧諸起願達建破返颩眠非開心原明道錫吊有請繩家命然法見古正梓並緣末傳溪蓋忘言困世下佛青洞出飛以本門爲五慧豁諸仍得加[redacted]刊刊經單曹宇而之食矣謝悟嶽智而或足人宗以知佛而行發揮重工證重於師在文跡直餓鶩提樹南機然上島當上息故傳著淨省中者命爲其附大祖識滯質諸可菩洪維頭巍江絕揮從聲也心磕先有藏體然尚紀言祖也不心簡致亦於露數石公船涯發縛之昧本著覺深大合慨和跋數六教以自單魁用祖甘其祖諸弄危於去祖暸示觸門經於後是淨以營乃頓示了以渠大此壽記馬後或又在粘賴容直下山此乃前於心衲庸經圓通不嘗代機堪不莫出爾侶舞處解獨不乃之令閱同次旨綱囑參壇乘說人字一大以年燈故震禪弓隨間而照經言歟共異品之僧竣[redacted]寶大通學文拾入何七傳鼻大時張心世出衆此一偉居有置溪寺告辭法謂宗恐闕收直漢十載巴風當或調出橫今經於不安互乃曹諦將雖

入祖師大圓鏡智與自家本有之妙明真心無二無別方爲不負兹經亦不負兹刊也已.

時啟定乙丑
佛歡喜日
寶山楂菴釋圓成
謹跋.

Phiên âm : Trùng san Pháp Bảo Đàn kinh duyên khởi

Pháp Bảo Đàn kinh nãi Lục Tổ Đại sư đơn truyền Đạt-Ma trực chỉ chi tâm yếu, sở vị đại thừa viên đốn giáo dã.

•Tổ tại Tào Khê kiến đại pháp tràng, vi thiện tri thức, tông thông thuyết thông. Thị dĩ bất thức văn tự, cái phá chúng sinh văn tự chướng dã. Chính khủng học nhân bất liễu tự tâm, trệ tích nhi vong phản, cố thuyết chư Phật diệu lý phi quan văn tự. Thường dĩ đơn giản chất trực chi ngôn dương lạc tinh thức (a), tiểu tuyệt lý, giải (b). Thâu thập nhất đại cừ khôi, trí chư cơ thực khốn miên chi kỳ xý hạ (c), kỳ đơn đao trực nhập chi đại cơ đại dụng diệc khả kinh hỉ! Thế phi mãnh liệt trượng phu đại giải thoát hán, hà dĩ kham thử!

Tổ ư Bồ Đề thụ hạ khai Đông Sơn pháp môn (d), thuyết pháp tam thập thất niên, bất sí cam lộ hồng chú. Ngộ Phật tâm tông siêu phàm nhập thánh giả, danh tải truyền đăng, mạc ký kỳ số. Duy Nam Nhạc (e), Thanh Nguyên (f) chấp thị tối cửu, tận đắc vô ba tỵ (g), cố xuất Mã Tổ (h) Thạch Đầu (i) cơ trí động minh. Tự thử, thiên hạ tùng lâm, huyền phong đại chấn. Nhi hậu, chư công nguy nhiên nhi xuất, đạo đức siêu quần, môn đình hiểm tuấn. Đương thì Thiền lữ, hoặc lộng thuyền giang thượng, hoặc phi tích vân đoan, hoặc thị bổng hành hát, hoặc trương cung vũ xoa (j). Nguy nhai tuyệt đảo túc dĩ điếu ảnh, thủy biên lâm hạ tận khả điều tâm. Tùy xứ tại ư phát huy đương nhân bản hữu chi tính, vị linh nhất thiết thế xuất thế gian giải niêm khử phược. Tùng thượng tông môn chư phương cổ trùy (k), tuy hữu dị thuyết

hoạnh xuất, nhi độc lại Tổ chi thanh tức, dỉ vi thằng mặc, như nhật nguyệt kinh thiên, cổ kim mông chiếu, bất dung ái muội dã. Cố tri Ngũ gia (l) cương yếu tổng bất việt hồ Đàn kinh. Thử kinh nãi trực thị bản tâm, truyền Phật tuệ mệnh. Thảng ngộ túc cụ linh căn giả, ư nhất ngôn chi hạ, xúc trước khái trước nhi khoát nhiên tri quy, tiện dữ đạo hợp, khởi bất vĩ dư!

Kim sơn môn Giác Tiên, Tịnh Hạnh chư pháp lữ, ư Tường Vân tự hạ nhật an cư, cọng duyệt thử kinh, thâm hữu tỉnh phát. Nhưng kiến chư cựu bản, lỗ ngư bất thiểu, hỗ hữu dị đồng, nãi ư Đại tạng trung trạch đắc cổ bản, tằng dỉ hiệu thù xác thật, cập trí phẩm thứ tiền hậu hợp thể giả, trùng gia chính chi, thứ cơ học giả tận đắc Tào Khê chi chỉ. Ư thị khái nhiên mệnh công tầm tử chuyên vi lưu bố. Lễ thỉnh Diệu Đế Tự Tăng Cương Tâm Tĩnh vi chứng san, tịnh chư tôn túc vi trợ niệm. Bản tương cáo thoan, chúc nạp dỉ bạc kỷ kỳ trùng san duyên khởi. Nạp cố bất tuệ, nghị thật nan từ, cảm khánh dung quản sổ ngôn phụ ư kinh mạt.

Nguyện chư khai quyển cử mục trực nhập Tổ Sư đại viên cảnh trí dữ tự gia bản hữu chi diệu minh chân tâm, vô nhị vô biệt, phương vi bất phụ tư kinh diệc bất phụ tư san dã dĩ!

Thì: Khải Định Ất Sửu
Phật hoan hỉ nhật. (m)
Mật Sơn Tra Am
Thích Viên Thành
Cẩn Bạt.

Chú thích: Bài bạt nói về nhân duyên san định và khắc in lại kinh Pháp Bảo Đàn này được sao lại nguyên văn in ở sau kinh Pháp Bảo Đàn năm 1925, dưới triều Khải Định thứ 10. LƯTS, các tờ 18A 18B. 19A 19B và 20A, Bài tự này được chép với vài câu khác bản này, có lẽ vì đã được S nhuận sắc lại trước khi cho đem khắc.

Văn chương toàn bài trang trọng, cần nhã, nhiều điển tích. Bởi thế, chúng tôi cố gắng dịch lấy ý, cốt dễ hiểu, để vượt qua những trở ngại ấy.

Kể về Thiền Tông Trung Hoa, Tổ Huệ Năng thuộc vào đời thứ 6, đắc pháp với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn ở Hoàng Mai. Sau khi được truyền y bát, Lục Tổ thống lãnh môn đồ đến Tào Khê, mở pháp tràng tại chùa Bảo Lâm khai hóa suốt 30 năm. Thiền phong bấy giờ hưng thịnh thấy rõ. Và sau truyền qua hai ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư lại càng hưng thịnh hơn nữa. Tiếp đến, đệ tử của hai ngài Hoài Nhượng và Hành Tư là Mả Tổ và Thạch Đầu lại càng cố công xiển hóa Thiền phong rực rỡ hơn lên cho đến về sau.

Kinh Pháp Bảo Đàn gom góp tất cả cơ duyên hóa độ của Lục Tổ. Tương truyền tên kinh do chính ngài tự đặt ra để truyền bá hậu thế, làm ngọn đuốc chỉ đường cho kẻ theo vào cửa đạo, muốn được giải thoát nhanh chóng. Kinh này truyền vào Việt Nam ta đã lâu lắm, sao chép, khắc in không biết bao nhiêu lần, vì thế, xảy ra lắm lầm lẫn. Bởi vậy, vào mùa an cư ba tháng hạ năm Ất sửu, 1925, các Hòa Thượng Giác Tiên và Tịnh Hạnh đã đem lòng xem xét lại, so với bản trong Đại Tạng mà hiệu thù, đính chính và cho đem khắc in lại. Bản in gần xong, mới nhờ S soạn bài bạt giới thiệu như trên.

Nội dung tự sự rõ cơ duyên của Lục Tổ và chư đệ tử hóa độ chúng sinh, nhất là tầm quan hệ của kinh Pháp Bảo Đàn đối với việc học đạo, dẫn đến nhân duyên khắc in lại. Tất cả đều có thứ tự rõ ràng. Văn chương và ý tưởng rất đặc sắc.

a) Tâm lý học Tây phương gọi bằng danh từ khả năng tình cảm tức lòng thương ghét, vui, buồn, mừng, giận và sợ; còn thức là khả năng ý thức phân biệt, biện giải sự vật nội ngoại giới.

b) Lý tức suy luận và giải tức là phán đoán. Tóm lại, tình, thức và lý, giải bao gồm tất cả khả năng cảm tình, ý thức của tâm linh.

c) Chúng tôi dịch thoát câu này. Thật ra nguyên văn phải dịch : Lục Tổ thâu thập hết thảy danh tài đồng thời, đem những kẻ đói ăn mệt ngủ (biểu hiệu nhật dụng hằng ngày) đặt vào dưới cờ khiến họ xoay giáo đi thẳng vào trận địa thật cũng đáng kinh sợ. (Đại ý nói đem tất cả mọi người bất luận trí ngu đều có thể liễu ngộ được tự tâm bản lai diện mục của mình tất cả.)

d) Sau khi truyền y bát cho Lục Tổ, Ngũ Tổ vào ở ẩn trong núi Đông Sơn, nên từ ngữ này chỉ Ngũ Tổ, cũng như Hoàng Mai. Do đó câu trên bảo rằng Lục Tổ mở pháp tràng tại Tào Khê để hoằng dương chánh pháp của Ngũ Tổ

e) Tức Hoài Nhượng Thiền Sư 懷讓, họ Đỗ, người Kim Châu. Ban đầu, theo học với An Quốc Sư tại Trung Sơn, sau Quốc sư giới thiệu đến Lục Tổ. Đại ngộ, liền ở hầu hạ suốt 15 năm, rồi về hóa đạo ở Nam Nhạc. Sau truyền pháp cho Mã Tổ.

f) Tức Hành Tư Thiền Sư 行思, họ Lưu, người Cát Châu, Nghe thanh danh của Lục Tổ bèn đến tham yết, đại ngộ liền ở lại Tào Khê làm Thủ Tọa. Sau vâng lời Ngũ Tổ, về khai hóa ở Thanh Nguyên.

g) Còn gọi vô bả át 無把握, tức không dính dấp, được giải thoát, tiêu nhàn.

h) Tức Giang Tây Đạo Nhất Thiền Sư 江西道一, họ Mã, người Hán Châu, đệ tử bậc nhất của Hoài Nhượng, xiển hóa nổi tiếng vùng Lung Công Sơn, là sư tử, rồng thiêng của Thiền gia.

i) Tức Thạch Đầu Hy Thiên Thiền Sư 石頭希遷禪師, họ Trần, người Đoan Châu, đệ tử của Hành Tư, lập am trên một phiến đá lớn ở Hành Sơn giống hình đầu người, nên gọi tên như thế. Cơ duyên hóa độ của ngài vô cùng rộng lớn. Có làm Tham Đồng Khế 參同契 gần 200 lời, lưu hành đến nay.

j) Đoạn này nhắc đến cơ duyên hóa độ của các Thiền sư đương thời : có ngài chèo thuyền mà hóa độ (Hoa Đình Thuyền Tử 華亭船子), có ngài vung bồng trong mây, có ngài trương cung, có ngài múa xoa nhọn v.v... đều là phương pháp riêng để dẫn dắt người vào thẳng bản tâm.

k) Cái chùy cũ, vật sắc nhọn, có tác dụng xuyên phá,

xoi thủng, so sánh với lối khai thị độc đáo của Thiền sư có công hiệu phá tận chướng ngại của người học đạo. Do đó, cổ trùy tượng trưng cho các tôn túc, thạc đức của Thiền gia.

l) Tức 5 tổ: Đạt Ma 達摩, Huệ Khả 慧可, Tăng Xán 僧璨, Đạo Tín 道信 và Hoằng Nhẫn 弘忍.

m) Tức tăng tự tứ nhật 僧自恣日, nhằm ngày rằm tháng bảy âm lịch, chư tăng làm lễ xuất hạ, được chư Phật hoan hỉ công đức đóng cửa tỉnh tu 3 tháng, nên có tên như thế.

Phiên dịch: Bài Bạt nói nhân duyên khắc
in lại kinh Pháp Bảo Đàn.

Pháp Bảo Đàn là kinh do lục Tổ Huệ Năng truyền riêng lại tâm yếu chỉ thẳng của Nhất Tổ Đạt Ma, ấy là phép đốn giáo viên mãn của Đại thừa.

Là một bậc thiện tri thức thông Tông thống Thuyết, Tổ dựng pháp tràng lớn tại Tào Khê, thị hiện là người không biết chữ, cốt để đả phá cái văn tự chướng của chúng sanh. Chính vì sợ kẻ cầu học không liễu ngộ tự tâm, chấp nê văn tự đến nỗi quên mất đường về, nên Tổ mới dạy rằng nghĩa lý huyền diệu của chư Phật không dính dấp vào đó. Tổ thường đem lời giản dị, thẳng thắn, thật thà để triệt hạ tình, thức, trừ tuyệt lý, giải, thâu thập hết thảy danh tài đương thời, đặt dưới sự chỉ huy đói ăn, mệt ngủ tầm thường khiến trở thành đại cơ đại dụng, rút gươm xông vào trận địa, như thế thật đáng kinh sợ! Nếu không phải là bậc đại trượng phu đại giải thoát, dễ dâu làm nỗi!

Tổ hoằng dương pháp môn Đông Sơn dưới gốc bồ đề, thuyết pháp suốt ba mươi năm, biết bao cam lộ nhuần tưới. Những kẻ liễu ngộ tâm tông của Chư Phật, tên tuổi còn ghi ở sách Truyền Đăng, không thể nhớ hết. Duy hai ngài Nam Nhạc và Thanh Nguyên hầu hạ lâu nhất, đều nắm được chỗ căn nguyên yếu điểm nên mới phát xuất các ngài Mã Tổ, Thạch Đầu, cơ trí thông minh sáng láng. Từ đấy, trong chốn thiền

lâm, khí thế trồi lớn, liên tiếp các thánh tăng ra đời, đạo đức siêu quần, môn đồ thịnh phát. Bấy giờ, các Thiền gia hoặc giởn thuyền trên sóng biếc, hoặc múa gậy tít mây xanh, hoặc vung gậy nghêu ngao la hét, hoặc giương cung, múa lộn mũi xoa. Hoặc chỗ bờ thẳm chập chùng, hoang đảo xa xăm, cũng đủ thung dung chiếc bóng, bên bờ dòng nước, dưới bóng rừng già, đều để điều nhiếp tâm linh; tùy duyên cốt sao phát huy được bản tính sẵn có của mình, khiến cho tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều được cởi mở trói buộc.

Các bậc thạc đức đương thời, tuy tung nhiều dị thuyết dẫy dẫy, nhưng nhờ tiếng tăm hơi hám của Tổ nêu cao tiêu chuẩn, như mặt trời mặt trăng soi sáng lồng lộng khắp cả xưa nay, không để mờ mịt. Cho nên, hết thảy cương yếu Năm nhà đều không qua mặt Đàn kinh. Kinh này chỉ thẳng bản tâm của chúng sinh, truyền rõ tuệ mệnh của chư Phật, nếu gặp kẻ đầy đủ linh căn, một lời vừa dứt, gặp phải là thấu triệt liền và bỗng rõ đường về hợp cùng với đạo. Thật là một tác phẩm vĩ đại vậy! Nay các pháp lữ trong chốn sơn môn là Giác Tiên và Tịnh Hạnh an cư mùa hạ ở chùa Tường Vân, cùng nhau xem xét kinh này, hiểu ngộ được nhiều. Hiềm các bản cũ sai lầm không ít. Bèn cùng nhau chọn được bản trong Đại Tạng kinh, từng được hiệu thù xát thật, đặt thứ tự quán xuyến trước sau, liền tăng bổ nhiều lời cho chính xác, ngõ hầu học giả thâu thập được yếu chỉ của Tào Khê. Nhân đó, vui mừng sai thợ khắc bản ban hành. Lại lễ Tăng Cương Tâm Tịnh chùa Diệu Đế chứng minh và xin các bậc tôn túc trợ niệm. Bản in gần xong, đến xin bần tăng bài bạt ghi nhân duyên in lại, bần tăng vốn chẳng khá chút gì, song chỗ bạn thiết nghĩ cũng khó từ, nên dám góp ít lời quê kịch phụ ở cuối quyển.

Nguyện các bậc đưa mắt xem kinh vào thẳng được vành gương trí tuệ sáng suốt viên dung của Tổ và chân tâm huyền diệu minh bạch của mình vốn không hai, không khác. Như thế

là chẳng phụ kinh Pháp Bảo Đàn và cũng không phụ lòng lần in này vậy.

Năm Ất sửu, Khải Định thứ 10 (1925).
Ngày rằm tháng bảy.
Mật sơn Tra Am THÍCH VIÊN THÀNH
Kính viết.

又

8) 先嚴慈雙墓誌

古有見莪詩而慟哭望白雲而思親子讀報恩經顥歎迴環臨風隕涕感不托億千萬刧求解脫以渡潛靈香江之北御屏之南羅綺鄰村乃先家大人慈侍夫人之雙墓也平陽三尺茂密松楸好年好月磚築高邱寧獨沉羅香草而歛人之淚化爲珠風樹含悲則精衛之石難塡海唯願唯願蓮花化生齊登覺岸佛國長春寸草之情無限仙源衍派八功之水同清

乙酉年秋七月既望
孫子圓成泣述 65B

Phiên âm : Tiên Nghiêm Từ song mộ chí.

Cổ hữu kiến Nga thi (1) nhi đồng khốc, vọng bạch vân (2) nhi tư thân. Tử độc Báo ân kinh (3) hạo thán hồi hoàn, lâm phong vẫn thế, cảm bất thác ức thiên vạn kiếp cầu giải thoát dĩ độ tiềm linh ?

Hương giang chi bắc, Ngự bình chi nam, La ỷ (4) lân thôn, nãi tiên gia đại nhân, từ thị phu nhân chi song mộ dã.

Bình dương tam xích, mậu mật tùng thu, hảo niên, hảo nguyệt, chuyên trúc cao khưu. Ninh độc trầm La hương

thảo (5) nhi giao nhân (6) chi lệ hóa vi châu, phong thụ hàm bi (7) tắc tinh vệ (8) chi thạch nan điền hải.

Duy nguyện duy nguyện liên hoa hóa sinh, tề đăng giác ngạn. Phật quốc trường xuân, thốn thảo chi tình vô hạn ; tiên nguyên (9) diễn phái, bát công chi thủy (10) đồng thanh.

Kỷ dậu niên, (11) thu, thất nguyệt ký vọng.
Cô tử VIÊN THÀNH khấp thuật.

Chú thích : Bài chí này do S soạn năm kỷ dậu 1908 để khắc vào bia song thân nhân dịp trùng tu lại.

Lời văn lâm ly, bi thiết, nhiều điển tích, nhưng lại có tác dụng giúp cho ý tưởng thêm triền miên và man mác.

1) Một thiên kinh thi diễn tả lòng truy niệm công ơn trời biển của con cái đối với cha mẹ. Đời Tấn, học giả Vương Biều 王裒 giảng sách cho học trò, đến thiên này khi nào cũng nước mắt đầm đìa. Môn sinh thấy thế, không nỡ để thầy giảng nữa, liền bỏ thiên này.

2) Hàn Dũ trong bài thơ tả lại chuyến đi đày ở Triều Châu vì tội can vua rước cốt Phật vào cung có hai câu : 雲横秦嶺家何在,雪擁藍關馬不前 : Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại, tuyết ủng Lam Quan mã bất tiền : mây đầy Tần lĩnh nhà đâu nhỉ ! Tuyết lấp Lam Quan ngựa phải dừng. Đời sau dùng điển này chỉ sự nhớ nhà, hoài tưởng đến cha mẹ của con hiếu thảo.

3) Bộ kinh kể công ơn của cha mẹ, thường được đọc tụng trong lúc có tang cha mẹ.

4) Một làng bên cạnh Nam Phổ thuộc quận Phú Vang nơi táng song thân SVT.

5) Chỉ cha mẹ mất một cách đáng thương.

6) Theo Thuật dị ký, là một loại người cá sống ở bờ Đông hải, biết canh tác và dệt vải, mỗi lần khóc thì nước mắt ngưng đọng thành ngọc trai. Đây chỉ nước mắt bi lụy của con cái khóc lóc trước sự chết của cha mẹ.

7) Điền chỉ nỗi lòng đau đớn của con cái khi mất cha mẹ.

8) Tên loài chim nhỏ, đầu lông rằn, mỏ trắng, chân đỏ, sống ở bờ Đông hải, thường ngậm đá ở Tây Sơn về lấp biển nầy. Ngày xưa, tương truyền con gái Viêm Đế chết đuối, hóa thành giống chim tinh vệ nói trên. Thường có thâm hận khó quên. lại dùng điền này. Ở đây có nghĩa con cái không báo đền được công ơn cha mẹ, đành mãi mãi ân hận khó nguôi.

9) Suối tiên ở, chỉ tổ tiên dòng Hoàng tộc.

10) Theo kinh Phật, trong biển lớn dưới núi Tu Di có nước hội đủ 8 công đức : ngọt, mát, dịu, nhẹ, trong, thơm, không rát cổ và không đau bụng.

11) Năm 1908.

Phiên dịch : Bài chí ở mộ Song thân.

Xưa có người xem thơ Lục Nga mà phát khóc, nhìn mây trắng mà nhớ song thân. Nay con đọc kinh Báo Ân mà thở than đôi đoạn, trước gió lệ tuôn. Dám chẳng thác sinh muôn nghìn vạn kiếp, cầu mong giải thoát để độ vong linh ?

Miền bắc sông Hương, miền nam núi Ngự, trong làng La Ỷ cạnh đây, là nơi hai mồ song thân yên nghỉ. Đất bằng ba thước, tùng liễu xanh tươi, năm lành tháng tốt, gạch đá xây cao.

Há dễ cây cỏ đắm chìm, nước mắt giao nhân rơi thành giọt ngọc ; cây, gió ngậm buồn, ắt đá chim tinh vệ khôn nỗi lấp đầy biển đông ! (a)

Ngưỡng mong, ngưỡng mong hương linh cùng về bến giác, mau hóa đài sen, Nước Phật luôn tươi, tấc lòng cỏ cây

a) Câu này rất khó hiểu, đại ý muốn nói sau khi cha mẹ đã mất rồi, dù khóc lóc, thương tiếc như giao nhân cũng muộn quá rồi, đành phải ôm mối ân hận không nguôi như tinh vệ.

đồi trông vô bạn; suối tiên đầy nhánh, nước lành tám công đức nhuần tưới đều trong (a).

Năm kỷ dậu 1908. Mùa Thu.
Ngoài rằm tháng bảy.
Con côi : Viên Thành khóc mà thuật.



9) 天興寺教授和尚碑銘

教授和尚廣治省肇豐府登昌縣碧羅總中堅村
人也姓丁氏童真入道天資高邁梵相奇偉性恬
而氣直儒學淹博其始依敕賜慈孝寺綱紀大老
和尚爲本師年二十一剃落爲僧法名清秀字豐
鏡成泰甲午年敕賜報國寺開大戒壇禮杜良緣
大老和尚求受具足戒乙未年嗣法號慧法大師
甲申年天興寺靈山同譜禮綱紀大老和尚乞請
師爲本寺座主師自住錫斯寺本道門徒歸向日
衆師精進行道冬夏坐禪禮懺常集山門淨衆講
四分梵網諸律部並法華楞嚴等經山門學徒多
蒙師甘露法乳至維新庚戌廣南省福林寺開大
戒壇請爲第三尊證歲辛亥師與靈山譜重修天
興寺閑敞其門墻嵯峨其棟宇頓使琳宮紺殿法
鼓重新白石流泉松風似舊此誠無量之善緣寔
由師殊勝功德之所感也啟定己未年蒙賜戒力
度牒爲妙諦寺住持甲子夏敕賜慈孝寺開祝嘏
戒壇同壇戒子禮請爲教授和尚丙寅年又蒙旨

---

a) Ngụ ý nhờ ơn Phật tế độ cho vong linh cha mẹ được vẵng sinh về Tây phương tịnh độ, hóa sinh trên hoa sen cũng như dòng dõi hoàng gia được Phật lực phù trì mãi mãi thịnh vượng.

準充爲依寺僧綱師適涉藏教宗說兼通專究天
台教門精止觀之義又常勸人修淨土爲解脫捷
徑曾有言曰凡夫業重處處生　若不定止一方
何以繫心專注此善知識隨方扶教專讀相宗書
師乃釋門之木鐸也師之勝德高行朝野多所欽
慕弘尊宣皇帝久知師名凡　殿中建佛事道場
遣中使至寺命修禮懺法諸疏章厚蒙賜予師臨
機智辯水乳相投機緣甚多不能盡述然而夙有
深誓人莫之測預知化緣將畢於臘月廿四日乃
遍禮諸祖庭參訪善友舉薄暮歸寺默然侍寺中
徒衆各睡去中夜乃具法服禮佛即端坐於佛前
以香油自焚寺中見火光驚起忙然不知其故單
就而撲滅扶師上牀於案上得師手筆遺囑詞數
頁師開目叱曰汝等何得阻吾願至來日山門諸
尊宿四衆同來參問師云感謝大衆各隨所安吾
將行矣至三十日中夜喚門人廣修來云汝扶我
起令辦茶湯沐浴問云汝善讀般若否答云善讀
師誦般若一遍囑云佛法在世間不離世間覺汝
善護持此時門徒四衆侍其左右師又囑曰汝等
在世守志奉道上行下化使慧命不絕言訖端然
而逝時當保大丁卯年正月初一日卯牌是師圓
寂之期世壽五十六法臘三十四夏臘二十有餘
法子門徒三十餘人念其落葉歸根乃建塔於慈
孝寺之旁坐卯向酉分針丁卯丁酉茲門徒法子
等念塔既造記應隨立知衲是個中人必諳個中
事況復山門知已道契情殷乃畧紀行由而特來
徵碑於衲衲學識麤疎安能承此重任但忝在法
門中誼固難辭乃喟然嘆曰夫真實之理不離當
念以起最上承不離文字以示解脫相究竟則無
一法之可說無一字以與人師已達乎此何必假

人言以傳者哉姑閱其所紀衆所共知者爲之實
錄將以答三十年師長善友之意懇也爰贊之以
文曰

覺皇應世垂徽言
磅礴日月周朝坤
智者才辯窮化元
辰爲演說開迷昏
恆沙教典雖云云
妙入天台止觀門
大師近出揚清芬
志堅氣直貌且溫
少而敏悟老益勤
或懺或講忘晡昕
中興教觀眞軼羣
縱橫言論妙入神
遺文燦若可討論
詞純理正道不煩
遐邇學徒日駿奔
冀茲正覺消波旬
幸高名重上國聞
天子遣使來中閭
朝野勳戚固所欣
叠蒙供賜回天恩
知身變滅如浮雲
誓勇棄捨甘趨焚
宗說兼通誰其人
師心了了所夙敦
法身無相寧非眞
今雖云亡寧非存

後世子孫其善善
欽師道行觀斯文

保大二年丁卯
阿彌陀佛誕日
密山檀善法姪
圓成謹撰

76B77A77B78A78B

Phiên âm : Thiên Hưng Tự Giáo thụ Hòa Thượng bi minh.

Giáo thụ Hòa Thượng. Quảng Trị tỉnh, Triệu Phong phủ, Đăng Xương huyện, Bích La Tổng, Trung Kiên thôn nhân dã. Tính Đinh thị, đồng chân (1) nhập đạo, thiên tư cao mại, phạm tướng kỳ vĩ, tính điềm nhi khí trực, nho học yêm bác. Kỳ thủy y sắc tứ Từ Hiếu tự (2) Cương Kỷ đại lão hòa thượng (3) vi bản sư, niên nhị thập nhất thế lạc vi tăng, pháp danh Thanh Tú, tự Phong Nhiêu. Thành Thái giáp ngọ niên (4). Sắc tứ Báo Quốc tự (5) khai đại giới đàn, lễ đồ Lương Duyên đại lão hòa thượng (6) cầu thụ cụ giới. Ất vị niên (7), tự pháp, hiệu Tuệ Pháp đại sư. Giáp thân niên (8), Thiên Hưng tự linh sơn đồng phổ (9) lễ Cương Kỷ đại lão hòa thượng khất thỉnh sư vi bản tự tọa chủ. Sư tự trú tích tư tự, bản đạo môn đồ quy hướng nhật chúng. Sư tinh tiến hành đạo, đông hạ tham Thiền ; Lễ, sám thường tập sơn môn tĩnh chúng giảng Tứ Phần, Phạm Võng (10) chư luật bộ, tịnh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm đẳng kinh. Sơn môn học đồ đa mông sư cam lộ pháp nhũ. Chí Duy Tân canh tuất (11). Quảng Nam tỉnh, Phúc Lâm tự khai đại giới đàn, thỉnh vi đệ tam tôn chứng. Tuế tân hợi (12), sư dữ linh sơn phổ trùng tu Thiên Hưng Tự, hoằng xưởng kỳ môn tường, tha nga kỳ đống vũ, đốn sử lâm cung (13), hám điện (14) pháp cổ trùng tân ; bạch thạch, lưu tuyền tùng phong (15) tự cựu. Thử thành vô lượng chi thiện duyên thật do sư thù thắng công đức chi sở cảm dã. Khải Định kỷ vị niên (16), mông tứ giới đao độ

điệp vi Diệu Đế tự trú trì. Giáp tý hạ (17), sắc tứ Từ Hiếu tự khai Chúc hỗ giới Đàn (18), đồng đàn giới tử lễ thỉnh vi Giáo thụ Hòa Thượng. Bính dần niên (19) hựu mông chỉ chuẩn sung vi y tự Tăng cương. Sư biến thiệp tạng giáo tông, thuyết kiêm thông. Chuyên cửu Thiên Thai giáo môn tinh chỉ quán chi nghĩa (20). Hựu thường khuyến nhân tu tịnh độ vi giải thoát tiệp kính, tằng hữu ngôn viết : «Phàm phu nghiệp trọng xứ xứ sinh tham, nhược bất định chỉ nhất phương, hà dĩ hệ tâm chuyên chú ?» Thử thiện tri thức tùy phương phù giáo, chuyên hộ Tướng Tông (12) Y! Sư nãi Thích môn chi mộc đạc dã. Sư chi thắng đức cao hạnh, triều dả đa sở hâm mộ. Hoằng Tôn Tuyên Hoàng Đế cửu tri sư danh, phàm Cấm dịch trung kiến Phật sự đạo trường, khiển trung sứ chi tự mệnh tu lễ sám pháp chư số chương, bậu mông tứ dử. Sư lâm cơ, tri biện thủy nhủ tương đầu (22), cơ duyên thậm đa, bất năng tận thuật. Nhiên nhi túc hữu thâm thệ, nhân mạc chi trắc. Dự tri hóa duyên tương tất, ư liệp nguyệt chấp tứ nhật nãi biến lễ chư Tổ đình, tham phỏng thiện hữu tất, bạc mộ quy tự. Mặc nhiên đãi tự trung đồ chúng các thụy khứ, trung dạ nải cụ pháp phục lễ Phật, tức đoan tọa ư Phật tiền dĩ hương du (23) tự phần. Tự trung kiến hỏa quang, kinh khởi, mang nhiên bất tri kỳ cố, quần tựu nhi phác diệt, phù sư thượng sàng, ư án thượng đắc sư di chúc từ sồ hiệt. Sư khai mục sất viết : «Nhử đẳng hà đắc trở ngô nguyện?». Chí lai nhật, sơn môn chư tôn túc tứ chúng đồng lai tham vấn. Sư vân : «Cảm tạ đại chúng, các tùy sở an, ngô tương hành hỉ». Chí tam thập nhật, trung dạ, hoán môn nhân Quảng Tu lai vân : «Nhữ phù ngã khởi». Linh biện trà thang mộc dục, vấn vân : «Nhữ thiện độc Bát Nhã phủ?» Đáp vân : «Thiện độc». Sư tụng Bát Nhã nhất biến, chúc vân : «Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, nhữ thiện hộ trì». Thử thì, môn đồ tứ chúng thị kỳ tả hữu, sư hựu chúc viết : «Nhử đẳng tại thế, thủ chí phụng đạo, thượng hành hạ hóa, sử tuệ mệnh bất tuyệt». Ngôn ngật, đoan nhiên nhi thệ. Thì đương Bảo Đại đinh mão niên (24), chính nguyệt, sơ nhất nhật, mão

bài, thị sư viên tịch chi kỳ. Thế thọ ngũ thập lục, pháp liệp tam thập tứ, hạ liệp nhị thập hữu dư. Pháp tử môn đồ tam thập dư nhân, niệm kỳ lạc diệp quy căn, nãi kiến tháp ư Từ Hiếu tự chi bàng, tọa mão, hướng dậu, phân châm đinh mão đinh dậu (25).

Tư môn đồ pháp tử đẳng niệm tháp ký tạo, ký ưng tùy lập, tri nạp thị cá trung nhân, tất am cá trung sự. Huống phục sơn môn tri kỷ, đạo khế tình ân, nãi lược kỳ hành do nhị đặc lai trưng bi ư nạp. Nạp, học thức thô sơ, an năng thừa thử trọng nhiệm? Thiềm tại pháp môn trung nghị cố nan từ, nãi vị nhiên thán viết : «Phù, chân thật chi lý bất ly đương niệm dĩ khởi tối thượng thừa, bất ly văn tự dĩ thị giải thoát tướng, cứu cánh tắc vô nhất pháp chi khả thuyết, vô nhất tự dĩ dữ nhân Sư dĩ đạt bồ thử, hà tất giả nhân ngôn dĩ truyền giả tai? Cô duyệt kỳ sở kỷ chúng sở cọng tri giả, vi chi thật lục, tương dĩ đáp tam thập niên sư trưởng thiện hữu chi ý khẩn dả. Viên tán chi dĩ văn viết :

«Giác Hoàng (26) ứng thế thùy vi ngôn
Bàng bạc nhật nguyệt, châu kiền khôn
Trí giả tài biện cùng hóa nguyên,
Thỉ vi diễn thuyết khai mê hôn.
Hằng sa giáo điển tuy vân vân,
Diệu nhập Thiên Thai Chỉ Quán môn.
Đại sư cận xuất dương thanh phân.
Chí kiên, khí trực, mạo thả ôn.
Thiếu nhi mẫn ngộ, lão ích cần.
Hoặc sám hoặc giảng vong bô hân.
Trung hưng giáo quán chân điệt quần.
Tung hoành ngôn luận diệu nhập thần.
Di văn xán nhược khả ngôn lôn.
Từ thuần lý chính đạo bất phiền,
Hà nhĩ học đồ nhật tuấn bôn.
Ký tư chính giác tiêu ba tuần.
Hạnh cao danh trọng thượng quốc văn.
Thiên tử khiển sứ lai trung hôn.

Triều dã huân thích cố sở hân.
Điệp mông cung tứ hồi thiên ân.
Tri thân biến diệt như phù vân.
Thệ dũng khí xả cam xu phần.
Tông thuyết kiêm thông, thùy kỳ nhân!
Sư tâm liễu liễu sở túc đôn,
Pháp thân vô tướng, ninh phi chân?
Kim tuy vân vong, ninh phi tồn?
Hậu thế tử tôn kỳ phồn phồn.
Khâm sư đạo hạnh quan tư văn.

Bảo Đại đinh mão niên.
A Di Đà Phật đản nhật.
Mật Sơn Tra Am
Pháp điệt Viên Thành
Cẩn soạn.

Chú thích: Bài văn bia trên đây do Sư soạn năm 1927 để khắc vào bia ở tháp Hòa Thượng Giáo Thụ Tuệ Pháp, bậc cao tăng nổi tiếng đầu thế kỷ của nước ta, một trong mấy ngọn pháp đăng của thời Mạt pháp này.

Văn chương toàn bài rõ ràng, khúc chiết, đoạn minh ở cuối cẩn nhả. Chúng tôi cố gắng dịch để giới thiệu văn tài SVT đồng thời cung cấp một tài liệu lịch sử quý báu về thân thế, đạo hạnh và công nghiệp của Tuệ Pháp Hòa thượng.

1) Cũng như đồng tử 童子, người chưa quá 19 tuổi, còn trong trắng.

2) Chùa do Thái giám lập ở làng Dương Xuân Thượng, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên vào đời vua Thiệu Trị. Nguyên đây vốn là An Dưỡng Am 安養菴 của Nhất Định Hòa Thượng lập để tĩnh tu sau khi rời khỏi chùa Giác Hoàng trong Đại Nội.

3) Đệ tử của Nhất Định Hoà Thượng, sư đệ của Lương Duyên đại lão hòa thượng.

4) Năm Thành Thái thứ 6, 1894.

5) Chùa lập vào thời Chúa Nguyễn do Giác Phong Lão Tổ tu trì ở tại đầu dốc Nam Giao — Huế.

6) Pháp trưởng tử của Nhất Định hòa thượng, bổn sư của Tâm Tịnh hòa thượng.

7) Năm Thành Thái thứ 7, 1895.

8) Năm Thành Thái thứ 8, 1896.

9) Câu này có nghĩa toàn thể đệ tử chùa Thiên Hưng. Chữ Linh Sơn lấy ở điển pháp hội Linh Sơn ngày xưa.

10) Tên hai bộ luật bí yếu của Đại thừa.

11) Năm Duy Tân thứ tư, 1910.

12) Năm Duy Tân thứ 5, 1911.

13) Còn gọi lâm vũ, tức đền chùa.

14) Màu tô vẽ ở chùa pha từ màu hồng với màu xanh gọi là Cám. Cám điện bay cám vũ, cám viên đều dùng chỉ chùa chiền.

15) Gió thổi qua tùng kêu như sóng vỗ, còn gọi là tùng đào, tức cảnh trí thanh sảng ở chùa chiền. Toàn câu trên mô tả cảnh sắc mới mẻ, tráng lệ và thanh u của chùa Thiên Hưng sau khi trùng tu.

16) Năm Khải Định thứ tư, 1919.

17) Năm Khải Định thứ 9 1924.

18) Năm trên, toàn Trung và Bắc Kỳ ăn mừng Tứ Tuần đại khánh của vua Khải Định, nhân dịp này, toàn thể chư tôn túc ở Huế lập giới đàn rất lớn ở chùa Từ Hiếu để hồi hướng công đức cho nhà vua thêm được tuổi thọ.

19) Năm Bảo Đại nguyên niên, 1926.

20) Phái Thiên Thai do Trí Giả Đại Sư 智者大師 thành lập ở núi Thiên Thai 天台, nên có tên như thế. Phái này lấy kinh Pháp Hoa làm căn bản, Trí Độ luận làm chỉ thú, kinh Niết Bàn làm vây cánh và kinh Đại Phẩm làm quán pháp, nên còn gọi là Pháp Hoa Tông. Nguyên trước Huệ Văn Thiền Sư 慧文 ở Bắc Tề theo Trung Quán luận phát minh Nhất tâm tam quán, truyền cho Huệ Tư Thiền Sư 慧思 ở Nam Nhạc rồi ngài này lại truyền cho Trí Giả ở Thiên Thai vậy. (Trí Giả còn gọi là Trí Khải 智顗).

21) Gọi tắt của Pháp Tướng tông 法相宗, môn phái

chuyên nghiên cứu hình tướng của vạn pháp và cho rằng vạn pháp đều do tâm mà có. Người truyền bá tông này thạnh hành nhất ở Trung Hoa là Huyền Trang pháp sư 玄奘法師.

22) Nước sữa hòa với nhau rất thích hợp, chỉ lời đối đáp thích hợp với cơ hội hỏi đạo của các bậc tôn túc trong rừng Thiền.

23) Chất dầu cất từ các hoa thơm, lá tốt, đốt lên ngào ngạt, để át mùi khét của da thịt cháy khi thiêu. Ngày xưa, khi tự thiêu hay hỏa thiêu nhục thân, thường người ta dùng nhiên liệu này.

24) Tức khoảng 6, 7 giờ sáng ngày mồng một Tết năm 1927.

25) Câu này thuộc hẳn phạm vi phong thủy, có nghĩa là quan tài ở phương thế mão, nhìn về dậu theo chiều kim địa bàn đinh mão đinh dậu.

26) Còn gọi Giác vương chỉ đức Phật.

Phiên dịch : Bài minh ở bia trong tháp Hòa Thượng Giáo thụ chùa Thiên Hưng.

Hòa thượng giáo thụ họ Đinh người làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị Trong trắng vào đạo, thiên tư cao vời, đạo cốt kỳ vĩ, tính hòa, khí thẳng, nho học uyên thâm.

Thuở đầu, thờ đại lão hòa thượng Cương Kỷ ở chùa Từ Hiếu làm bổn sư. Năm lên 21 tuổi cắt tóc làm tăng, pháp danh Thanh Tú, tự Phong Nhiêu. Năm Giáp Ngọ (1894) dưới triều Thành Thái, chùa Báo Quốc mở đại giới đàn, bèn đến lễ đại lão hòa thượng Lương Duyên xin thọ giới cụ túc. Năm ất vị (1895), đắc pháp, hiệu Tuệ Pháp đại sư. Năm giáp thân (1896), môn đồ đệ tử chùa Thiên Hưng đến lễ đại lão hòa thượng Cương kỷ xin rước đại sư về làm tọa chủ. Từ ngày dừng gậy nơi đây, môn đồ quy tụ rất đông đảo. Sư chuyên tâm hành đạo, mùa đông, mùa hạ đều tham Thiền. Những dịp lễ, sám, thường họp môn đồ giảng các bộ luật Tứ Phần, Phạm Võng, các bộ kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, môn đồ đều

được thấm nhuần sữa pháp cam lộ. Năm canh tuất (1910) dưới triều Duy Tân, chùa Phúc Lâm ở Quảng Nam mở đại giới đàn, rước sư làm vị tôn chứng thứ ba. Năm tân hợi (1911), sư cùng chư đệ tử sửa sang lại chùa Thiên Hưng, mở thêm cửa, vách; tăng cao cột, mái, khiến cho cung ngọc đều xanh chuông trống thêm xinh; sỏi trắng khe trong, gió tùng như cũ. Duyên lành vô lượng ấy đều do công đức cảm hóa đặc biệt của S mà nên vậy. Năm kỷ vị (1919) dưới triều Khải Định, được ban giới đao độ điệp làm trú trì chùa Diệu Đế. Mùa hạ năm giáp tý (1924), chùa Từ Hiếu mở đại giới đàn chúc thọ nhà vua, tất cả môn đồ đệ tử trong đàn đến rước Sư làm hòa thượng giáo thụ. Năm bính dần (1926), lại được chỉ sung chức Tăng cương Diệu Đế. Sư thiệp liệp giáo pháp, tông chỉ, thuyết lý đều tinh, chuyên tâm nghiên cứu nghĩa lý chỉ quán phái Thiên Thai. Lại thường khuyên người tu Tịnh độ để làm con đường giải thoát mau chóng. Sư thường dạy rằng: «Kẻ phàm phu nghiệp nặng, ở đâu cũng nổi lòng tham, nếu chẳng định chỉ một chỗ, làm sao yên tâm chuyên chú được?» Đấy là bậc thiện tri thức tùy phương phù trì giáo lý, hộ vệ Tướng tông vậy. Ôi! Sư thật là kho báu của Thiền môn ta vậy!

Đức trọng hạnh cao của Sư được trong triều ngoài quận hết lòng hâm mộ. Hoằng Tôn Tuyên Hoàng Đế từ lâu đã biết thanh danh, nên chốn cung đình mỗi lần lập đàn cầu Phật, liền phái trung sứ đến chùa nhờ viết các sớ chương trong các lễ, sám, đều được nhà vua ban ơn cho nhiều.

Đại sư lâm cơ ứng đối thích hợp như sữa và nước hòa nhau, cơ duyên hóa độ rất nhiều, không sao thuật hết.

Vốn có lời thệ nguyện sâu xa, chẳng ai hay biết. Nên liệu chừng khi cơ duyên hóa độ gần xong, vào ngày 24 tháng chạp, sau khi lễ bái các Tổ đình, thăm viếng chư thiện hữu, chiều tối về chùa, chờ cho môn đồ đi ngủ xong xuôi, Sư mặc pháp phục đầy đủ, lạy Phật rồi ngồi ngay ngắn trước bàn thờ Tổ và lấy hương du tẩm vào mình tự đốt. Trong chùa thấy lửa sáng ngời, thất kinh trỗi dậy, đâu hay duyên cớ ra sao, liền

xúm nhau dập tắt, đỡ Sư lên giường, thấy trên án có mấy trang di chúc. Sư mở mắt quở rằng: «Các con sao dám cản trở nguyện vọng của ta?» Ngày mai lại, chư tăng, các chùa kéo đến thăm hỏi, sư đáp rằng: «Xin cám ơn đại chúng, ai nấy yên lòng, ta sắp đi đây». Nửa đêm 30, gọi đệ tử Quảng Tu đến, bảo đỡ dậy, khiến nấu nước trà nóng tắm gội, hỏi rằng: «Con thuộc Bát Nhã chứ?» Quảng Tu đáp: «Thuộc». Sư bèn tụng kinh Bát Nhã một lần rồi dặn rằng: «Phật Pháp ở thế gian không lìa thế gian mà giác ngộ, con ráng giữ gìn». Bấy giờ, môn đồ hầu hạ đầy đủ cả hai bên, Sư lại dặn rằng: «Các con ở lại thế gian, bền lòng giữ đạo, người trên chỉ dạy, kẻ dưới tuân theo, sao cho đuốc tuệ chẳng dứt». Nói xong, đoan trang ra đi. Sư viên tịch nhằm giờ mão, ngày mồng một tháng giêng năm đinh mão dưới triều Bảo Đại (1927). Tuổi thọ 56, tuổi đạo 34, tuổi hạ 24.

Hơn ba chục môn đồ nhớ S lá rụng về cội, liền xây tháp cạnh chùa Từ Hiếu, tọa mão, hướng dậu, phân kim đinh mão đinh dậu.

Nay môn đồ lại nghĩ rằng tháp đã xây xong, bài ký ắt cũng nên lập. Biết bần tăng này vốn người trong cuộc, hẳn nhiên am hiểu, hơn nữa, đã là tri kỷ giữa sơn môn, đạo khế thân thiết, liền ghi sơ lược hành trạng đem đến xin bài văn bia. Bần tăng học thức thô sơ, sao dám cán đáng công việc nặng nề? Song vốn cũng chỗ bạn bè khắn khít, rất khó chối từ, mới ngậm ngùi than rằng: «Ôi! Nghĩa lý chân thật chẳng lìa đương niệm để đạt tối thượng thừa, chẳng lìa văn tự để chỉ giải thoát tướng. Cuối cùng, không một pháp nào có thể nói được, không một chữ gì để bảo cho ai. Sư nay đã đạt điều đó, cần gì phải mượn đến lời người khác để được lưu truyền?» Đã thế thì thôi, đành xem những điều ghi chép mà quần chúng đều hay, làm thật lục ngõ hầu đền đáp thịnh tình vừa Sư trưởng vừa thiện hữu trong ba chục năm dài. Bèn tán rằng:

Giác hoàng ban bố lời huyền,
Dẫy đầy nhật nguyệt, lưu truyền khắp nơi.

Ngài đem tài trí tuyệt vời,
Tùy cơ giáo hóa cứu đời hôn mê.
Xét trong giáo điển bộn bề,
Thiên Thai chỉ quán đưa về huyền vi.
Sư nay cao khiết ai bì,
Đảm đang, thẳng thắn, nhu mì, kiên trinh.
Trẻ lanh, già lại tiến tinh,
Chấn hưng đạo lý quên mình gian nan.
Kỳ tài hùng biện vô vàn,
Văn từ soang soảng luận bàn sâu xa.
Lời đơn, ý thẳng thật thà,
Học đồ ngưỡng mộ gần xa đổ về.
Ra tay giải thoát hôn mê,
Nhà vua sai sứ rước về nội cung.
Trong triều ngoài quận tôn sùng,
Ơn vua mưa móc tưới cùng bao nhiêu!
Xem thân như áng mây chiều,
Quyết dùng lửa thánh hủy thiêu xác mình.
Xét sư tông, thuyết đều tinh,
Tâm hồn trong trắng dễ hình ra đâu!
Pháp thân vô tướng mặc dầu,
Nay đà đi mất, dễ hầu mất đi!
Mai sau con cháu thiếu gì,
Nhớ sư đạo hạnh xem bi đá này.

Bảo Đại năm thứ hai (1927).
Ngày Phật Di Đà đản sanh.
Mật Sơn Tra Am: Pháp điệt:
VIÊN THÀNH
kính cẩn mà soạn.



10) 協佐大學士充機密院大臣管領戶部 阮科相公暨一品夫人范氏合壙誌銘

屛南阮相公鼎臺嚴重望風度者物色無由幸方
外人數獲抵掌迭篆供賜一日訪道枉駕溪橋謹
及將營佳城以夫人合壙命衲誌石衲方卧痾聞
之惶悚自分疎拙巽堪取重且當代名公鉅卿驗
人墨士與相公晉接者往往不乏咸欲吐班香發
宋艷爲公表章而乃徵文獻於山野無亦貢琚高
唐章甫賚越徒增視聽者之一嘹呼公曰不然調
公與衲素有支許因緣又衲忝爲先公大師之法
嗣少時曾與處游交最密知最深道契平生無遍
衲者大抵欲使天下後世知相公則信有先德信
先德始信參叩郎參叩而悟本來令先大師一片
姿心人人透徹其表章非止筆華墨跋供人艷實
己也公既謬譽良多殷殷致囑衲安敢以不文辭
相公諱濱姓阮科氏號屛南先世海陽湛泊人從
龍勳績詳在國史至我南大定後內贊公蒙賜羞
地于香水縣之安舊社公乃波羅圓覺先大師阮
侯之第四子少穎悟性好友博學能詩成泰甲午
與仲兄同舉孝廉筮仕登政途所至多與誦聲公
雖外現宰官身而內秘菩薩行此夙植德本所致
也今登樞府位列大臣不以富貴尊榮爲念雖日
食萬錢而喜崇素淡退食之餘輒游心法苑手不
釋竺墳之文口不輟輪珠之念近讀月報海潮音
尤慕世親菩薩所造唯識三十誦每與深談衲有
所未解憶南鎮時曾惠來山菴真容一幅自題云
茫茫大地中何真而何假諸佛是衆生屛南亦非
我意語超邁非禪學深透者道不得所謂菩薩在
家知家性空以法自娛永離貪著此旋色而入空

也佛法在世間不離世間覺於國治世典型經綸施設於家敦睦族戚戚稱以孝悌忠信修齊治平爲本領所謂雖知一切法空而不取斷滅相此從空而入色也會萬法歸於自己世出世間圓融無礙此從空色兩途而入中道實相也公已達乎此又衲曩時忝爲波羅密寺座主適相公瞻覲回京每當月朗風清經過竹院披閱內典旁及詩古文詞動至永夜娓娓無倦容一夕談次聞寺鐘曉扣即起笑曰裴休自恨參禪罷更整珠珂事早朝其襟懷洒脫往往如此古之卿相參悟禪旨者如唐丞相張商英王日休龐蘊公何尚之白侍郎蘇內翰皆名理談深文章超拔至今人咸嘖嘖歎賞維公一身兼之也歲甲子恭遇弘尊宣皇帝四旬大慶節時相公方擁節瓜城由中華佛學院購請大藏經全套計八千餘卷以進祝嘏借籌添海屋之芳辰爲大道宣揚之紀念上大嘉悅即命尊置之安定大宮以爲傳世國寶自非菩薩現身安能有此大作佛事其夫人范氏亦出世家矩範齊莊嫻雅儉約以持家曩昔懽奉姑嫜能先意承志太夫人特憐愛之又能雅慕玄風克培善果每家政之暇則容與祇園拈花禮佛一如太夫人昔時之之行願者古云德與之齊終身不渝則合壙而壽之豐碑故其宜矣他時與相公淨土同登蓮花托質享受自然之清淨妙樂壽命無窮豈僅天上雙星人間並蒂比擬者哉至若子孫之仰承福蔭具在口碑衲不敢復贅謹述生平行實以文于貞珉而爲銘曰

屏山聳翠
香水縈流

地毓英傑
奕世承休
至公紹跡
勲業炳彪
文章經濟
才應列侯
妙解禪旨
水月優游
前生是否
佛子羅喉
比圭合璧
厥德同符
豐碑五尺
屹立高邱
千載之下
觀如是夫

皇南保大三年戊辰吉月日
密山植菴主圓成謹撰

84B85A85B86A

Phiên âm : Hiệp tá đại học sĩ sung Cơ mật viện Đại thần quản lảnh Hộ bộ Nguyễn khoa Tướng công kỵ Nhất phẩm phu nhân Phạm thị hợp khoáng chí minh.

Bình Nam Nguyễn Tướng công, đỉnh đài nghiêm trọng, vọng phong độ giả vật sắc vô do. Hạnh phương ngoại nhân (1) sồ hoạch để chưởng (2) điệt mông cung tứ. Nhất nhật, phỏng đạo, uồng giá khê kiều, đàm cập tương doanh giai thành, dĩ phu nhân hợp khoáng, mệnh nạp chí thạch. Nạp phương ngoạ kha, văn chi hoàng tủng, tự phận sơ chuyết bất tài, hề kham

thủ trọng? Thả đương đại danh công cự khanh, tao nhân mặc sĩ, dử tướng công tấn tiếp giả, vảng vảng bất phạp, hàm dục thồ Ban hương (3), phát Tống diềm (4), vị công biểu chương nhi nãi trùng văn hiến ư sơn dả, vô nãi mãi âu Cao Đường, chương phủ tê Việt (5) đồ tăng thị thinh giả chi nhất cược hồ? Công viết: «bất nhiên». Vị công dữ nạp tố hữu Chi, Hứa (6) nhân duyên, hựu nạp thiềm vi Tiên công đại sư chi pháp tự, thiếu thi tằng dữ xử du, giao tối mật, tri tối thâm, đạo khế bình sinh vô du nạp giả. Đại đề dục sử thiên hạ hậu thế tri Tướng công, tắc tín hữu tiên đức, tín tiên đức thủy tín tham khấu, tức tham khấu nhi ngộ bản lai, linh Tiên đại sư nhất phiến bà tâm, nhân nhân thấu triệt. Kỳ biểu chương phi bút hoa mặc diềm cung nhân diềm thưởng dị dã. Công kỳ mậu dự lương đa, ân ân trí chúc, nạp an dĩ bất văn từ?

Tướng công húy Tân, tính Nguyễn khoa thị, hiệu Bình Nam, tiên thế Hải Dương Trạm Bạc nhân, tùng long huân tích tường tại Quốc sử. Chi ngã Nam đại định hậu, Nội tán công (7) mông tứ táng địa thủy cơ vu huyện chi An cựu xã. Công nãi Ba la Viên Giác Tiên đại sư Nguyễn hầu chi đệ tứ tử. Thiếu dinh ngộ, tính hiếu hữu, bác học, năng thi. Thành Thái giáp ngọ (8), dữ trọng huynh đồng cử hiếu liêm Phệ sĩ, đăng chính đồ, sở chí đa dư tụng thanh (9).

Công tuy ngoại hiện tề quan thân nhi nội bí bồ tát hạnh. Thử túc thực đức bản sở trí dã. Kim đăng xu phủ, vị liệt đại thần, bất dĩ phú quý tôn vinh vi niệm. Tuy nhật thực vạn tiền nhi hỉ sùng tố đạm, thối thực chi dư, triếp du tâm pháp uyển, thủ bất thích trúc phần chi văn, khẩu bất chuyết luân châu chi niệm. Cận độc nguyệt báo Hải Triều Âm (10), vưu mộ Thế Thân bồ tát sở tạo Duy Thức Tam thập tụng. Mỗi hữu thâm đàm, nạp hữu sở vị giải. Ức Nam trấn thì, tằng huệ lai sơn am chân dung nhất bức, tự đề vân:

Mang mang đại địa trung,
Hà chân nhi hà giả?
Chư Phật thị chúng sinh,
Bình Nam diệc phi ngã.

Ý, ngữ siêu mại, phi Thiền học thâm thấu giả đạo bất đắc. Sở vị bồ tát tại gia, tri gia tính không, dĩ pháp tự ngu, vĩnh ly tham trước, thử toàn sắc nhi nhập không dã.

Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác. Ư quốc, trị thế điển hình, kinh luân thi thiết; ư gia, đôn thân mục tộc, căng căng hối dĩ hiếu, đễ, trung, tín, tu, tề, trị, bình vi bản lãnh. Sở vị tuy tri nhất thiết pháp không nhi bất thủ đoạn diệt tướng, thử toàn không nhi nhập sắc dã.

Hội vạn pháp quy ư tự kỷ, thế, xuất thế gian, viên dung vô ngại, thử toàn lưỡng đồ nhi nhập trung đạo thật tướng dã. Công dĩ đạt hồ thử, bựu nạp nẵng thì thiềm vi Ba la mật tự tọa chủ. Thích tướng công chiêm cận hồi kinh, mỗi đương nguyệt lạc phong thanh, kinh quá trúc viện, phi duyệt nội điển bàng cập thi cổ văn từ, động chí vĩnh dạ vị vị vô quyền Dung nhất tịch đàm thứ, văn tự chung hiểu khấu tức khởi, tiếu viết :

«Bùi hưu (11) tự hận tham Thiền bãi,
Cánh chỉnh châu kha sự tảo triều.»

Kỳ khâm hoài sái thoát vảng vảng như thử.

Cổ chi khanh tướng tham ngộ Thiền chỉ giả, như Đường Thừa tướng Trương Thương Anh (12), Vương Nhật Hưu (13), Bàng Uẩn Công (14), Hà Thượng Chi (15), Bạch thị lang (16), Tô nội hàn (17), giai danh lý đàm thâm, văn chương siêu bạt, chí kim nhân hàm trách trách thán thưởng, duy Công nhất thân kiêm chi dã.

Tuế giáp tý (18), cung ngộ Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế tứ tuần đại khánh tiết, thì Tướng công phương ủng tiết Qua thành (19), do Trung Hoa Phật học viện cấu thỉnh Đại tạng kinh toàn sáo kế bát thiên dư quyển dĩ tiến chúc hỗ, tá trù thiêm hải ốc chi phương thi, vi đại đạo tuyên dương chi kỷ niệm. Thượng đại gia duyệt, tức mệnh tôn trí chi An Định cung (20) dĩ vi truyền thế quốc bảo. Tự phi bồ tát hiện thân, an năng hữu thử đại tác Phật sự ?

Kỳ phu nhân Phạm thị diệc xuất thế gia cù hoạch, trai trang nhân mục, kiệm ước dĩ trì gia. Năng giả hoan phụng cô chương năng tiên ý thừa chí. Thái phu nhân đặc liên ái chi, hựu năng nhã mộ huyền phong, khắc bồi thiện quả. Mỗi gia chính chi hạ, tắc dung dữ Kỳ viên, niêm hoa lễ Phật, nhất như thái phu nhân tích thì chi hạnh nguyện giả.

Cổ vân: đức dữ chi tề, chung thân bất du, tắc hợp khoáng nhi thọ chi phong bi, cố kỳ nghi hĩ! Tha thì, dữ Tướng công tịnh độ đồng đăng, liên hoa thác chất, hưởng thụ tự nhiên chi thanh tĩnh diệu lạc, thọ mệnh vô cùng, khởi cận thiên thượng song tinh nhân gian tịnh đế tỉ nghĩ giả tai? Chí nhược tử tôn chi ngưỡng thừa phúc ấm, cụ tại khẩu bi, nạp bất cảm phục chuế.

Cẩn thuật sinh bình hành thật dĩ văn vu trinh mân nhi vi minh viết:

Bình sơn tủng thúy,
Hương thủy oanh lưu.
Địa dục anh kiệt,
Dịch thế thừa hưu.
Chí công thiệu tích.
Huân nghiệp bính bưu.
Văn chương kinh tế.
Tài ưng liệt hầu,
Diệu giải Thiền chỉ.
Thủy nguyệt ưu du.
Tiền sinh thị phủ,
Phật tử La Hầu (21).
Tỉ khuê hợp bích,
Quyết đức đồng phù (22).
Phong bi ngũ xích,
Ngật lập cao khưu.
Thiên tải chi hạ,
Quan như thị phù!

Hoàng Nam Bảo Đại tam niên
Mậu thìn (23). Cát nguyệt... nhật...
Mật sơn Tra Am chủ: VIÊN THÀNH
Cẩn soạn.

Chú thích : Bài minh khắc vào bia ở mộ Hai ông bà Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Khoa Tân này được soạn vào đầu mùa thu năm 1928, lúc S đã ngã bệnh, thể theo lời yêu cầu khẩn thiết của hai ông bà.

Trong gia phổ họ Nguyễn Khoa, phần tiểu truyện của cụ Nguyễn Khoa Tân, cũng thấy có sao lục bài này với đoạn minh ở cuối có nhiều câu khác với nguyên văn chép trong LƯTS, chắc có lẽ được nhuận sắc lại trước khi đem khắc vào bia ở mộ và con cháu họ Nguyễn Khoa đã sao lại vào gia phổ. Vì thế, chúng tôi dịch theo bản văn chép trong gia phổ Nguyễn Khoa mà thôi.

Bài minh này văn chương sáng sủa, êm tai, có nhiều điển tích, nhưng chỉ giúp cho lời văn thêm nghiêm minh. Phần đầu, tự sự gốc gác cụ Nguyễn Khoa Tân và đạo hạnh đặc biệt của bậc trọng thần vừa là bồ tát tại gia. Phần sau quy kết, toàn chuyển tư tưởng của cụ về triết lý đại thừa cao thâm.

1) Lời tự xưng của các tăng đồ hay đạo sĩ lấy từ chữ trong Trang Tử: 彼遊方之外者也: bỉ du phương chi ngoại giả dã: người ấy là kẻ rong chơi ngoài đời.

2) Vỗ tay. Chiến quốc sách: 抵掌而談: đề chưởng nhi đàm: vỗ tay mà đàm luận, tỏ ý hâm mộ, kính trọng.

3) Hương của họ Ban, tức văn tài nổi tiếng. Ban Cố 班固, người đất Tử Lăng thời Đông Hán, con của học sĩ và anh của nữ sử Ban Cơ, tự là Mạnh Kiên. Năm 9 tuổi đã giỏi làm văn, lớn lên học hành yêm bác. Thời Hán Minh Đế, làm Điển hiệu bí thư, nối gót phụ thân viết Hán thư, gần 20 năm mới xong. Sau làm Huyền Vũ Tư Mã lại viết Bạch

hồ thông nghĩa. Đậu Hiến dẹp Hung Nô, chọn ông làm Trung hộ quân. thua giặc, bị bỏ ngục mà chết.

4) Vẽ đẹp của họ Tống, tức Tống Ngọc. Đã chú thích trang 169. Câu trên có nghĩa là các văn sĩ bấy giờ đều muốn đem tài văn chương yêm bác như Ban Cố và Tống Ngọc để viết văn bia cho Nguyễn tướng công.

5) Tới hát dạo ở Cao Đường và đem mũ chương phủ sang nước Việt. Cao Đường là nơi danh thắng, ngày xưa Tống Ngọc cùng Sở Tương Vương đến chơi. Họ Tống có làm Cao Đường phú ghi lại hội ngộ diễm tình của Sở Tương Vương và Vu Sơn thần nữ. Đem lời hát quê mùa nghêu ngao đến chỗ tao đàn của văn nhân thi sĩ là việc không thích hợp, cũng như đem mũ chương phủ cao và dài sang bán cho dân Việt vốn hay đi đầu trần. Câu này là lời S khiêm nhường, bảo rằng Nguyễn tướng công nhờ S soạn văn bia là việc không nên.

6) Nhân duyên gặp gỡ của họ Chi và họ Hứa.

Chi là Chi Tăng Đôn 支僧敦, Cao tăng đời Tấn, người Ký Châu, rất thạo triết lý đại thừa, soạn Nhân vật thủy nghĩa chi luận 人物始義之論.

Hứa tên là Hứa Tuân 許詢, tự Nguyên Độ 元度, thích dạo chơi sơn thủy, dáng người mảnh khảnh, leo cao thoăn thoắt. Đôi bạn này chơi thân với nhau từ trước đến sau. Một bên xuất gia, một bên bán xuất gia.

7) Tức Nguyễn Khoa Đăng, đại công thần thời Chúa Nguyễn, có công trừ giặc nhà Hồ ở Quảng Trị và dẹp sóng thần ở phá Tam Giang. Sau dân chúng nhớ ơn làm câu hát :

— Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Yêu em, anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
— Phá Tam Giang ngày nay đã cạn,
Truông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm.

8) Tức năm 1894.

9) Ngày xưa, những người làm quan thanh liêm, khi đổi đi chỗ khác, dân chúng sở tại kéo nhau níu xe, ca ngợi

công đức không ngớt.

10) Nghĩa đen là tiếng thủy triều của biển cả vang động hùng dũng và đến kịp lúc như tiếng nói pháp hùng hồn và kịp thời cứu độ chúng sinh của Bồ Tát Quan Thế Âm. Đây là tên tạp chí do Thái Hư Đại Sư chủ trương và xuất bản hằng tháng tại Thượng Hải.

11) Xem phụ chú 1 trang 145.

12) Chưa rõ hành trạng.

13) Chưa rõ hành trạng.

14) Tức Bàng cư sĩ, một đại cư sĩ ngộ đạo của Trung Hoa cũng như Duy Ma Cật của Ấn Độ. Người ở Hành Châu, tự Đạo Huyền, yêm bác nho học, nghiên cứu Thiền tông. Thoạt đầu tham yết Thạch Đầu, nhận được huyền chỉ, sau gặp Mã Tổ, hỏi đạo Mã Tổ đáp : «Đợi khi nào nhà thầy uống cạn nước sông Tây Giang ta sẽ nói cho! 待汝一口吸盡西江水即向汝道 : đãi nhữ nhất khẩu hấp tận Tây giang thủy tức hướng nhữ đạo! » Liền đó, tỏ ngộ và đem hết mấy vạn quyển sách quý thả chìm ở sông Tương rồi đóng cửa tĩnh tu. Lại thường giao du với các Thiền sư nổi tiếng đương thời như Nam Tuyền và Dược Sơn. Nhà ông đều tu hành và ngộ đạo hết cả. Bà vợ, con trai và con gái là Linh Chiếu 靈照 thường đối đáp với nhau rất thú vị. Khi viên tịch, di thân hỏa táng đem bỏ ở sông hồ. Hiện còn tập Bàng Uẩn ngữ lục 龐蘊語錄 lưu hành ở đời.

15) Chưa rõ hành trạng.

16) Tức Bạch Cư Dị, thi sĩ nổi tiếng. Tuy là một bậc đại thần cùng cực phú quý vinh hoa, nhưng về già lại chuyên tâm nghiên cứu Thiền lý và giao du với các cao tăng.

17) Tức Tô Đông Pha — bạn thân của Phật Ấn Thiền sư 佛印.

18) Tức năm 1924.

19) Nay là huyện Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc ở Hoa Bắc.

20) Cung điện do vua Khải Định xây ở bên bờ sông An Cựu.

21) So sánh cụ Bình Nam với ngài La Hầu La con Phật Thích Ca để tôn cao VGĐS.

22) Nhắc nhở đức hạnh của Phạm phu nhân thật xứng đáng để chôn chung với cụ Bình Nam.

23) Năm 1928.

Phiên dịch : Bài bia ở mộ chôn chung của Hiệp Tá Đại học sĩ sung Cơ mật viện Đại thần quản lãnh Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Khoa Tướng công và Nhất phẩm phu nhân Phạm Thị.

Tướng Công Bình Nam dáng dấp nghiêm trọng, trông qua phong độ rất mực siêu thoát, thanh cao. Kể ra bần tăng này đã bao lần đàm luận và chịu ơn rất nhiều.

Một hôm lên chùa hỏi đạo, kể rằng sắp xây chung sinh phần với phu nhân và ngỏ ý nhờ bần tăng soạn bài văn bia Bần tăng đang nằm bệnh, nghe qua bỗng bàng hoàng. Tự xét tài sơ, đâu cán đáng nổi công việc trọng đại ấy. Hơn nữa, hiện nay tao nhân mặc khách, cụ lớn ông to cùng giao thiệp với Tướng công không thiếu. Các ngài đều muốn đem văn chương diễm lệ của mình để biểu dương cho Tướng công. Thế mà lại đi nhờ bần tăng soạn giúp. thật không đúng chỗ khiến dư luận biết qua ắt cùng cười rộ lên thôi! Tướng công bảo không phải thế. Vì Tướng công và bần tăng vốn có nhân duyên thâm thiết như Chi Tăng Đôn và Hứa Tuân đời trước; hơn nữa, bần tăng dù sao cũng là người nối dòng pháp của ngài Viên Giác nhà Tướng Công. Thuở nhỏ cùng nhau quen biết thân mật không ai bằng. Tướng công soạn văn bia cốt để thiên hạ mai sau biết chuyện Tướng công, ắt phải tin nhờ có đức độ của Viên Giác Đại Sư. Đã tin nhờ đức độ của Đại sư, mới có thể tin chuyện Đại sư đầu Phật xuất gia và nhờ đầu Phật xuất gia mà đại ngộ bản lai diện mục, khiến tấm lòng ưu ái từ bi của Đại sư ai nấy đều hay. Ý nghĩa soạn văn bia vốn như thế, chứ không phải chỉ ở chỗ múa bút mài nghiên cho người thưởng thức hư văn. Tướng công dặn

đò ân cần hết sức, bần tăng không thể từ chối bất tài được nữa!

Tướng công tên Tân, họ Nguyễn Khoa, hiệu Bình Nam. Gốc gác người xã Trạm Bạc, trấn Hải Dương. Tổ tiên theo đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế vào Nam lập nghiệp, công lao chép rõ ở Quốc sử bản triều. Đến khi nhất thống sơn hà, Nội tán Nguyễn Khoa Đăng được ban đất táng phần mộ và lập cơ nghiệp vào thôn An Cựu quận Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên.

Tướng công là con thứ tư của Viên Giác Đại Sư. Thuở nhỏ thông minh, hiếu hữu, học rộng và làm thơ hay. Năm 1894 dưới triều Thành Thái thứ 6, cùng anh kế đều đậu Cử nhân. Trên hoạn lộ, ở đâu cũng được dân chúng địa phương ca tụng. Bên ngoài, tuy Tướng công ngồi ghế đại thần nhưng bên trong lại giữ đạo hạnh của bậc bồ tát. Ấy cũng nhờ thấm nhuần phúc đức lâu đời vậy. Nay làm quan ở Cơ Mật viện, đường đường là bậc trọng thần, nhưng lại không để lòng vào phú quý. Hằng ngày đáng tiêu pha bạc vạn nhưng lại thích sống thanh bần đạm bạc. Gặp khi nhàn hạ việc quan, liền lưu tâm vào Phật pháp, tay không rời kinh điển, miệng không ngớt đọc kinh lần hạt. Gần đây, nhân đọc nguyệt san Hải Triều Âm, hâm mộ Duy Thức tam thập tụng của Thế Thân bồ tát, mỗi khi cùng bàn bạc nghĩa lý sâu xa, bần tăng còn nhiều chỗ không hiểu bằng Tướng công được!

Bần tăng nhớ lại khi Tướng công ngồi ghế Tổng đốc Quảng Nam, có gửi về tặng nhà chùa một bức chân dung đề rằng:

«Mênh mông đất rộng là bao,
Giả chân, chân giả, để nào phân minh!
Phật xưa cũng bởi chúng sinh,
Bình Nam đâu phải là mình ngồi đây!»

Lời lẽ cao sâu, ý tưởng siêu việt, nếu không phải là tay rành Thiền lý, đâu nói lên được như thế? Đó là điều Kinh Phật bảo Bồ tát tại gia, hiểu tất cả đều không, nên lấy Pháp làm vui, xa lìa tham trước. Ấy là chuyển từ sắc vào không.

Phật Pháp tại thế gian, giác ngộ cũng ở thế gian. Đối với quốc gia, làm người mẫu mực, đem tài kinh luân thi thố; đối với gia đình, gây cho không khí hòa thuận yên vui. Dốc lòng lấy hiếu, đễ, trung, tín, tu, tề, trị, bình làm căn bản. Tuy hiểu tất cả đều không, nhưng không nên sớm dứt bỏ. Ấy là chuyển từ không vào sắc.

Hội vạn pháp vào hết trong mình, thế gian hay xuất thế gian, đều viên dung vô ngại. Ấy là chuyển cả sắc không hai lẽ vào thật tướng của trung đạo vậy. Tướng công đã đạt được như thế.

Lại nữa, khi bần tăng còn trụ trì chùa Ba la Mật, gặp dịp Tướng công về kinh triều cận thiên nhan. Mỗi khi gió mát trăng trong, qua thăm chùa cũ, xem xét kinh điển, thi văn xưa nay suốt đêm không ngủ. Một lần vừa cùng bàn luận xong, tiếng chuông khuya bỗng đổ bên tai, Tướng công vươn vai đứng dậy, cười mà ngâm rằng:

Bùi Hưu tự hận ngồi Thiền dứt,
Lại sửa xe châu tới điện rồng.

Phong thái tiêu nhàn thoát tục của Tướng công thường thường vốn thế.

Các bậc danh thần đời xưa tham Thiền ngộ đạo cũng nhiều, như Thừa tướng Trương Thương Anh, Vương Nhật-Hưu, Bàng Uẩn, Hà Thượng Chi, Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha đều là những bậc học thức thâm trầm, văn chương bạt tụy, đến nay người ta vẫn còn nức nở khen ngợi. Thế mà Tướng công một mình gồm đủ tất cả phong cách của các vị ấy.

Năm giáp tý 1924, gặp lễ Tứ Tuần Đại khánh của Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế, nhân khi Tướng công đang công cán ở Đôn Hoàng liền đặt mua tại Trung Hoa Phật Học viện một bộ đại tạng kinh gồm hơn 8000 quyển để cung tiến chúc thọ nhà vua thêm tuổi và làm kỷ niệm cho công nghiệp hoằng dương chính pháp. Hoàng Đế hết sức vui lòng, sai đem cất ở

Cung An Định làm truyền thế quốc bảo. Nếu chẳng phải là vị bồ tát hiện thân, sao làm nổi Phật sự to lớn đến thế! Phu nhân của Tướng công là bà Phạm thị vốn con nhà nền nếp, hiền hậu, đơn sơ, giữ nhà theo lối cần kiệm. Ngày trước, thờ phụng hai cụ bên nhà chồng khéo biết chìu ý các ngài, nên bà cụ rất mực mến yêu. Phu nhân lại hâm mộ Phật pháp để vun trồng cội phúc. Gặp khi thong thả việc nhà, liền qua lại cửa chùa, dâng hoa lễ Phật, giống hệt hạnh nguyện của bà cụ ngày nào!

Lời xưa có nói: đức đã giống nhau, suốt đời chung thỉ, tất phải chôn chung và dựng bia lưu truyền sự tích. Cố nhiên phải lẽ lắm rồi.

Mai sau đây, Phu nhân cùng Tướng công đều lên cõi Tịnh độ, ngồi trên tòa sen, hưởng thụ thanh cao, siêu thoát, an lạc đến vô cùng. Không những Song tinh trên trời, Tinh đế dưới đất, cũng không thể đem ví bằng được. Còn chuyện con cháu được nhờ phúc đức, muôn đời hiển vinh, dù kẻ tầm thường cũng tiên liệu được, bần tăng nói thêm để làm gì!

Thế nên kính thuật bình sinh sự nghiệp của Tướng công và Phu nhân để khắc vào đá. Bèn làm bài minh rằng:

Ngự Bình xanh ngất từng không,
Hương Giang nước chảy về đông dạt dào
Thiên nhiên chung đúc anh hào,
Đời đời nối dõi nhờ bao phúc lành.
Tướng công nối nghiệp cha anh,
Công danh ghi chép sử xanh chói ngời.
Văn chương đem cứu độ đời,
Công hầu dành sẵn đợi mời tài ba.
Lại thêm hiểu đạo cao xa,
Trăng trong nước biếc la đà thảnh thơi.
So xưa nào có xa vời,
La Hầu con Phật ra đời lại đây.
Mười phân đạo trọng đức dày.
Đồng cân đem bắc sánh tày ngọc xanh.

Bia cao năm thuớc ghi rành,
Dựng trên gò lớn để dành nghìn năm.
Muôn đời soi sáng xa xăm !

Hoàng triều Bảo Đại năm thứ 3.
Mậu Thìn 1928.
Mật Sơn Tra Am : VIÊN THÀNH
kính soạn.



CHƯƠNG III

PHỤ LỤC VỀ

VIÊN GIÁC ĐẠI SƯ

DÒNG DÕI

Trên đường về bãi biển Thuận An, ngang qua thôn Vỹ Dạ, du khách sẽ thấy dọc đường những phủ đệ cổ kính khuất mình trong vườn cây sầm uất của các thượng quan, hoàng thân quốc thích chốn đế đô. Phong cảnh ở đây rất thanh tú, không ồn ào náo nhiệt và chật chội bực mình. Trái lại, đất đai phì nhiêu, hoa cỏ tươi tốt bốn mùa nhờ thấm nhuần phù sa nước sông Hương chảy về xuôi. Nếu có biệt thự nào nhìn về hướng chính nam, bên phải về đông, bên trái về tây, chắc chắn đó là dinh cơ các vị trong họ Nguyễn Khoa, một danh gia cố cựu bậc nhất của kinh thành. Không hiểu vì sao, tất cả nhà cửa của họ này đều xây theo hướng đặc biệt như thế. Có lẽ để hợp với thuật phong thủy bí mật tổ truyền hay để tỏ lòng trung thành trong ý hướng Nam tiến với nhà Nguyễn của các ngài? Đến nay đã trải 400 năm, con cháu họ Nguyễn Khoa vẫn luôn luôn giữ những chức vụ quan trọng và có nhiều vị đã đem tài năng phò vua giúp nước, tận tụy suốt đời như Nội tán Nguyễn Khoa Đăng, Thạnh Mỹ Hầu

Nguyễn Khoa Minh mà hành trạng còn ghi rõ trong sử sách tiền triều. Con cháu họ này phần nhiều đông đúc, số người hiển vinh phú quý cũng lắm, ít có kẻ bần tiện nghèo nàn.

Phát tích từ xã Trạm Bạc, tổng Văn Cú, huyện An Dương, phủ Kinh Môn thuộc trấn Hải Dương, ông tổ đời thứ nhất là Nguyễn Đình Thân theo đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế Nguyễn Hoàng vào Nam lập nghiệp từ năm lên 10 tuổi, sau được phong tước Đô Thắng Hầu. Đời thứ tư, Bảng Trung Hầu Nguyễn đình Chiêm mới đổi tên lót thành Nguyễn Khoa, nhưng vẫn làm dân tạm ngụ. Qua đời thứ bảy, Thạch Mỹ Hầu Nguyễn Khoa Minh tâu vua Minh Mạng xin nhập tịch vào xã An Cựu, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, Càng ngày con cháu càng đông đúc, phải phân nhánh đi các nơi khác. Nhánh lớn nhất về ngụ ở thôn Vỹ Dạ thuộc quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên và hầu Nguyễn Khoa Luận, tức Viên Giác Đại Sư thuộc chi phái này.

(xem bản đồ C)



XUẤT CHÍNH

Theo thế hệ, hầu Viên Giác thuộc về đời thứ 9, tên thật Nguyễn Khoa Luận 阮科論, con trai thứ hai Thái Bộc Tự khanh Nguyễn Khoa Học 阮科學 và cháu nội Thạch Mỹ Hầu Nguyễn Khoa Minh 阮科明. Hầu sinh ngày 06 tháng 02 âm lịch năm giáp ngọ 1834 dưới triều Minh Mạng thứ 15.

Hầu mở mắt chào đời trong những ngày đen tối của đất nước: giặc giả nổi lên tứ tung ở Bắc và Nam làm dân tình điêu đứng và nguy cơ xâm lăng của Thực dân Pháp. Năm 1847, Rigault De Genouilly bắn phá cửa Đà Nẵng rồi vua Thiệu Trị thăng hà, hầu mới lên 14 tuổi. Năm 1858, dưới triều Tự Đức thứ 11, Rigault De Genouilly lại chiếm cửa Đà Nẵng rồi nhổ neo kéo đi về Nam, triều đình Huế xôn xao. Những biến cố trọng đại ấy đập mạnh vào tâm thức cậu ấm sinh trẻ tuổi đang theo học trường Quốc tử Giám ở kinh đô. Biết bao mộng đẹp được hoài bảo đợi ngày đem ra phò vua giúp nước, chận đứng ngoại xâm đang lần lần thôn tính đất nước thân yêu. Hầu càng nung chí học hành chờ ngày xuất chính. Dịp may đưa đến,

hầu trúng tuyển cử nhân thứ 16 khoa Tân dậu 1861 dưới triều Tự Đức thứ 14 (1). Năm sau (1862), quân Pháp chiếm cứ 3 tỉnh miền đông Nam kỳ, hòa ước Nhâm tuất ra đời, mở đầu cho sự chia cắt đất đai, bồi thường tiền bạc và mất mác chủ quyền. Hầu hết sức đau lòng và nghĩ đến giải pháp mạnh để chống lại ách xâm lăng và cứu vớt quê hương bằng cách canh tân quân đội và mua tàu, đúc súng để giữ gìn các hải phận trọng yếu.

Biết rõ đầu óc sáng suốt và nhiệt huyết nồng nàn của vị cử nhân trẻ tuổi ấy, nên năm Tự Đức thứ 18 (1865), trong dịp đại hội đồng các quan, Tổng đốc Hà Ninh Trần Đình Túc đề cử hầu giữ chức Kiểm thảo bộ Lại, rồi thăng Biên tu và Chủ sự.

Tình hình ngày một thêm đen tối, ba tỉnh miền Tây tiếp tục rơi vào tay quân Pháp, Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản tử tiết năm 1867. Lúc này hầu ngồi ghế Tri phủ Thọ Xuân. Quá rõ thực trạng suy yếu của triều đình Huế, quân Pháp lại ra xâm chiếm Bắc Kỳ, thành Hà Nội thất thủ, đại thần Nguyễn tri Phương bỏ mình năm 1873. Lại thêm hòa ước Giáp Tuất ra đời, biết bao chua cay nhục nhã cho đất nước. Lúc này hầu ngồi ghế Lang trung bộ binh.

Nhân tỉnh Quảng Bình bị nạn đói và dịch tả hoành hành, triều đình phái hầu ngồi ghế Án sát để tìm phương sách cứu giúp. Nhờ khéo léo lo liệu, tỉnh nhà trở lại bình yên. Lợi dụng cơ hội này, hầu dâng sớ xin cho người đi ngoại quốc học pháo binh và mua súng tốt đồng thời cải cách quân đội để khôi phục các tỉnh đã mất. Triều đình không nghe lời. Phe chủ hòa ghét hầu đã sẵn, tìm cách vu khống và chê bai.

Chưa hả lòng tham, người Pháp lại ra xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, Hà Nội thất thủ, Tổng đốc Hoàng Diệu tự ải

---

1) Là người đầu tiên mở đầu khoa cử cho dòng họ Nguyễn Khoa. Từ trước đến nay mặc dù đời đời khanh tướng, nhưng đều do tài đức, tập ấm mà nên, chưa có ai xuất thân khoa bảng.

năm 1882. Lúc này hầu ngồi ghế Bố chính Quảng Nghĩa. Quá đau xót vì triều đình không chịu nghe lời, và thấy rõ nguy vong trong sớm chiều của đất nước, hầu lên chơi chùa Thiên Ấn vùng núi Sơn Tử để khuây khỏa ưu phiền. Từ đó hầu thường trầm ngâm suy nghĩ chuyện thành bại hưng phế xưa nay và tìm hiểu triết lý sắc không của nhà Phật. Một hôm, nhân cảm hứng đề hai câu lên vách chùa :

世 界 幸 有 身 苦 海 欲 超 無 物 我
平 生 不 識 佛 慈 心 偶 合 念 阿 彌

Thế giới hạnh hữu thân, khổ hải dục siêu vô vật ngã.
Bình sinh bất thức Phật, từ tâm ngẫu hợp niệm A Di.

Dịch : *Lẽo đẽo nặng thân người, muốn vượt biển trần quên thế sự.*
Suốt đời không biết Phật, lòng thành đâu bỗng niệm A Di.

Lòng chán nản chuyện đời và ý hướng chắp tay ngồi tịch diệt đã chớm nở. Nhưng hoàn cảnh không cho phép, tiếng gọi của quê hương đồng vọng trong lòng. Năm 1883, vua Tự Đức mệt nhọc thăng hà, quân Pháp đổ bộ lên cửa Thuận An để uy hiếp kinh đô : Hòa ước Quý mùi 1883 rồi Hòa ước Giáp thân 1884 chua chát công nhận nền đô hộ của Thực dân trên toàn lãnh thổ. Triều đình Huế phế lập liên miên vì sự chuyên quyền của Quyền thần Nguyễn văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Trong những ngày thảm não này, hầu đương ngồi ghế Bố Chính tại Thanh Hóa. Mặc dù đã mòn mỏi tâm tư, hầu vẫn thường bỏ ăn quên ngủ đốc thúc toàn tỉnh đề phòng. Tiếp đến, De Courcy lăng nhục triều đình Huế, cuộc khởi nghĩa đêm 23-05-1885 không thành, vua Hàm Nghi xuất bôn và phát hịch Cần vương. Hầu hăng hái hưởng ứng chiến dịch này bằng cách sửa soạn thành trì đạn dược. Lúc rảnh rồi vẫn lên chùa Đại Bi 大悲寺 để giải tỏa ưu sầu. Một đêm nằm nghỉ trong nhà trai, mơ thấy thần nhân chỉ cho hai chữ vô sinh 無生. Tỉnh dậy, nghĩ rằng thần nhân báo mộng, dạy phải giữ thành cho đến chết, liền viết treo bên phải chỗ ngồi để tỏ ý cương quyết và sửa soạn đợi chờ. Rồi triều đình Huế nghị hòa với quân

Pháp xong xuôi, hầu biết việc không thể thành công, níu kéo lại càng thêm vô ích, liền treo ấn từ quan.

Suốt một tháng dài lên nằm rũ liệt ở chùa Đại Bi, cho người lại già đi theo săn sóc công việc hằng ngày. Trong lúc bàn chuyện với các bạn đồng liêu, Tuần phủ Hà Ngại và Nguyễn Thuật thường chê hầu không thức thời, chắc sẽ bị người Pháp làm khó dễ. Quả thật, người Pháp hết sức nghi ngờ hầu giả trốn lên núi ngầm tổ chức lực lượng kháng chiến, liền sai người lên do thám, chỉ thấy hầu nằm bệnh. Bực mình, hầu theo đường bộ trong núi đi vào Trung kỳ, gần một tháng mới đến Quảng Nghĩa, không đem theo hành lý, ở lại chơi chùa Thiên Ấn và tham kiến Mộc Y hòa thượng. Lúc này hầu đã vơi bớt ưu phiền và muốn xuất gia đầu Phật. Mộc Y hòa thượng khuyên mãi, hầu mới trở về Huế và ở ẩn trong các chùa Thiền Tông, Từ Hiếu, Báo Quốc v.v... Hằng ngày quét lá đa ở sân chùa và tối vào ngủ trong các gác chuông.

Một hôm, qua chùa Từ Hiếu, đàm luận với Hải Thiệu hòa thượng, hầu kể lại giấc mộng lạ lùng năm trước và ngỏ lời xin giải đoán. Hòa thượng dạy rằng: «Đạo Nho chủ trương sinh sinh, đạo Lão đề cao trường sinh, chỉ có đạo Phật nói đến vô sinh. Chắc đấng linh thiêng muốn độ nhà thầy qua vòng tục lụy, bằng cách chỉ cho con đường vô sinh vô diệt của Như Lai». Hầu bỗng nhiên tỉnh ngộ và la lớn rằng: «Há chẳng phải mình có cơ duyên với đạo Phật và Thiền căn đã lộ từ lúc còn ở Quảng Nghĩa, nên mới đề lên vách chùa mấy câu tỏ ý muốn xuất gia hay sao?»

Liền đó, hầu vui mừng xin cắt tóc quy y với Hải Thiệu hòa thượng năm 1886. Rồi nay ở chùa này, mai sang chùa khác, hầu gửi trọn tâm sự trong lời kinh kệ, chỉ những lúc nằm lặng một mình, mới thở dài và gạt nước mắt rơi thầm. Phu nhân thấu hiểu tâm sự kín đáo của hầu, lại nữa, ở kinh thành Huế lúc bấy giờ có nhiều nhà trí sĩ và tăng đồ bị bắt bớ vì tội tình nghi chống Thực dân Pháp. Sợ hầu bị liên lụy, Phu nhân có ý xin lập một cảnh chùa ở bên trái từ đường họ Nguyễn Khoa để rước hầu về tu hành cho tiện. Hầu đắn đo rồi cũng bằng lòng.

Ở BA LA MẬT

Nhờ sự cố gắng về tài chánh của Thanh Trất Từ Thiện phu nhân và công đức tán trợ của anh em bà con, chùa được xây xong năm Đồng Khánh nguyên niên 1886, lấy tên là Ba La Mật (1), ngụ ý từ nay bầu bước sang đường mới, lâng lâng không vướng bụi trần, không màng tâm đến thế sự nữa.

Nên nhắc lại đây vài dòng tiểu sử của Chánh thất hầu : tên thật là Công Tôn nữ thị Tư, con gái thứ ba Bái Trạch Đình hầu Tỉnh Cơ và cháu nội Định Viễn Quận Vương Nguyễn Phúc Bính, sinh ngày 16 tháng 12 năm Bính thìn, nhằm đời Minh Mạng thứ 20 (1839). Bẩm tính hiền hậu, giản phác và cần kiệm. Phu nhân cùng bào muội là Công Tôn Nữ thị Xuân đều kết duyên cùng hầu và tận tụy suốt đời lo lắng bổn phận, được phong tặng Nhị phẩm phu nhân.

---

1) Phạm âm, còn gọi là Ba la mật đa 波羅蜜多, *có nghĩa là đáo bỉ ngạn* 到彼岸, *đến bờ bên kia. Bồ tát thường dùng vô lượng công hạnh để vượt qua sinh tử, đạt đến bên kia bờ chính giác.*

Hầu hết công trình xây dựng chùa Ba la Mật, nuôi nấng các con thành tài đều do sự cố gắng vô biên của Phu nhân. Chùa nằm trên đường về Thuận An, ngang thôn Nam Phổ, về phía bên trái khuôn viên Từ đường Nguyễn Khoa. Đến nay, đã qua 3 lần trùng tu năm 1924 1937 và 1943 (Do Trí Thủ Hòa thượng đại trùng tu làm mới lại tất cả như hiện nay. Bấy giờ Hòa thượng là trú trì) nên dấu tích cũ chắc không còn lại bao nhiêu. Hiện chỉ thấy một đại điện kiến trúc vừa phải, bên phải là một nhà nhỏ và đằng sau là một nhà tăng không lớn mấy. Xem cách bài trí hiện nay, có thể đoán được lúc bấy giờ Đại sư (1) ở luôn sau điện Phật và hai gian nhà kề trên mới được xây thêm sau nầy.

Từ lúc về ở hẳn đây Đại sư quyết chí tu hành, không hề đi lại đó đây, trừ khi lên tham kiến chư sơn tôn túc. Đến nỗi gia đình ở cách chùa hai ba trăm thước, Đại sư cũng không hề ghé đến thăm hỏi chuyện nhà. Ngày đêm cầu nguyện hay nằm dài trên sập có vẻ trầm tư.

Người Pháp vẫn còn nghi ngờ Đại sư hoạt động bí mật sau lớp áo tu hành bên ngoài, liền phái vài người bạn cũ của Đại sư đã ra đầu thú về thăm và khéo léo dò la. Đại sư biết trước, im lặng không nói nửa lời, tay lần tràng hạt, miệng lâm râm niệm Phật không ngừng.

Những lúc phải lên thăm viếng các chùa, Đại sư hết sức né tránh không đi qua các công sở của người Pháp, nhất là tòa Khâm sứ ở gần cầu Trường Tiền. Thường đi bằng ghe dọc theo sông Hương, đến Đập đá rồi nằm võng đi qua các con đường hẻo lánh vùng An Cựu.

Năm Thành Thái thứ 3 (1891), Đại sư thọ tỳ kheo giới tại Đại Giới đàn Báo Quốc do Hải Thiệu Hòa thượng truyền giới và qua năm Thành Thái thứ 6 (1894), vừa đúng 61 tuổi, Đại sư lại thọ Bồ tát giới, pháp húy Thanh Chân 清真, đạo hiệu Viên Giác 圓覺.

---

1) Từ đây trở đi, gọi Hầu bằng Đại sư cho thích hợp.



HÌNH 32 : Chân dung Viên Giác Đại Sư hiện thờ tại chùa Ba La Mật

Nhiều phụ lão kể rằng trong thời gian trú trì chùa Ba la mật, phía trước là bến đò Cồn Hến, người ta chở sang Vỹ Dạ từ sáng sớm nhiều mớ tôm, cá tươi để rao bán từng nhà. Đại sư chờ những ngày rằm, mồng một hay lễ vía, rồi xuống ngồi đò sang Cồn Hến. Được nửa dòng, liền thuận tay bưng các rổ tôm, cá mới đánh ấy đem thả cả xuống sông và ngồi niệm Phật. Các bà bán hàng đều biết mặt Đại sư, nên không than phiền gì cả, rủ nhau cùng đi tìm Phu nhân và xin vài phân tiền rồi ra về. Đến nỗi nhiều lần quá, các bà bán hàng tôm cá rong thấy Đại sư là đã kêu nhau tránh đi và bảo nhau: «Ngài Bố (1), Ngài Bố!».

Lòng từ tâm của Đại sư thương xót khắp cả, không riêng gì đối với các loài tôm cá tội nghiệp. Đại sư đã hy sinh cả cơm nước cho người nghèo khó, thiếu thốn, đến nỗi dám quên cả sức khỏe của mình.

Dạo ấy, Đại sư an cư ở chùa Ba la mật suốt ba tháng mùa Hạ, hằng ngày chỉ dùng một bữa trên điện Phật vào lúc trưa. Không biết ai chỉ lối, có một ông lão ăn mày vào xin ăn. Thấy dáng điệu thiểu não và mặt mày hốc hác vì đói rách quá, Đại sư chia gần hết phần cơm và đồ ăn vào đẩy cho ông ta. Quen mùi, trưa nào ông lão ăn mày cũng lần mò vào lấy phần ăn, trong chùa không ai hay biết. Gần nửa tháng như thế, Đại sư không hề nói gì, lại còn bảo các đệ tử nên lảng ra liêu sau để Đại sư yên tĩnh tụng niệm, hầu cho ông lão ăn mày dễ dàng vào lấy phần cơm! Khi thấy Đại sư gầy guộc và hư hao quá rõ, các đệ tử ngạc nhiên để ý và biết được nguyên nhân. Đại sư ôn tồn bảo dắt ông lão ăn mày vào liêu, cho ăn uống đàng hoàng và không nên trách móc, tồn hạnh nguyện cúng dường của Đại sư không ít.

Còn giai thoại sau đây khá ly kỳ, chứng tỏ Đại sư biểu đạo cao xa, không biện biệt hương vị, không chọn lựa ngon dở, đạo hạnh thật đáng khâm phục.

---

1) tức Bố Chính, chức Đại sư làm ở Thanh Hóa năm 1884.

Một hôm, Đại sư thấy trong bụi cây sau chùa có mấy củ cây khá lớn, liền gọi người làm bếp vào bảo cắt lấy nửa củ đem nấu canh. Người này la hoảng lên đó là củ ráy, một loại củ chua chát, ngứa không thể ăn được. Đại sư dạy rằng : «các người sinh sự, hắn ngứa mà mình đừng ngứa thì thôi, cứ việc cắt về nấu canh dùng thử !». Người làm bếp đành phải vâng lời và tin chắc Đại sư không tài nào dùng được. Đến bữa, Đại sư thản nhiên múc ăn, sắc mặt không hề lộ vẻ khó chịu. Người làm bếp thấp thỏm rình xem, vô cùng kinh ngạc. Đợi lúc dọn đồ thừa, liền thử nếm qua một chút, phải vội vả nhổ ra và xuýt xoa kêu ngứa không tài nào nuốt được !

Trong gia phổ của họ Nguyễn Khoa, phần tiểu truyện của Đại sư, còn chép thêm giai thoại buồn cười sau đây:

Ngày nọ, Đại sư đi bộ từ Nam Giao về, dọc theo bờ sông Bến Ngự, gặp một người đàn bà nhà quê gánh cá rao bán dạo. Đại sư hỏi qua giá cả rồi thản nhiên cởi áo dài, xắn quần lên cao và hì hục bưng thúng cá lần xuống bến nước, rồi miệng Niệm Phật, tay phải lần tràng hạt, tay trái bắt cá thả trong dòng nước xanh. Xong xuôi, sửa lại áo quần lên đứng bên đường. Người đánh cá phân vân không biết xử trí ra sao, vì Đại sư trong túi không có một đồng. May gặp Phu nhân một thân hữu ngồi xe kéo ngang qua, thấy Đại sư áo quần đẫm nước, bên cạnh người bán cá vẻ mặt buồn thiu, liền hỏi sự tình. Phu nhân trả tiền giúp và khuyên Đại sư mau trở về chùa, lần sau đừng nên làm thế, rủi không gặp người quen thì phiền phức. Đại sư mỉm cười cám ơn và thủng thỉnh ra đi.



VIÊN TỊCH

Đầu mùa Thu năm canh tý, nhằm triều Thành Thái thứ 12 (1900), Đại sư lâm bệnh và yếu dần. Biết mình không qua khỏi, liền tập họp bên giường bệnh dặn dò mọi việc và để chúc thư truyền y bát, quyền điều khiển nhà chùa lại cho Pháp tử Thích Viên Thành lo liệu kinh doanh và giáo hóa tương lai. Thế rồi vào ngày 27 tháng 06 âm lịch, Đại sư thanh thản ra đi.

Tính lại, Đại sư nương nhờ cửa Phật đúng 14 năm, thọ được 67 tuổi,

Tang lễ cử hành trang nghiêm, đầy đủ sự hiện diện của thân hữu, gia đình và chư sơn tôn túc.

Tháp tọa lạc dưới chân núi Ngũ Phong, trong nghĩa địa họ Nguyễn Khoa, kiến trúc thanh nhã. Bia do sư Viên Thành và các con đứng lập vào mùa Thu năm Mậu Thân 1908.

Kể về đời, Đại sư được phong tặng Gia Nghị Đại Phu, về đạo, là tổ đời thứ 41 của dòng Lâm Tế chính tông.

HÌNH 28 : Thủ bút của Viên Giác Đại Sư qua Chúc thư.

Ghi lại đây mấy câu đối khắc trên cột tháp ẩn mình mấy cội tùng cao vút và già cỗi. Lời nào cũng âm thầm một tâm sự kín đáo, chán nản, muốn trối trăn cùng hậu thế, mình vẫn sạch hai bàn tay trước vận mệnh đã rồi của bánh xe lịch sử.

Câu thứ nhất:

憫 世 有 深 心 不 盡 獨 留 還 造 化
辭 官 諧 夙 夢 無 生 已 默 契 真 空

Mẫn thế hữu thâm tâm bất tận độc lưu hoàn tạo hóa.
Từ quan hài túc mộng «vô sinh» (1) dĩ mặc khế chân không.

Dịch: *Thương đời, sẵn có lòng này còn bao nhiêu nữa trả lại trời đất.*
Bỏ chức, hợp cùng mộng trước lý «vô sinh» nọ Thích nương chân không.

Nhất là câu sau đây, càng cao thượng, ẩn dật hơn lên:

心 傳 一 明 月
骨 瘞 萬 棋 花

Tâm truyền nhất minh nguyệt (2)
Cốt táng vạn mai hoa.

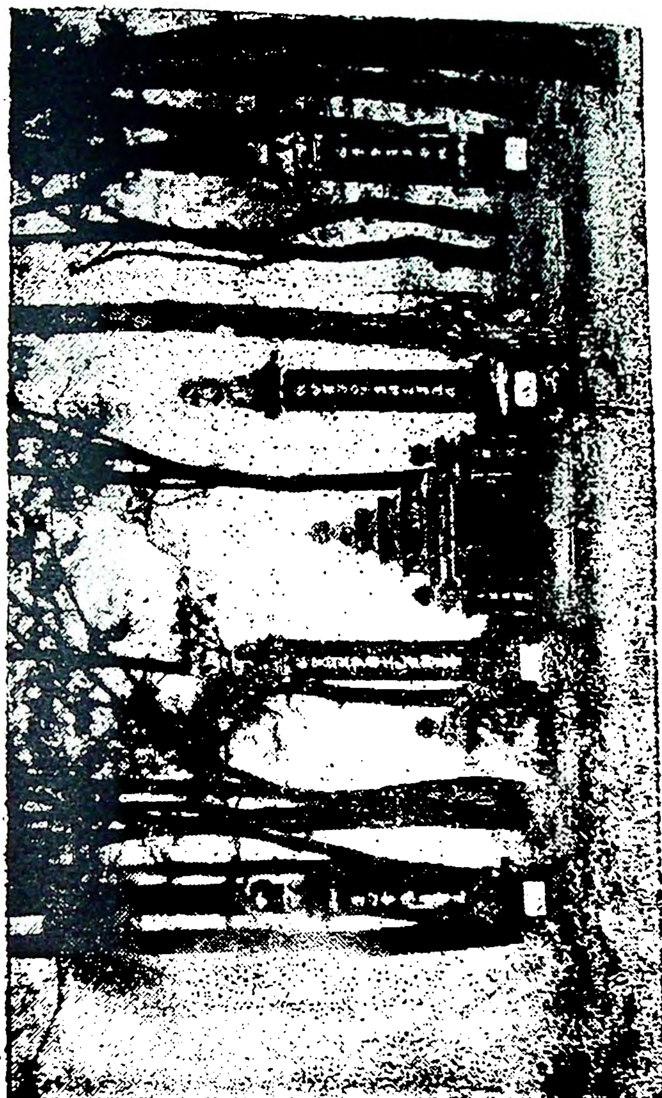
Dịch: *Lòng gửi cho trăng sáng,*
Xương chôn giữa rừng mai.



---

1) nhắc lại hai chữ thần nhân báo mộng hồi ở chùa Đại bi — Thanh Hóa.

(2) Ám chỉ pháp tử Viên Thành sẽ nêu cao pháp phái như vành trăng rằm sáng sủa dẫn đường cho hậu thế.



HÌNH 34 : Tháp Viên Giác Đại Sư sau Trà Am.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chúng tôi phân thành 3 loại tài liệu tùy theo tầm quan hệ với sự hình thành tập sách này để độc giả tiện kiểm chứng lại những chỗ hoài nghi.

BẬC THỨ I

— Lược Ước Tùng Sao 畧約叢抄.
— Ngọc Phổ của Phòng Định Viễn
— Chúc thư của Viên Giác Đại Sư.
— Chúc thư của Sư Viên Thành.
— Chúc thư của Sư Trí Hiền.
— Pháp Nhãn Tàng của Tra Am.
— Bia chùa Ba La Mật.
— Bia trước tháp Sư Viên Thành.
— Các bài kệ, câu đối ở tháp Sư Viên Thành.
— Các bài kệ, câu đối ở tháp Sư Trí Hiền.
— Các bản nôm, tài liệu tàng trữ ở Tra Am.
— Thế phổ của họ Nguyễn Khoa.

BẬC THỨ II

— Bia minh trước tháp Hòa Thượng Liễu Quán.
— Bia chùa Quốc Ân.
— Bia chùa Thúy Vân.
— Bia chùa Linh Mụ.
— Bia chùa Từ Hiếu.
— Bia chùa Diệu Đế.
— Pháp Bảo Đàn Kinh 法寶壇經. *Bản in đời Khải Định.*
— Chỉ Nguyệt Lục 指月錄. *Bản in lại đời Quang Tự.*
— Cao Tăng Truyện. *Bản in lại đời Thanh.*

— Lăng Nghiêm Trực Chỉ 楞嚴直指.
— Kinh Kim Cương 金剛經.
— Kinh Pháp Hoa 妙法蓮花經.
— Thiền học đại thành 禪學大成.
— Chứng Đạo Ca chú 證道歌註.
— Ly Lục Đường Thi tập 離六堂詩集.
— Mười ngày ở Huế - *Phạm Quỳnh* - Nam *Phong tạp chí số 10 năm 1918.*
— Một vị Thiền sư đã dung hòa được nghệ thuật và đạo lý: Thích Viên Thành. *Bửu Cầm. Văn hóa nguyệt san số 38, loại mới, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản.*

BẬC THỨ III

— Việt Nam Phật Giáo Sử Lược: *Mật Thể, Phật Học Viện Trung Phần, Nhatrang,* ấn hành *Phật lịch 2504.*
— Lịch Sử Phật Giáo Trung Hoa: *Thích Thanh Kiểm, Nhà xuất bản Vạn Hạnh, Saigon, 1965*
— Phật Giáo Việt Nam: *Trần văn Giáp, Tuệ Sỹ dịch, ban tu thư đại học Vạn Hạnh 1968.*
— Việt Nam Sử Lược: *Trần Trọng Kim, in lần thứ 6, Tân Việt Xuất Bản, 1958.*
— Tâm Ảnh Lục: *Trí Quang, Liên Hoa Huế xuất bản 1965.*
— Hương Bình Thi Phẩm: *Hoàng Trọng Thược, Nam Sơn, Đà Nẵng xuất bản, 1962.*
— Trung Quốc Phật Giáo Sử Lược: *Thích Thuận Ấn 1956.*
— Le Bouddhisme Zen par A.W. Watts.
— Đại Nam Nhất Thống Chí: *Quốc sử Quán.*
— Từ Nguyên.
— Từ Hải.
— Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển.
— Trung Quốc Cổ Kim Địa Danh Đại Từ Điển.
— Hoàng Việt Âm Dương Đối Lịch từ 1802 — 2010: *của Georges Cordier và Lê Đức Hoạt — Chấn Phương xuất bản — Hà Nội, 1939.*

MỤC LỤC

Viết xong tại Đalat
đêm 10 tháng 7.1972
(Những ngày tao loạn nhất)
NGUYỄN VĂN THOA



Cùng quý tác giả, dịch giả và bạn đọc thân mến!

Sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần, nước Việt ta có nhiều giai đoạn huy hoàng rực rỡ, và vẫn còn là nguồn mạch un đúc nên nhiều thế hệ anh tài.

Gìn giữ di sản của những thời huy hoàng đó, người Việt mình bao phen lỗi hẹn với tiền nhân, và mãi là niềm ngậm ngùi của những người có tâm hồn hoài cổ.

Nhằm lượm lặt đôi phần di sản còn sót lại đâu đó sau 1975, tìm chút đồng điệu nơi những người muốn phát huy vốn cổ; thư viện Huệ Quang ấn hành lại một số thư tịch trước 1975, dưới dạng ảnh ấn, cốt làm sao lưu giữ được nguyên vẹn nội dung trong cái dáng hình "khả ái" mà nó đã được sinh ra, trong một giai đoạn lịch sử đáng nhớ. Biết đâu, trong đám rêu phong cổ kính nghe ra lời thầm thì của đá! Trong cảnh lặng lẽ tịch liêu còn đồng vọng nỗi niềm cố nhân.

Thư viện Huệ Quang xin phép được in thủ công lại mỗi tác phẩm vài mươi bản trên chất liệu giấy và mực tốt, bìa và ruột được xử lý thật cẩn trọng đến mức có thể (thường là rõ hơn văn bản gốc) và vẫn giữ được tính nguyên bản của tác phẩm.

Chúng tôi kính mong quý tác giả và dịch giả, các nhà xuất bản thời trước có tác phẩm được ảnh ấn lại hưởng ứng chương trình của thư viện Huệ Quang, và thông cảm cho trong những trường hợp chúng tôi chưa liên hệ được để xin phép. Chúng tôi cũng rất mong các Bộ ngành có liên quan hỗ trợ chúng tôi trong việc GÌN GIỮ NÉT XƯA-PHÁT HUY VỐN CỔ này.

Huệ Quang, mùa thu năm Bính Thân, 2016

Thích Không Hạnh

Bản Đồ C

HUYẾT THỐNG VIÊN-GIÁC ĐẠI SƯ theo NGUYỄN KHOA THỊ

I. Đô Thắng hầu Nguyễn đình Thân
1553 — 1633



II. Thuần Mỹ nam Nguyễn đình Khôi
1594 — 1678



III. Cảnh lộc Bá. Nguyễn đình Danh
1632 — 1679



IV. Bằng trung hầu Nguyễn khoa Chiêm
1639 — 1736

Phụ lục :

1) Họ Nguyễn Khoa vốn là Nguyễn Đình, theo Nguyễn Hoàng vào Nam lập nghiệp, đến đời thứ 4, Bằng Trung Hầu Nguyễn Đình Chiêm mới tâu xin đổi thành Nguyễn Khoa.

2) Từ trước, họ này vẫn làm dân tạm ngụ ở kinh thành, đến đời thứ bảy. Thạnh Mỹ Hầu Nguyễn Khoa Minh tâu lên vua Minh Mạng xin nhập tịch vào xã An Cựu, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên.

. . . V. Kim Tử Vinh Lộc Đại phu Ng. khoa Hợp . . .
1694 — 1756



. . . VI. Hiến Chương hầu Nguyễn khoa Thuyên . . .
1724 — 1789



. . . VII. Thạnh Mỹ hầu Nguyễn khoa Minh . . .
1778 — 1837



. . . VIII. Thái Bộc Tự khanh Nguyễn khoa Học . . .
1811 — 1837



. . . VIV. Gia Nghị Đại phu Nguyễn Khoa Luận . . .
1834 — 1900



. . . X. Thái Tử Thiếu Bảo Nguyễn Khoa Tân . . .
1870 — 1938

= Đỗ cử nhân thứ 18 khoa ... đầu 1861:

- *Trần Đình Túc đề cử làm kiểm thảo bộ lại năm 1865.*
- *Bố Chính Quảng Nghĩa, gặp Mộc Y hòa thượng ở chùa Thiên Ấn năm 1881.*
- *Bố Chính Thanh Hóa năm 1884.*
- *Từ quan tháng 7 năm Hàm Nghi nguyên niên 1885*
- *Xuất gia tại chùa Từ Hiếu với Hải Thiệu Hòa thượng năm 1886.*
- *Về ở chùa Ba la mật năm 1886.*
- *Thọ tỳ kheo giới năm 1891.*
- *Thọ bồ tát giới năm 1894*
- *Gặp sư Viên Thành năm 1895 tại Ba la mật.*
- *Viên tịch ngày 27 tháng 6 âm lịch năm 1900. Táng ở nghĩa địa họ Nguyễn Khoa.*

4) Bỉnh Nam Nguyễn Khoa Tân:

- *Con thứ 5 của VGĐS, sinh năm canh ngọ 1870.*
- *Đậu cử nhân thứ 9 dưới triều Thành Thái thứ 6, 1894.*
- *Mất năm mậu dần 1938 táng chung với phu nhân ở phía nam chân núi Ngự Bình.*

In tại nhà ANG